C. TRƯỞNG LÃO KÝ SỰ
(*THERĀPADĀNAṂ*)

Giờ xin thỉnh các vị hãy lắng nghe ký sự về các vị Trưởng lão:

1. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (*Sāriputtattherāpadānaṃ*)

140. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

141. Ở không xa khu ẩn cư của tôi là con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh đẹp được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý.

142. Con sông nhỏ chảy qua tại nơi ấy, không có cát, không có hố sâu, [có nước] dịu ngọt, không có mùi khó chịu, điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

143. Tại nơi ấy có con sông nhỏ và có các con cá sấu kumbhīla, cá lưỡi kiếm, cá sấu suṃsumāra và các con rùa lớn vởn ở nơi này đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

144. Có các loại cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita, cá maggura đang vượt dòng nước, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

145. Ở hai bên bờ của con sông có những giống cây được đơm hoa, kết trái đang trĩu xuống từ cả hai phía, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

146. Có các cây xoài, cây sāla, cây tilaka, cây pāṭalī, cây sinduvāraka tỏa ra hương thơm của cõi trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

147. Có các cây campaka, cây salala, cây nīpa, cây nāga, cây nguyệt quế, cây dứa hoang tỏa ra hương thơm của cõi trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

148. Có các cây atimutta, cây asoka và cây bhaginimālā được nở rộ hoa, có các cây aṅkola và các cây imbijāla được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

149. Có các cây dừa dại và luôn cả cây kandalī, các cây godhuka, các bụi cây tiṇasūlika tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

150. Có nhiều cây kaṇikāra, cây kaṇṇika, cây asana và cây ajjuna tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

151. Có các cây nguyệt quế, cây nguyệt quế núi, cây koviḷāra được nở rộ hoa, tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

152. Có nhiều cây bã đậu, cây kuṭaja, cây kadamba, cây vakula tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

153. Các cây āḷaka, các cây isimugga, các cây chuối và các cây chanh được phát triển nhờ vào làn nước thơm, chúng trĩu những quả.

154. Một số sen hồng trổ hoa, một số khác đơm nhụy, một số khác nữa đã úa tàn; các đóa sen hồng luôn luôn được nở rộ ở trong hồ nước.

155. Chen chúc với những lá cây siṅghāṭaka, những đóa sen hồng đang tượng hình có những rễ sen đang cắm xuống luôn luôn rực rỡ ở trong hồ nước.

156. Được đem lại các cây ambagandhī, các cây uttāla, các cây bandhujīvaka tỏa ra hương thơm của cõi trời luôn luôn được nở rộ ở trong hồ nước.

157. Các loài cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá palaja, cá muñja, cá rohita, cá aṅgula và cá maṅgura nữa luôn luôn sống ở trong hồ nước.

158. Các con cá sấu loại kumbhīla, loại suṃsumāra, loại cá tantigāha, các hạng quỷ sứ, các loài rắn và các loài mãng xà luôn luôn sống ở trong hồ nước.

159. Các chim bồ câu, các loài ngỗng trời, ngỗng đỏ, các loài sống ở sông, các chim cu cu, chim két, chim sáo sống nương tựa vào hồ nước ấy.

160. Các loài chim kukutthaka, chim kulīraka, chim pokkharasātaka ở rừng, chim le le và chim suvapota sống nương tựa vào hồ nước ấy.

161. Các chim thiên nga, chim cò, chim công, chim cu cu, gà rừng, chim pampaka và chim jīvaṃjīva sống nương tựa vào hồ nước ấy.

162. Nhiều loài chim [ở đất liền] như chim cú mèo, chim gõ kiến, chim kurara, chim diều hâu và chim mahākāla sống nương tựa vào hồ nước ấy.

163. Nhiều con hươu, heo rừng, chó sói, chó rừng, nai và loài thú suggapota sống nương tựa vào hồ nước ấy.

164. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu và các con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi sống nương tựa vào hồ nước ấy.

165. Các hạng Kim Sí điểu luôn cả các loài khỉ, và cũng có những người thợ rừng, các người phục vụ, luôn cả các thợ săn sống nương tựa vào hồ nước ấy.

166. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây tinduka, cây piyāla, cây cam thảo và cây kāsumārī thường xuyên trĩu những trái.

167. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây kosumbha, cây salala, cây nīpa có trái ngọt thường xuyên trĩu những trái.

168. Các cây harītaka, cây āmalaka, cây xoài, cây mận đỏ, cây vibhīṭaka, cây táo, cây bhallātaka và cây billa, chúng trĩu những trái.

169. Ở khu ẩn cư của tôi, có nhiều loại [rễ củ] như là củ āluva, củ kalamba, củ biḷālī, củ takkaḷa, củ jīvaka và củ sutaka nữa.

170. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có những hồ nước khéo được tạo lập, có nước trong, có nước mát, có những bến nước cạn xinh đẹp làm thích ý.

171. Có hương thơm của cõi trời tỏa ra từ [hồ nước] được che phủ bởi những sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la.

172. Khi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư đáng yêu, khéo được xây dựng ở trong khu rừng được đơm hoa, được kết trái, được hội đủ tất cả các yếu tố như thế.

173. [Tôi] là vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucī có giới hạnh, thành tựu về phận sự, chứng thiền, luôn luôn thỏa thích về thiền, đã đạt được năng lực về năm thắng trí.

174. Hai mươi bốn ngàn học trò đã phục vụ tôi. Tất cả những vị này đều là Bà-la-môn, có dòng dõi [cao quý], có danh vọng.

175. Họ đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức, về từ ngữ, về văn phạm và về giáo lý [của Bà-la-môn].

176. Những người học trò của tôi là khéo được học tập, và rành rẽ về các hiện tượng thiên nhiên, về các điềm báo hiệu, về các tướng mạo, về địa lý, về trái đất và về không gian.

177. Là những người ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vị này luôn luôn hầu cận tôi.

178. Là những bậc trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, không mong mỏi bất cứ điều gì, các vị luôn luôn hầu cận tôi.

179. Là những bậc trí tuệ đã đạt được sự toàn hảo về các thắng trí, vui thích trong hành xứ của mình, có sự đi lại ở không trung, các vị luôn luôn hầu cận tôi.

180. Các vị ấy là các bậc trí tuệ đã thu thúc ở sáu căn môn, không có dục vọng, có các giác quan được phòng hộ và không quyến luyến; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

181. Các vị ấy trải qua đêm với việc ngồi xuống bằng thế kiết-già, với việc đứng và đi kinh hành; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

182. Các vị không ái luyến những gì cám dỗ, không nổi giận những gì khiêu khích, không mê muội những gì mê hoặc; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

183. Trong khi thử nghiệm, các vị ấy thường xuyên thể hiện phép thần thông, các vị ấy làm rung chuyển trái đất; bằng sự đối nghịch khó mà tiếp cận.

184. Và trong khi giải trí, những người học trò ấy giải trí với trò chơi của thiền, các vị đem lại trái cây từ cây mận đỏ; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

185. Một số khác đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số khác đến Đông Thắng-thần châu và một số khác đến Bắc Cu-lô châu, bằng sự tìm kiếm khó mà tiếp cận.

186. Các vị ấy chuyển đi túi đồ dùng ở phía trước và tiến lên ngay ở phía sau, bầu trời bị che lấp bởi hai mươi bốn ngàn vị.

187. Một số vị dùng vật thực là trái cây đã rụng xuống, có vị nấu bằng lửa, có vị không dùng lửa [ăn sống], có vị dùng răng và cũng có vị dùng cối giã, có vị nghiền nát bằng đá.

188. Một số vị ưa thích sự tẩy sạch [tội] bằng cách lội xuống nước sáng tối, một số vị thực hiện việc rải rắc nước [ở cơ thể]; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

189. [Một số vị] có lông ở nách và móng tay chân được để dài, có răng dính bựa, có đầu vấy bụi, được tẩm hương bằng hương thơm của giới hạnh; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

190. Vào sáng sớm, các vị đạo sĩ tóc bện có khổ hạnh cao tột sau khi tụ hội lại đã nói về sự thành công và thất bại, rồi ra đi ở trên không trung.

191. Trong khi những vị này ra đi, có tiếng động ồn ào phát ra bởi âm thanh của các tấm da dê khiến chư thiên được hoan hỷ.

192. Có sự di chuyển ở không trung, các vị ẩn sĩ ra đi phương này phương khác. Được nâng đỡ bởi năng lực của mình, các vị ấy ra đi theo như ước muốn.

193. Chính tất cả các vị di chuyển ở hư không này là những vị làm rung chuyển trái đất, có oai lực nổi bật, khó mà khuất phục, tợ như biển cả không bị xao động.

194. Một số vị ẩn sĩ có hạnh đứng và đi kinh hành, một số vị có hạnh ngồi, một số vị có vật thực đã được rơi xuống; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

195. Những vị này an trú tâm từ, tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tất cả các vị ấy không ca ngợi về bản thân và không khinh miệt bất cứ ai.

196. Không bị hãi sợ như là sư tử chúa, có sức mạnh như là voi chúa, khó mà tiếp cận như là loài hổ, các vị đi đến gặp tôi.

197. Các thầy về pháp thuật, chư thiên, các loài rồng, càn-thát-bà, và loài quỷ sứ, các ác thần, những người khổng lồ, các loài nhân điểu sống nương tựa vào hồ nước ấy.

198. Các vị ấy mang búi tóc và túi vật dụng, có y choàng là tấm da dê, có sự di chuyển ở không trung; tất cả sống nương tựa vào hồ nước ấy.

199. Các vị này luôn luôn [có hành vi] đúng đắn, có sự kính trọng lẫn nhau. Trong số hai mươi bốn ngàn vị, tiếng động hỉ mũi không xảy ra.

200. Trong khi đặt xuống từng bước từng bước chân, các vị khéo thu thúc, ít có tiếng động. Sau khi đến gần, hết thảy tất cả đều đê đầu đảnh lễ tôi.

201. Được vây quanh bởi những người học trò thanh tịnh và khổ hạnh ấy, tôi sống tại nơi ấy, ở khu ẩn cư, có thiền chứng, được thỏa thích về thiền.

202. Khu ẩn cư được tỏa hương với hương thơm trái cây của các cây cho quả và hai loại hương thơm giới hạnh của các vị ẩn sĩ và hương thơm của các bông hoa.

203. Tôi không biết đến ngày và đêm, sự thù hận ở tôi không được biết đến. Trong khi giáo huấn những người học trò của mình, tôi đạt được niềm vui dào dạt.

204. Trong khi các bông hoa đang trổ hoa và những trái cây đang kết trái, các hương thơm của cõi trời tỏa ra điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

205. Khi ấy, là người có nhiệt tâm, cẩn trọng, sau khi xuất khỏi định, tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đi sâu vào rừng.

206. Khi ấy, tôi đã khéo được học tập về các hiện tướng và luôn cả về giấc mơ đã được khởi lên, tôi duy trì câu chú thuật đang được hiện hành.

207. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

208. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống.

209. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác có vẻ ngời sáng làm thích ý, tợ như bông hoa súng được tỏa sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực.

210. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây đèn đang chiếu sáng, như là tia chớp ở bầu trời, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

211. Bậc Cao Quý này là đấng Đại Hùng, vị Đoạn Tận Khổ Đau, bậc Hiền Trí. Do việc nhìn thấy Ngài, toàn bộ khổ đau được phóng thích.

212. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã suy xét về tướng mạo: "Là đức Phật hay không phải là đức Phật? Vậy ta hãy quan sát bậc Hữu Nhãn."

213. Những bánh xe có ngàn căm được nhìn thấy ở lòng bàn chân cao quý. Sau khi nhìn thấy những tướng mạo của Ngài, tôi đã đi đến quyết định [Ngài là] đức Như Lai.

214. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc chổi và quét dọn. Rồi tôi đã tự mình mang lại những đóa hoa và cúng dường đến đức Phật tối thượng.

215. Sau khi đã cúng dường đến bậc Toàn Giác, vị đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi lễ bái đấng Lãnh Đạo Thế Gian [và đã nói rằng]:

216. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc đã an trú với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói.

217. Bạch đấng Tự Chủ có sự tấn hóa vô lượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này. Sau khi đi đến nhìn thấy Ngài, những người ấy vượt qua dòng nước nghi hoặc.

218. Bạch đấng Tối Thượng Của Loài Người, Ngài là bậc Thầy, là cờ hiệu, là biểu tượng, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ và là ngọn đèn của chúng sanh.

219. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo lường nước ở biển cả bằng vật chứa, nhưng không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài.

220. Bạch đấng Toàn Tri, có thể nắm lấy trái đất đặt vào đĩa cân, nhưng không thể nào nắm lấy trí tuệ của Ngài.

221. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo đạc bầu trời bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, nhưng không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài.

222. [Trí tuệ của đức Phật] vượt hẳn nước trong đại dương và đất liền rắn rỏi. So sánh với trí tuệ của đức Phật không gì được xem là tương đương.

223. Bạch đấng Hữu Nhãn, ở thế gian luôn cả chư thiên, những ai có tâm [được] vận hành, họ đều đi vào trong màng lưới trí tuệ của Ngài.

224. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ nào Ngài [đã] chứng đạt sự Giác ngộ tối thượng toàn vẹn thì bằng trí tuệ ấy Ngài [đã] chế ngự các ngoại đạo khác."

225. Sau khi ngợi ca bằng các câu kệ này, vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucī ấy đã trải ra tấm da dê ở trên mặt đất rồi ngồi xuống.

226. Được truyền tụng rằng ngọn núi chúa [Neru] đã chìm sâu vào trong đại dương tám mươi bốn ngàn [do-tuần] và đã vươn cao cũng với khoảng cách như thế.

227. Ngọn núi Neru ấy đã vươn cao đến chừng ấy về chiều dài và chiều rộng. Nó đã bị nghiền nát thành trăm ngàn *koṭi* mảnh vụn nhỏ.

228. "Bạch đấng Toàn Tri, trong khi được xếp thành từng nhóm một trăm ngàn những mảnh vụn nhỏ ấy đã đi đến sự chấm dứt, nhưng trí tuệ của Ngài vẫn không thể nào đo lường được.

229. Nếu người nào rào quanh nước bằng tấm lưới có lỗ nhỏ, thì bất cứ các chúng sanh ở trong nước đều có thể rơi vào trong tấm lưới.

230. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, những người nào là phàm phu ngoại đạo đang lao theo việc nắm bắt tà kiến đều đã bị mê muội do sự vướng mắc [vào mạng lưới tà kiến].

231. Do trí tuệ trong sạch và tầm nhìn không bị che lấp của Ngài, những người đã đi vào trong mạng lưới không vượt hơn trí tuệ của Ngài."

232. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Anomadassī, đấng Chiến Thắng có danh vọng lớn lao, sau khi xuất khỏi thiền định, đã quan sát phương hướng.

233-34. Vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassī tên là Nisabha được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị có tâm an tịnh như thế ấy, là các bậc Vô lậu, được trong sạch, có sáu thắng trí, có thiền chứng. Sau khi biết được tâm của đức Phật, vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

235. Tại nơi ấy, đứng ở trên không trung, các vị ấy đã đi nhiễu quanh, tay chắp lên lễ bái, rồi đã đáp xuống gần bên đức Phật.

236. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã để lộ nụ cười.

237. Vị thị giả của đấng Toàn Tri, bậc Đại Ẩn Sĩ, có tên là Varuṇa, sau khi đắp y một bên vai, đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

238. "Bạch đức Thế Tôn, điều gì là nguyên nhân của việc nở nụ cười của bậc Đạo sư? Bởi vì chư Phật, không có nguyên nhân các Ngài không để lộ nụ cười."

239. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở giữa hội chúng và đã nói lên lời kệ này:

240. "Người nào đã cúng dường Ta bằng bông hoa và cũng đã ngợi ca trí tuệ [của Ta], Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói."

241. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Có ước muốn được nghe Chánh pháp, các vị ấy đã đi đến gần đấng Toàn Giác.

242. Chư thiên có đại thần lực ở tất cả các thế giới, các vị nào có ước muốn được nghe Chánh pháp, các vị ấy đã đi đến gần đấng Toàn Giác.

243. "Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

244. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

245. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

246. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

247. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần.

248. Và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

249. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại. Người nữ Bà-la-môn tên Sāriyā sẽ mang bào thai [vị này].

250. Người nam này sẽ được biết đến với danh hiệu dòng họ của người mẹ, và sẽ có trí tuệ sắc bén với tên là Sāriputta.

251. Sau khi lìa bỏ tám mươi *koṭi*, người này sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong khi tầm cầu vị thế an tịnh, người này sẽ lang thang ở trái đất.

252. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

253. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống,[14] được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu với tên là Sāriputta.

---

[14] *Orasoti urasi jāto = oraso* nghĩa là được sanh ra từ ngực (*ApA*. 278). Lúc thuyết pháp, sự phát âm ở ngực đã được đức Phật sử dụng đến. Do việc lắng nghe giáo pháp, các vị này sẽ thành tựu các đạo, quả nên được gọi là "sanh ra từ ngực".

254. Được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, con sông Bhāgīrathī này đổ về biển cả, làm thỏa mãn đại dương.

255. Tương tợ y như thế, vị Sāriputta này được tự tin vào ba bộ Vệ-đà, sẽ đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ làm thỏa ý các chúng sinh.

256. Bắt nguồn từ núi Hy-mã-lạp cho đến biển cả và đại dương, số lượng cát ở vào khoảng giữa ấy là vô số kể bằng cách tính đếm.[15]

257. Mặc dầu có thể tính toán toàn bộ số lượng cát ấy bằng cách tính đếm, nhưng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta.

258. Trong khi đang được tồn tại ở dạng hạt nhỏ, cát của dòng sông có thể bị cạn kiệt, nhưng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta.

259. Các làn sóng của biển cả là không thể ước lượng bằng cách tính đếm, tương tợ y như thế, sẽ không có điểm tận cùng về trí tuệ của Sāriputta.

260. Người này sẽ làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sẽ đi đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu.

261. Trong khi làm đổ những cơn mưa giáo pháp, người này sẽ tiếp tục vận hành đúng đắn bánh xe pháp đã được chuyển vận bởi người con trai dòng Sakya như thế ấy.

262. Sau khi biết rõ tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

263. Ôi, việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đến bậc Đạo sư Anomadassī! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện.

264. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiếp [trước đây] đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

265. Lúc bấy giờ, trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vị thế không bị lay chuyển, trong lúc xem xét tất cả các ngoại đạo, tôi đã luân hồi ở cõi hữu.

266. Cũng giống như người bị bệnh nên tìm kiếm phương linh dược, nên xem xét toàn bộ khu rừng nhằm thoát khỏi cơn bệnh.

267. Trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vị thế bất tử, tôi đã xuất gia vào đời tu ẩn sĩ liên tục năm trăm kiếp sống.

268. Tôi đã duy trì búi tóc bện, có y choàng là tấm da dê, tôi đã đạt đến sự toàn hảo của các thắng trí và đã đi đến thế giới Phạm thiên.

269. Ngoại trừ giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không có sự thanh tịnh ở ngoại giáo. Thật vậy, bất cứ chúng sanh nào có trí giác ngộ đều được trở nên thanh tịnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

270. Pháp [thanh tịnh] này là sự tạo thành do hành động của bản thân, pháp

[15] Hằng hà sa số: Nhiều như cát sông Hằng.

này không là sự truyền tụng. Trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác, tôi đã lai vãng bến bãi tồi tệ.

271. Giống như người tầm cầu lõi cây, sau khi đốn ngã cây chuối rồi chẻ hai, không thể tìm thấy lõi cây ở nơi ấy bởi vì cây chuối thì không có lõi.

272. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian và số đông người với những tà kiến khác nhau là vắng bóng Niết-bàn, giống như cây chuối thì không có lõi.

273. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã là thân quyến của Phạm thiên.[16] Sau khi từ bỏ của cải lớn lao, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

(Dứt tụng phẩm thứ nhất).

274. Vị Bà-la-môn tên Sañjaya là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống dưới sự hướng dẫn của vị ấy.[17]

275. Bạch đấng Đại Hùng, vị Bà-la-môn tên Assaji là Thinh văn của Ngài, khó mà tiếp cận, có oai lực nổi bật, khi ấy [đang] đi khất thực.

276. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền trí ấy, có trí tuệ, được định tĩnh trong sự sáng suốt, có tâm thanh tịnh, là bậc Long tượng, tợ như đóa sen khéo được nở rộ.

277. Sau khi nhìn thấy vị anh hùng ưu tú, cao quý, khéo được rèn luyện, có tâm ý thanh tịnh, tâm của tôi đã khởi lên rằng: "Phải chăng vị này là A-la-hán?

278. Phải chăng con người đáng mến, biết cách xử trí, có dáng vóc lịch sự, khéo thu thúc, đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, là người nhìn thấy sự bất tử?

279. Hay là ta nên hỏi về mục đích tối thượng với tâm ý hớn hở? Được ta hỏi, vị ấy sẽ trả lời. Khi ấy, ta hãy hỏi tiếp."

280. Trong khi vị ấy đang đi khất thực, tôi đã đi ở phía sau chờ đợi cơ hội để hỏi về vị thế bất tử.

281. Khi vị ấy đi đến giữa đường, tôi đã đi đến gần và đã hỏi rằng: "Thưa vị Anh hùng, Ngài có dòng họ thế nào? Thưa Ngài, Ngài là học trò của vị nào?"

282. Được tôi hỏi, vị ấy tợ như con sư tử không bị hãi sợ đã trả lời rằng: "Này đạo hữu, đức Phật đã xuất hiện ở thế gian, tôi là học trò của Ngài ấy."

283. "Thưa vị Đại Anh hùng, người nối dõi, bậc có danh vọng lớn lao, giáo pháp lời dạy của đức Phật của Ngài là như thế nào? Thưa Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng tận tường cho tôi."

284. Được tôi hỏi, vị ấy đã thuyết giảng về toàn bộ đạo lộ thâm sâu vi tế, là pháp tiêu diệt mũi tên tham ái, có sự xua đi tất cả khổ đau [như vầy]:

285. "Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế."

---

[16] Nghĩa là đã sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn (*ApA.* 230).

[17] Xem thêm chi tiết về sự kiện này ở *Luật tạng, Đại phẩm* (chương I, tụng phẩm 4).

286. Khi câu hỏi vừa được trả lời, tôi đây đã chứng đắc quả vị thứ nhất. Sau khi lắng nghe lời dạy của đấng Chiến Thắng, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bẩn.

287. Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí, sau khi nhìn thấy giáo pháp tối thượng, với Chánh pháp đã được thâm nhập tôi đã nói lên lời kệ ngôn này:

288. "Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn, [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã bị trôi qua trong hàng vạn kiếp sống."

289. Trong lúc tầm cầu giáo pháp, tôi đây đã lai vãng bến bãi tồi tệ. [Giờ đây] mục đích ấy của tôi đã được đạt đến, tôi không còn thời gian để xao lãng.

290. Tôi đã được vị Assaji làm cho hoan hỷ. Sau khi đạt đến vị thế bất động, trong khi tìm kiếm người bạn, tôi đã đi đến khu ẩn cư.

291. Sau khi nhìn thấy tôi ngay từ đàng xa, bạn của tôi, là người khéo được học tập và được thành tựu bốn oai nghi, đã nói lên lời nói này:

292. "Bạn có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, dường như bản thể hiền trí đã được [bạn] nhìn thấy. Phải chăng bạn đã chứng đắc sự bất tử, Niết-bàn, vị thế trường cửu?

293. Dường như bạn [đã] đạt đến điều xứng đáng với sự tốt đẹp và đã được làm cho trở thành điềm đạm, tợ như con voi đã được chế ngự trong giai đoạn thuần hóa. Này người Bà-la-môn, phải chăng bạn được an tịnh?"

294. "Bất tử là sự xua đi mũi tên sầu muộn đã được tôi chứng đắc. Bạn cũng vậy, hãy chứng đắc điều ấy. Chúng ta hãy đi đến gặp đức Phật."

295. Sau khi đáp lại rằng: "Lành thay!", bạn của con là người khéo được học tập đã dùng tay nắm lấy tay con và đã đi đến gặp Ngài.

296. Bạch người con trai dòng Sakya, cả hai chúng con cũng sẽ xuất gia trong sự chứng minh của Ngài. Sau khi đi đến giáo pháp của Ngài, chúng con sống không còn lậu hoặc.

297. Kolita là đứng đầu về thần thông, còn con có sự đạt đến bờ kia về trí tuệ. Chính cả hai chúng con đã hợp nhất làm rạng rỡ giáo pháp.

298. Có ước nguyện chưa được hoàn thành, con đã lai vãng bến bãi tồi tệ. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, ước nguyện của con đã được tròn đủ.

299. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các cây cối nở hoa lúc vào mùa. Chúng tỏa ra các hương thơm của cõi trời và làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng.

300. Bạch đấng Đại Hùng, bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, tương tợ như thế ấy, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, con tầm cầu thời điểm để trổ hoa.

301. Trong lúc tầm cầu bông hoa giải thoát là việc ra khỏi sự luân hồi ở các cõi, với sự đạt được bông hoa giải thoát, con làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng.

302. Bạch đấng Hữu Nhãn, cho đến địa phận của chư Phật, không gì sánh bằng tuệ của người con trai của Ngài, ngoại trừ bậc Hiền trí.

303. Được thuần phục trong sự thuần hóa tối thượng, những người học trò đã khéo được huấn luyện của Ngài và hội chúng đã khéo được học tập luôn luôn tháp tùng Ngài.

304. Là những bậc Trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, các bậc Hiền trí được thành tựu sự tốt đẹp về đạo đức luôn luôn tháp tùng Ngài.

305. Là những bậc Trí tuệ, ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

306. Là những bậc Trí tuệ chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giũ bỏ (Đầu-đà), chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

307. Là những vị thực hành [bốn đạo] trú vào quả vị [A-la-hán], và những vị Hữu học có thành tựu quả vị, các vị tầm cầu mục đích tối thượng luôn luôn tháp tùng Ngài.

308. Các vị là bậc Nhập lưu không còn nhơ bẩn, các vị là bậc Nhất lai, các vị Bất lai và các vị A-la-hán luôn luôn tháp tùng Ngài.

309. Các bậc Thinh văn ấy, có nhiều vị được thiện xảo về các pháp thiết lập niệm, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tất cả các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

310. Các vị được thiện xảo về các nền tảng của thần thông, được thỏa thích trong việc tu tập định, được gắn bó vào chánh tinh tấn, luôn luôn tháp tùng Ngài.

311. Các vị có ba minh và sáu thắng trí, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, luôn luôn tháp tùng Ngài.

312. Bạch đấng Đại Hùng, các vị học trò như thế ấy của Ngài đã khéo được học tập, khó mà tiếp cận, có oai lực nổi bật, luôn luôn tháp tùng Ngài.

313. Được tháp tùng bởi những người học trò thu thúc, nhiệt tình ấy, Ngài tợ như [con sư tử], vua của loài thú không bị hãi sợ, tợ như [mặt trăng], vua của các vì sao chiếu sáng rực rỡ.

314. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các loài thảo mộc phát triển. Chúng đạt được sự lớn mạnh và phô bày sự kết trái.

315. Bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, Ngài là tương tợ trái đất. Sau khi thiết lập ở giáo pháp, các vị ấy đạt được quả vị bất tử.

316. Có các con sông Sindhu, luôn cả sông Sarassatī, sông Candabhāgikā, sông Gaṅgā, sông Yamunā, luôn cả sông Sarabhū và sông Mahī.

317. Khi những con sông này trôi chảy và biển cả tiếp nhận, những con sông này từ bỏ tên gọi trước đây và chỉ được biết đến là "biển cả" mà thôi.

318. Tương tợ y như thế, bốn giai cấp này sau khi xuất gia trong sự chứng

minh của Ngài, các vị từ bỏ tên gọi trước đây và được biết đến là "con trai của đức Phật".

319. Cũng giống như mặt trăng không bị vết nhơ trong lúc đang di chuyển ở bầu không gian thì vượt trội tất cả các quần thể tinh tú ở thế giới về ánh sáng.

320. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, được tháp tùng bởi chư thiên và nhân loại, Ngài vượt lên trên tất cả các hạng này và chói sáng vào mọi lúc.

321. Được khởi lên từ dưới sâu, sóng không thể vượt qua được bờ biển. Tất cả các đợt sóng chạm đến bờ biển thì chúng tan tác trở thành bọt nước.

322. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở trên thế gian và nhiều người với các quan điểm khác nhau có ý định nói về giáo lý, bọn họ không vượt qua Ngài là bậc Hiền Trí.

323. Và bạch đấng Hữu Nhãn, nếu họ gặp Ngài, xin Ngài hãy đáp lại. Sau khi đi đến gặp Ngài, những người ấy trở thành như là bọt nước.

324. Cũng giống như giống cây kumuda, cây mandālaka và nhiều loài cây khác được sanh ra ở trong nước, chúng bị lấm nhơ bởi nước và bùn lầy.

325. Tương tợ y như thế, nhiều chúng sanh được sanh ra lớn lên ở trên đời bị sầu khổ bởi tham ái, sân hận giống như cây kumuda ở bãi bùn vậy.

326. Cũng giống như đóa hoa sen là loài được sanh ra ở trong nước, lớn lên ở giữa làn nước, nó không bị lấm nhơ bởi nước, có tua nhị cũng được trong sạch.

327. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, bậc Đại Hiền Trí được sanh ra ở trên thế gian, Ngài không bị lấm nhơ bởi thế gian như là đóa hoa sen không bị lấm nhơ bởi nước.

328. Cũng giống như nhiều loài hoa mọc trong nước trổ hoa vào tháng Rammaka, chúng không vượt quá tháng ấy, khi ấy là thời điểm của việc trổ hoa.

329. Bạch người con trai dòng Sakya, Ngài đã trổ hoa bằng sự giải thoát, tương tợ y như thế các vị ấy [cũng vậy]. Các học trò không vượt quá lời dạy như là đóa hoa sen, là loài được sanh ra ở trong nước [không trổ hoa trễ thời hạn].

330. Cây sāla chúa khéo được trổ hoa tỏa ra hương thơm của cõi trời. Được vây quanh bởi những cây sāla khác, cây sāla chúa tỏa sáng.

331. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, Ngài đã trổ hoa bằng trí tuệ của vị Phật. Được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, Ngài tỏa sáng như là cây sāla chúa.

332. Cũng giống như núi Hy-mã-lạp bằng đá là nguồn dược liệu cho tất cả chúng sinh, là chốn cư ngụ của các loài rồng, các a-tu-la và chư thiên.

333. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, Ngài ví như nguồn dược liệu cho tất cả chúng sinh. Các vị có được ba minh, sáu thắng trí và đã đi đến sự toàn hảo về thần thông [nhờ nương tựa vào Ngài].

334. Bạch đấng Đại Hùng, được Ngài chỉ dạy với lòng bi mẫn, các vị ấy thỏa thích với sự thỏa thích trong giáo pháp, các vị sống theo lời dạy của Ngài.

335. Giống như con sư tử, vua của loài thú, sau khi rời khỏi chỗ ngụ, nó quan sát bốn phương và rống lên ba lần.

336. Khi chúa của loài thú gầm thét, mọi thú vật đều kinh hoàng. Bởi vì nó có dòng dõi như thế, nó luôn luôn làm các loài thú run sợ.

337. Bạch đấng Đại Hùng, khi Ngài thuyết pháp thì trái đất rúng động, những ai có khả năng giác ngộ được giác ngộ, phe đảng của Ma vương run sợ.

338. Bạch đấng Đại Hiền Trí, khi Ngài thuyết pháp tất cả các ngoại đạo run sợ, tợ như bầy chim quạ bay tán loạn, như là các con thú run sợ đối với [sư tử] chúa của loài thú.

339. Những vị có đồ chúng ở trên thế gian được gọi là "các bậc thầy". Các vị ấy thuyết giảng đến đám đông học thuyết đã được tuần tự truyền thừa.

340. Bạch đấng Đại Hùng, tuy nhiên Ngài không là như vậy. Ngài thuyết giảng giáo pháp đến các chúng sinh sau khi đã tự thân giác ngộ về các chân lý và toàn bộ các pháp thuộc về giác ngộ.

341. Sau khi biết được tánh khí bộc lộ và tiềm ẩn về sự mạnh và yếu của các quyền, sau khi hiểu rõ về tính chất có hay không có khả năng, Ngài thuyết pháp tợ như là cơn mưa lớn [gào thét].

342-43. Đám đông có các quan điểm khác nhau, trong khi đang suy xét, có thể ngồi đến tận cùng thế giới vũ trụ. Nhằm cắt đứt sự nghi hoặc ấy, bậc Hiền trí, vị thiện xảo về sự so sánh đối chiếu, sau khi biết được tâm của tất cả, Ngài cắt đứt sự nghi hoặc của chúng sinh ngay trong khi đang giảng giải về một câu hỏi.

344. Trái đất là được tràn đầy bởi chính các vị như là Upatissa [Sāriputta]. Chính tất cả các vị ấy, tay chắp lên, đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

345. Trong khi ngợi ca đến trọn kiếp, họ đã ngợi ca về những đức hạnh khác nhau. Họ đã không thể nào ước lượng được, các đấng Như Lai là vô lượng.

346. Giống như tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng bằng sức mạnh của mình, trong khi ngợi ca đến một *koṭi* (mười triệu) kiếp, họ cũng đã ca ngợi y như vậy.

347. Nếu có vị thiên nhân hoặc người nào đó đã được học tập rành rẽ, có ý định đo lường [các đức hạnh ấy], vị ấy chỉ có thể gánh lấy nỗi phiền muộn mà thôi.

348. Bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về tuệ, con sống không có lậu hoặc.

349. Con hoàn toàn chế ngự các ngoại đạo, con vận hành giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Hôm nay con là vị Tướng quân Chánh pháp trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

350. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

351. Nếu người nào đó có thể mang vác vật nặng thường xuyên ở trên đầu, người ấy sẽ bị khổ sở bởi vật nặng, tương tợ y như thế, tôi phải gánh chịu các vật nặng.

352. Trong khi đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, tôi đã luân hồi ở các cõi. Tôi đã chịu đựng gánh nặng của hữu giống như tôi đã phải nâng lên ngọn núi Neru.

353. Và gánh nặng đã được tôi đặt xuống, các hữu đã được tôi hủy diệt, mọi việc cần làm trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya đã được làm xong.

354. Cho đến địa phận của chư Phật, ngoại trừ bậc Cao Quý dòng Sakya, tôi là đứng đầu về tuệ, người sánh bằng tôi không tìm thấy.

355. Được khéo thiện xảo về định, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông. Và hôm nay, trong khi mong muốn, tôi có thể biến hóa thành ngàn người.

356. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho con. Con có được năng lực đối với sự an trú theo tuần tự, Diệt [thọ tưởng] định là nơi an nghỉ của con.

357. Thiên nhãn của con được thanh tịnh, con thiện xảo về định, được gắn bó vào chánh tinh tấn, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ.

358. Bởi vì pháp gì vị Thinh văn cần phải đạt đến, toàn bộ tất cả đã được tôi thực hiện. Ngoại trừ đấng Bảo Hộ Thế Gian, người sánh bằng tôi không tìm thấy.

359. Được thiện xảo về việc thể nhập định, có sự đạt được nhanh chóng đối với các thiền giải thoát, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về các đức hạnh của vị Thinh văn.

360. Với đức hạnh tốt lành của vị Thinh văn, với trí giác ngộ, do sự tôn kính đối với bậc Tối Thượng Nhân, với đức tin, tâm [của tôi] luôn luôn được gắn liền ở các việc thực hành Phạm hạnh.

361. Như là con rắn có nọc độc đã được lấy đi, như là trâu rừng có sừng đã bị cắt lìa, có sự ngã mạn kiêu ngạo đã được quăng bỏ, tôi đến gần hội chúng với sự vô cùng tôn kính.

362. Nếu trí tuệ của tôi có hình dạng thì trái đất không thể sánh bằng, điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ của đức Thế Tôn Anomadassī.

363. Tôi tiếp tục vận hành đúng đắn bánh xe pháp đã được chuyển vận bởi người con trai dòng Sakya như thế ấy; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

364. Vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi đâu, mong rằng kẻ có ước muốn xấu xa, biếng nhác, có sự tinh tấn kém cỏi, ít học hỏi, có hành vi sai trái chớ đến gần tôi.

365. Và mong rằng bậc nghe nhiều [học rộng], có sự sáng suốt, khéo được định tĩnh trong các giới, được gắn liền với sự tịnh lặng của tâm đứng [với tôi], dầu là [đứng] ở trên đầu.

366. Tôi nói điều này với các vị là hết thảy chư Đại đức đã tụ hội lại nơi đây, các vị chớ có ước muốn xấu xa, hãy tự hài lòng [với vật có được], có thiền chứng, luôn luôn thỏa thích trong thiền.

367. Sau khi nhìn thấy vị Thinh văn tên Assaji ấy lần đầu tiên, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bẩn; bậc Trí tuệ ấy là người thầy của tôi.

368. Nhờ vào tác động của điều ấy, giờ đây tôi đã trở thành vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện, tôi sống không còn lậu hoặc.

369. Vị Thinh văn tên Assaji ấy đã là người thầy của tôi. Vị ấy cư ngụ ở phương nào, tôi thực hiện việc nằm quay đầu [hướng về phương ấy].

370. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

371. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát [bốn đạo và bốn quả] và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sāriputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sāriputta" là phần thứ nhất.

2. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀMOGGALLĀNA
(*Mahāmoggallānattherāpadānaṃ*)

374. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp, đứng đầu hội chúng chư thiên.

375. Lúc bấy giờ, tôi là Long vương có tên là Varuṇa. Tôi biến hóa thành dáng vóc theo như ước muốn. Tôi đã cư ngụ ở đại dương.

376. Sau khi giải tán đám tùy tùng, tôi đã tổ chức tấu nhạc. Khi ấy, tôi đã tháp tùng đấng Toàn Giác và đã bảo các long nữ ca hát.

377. Trong khi các nhạc cụ [của long cung] đang được tấu lên, chư thiên đã trình tấu các nhạc cụ [của cõi trời]. Đức Phật cũng đã lắng nghe âm thanh của cả hai và đã tự mình nhận biết.

378. Sau khi thỉnh mời đấng Toàn Giác, tôi đã đi đến cung điện của mình. Sau khi cho sắp đặt chỗ ngồi, tôi đã thông báo về thời gian.

379. Trong lúc chiếu sáng tất cả các phương, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến cung điện của tôi, được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu.

380. Vào lúc đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu

cùng với hội chúng Tỳ-khưu đã ngồi xuống, khi ấy tôi đã làm toại ý các vị với cơm ăn và nước uống.

381. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

382. "Người nào đã cúng dường đến đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian và hội chúng, với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy sẽ đi đến thế giới chư thiên.

383. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bảy lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

384. Người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi lăm lần. Trong thời gian ấy, các của cải không thể ước lượng được sẽ sanh lên cho người ấy.

385. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

386. Sau khi mệnh chung từ địa ngục, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kolita.

387. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị Thinh văn thứ nhì của đức Thế Tôn Gotama.

388. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

389. Lệ thuộc vào bạn ác xấu, tôi đã chịu sự khống chế của ái dục. Với tâm ý tồi bại, tôi đã giết chết người mẹ và cả người cha nữa.

390. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là địa ngục hay nhân loại, do bị liên đới đến ác nghiệp, tôi chết với đầu bị vỡ.

391. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí ở đây, sự việc như thế cũng sẽ xảy ra vào thời điểm tử biệt của tôi.

392. Được gắn bó với sự cô tịch, được thỏa thích trong sự tu tập về định, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

393. Đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, [chỉ] bằng ngón chân cái tôi có thể làm lay động ngay cả trái đất vô cùng sâu thẳm, dày đặc, khó có thể hủy hoại.

394. Tôi không nhìn thấy bản ngã, sự ngã mạn của tôi không được biết đến, tôi thể hiện tâm tôn trọng đến các vị Sa-di.

395. Về việc làm mà tôi đã khẳng định trước đây vô lượng kiếp, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

396-98. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

(Các câu kệ 396, 397, 398 tương tợ như các câu kệ 371, 372, 373).

Đại đức Trưởng lão Mahāmoggallāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahāmoggallāna" là phần thứ nhì.

3. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA
(*Mahākassapattherāpadānaṃ*)

399. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Niết-bàn, tôi thể hiện sự cúng dường đến đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Đạo Sư, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

400. Với tâm phấn chấn, dân chúng được vui mừng hoan hỷ. Trong khi mọi người sanh khởi tâm chấn động, niềm phỉ lạc đã khởi lên ở tôi.

401. Tôi đã đưa quyến thuộc bạn bè đến và đã nói lời nói này: "Đấng Đại Hùng đã viên tịch Niết-bàn, giờ đây chúng ta hãy thực hiện sự cúng dường."

402. Sau khi đáp lại rằng: "Lành thay! Chúng ta sẽ thực hiện sự tích lũy phước báu ở nơi đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian", bọn họ đã sanh khởi nỗi vui mừng còn hơn tôi nữa.

403. Họ đã thiết lập lễ đài khéo được thực hiện cao một trăm cánh tay,[18] trải dài một trăm năm mươi cánh tay là cung điện vươn cao đến tận bầu trời.

404. Tại đó, sau khi thực hiện tòa lâu đài được tô điểm với những hàng cây thốt nốt, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín và đã cúng dường đến ngôi bảo tháp tối thượng.

405. Ngôi bảo tháp chiếu sáng bốn phương trông như là khối lửa được phát cháy, như là cây sāla chúa đã được trổ hoa, như là cầu vồng ngũ sắc ở không trung.

406. Tại nơi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín, sau khi đã thực hiện nhiều việc tốt lành, sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã sanh lên cõi trời.

407. Tôi đã chú nguyện phương tiện di chuyển ở cõi trời là cỗ xe ngựa được kéo bởi một ngàn con. Tòa lâu đài cao ngất của tôi được vươn cao bảy tầng lầu.

408. Đã có một ngàn nhà mái nhọn làm toàn bằng vàng. Trong lúc chiếu sáng tất cả các phương, chúng tỏa sáng bằng hào quang của chúng.

409. Khi ấy, cũng có những tháp nhọn khác làm bằng hồng ngọc. Với nguồn ánh sáng, chúng cũng rọi sáng bốn phương ở chung quanh.

410. Các ngôi nhà mái nhọn đã được hóa hiện ra, đã được sanh lên do nghiệp phước thiện. Được làm bằng ngọc ma-ni, chúng cũng rọi sáng mười phương ở chung quanh.

411. Trong lúc chúng đang rực sáng, đã có được ánh sáng vĩ đại. Tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

412. Trong sáu mươi ngàn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Ubbiddha, cư trú ở trái đất, là người chinh phục bốn phương.

413. Tương tợ y như thế, được hài lòng với nghiệp của chính mình, trong kiếp Bhadda,[19] tôi đã ba mươi lần trở thành đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của bốn châu lục.

---

[18] *Hattha* là đơn vị đo chiều dài bằng một cánh tay, khoảng nửa mét. (ND)

[19] Kiếp Bhadda là kiếp có 5 vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

414. Cũng ở tại nơi ấy, cung điện dành cho tôi được vươn cao như là cầu vồng, có chiều dài là hai mươi bốn [do-tuần] và chiều rộng là mười hai [do-tuần].

415. Thành phố tên là Rammaka có cổng chào và tường thành vững chãi, có chiều dài năm trăm [do-tuần] và chiều rộng là một nửa của chiều dài, được đông đúc bởi các đám dân chúng trông tợ như thành phố của các cõi trời.

416. Khi ấy thành phố là đông đúc giống như hai mươi lăm cây kim được bỏ chung vào trong hộp đựng kim, chúng va chạm lẫn nhau.

417. Cũng như thế ấy, thành phố của tôi tràn đầy những voi, ngựa, xe cộ, luôn luôn đông đúc với những con người; Rammaka là thành phố tuyệt vời.

418. Tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống và đã trở về lại bản thể thiên nhân. Vào kiếp sống cuối cùng, tôi đã có được sự thành tựu về dòng dõi.

419. Được sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn có sự tích lũy nhiều châu ngọc, tôi cũng đã từ bỏ tám mươi *koṭi* vàng và tôi đã xuất gia.

420-22. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākassapa" là phần thứ ba.

4. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA (*Anuruddhattherāpadānaṃ*)

423. Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang an trú vào hạnh độc cư.

424. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã thỉnh cầu đức Phật tối thượng rằng:

425. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, con sẽ dâng lên cây đèn đến Ngài, là vị đang tham thiền ở dưới cội cây, xin Ngài thương xót."

426. Bậc Trí Tuệ ấy, đấng Tự Chủ cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã chấp nhận. Khi ấy, tôi đã khoan thủng các thân cây và đã gắn thiết bị vào.

427. Tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian một ngàn tim đèn. Sau khi đã cháy sáng bảy ngày, các cây đèn của tôi đã lụi tàn.

428. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã được sanh ra ở thiên cung.

429. Được đạt đến bản thể thiên nhân, có cung điện đã được hóa hiện ra cho tôi, nó chiếu sáng ra xung quanh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

430. Khi ấy, tôi đã chiếu sáng ở xung quanh một trăm do-tuần, tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

431. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi ba kiếp,

không người nào xem thường tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

432. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Khi ấy, tôi nhìn thấy [xa khoảng cách] một do-tuần ở xung quanh vào ban ngày và ban đêm.

433. Tôi nhìn thấy một ngàn thế giới bằng trí tuệ trong giáo pháp của bậc Đạo sư, tôi đã đạt được thiên nhãn; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

434. Đấng Toàn Giác tên Sumedha là ba mươi ngàn kiếp về trước. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng cây đèn đến Ngài.

435-37. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anuruddha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anuruddha" là phần thứ tư.

5. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUṆṆA (*Puṇṇattherāpadānaṃ*)

438. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi đã dẫn đầu các học trò đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân.

439. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã tán dương việc làm của tôi một cách ngắn gọn.

440. Sau khi lắng nghe giáo pháp ấy, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư. Tôi đã chắp tay lên và đã ra đi, mặt hướng phía bên phải.

441. Sau khi lắng nghe một cách tóm tắt, tôi đã thuyết giảng một cách chi tiết. Sau khi lắng nghe lời giảng của tôi, tất cả những người học trò đều có tâm hoan hỷ.

442. Sau khi xua đi tà kiến của mình, họ đã khiến tâm được tịnh tín vào đức Phật. Tôi cũng thuyết giảng một cách tóm tắt, một cách chi tiết tương tợ y như thế.

443. Là người biết rõ đường hướng của Vi diệu pháp, thông thạo về các đề tài thuyết giảng, sau khi làm cho tất cả hiểu rõ, tôi sống không còn lậu hoặc.

444. Trước đây năm trăm kiếp, có bốn vị chúa tể ở bốn châu lục là những vị vô cùng nổi tiếng, được thành tựu bảy loại báu vật.

445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Puṇṇa Mantāniputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Puṇṇa Mantāniputta" là phần thứ năm.

6. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀLI (*Upālittherāpadānaṃ*)

446. Ở thành phố Haṃsavatī, vị Bà-la-môn tên Sujāta có sự tích lũy tám mươi *koṭi*, có dồi dào tài sản và lúa gạo.

447. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống và về giáo lý [của Bà-la-môn].

448. Khi ấy, các du sĩ ngoại đạo có một ngọn lửa, các Thinh văn của đức Phật Gotama, các vị lang thang và cả các đạo sĩ khổ hạnh du hành ở trái đất.

449. Bọn họ cũng tháp tùng theo tôi [cho rằng]: "Vị Bà-la-môn nổi tiếng." Nhiều người tôn vinh tôi, tôi không tôn vinh bất cứ người nào.

450. Tôi không nhìn thấy bậc xứng đáng sự tôn vinh, khi ấy tôi ngã mạn và ương ngạnh. Khi đấng Chiến Thắng còn chưa xuất hiện thì không có từ ngữ "đức Phật".

451. Bao ngày đêm trôi qua, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn, sau khi xua đi tất cả tăm tối, đã xuất hiện ở thế gian.

452. Vào lúc giáo pháp được phổ biến rộng rãi, được biết nhiều và trở thành phổ thông, khi ấy đức Phật đã đi đến thành phố tên Haṃsa.

453. Khi ấy, vì lợi ích của người cha, đức Phật, bậc Hữu Nhãn ấy đã thuyết giảng giáo pháp. Vào thời điểm ấy, đám đông ở xung quanh là một do-tuần.

454. Khi ấy, được thỏa thuận trong số mọi người, vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sunanda ấy đã che phủ hết thảy hội chúng của đức Phật bằng những bông hoa.

455. Và trong khi bậc Tối Thượng đang công bố bốn sự thật ở nơi mái che bằng bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của một trăm ngàn *koṭi* người.

456. Đức Phật đã đổ những cơn mưa giáo pháp trong bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ tám, đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Sunanda rằng:

457. "Người này trong khi luân hồi ở cõi hữu, dầu ở thế giới chư thiên hay loài người, sẽ trở thành bậc ưu tú trong số tất cả và sẽ luân hồi ở các cõi.

458. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

459. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Puṇṇa Mantāniputta."

460. Lúc bấy giờ, trong khi làm cho tất cả dân chúng vui mừng, trong khi thị hiện năng lực của chính mình, bậc Toàn Giác đã tán dương đạo sĩ khổ hạnh Sunanda như thế.

461. Dân chúng chắp tay lễ bái vị đạo sĩ khổ hạnh Sunanda [nghĩ rằng]: "Sau khi thể hiện sự tôn kính đến đức Phật, vị ấy đã làm trong sạch cảnh giới tái sanh của bản thân."

462. Tại nơi ấy, sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí, tôi đã có sự suy tư rằng: "Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính giống như ta nhìn thấy vị Gotama."

463. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã suy nghĩ về hành động của tôi rằng: "Ta sẽ thực hành việc làm gì ở phước điền vô thượng?"

464. Và vị Tỳ-khưu này là vị trì tụng trong số tất cả các vị trì tụng trong giáo pháp, và đã được chọn lựa là vị đứng đầu về Luật, tôi đã ước nguyện vị thế ấy.

465. Tài sản này của tôi là vô lượng, không thể bị xao động tợ như biển cả. Với của cải ấy tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho đức Phật.

466. Có khu vườn tên là Sobhana ở phía Đông của thành phố. Sau khi đã mua bằng một trăm ngàn, tôi đã cho thực hiện tu viện dành cho hội chúng.

467. Sau khi đã xây dựng các nhà mái nhọn, các lầu đài, các mái che, các tòa nhà, các hang động, các đường kinh hành khéo được tạo lập, tôi đã cho thực hiện tu viện dành cho hội chúng.

468. Sau khi đã cho xây dựng nhà tắm hơi, nhà đốt lửa, rồi giếng nước, nhà tắm, tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu.

469. Tôi đã dâng cúng mọi thứ này [gồm có] các ghế dài, các ghế đẩu, các vật dụng, các xoong nồi và thuốc men dành cho tu viện.

470. Sau khi đã thiết lập sự phòng hộ, tôi đã cho xây dựng tường thành vững chắc, không cho bất cứ việc gì quấy rầy đến những bậc có tâm thanh tịnh như thế ấy.

471. Tôi đã cho xây dựng một trăm ngàn chỗ ngụ ở tu viện dành cho hội chúng. Sau khi bố trí đầy đủ tiện nghi, tôi đã cống hiến đến bậc Toàn Giác.

472. "Bạch bậc Hiền Trí, xin Ngài hãy tiếp nhận ngôi tu viện đã được con hoàn thành. Bạch đấng Anh Hùng, con sẽ dâng cúng đến Ngài. Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy chấp thuận."

473. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Lãnh Đạo sau khi biết được tâm tư của tôi đã chấp thuận.

474. Sau khi biết được sự chấp thuận của bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri, sau khi đã chuẩn bị thức ăn, tôi đã thông báo về thời điểm.

475. Khi thời điểm đã được thông báo, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến tu viện của tôi cùng với một ngàn bậc Vô lậu.

476. Biết được lúc Ngài đã ngồi xuống, tôi đã làm toại ý Ngài với cơm ăn và nước uống. Biết được lúc Ngài đã thọ thực xong, tôi đã nói lời nói này:

477. "Bạch đấng Hiền Trí, tu viện tên Sobhana đã được mua bằng một trăm ngàn và đã được cho xây dựng với chừng cỡ ấy, xin Ngài hãy tiếp nhận.

478. Do sự dâng cúng tu viện này và do các nguyện lực của tác ý, trong khi sanh ra ở cõi hữu, mong sao con đạt được điều con đã ước nguyện."

479. Sau khi thọ nhận tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lời nói này:

480. "Người nào đã dâng lên tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo đến đức Phật, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

481. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

482. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên tháp tùng người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

483. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

484. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

485. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

486. [Người này] sẽ thọ lãnh mọi thứ mà vị Thiên vương có thể đạt được, sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ cai quản thiên quốc.

487. [Người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần. Vương quyền ở trái đất là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

488. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

489. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upāli.

490. Sau khi đạt được sự toàn hảo về Luật và rành rẽ về sự thành lập hay không thành lập [tội], trong lúc duy trì giáo pháp của đấng Chiến Thắng, [người này] sẽ sống không còn lậu hoặc.

491. Sau khi biết rõ mọi việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

492. Con ao ước về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp]. [Giờ] con đã đạt mục đích ấy và có được sự đoạn tận tất cả mọi điều trói buộc.

493. Giống như khi bị buộc vào cọc nhọn, người đàn ông khiếp sợ hình phạt của đức vua, trong khi không tìm thấy sự thoải mái ở cọc nhọn thì mong mỏi chỉ mỗi sự phóng thích.

494. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con khiếp sợ hình phạt của sự hiện hữu. Trong khi bị buộc vào cọc nhọn của nghiệp báo, con bị phiền muộn vì sự cảm thọ khát khao.

495. Bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, con không thấy thoải mái ở hiện hữu. Cũng tợ như người bị hành phạt bởi đức vua, con tầm cầu sự giải thoát.

496. Giống như người bị rắn độc cắn thì bị nọc độc hành hạ, người ấy có thể tìm kiếm phương thuốc là cách thức làm cho tiêu tan nọc độc.

497. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy phương thuốc là vật làm tiêu tan nọc độc. Sau khi uống thuốc ấy, người ấy có thể có được sự an lạc do việc thoát khỏi nọc độc.

498. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, bị hành hạ bởi vô minh con đã tầm cầu phương thuốc Chánh pháp, giống như người đàn ông bị hãm hại bởi nọc độc [đã tìm phương thuốc giải độc].

499. Trong khi tìm kiếm phương thuốc Giáo pháp, con đã nhìn thấy lời chỉ dạy của vị dòng Sakya ấy là cao quý trong số tất cả các loại thuốc men, là sự nhổ lên tất cả các mũi tên.

500. Sau khi uống vào phương thuốc Giáo pháp, con đã xóa sạch tất cả nọc độc, con đã chạm đến Niết-bàn, có trạng thái mát mẻ, không già không chết.

501. Giống như người bị ma quỷ khuấy rối, bị hành hạ bởi ma quỷ nhập vào thì có thể tìm thầy chữa bệnh ma quỷ nhằm thoát khỏi ma quỷ.

502. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy vị rành rẽ các sự hiểu biết về ma quỷ. Vị ấy có thể diệt trừ ma quỷ cho người ấy và có thể làm cho tiêu tan tận gốc rễ.

503. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con bị phiền muộn bởi sự xâm nhập của tăm tối, con tìm kiếm ánh sáng của trí tuệ nhằm sự giải thoát khỏi tăm tối.

504. Giờ con đã nhìn thấy bậc Hiền Trí dòng họ Sakya có sự trong sạch đối với các điều tăm tối phiền não. Vị ấy đã xua đi sự tăm tối của con, tợ như người thầy chữa bệnh ma quỷ xua đi ma quỷ.

505. Con đã cắt đứt dòng chảy luân hồi, đã chặn đứng dòng nước tham ái, đã thủ tiêu tất cả hữu tận gốc rễ, tợ như vị thầy chữa bệnh ma quỷ.

506. Giống như loài nhân điểu lao xuống con rắn là mồi của bản thân nó, nó khuấy động hồ nước lớn ở xung quanh đến một trăm do-tuần.

507. Sau khi bắt được con rắn, con nhân điểu liền gây tổn thương phía dưới đầu [con rắn]. Sau khi tóm lấy [con rắn], nó ra đi đến nơi dự tính.

508. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, trong khi tầm cầu [Niết-bàn] không còn tạo tác, con đã tẩy uế sạch sẽ các điều xấu xa, cũng giống như con nhân điểu có sức mạnh [tìm kiếm con mồi rồi tiêu diệt].

509. Con đã nhìn thấy giáo pháp cao quý là đạo lộ an tịnh vô thượng, con đã nắm giữ điều này và an trú giống như con nhân điểu tóm lấy con rắn rồi mang đi.

510. Có loại dây leo tên là āsāvatī được sanh ra tại khu rừng Cittalatāvana [ở cõi trời Đạo-lợi]. Đối với loại dây leo ấy, một ngàn năm nó sanh ra một trái.

511. Chư thiên gần gũi với loại dây leo ấy cho đến khi nó có trái sau thời gian dài lâu. Loài dây leo thượng hạng āsāvatī ấy được chư thiên yêu quý như thế.

512. Con thân cận với bậc Hiền trí ấy đến một trăm ngàn [năm],[20] con lễ bái sáng chiều như là chư thiên gần gũi với trái āsāvatī vậy.

513. Sự phục vụ không phải là không có kết quả và sự lễ bái không phải là rỗng không. Dầu con đang trải qua [luân hồi] dài lâu thăm thẳm, cơ hội [về sự xuất hiện của đức Phật] đã không bỏ rơi con.

514. Trong khi xem xét các cõi, con không nhìn thấy sự tiếp nối tái sanh, không còn nền tảng tái sanh, đã hoàn toàn giải thoát, được an tịnh, con đi đó đây.

515. Bạch đấng Đại Hùng, cũng giống như đóa hoa sen nở rộ nhờ tia nắng mặt trời, tương tợ y như thế, con được thăng hoa nhờ vào hào quang của đức Phật.

516. Giống như trong việc sanh sản của loài hạc nâu, hạc nâu đực không bao giờ được biết đến, những con hạc nâu cái ấy luôn luôn được thụ thai trong khi những cơn mưa đang gào thét.

517. Những con hạc nâu cái ấy còn duy trì bào thai lâu dài đến chừng nào cơn mưa còn chưa đổ xuống. Khi cơn mưa đổ xuống, chúng được thoát khỏi gánh nặng.

518. Được gào thét bởi cơn mưa giáo pháp của đức Phật Padumuttara, con đã kết tụ bào thai giáo pháp nhờ vào âm thanh của cơn mưa giáo pháp.

519. Con mang theo bào thai phước báu đến một trăm ngàn [kiếp],[21] con không được thoát khỏi gánh nặng [luân hồi] khi cơn mưa giáo pháp chưa gào thét.

520. Bạch đấng Hiền Trí của dòng họ Sakya, khi nào Ngài gào thét với cơn mưa giáo pháp ở thành Kapilavatthu đáng yêu thì con được giải thoát khỏi gánh nặng [luân hồi].

521. Con đã nhận thức về không tánh, về vô tướng, và cũng như thế về vô nguyện, về bốn quả vị và tất cả các pháp.

(Dứt tụng phẩm thứ nhì).

522. Con ước nguyện về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp]. [Giờ] con đã đạt đến mục đích ấy và vị thế an tịnh vô thượng [Niết-bàn].

523. Cũng giống như vị Ẩn sĩ [Tỳ-khưu] là bậc trì tụng, con đã đạt đến sự toàn hảo về Luật, không có vị nào sánh bằng với con, con duy trì giáo pháp.

524. Về Luật [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], luôn cả *Luật Hợp phần* (*Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*), theo cách chia làm ba phần và phần thứ năm, ở đây con không có điều gì nghi ngờ về mẫu tự hay từ ngữ.

525. Con được rành rẽ về việc khiển trách tội, về việc sửa chữa tội, về sự

---

[20] *Satasahassasamvaccharam* (*ApA*. 281), *Samvaccharam* có ý nghĩa là "năm".

[21] *Kappasatasahassam* (*Sđd*. 282), *kappa* có ý nghĩa là "kiếp".

thành lập hay không thành lập tội, về việc phục hồi [phẩm vị], về việc làm cho hết tội, con đã đạt đến sự toàn hảo về mọi lãnh vực.

526. Sau khi lấy ra một điều học ở Luật [Phân tích] thậm chí ở *Luật Hợp phần*, con có thể gỡ rối về cả hai bộ Luật và giải thích điều cốt lõi.

527. Con vô cùng thiện xảo về ngôn từ và rành rẽ về điều lợi ích hoặc không lợi ích. Không có điều [Luật] gì là con không biết đến, con là vị có sự chăm chú về giáo pháp của bậc Đạo sư.

528. Giờ đây trong thời điểm hiện tại, con xua đi tất cả mọi điều ngờ vực về giáo pháp của người con trai dòng Sakya, con cắt đứt tất cả các điều nghi hoặc.

529. Con rành rẽ về câu cú, luôn cả phần phụ thuộc của câu cú, về mẫu tự, luôn cả từ ngữ, về nhập đề, về kết thúc, về tất cả các lãnh vực này.

530. Cũng giống như vị vua hùng mạnh có thể khống chế và gây khó khăn cho kẻ địch, sau khi toàn thắng cuộc chiến thì có thể kiến thiết thành phố ở tại nơi ấy.

531. [Đức vua] có thể cho xây dựng tường thành, luôn cả hào rãnh, trạm gác, cổng thành và nhiều vọng canh đủ các loại ở thành phố.

532. Ở tại nơi ấy, [đức vua] có thể cho xây dựng ngã tư đường, bùng binh, khu phố chợ khéo được phân bố và phòng hội họp để quyết định điều hay lẽ thiệt.

533. Đức vua bổ nhiệm vị tướng lãnh quân đội với nhiệm vụ tiêu diệt những kẻ nghịch, để biết được thế yếu và thế mạnh nhằm bảo toàn binh lực.

534. Nhằm mục đích bảo quản phẩm vật, đức vua bổ nhiệm người nam thiện xảo trong việc cất giữ làm người thủ khố: "Chớ làm thất thoát phẩm vật của trẫm."

535. Người nào tận tụy đối với đức vua và mong muốn ngài có được sự tiến triển, đức vua ban cho người ấy quyền phân xử để được trở thành cận thần của ngài.

536. Đức vua phong cho vị giảng huấn thông thạo về chú thuật, rành rẽ về các điềm báo hiệu và các hiện tượng đã được sanh khởi vào địa vị quân sư.

537. [Đức vua] hội đủ những yếu tố này được gọi là "Sát-đế-lỵ". [Quần thần] luôn bảo vệ đức vua tợ như con ngỗng đỏ luôn hộ trì kẻ bị khổ đau.

538. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ như thế ấy, Ngài được gọi là "Pháp Vương" của thế gian luôn cả chư thiên, tợ như vị Sát-đế-lỵ có kẻ thù đã bị đánh bại.

539. Sau khi đánh bại các ngoại đạo và luôn cả Ma vương cùng với đội quân binh, sau khi hủy diệt sự tăm tối ấy, Ngài đã xây dựng thành phố giáo pháp.

540. Bạch đấng Trí Tuệ, tại nơi ấy giới là tường thành, trí của Ngài là cổng thành, tín của Ngài là trạm gác, và sự thu thúc là người canh gác cổng.

541. Bạch đấng Hiền Trí, sự thiết lập niệm là vọng canh, tuệ của Ngài là

bùng binh, và nền tảng của thần thông là ngã tư đường; con đường giáo pháp đã khéo được xây dựng.

542. Toàn bộ Kinh, Vi diệu pháp và luôn cả Luật là lời dạy của đức Phật gồm có chín thể loại; đây là phòng hội họp về giáo pháp của Ngài.

543. Sự an trú không tánh, sự an trú vô tướng và sự an trú vô nguyện, [bốn quả vị Sa-môn] không bị lay chuyển và sự tịch diệt [Niết-bàn]; đây là căn nhà giáo pháp của Ngài.

544. Vị có tên Sāriputta đã được chọn lựa là vị đứng đầu về tuệ, được rành rẽ về biện tài, là vị Tướng quân Chánh pháp của Ngài.

545. Bạch đấng Hiền Trí, vị tên Kolita được thiện xảo về sanh tử [thông], đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông là viên quan tế tự của Ngài.

546. Bạch đấng Hiền Trí, vị duy trì truyền thống cổ xưa [Mahākassapa] có oai lực nổi bật, khó mà tiếp cận, đứng đầu về đức hạnh trong việc giáo giới các pháp giũ bỏ, là viên quan phán xử của Ngài.

547. Bạch đấng Hiền Trí, vị tên Ānanda nghe nhiều [học rộng], nắm giữ giáo pháp, có sự trì tụng toàn bộ về lời chỉ dạy, là vị bảo vệ giáo pháp của Ngài.

548. Sau khi điểm qua tất cả các vị này, đức Thế Tôn đã cân nhắc đến tôi và đã ban cho tôi việc phân xử về Luật đã được bậc Thức Tri thuyết giảng.

549. Bất cứ vị Thỉnh văn nào của đức Phật hỏi câu hỏi về Luật, tôi không cần có sự suy nghĩ về câu hỏi ấy, tôi giảng giải đúng ngay ý nghĩa câu hỏi ấy.

550. Cho đến địa phận của chư Phật ngoại trừ bậc Đại Hiền Trí ấy, không ai sánh bằng tôi về Luật, làm sao sẽ có vị hơn được?

551. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đức Gotama khẳng định như vầy: "Không có vị nào sánh bằng Upāli về Luật [Phân tích] và các bộ *Hợp phần*."

552. Cho đến giáo pháp của bậc Đạo sư có chín thể loại đã được đức Phật nói ra, đối với người nhận thức được "Luật là nền tảng" thì tất cả [giáo pháp] đều được bao gồm trong Luật.

553. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

554. Tôi đã ước nguyện về vị thế ấy từ trăm ngàn [kiếp], tôi đã đạt đến mục đích ấy, đã đạt đến sự toàn hảo về Luật.

555. Trước đây tôi đã là người thợ cạo râu tóc đem lại niềm vui cho các vị dòng Sakya. Sau khi lìa bỏ sự xuất thân ấy, tôi đã trở thành người con trai của bậc Đại Ẩn Sĩ.

556. Trước đây hai kiếp, vị hộ trì trái đất là vị Sát-đế-lỵ tên Añjasa, có oai lực vô biên, có danh vọng vô lượng, có tài sản lớn lao.

557. Là người con trai của vị vua ấy, tôi là vị Sát-đế-lỵ tên Candana. Tôi đã ỷ lại vào sự kiêu hãnh về dòng dõi và sự kiêu hãnh về danh vọng và của cải.

558. Một trăm ngàn con long tượng mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được tô điểm với tất cả các loại trang sức, luôn luôn hộ tống tôi.

559. Khi ấy, được tháp tùng bởi các binh lính của mình, là người có ý thích đi dạo khu vườn, tôi đã cỡi lên con voi Sirika và đã rời khỏi thành phố.

560. Đức Phật tên Devala[22] đầy đủ tánh hạnh, có các căn được phòng hộ, khéo thu thúc đã đi đến phía trước tôi.

561. Khi ấy, tôi đã thúc con voi Sirika và đã công kích đức Phật. Do đó, con voi ấy đã nổi cơn giận dữ và không chịu nhấc bàn chân lên.

562. Sau khi nhìn thấy con voi có tâm ý bất bình, tôi đã thể hiện sự giận dữ đối với đức Phật. Sau khi gây khó khăn cho đức Phật, tôi đã đi đến khu vườn.

563. Tôi không tìm thấy sự thoải mái ở tại nơi ấy giống như cái đầu đã bị bốc cháy, tôi bị thiêu đốt vì sự bực bội tợ như con cá bị vướng vào lưỡi câu.

564. Việc xảy ra cho tôi tợ như trái đất bị rực cháy đến tận bờ biển, tôi đã đi đến gặp người cha và đã nói lời nói này:

565. "Việc con đã công kích đấng Tự Chủ tợ như con rắn độc bị nổi giận, tợ như khối lửa đã tiến đến, tợ như con voi có sự huấn luyện bị động cỡn.

566. Đức Phật, đấng Chiến Thắng có khổ hạnh nổi bật khủng khiếp, đã bị con công kích. Trước khi tất cả chúng ta bị tiêu diệt, chúng ta hãy xin bậc Hiền Trí ấy thứ lỗi.

567. Ngài là vị có bản thân đã được rèn luyện được định tĩnh, nếu chúng ta không được vị ấy tha thứ thì xứ sở của con sẽ bị tiêu hoại trong vòng bảy ngày.

568. [Các vị Vua] Sumekhala, Kosiya, Siggava và luôn cả Sattuko, sau khi công kích các vị Ẩn sĩ, họ cùng với cư dân của xứ sở đã lâm vào cảnh khổ đau.

569. Khi các vị Ẩn sĩ đã tự chế ngự, có sự thực hành Phạm hạnh, nổi cơn bực tức, các vị làm cho thế gian cùng với biển cả và núi non luôn cả chư thiên bị hủy hoại."

570. Tôi đã triệu tập các nam nhân trong phạm vi ba ngàn do-tuần, và tôi đã đi đến gặp đấng Tự Chủ với ý định sám hối tội lỗi.

571. Hết thảy tất cả có y phục ướt đẫm, có đầu tóc ướt đẫm đã chắp tay lên. Sau khi quỳ xuống ở bàn chân của đức Phật, bọn họ đã nói lời nói này:

572. "Bạch đấng Đại Hùng, dân chúng cầu xin Ngài, xin Ngài hãy tha thứ, xin Ngài hãy xua đi nỗi bực bội, xin Ngài chớ hủy hoại xứ sở của chúng tôi."

573. "Xin tất cả loài người và chư thiên cùng với hạng người khổng lồ và các quỷ dữ hãy đập bể đầu của con bằng cái chày vồ làm bằng sắt vào mọi lúc."

574. [Vị Phật đáp:] "Ngọn lửa không tồn tại ở nước, hạt giống không mọc lên ở tảng đá, sâu bọ không tồn tại ở thuốc men, sự giận dữ không nảy sanh ở đức Phật.

---

[22] Mặc dầu văn bản ghi *sambuddho* nghĩa là Phật Toàn Giác, nhưng *Chú giải* giải thích đây là *paccekasambuddho* nghĩa là Phật Độc Giác (*ApA*. 288).

575. Cũng giống như trái đất thì không lay chuyển, biển cả thì không thể đo lường và không gian thì vô tận, tương tợ như vậy, chư Phật là không dao động.

576. Các đấng Đại Hùng luôn nhẫn nại, các đạo sĩ khổ hạnh luôn thứ tha. Đối với các vị đã nhẫn nại đã thứ tha, việc đi đến sự bực bội là không có."

577. Nói xong điều này, trong khi xua đi sự bực bội, đức Phật khi ấy đã bay lên không trung ở phía trước đám đông dân chúng.

578. Bạch đấng Trí Tuệ, do nghiệp ấy con đã đi đến bản thể thấp kém. Sau khi tự vượt lên trên số phận ấy, con đã đi vào thành phố không hãi sợ [Niết-bàn].

579. Bạch đấng Đại Hùng, cũng vào khi ấy con đã cầu xin đấng Tự Chủ thứ lỗi và vị ấy đã xua đi sự bực bội đang thiêu đốt con, đang tồn tại vững chắc ở con.

580. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay cũng vậy, trong khi con đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, Ngài đã dập tắt ba ngọn lửa và giúp con đạt đến trạng thái mát mẻ.

581. Nếu các người có sự chú ý vào việc nghe thì hãy lắng nghe khi tôi đang nói. Tôi sẽ giảng giải ý nghĩa cho các người về việc tôi đã thấy được vị thế [Niết-bàn] như thế nào.

582. Sau khi đã khinh miệt đấng Tự Chủ là vị có tâm an tịnh, định tĩnh ấy, do nghiệp ấy ngày hôm nay tôi đã bị sanh ra vào dòng dõi thấp kém.

583. Các người chớ để cơ hội trôi qua bởi vì khi cơ hội đã trôi qua các người sẽ sầu muộn. Các người hãy nên tinh tấn cho lợi ích của chính mình, cơ hội sẽ xảy đến cho các người.

584. Và [giáo pháp] đối với một số người là sự ói mửa, đối với một số người là sự tháo dạ, đối với số người là chất độc chết người và đối với một số người là phương thuốc.

585. Là sự ói mửa đối với những người đang thực hành, là sự xổ ruột đối với những người tiến đến quả vị, là phương thuốc đối với những người có sự thành tựu quả vị, là phước điền đối với những người tầm cầu.

586. Chất độc chết người [tác hại] đối với những kẻ thù nghịch giáo pháp như thế nào thì con rắn độc có nọc độc tà kiến thiêu đốt người đàn ông ấy như vậy.

587. Được uống một lần, chất độc chết người chấm dứt mạng sống. Còn người khi đã thù nghịch với giáo pháp thì bị thiêu đốt một *koṭi* (mười triệu) kiếp.

588. Do sự nhẫn nại, do sự không hãm hại và do sự hành trì tâm từ ái, đức Phật giúp thế gian luôn cả chư thiên vượt qua, vì thế các người không nên thù nghịch.

589. Chư Phật tương đương với trái đất, các Ngài không bị vướng bận vào các sự được lợi hay mất lợi, vào sự kính trọng hay không kính trọng, vì thế các người không nên thù nghịch.

590. Trong trường hợp kẻ phá hoại Devadatta, kẻ cướp Aṅgulimāla, con voi Dhanapāla và [người con trai] Rāhula, bậc Hiền Trí là bình đẳng đối với tất cả.

591. Các vị này không có sự bất bình, các vị này không biết đến sự luyến ái. Đức Phật là bình đẳng đối với tất cả, đối với kẻ phá hoại cũng như đối với người con ruột.

592. Sau khi nhìn thấy ở trên đường tấm y ca-sa bị quăng bỏ lấm lem bởi phân bò, nên chắp tay ở trên đầu đảnh lễ biểu tượng của bậc Ẩn Sĩ.

593. Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai được thanh tịnh nhờ vào biểu tượng này, vì thế những vị này đáng được lễ bái.

594. Luật tốt đẹp được xem như là bậc Đạo sư, tôi duy trì Luật bằng trái tim. Trong khi tôn kính đối với Luật, tôi sẽ luôn luôn an trú.

595. Luật là khuynh hướng của tôi, Luật là chỗ đứng và là đường kinh hành [của tôi], tôi sắp xếp sự cư ngụ ở trong Luật, Luật là hành xứ của tôi.

596. Tôi đã đạt đến sự toàn hảo về Luật và cũng rành rẽ các pháp dàn xếp [về tranh tụng]. Bạch đấng Đại Hùng, Upāli đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là bậc Đạo sư.

597. Trong khi lễ bái bậc Toàn Giác và bản chất tốt đẹp của giáo pháp, tôi đây sẽ du hành từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác.

598. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

599. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

600. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāli" là phần thứ sáu.

7. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AÑÑĀKOṆḌAÑÑA

(*Aññākoṇḍaññattherāpadānaṃ*)

601. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Hướng Đạo, vị đã đạt đến nền tảng của bậc Giác Ngộ.

602. Cho đến tất cả dạ-xoa đã tụ hội lại ở cội cây Bồ-đề, họ vây quanh và chắp tay lên đảnh lễ bậc Toàn Giác.

603. Với tâm ý hớn hở, tất cả chư thiên ấy di chuyển đó đây ở trên không trung [nói rằng]: "Đức Phật này đã ngự đến, xua tan bóng đêm tăm tối."

604. Được tràn ngập niềm vui, các vị ấy đã phát lên tiếng vang lớn rằng: "Chúng ta sẽ thiêu đốt các phiền não ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác."

605. Nhận biết giọng nói được thốt thành lời của chư thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng bữa ăn đầu tiên [đến đức Phật].

606. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này:

607. "Sau khi ra đi bảy ngày, Ta đã chứng đắc phẩm vị Giác ngộ. Đây là bữa ăn đầu tiên của Ta, là vật nuôi dưỡng cơ thể đối với việc hành Phạm hạnh.

608. Bởi vì người nào từ cõi trời Đẩu-suất đi đến nơi đây và đã dâng lên thức ăn cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

609. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp. Sau khi vượt trội tất cả chư thiên, người ấy sẽ cư ngụ ở cõi trời.

610. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, là đấng Chuyển Luân Vương, cai quản quốc độ ở tại nơi ấy một ngàn lần.

611. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

612. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại. Sau khi lìa gia đình xuất gia, người ấy sẽ sống sáu năm [khổ hạnh].

613. Sau đó, vào năm thứ bảy đức Phật sẽ thuyết giảng chân lý. Vị tên là Koṇḍañña sẽ chứng ngộ đầu tiên."

614. Tôi đã xuất gia theo [đức Bồ-tát] vị đã lìa khỏi [gia đình]. Sự tinh tấn đã được tôi thể hiện tốt đẹp. Nhằm mục đích thiêu đốt các phiền não, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

615. Đấng Toàn Tri, đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên, đã ngự đến Isināma tại Vườn Nai và đã vỗ lên tiếng trống bất tử.

616. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

617-19. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aññākoṇḍañña đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aññākoṇḍañña" là phần thứ bảy.

8. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIṆḌOLABHĀRADVĀJA
(*Piṇḍolabhāradvājattherāpadānaṃ*)

620. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã cư ngụ tại Cittakūṭa [đỉnh núi Citta] ở phía trước núi Hy-mã-lạp.

621. Ở tại nơi ấy, tôi đã là [con sư tử] vua của loài thú có dáng vóc dũng mãnh đi khắp bốn phương. Nhiều người hoảng hốt sau khi nghe tiếng rống của nó.

622. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu và đã dâng đến đức Phật [khi Ngài] đã xuất khỏi định.

623. Sau khi lễ bái đức Phật tối thượng, bậc Tối Thượng Nhân từ bốn hướng, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín rồi đã rống lên tiếng rống của loài sư tử.

624. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

625. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại [nói rằng]: "Vị đứng đầu trong số các bậc thuyết giảng đã đi đến, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của Ngài."

626. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Đại Hiền Trí có sự nhìn thấy tương lai xa vời, đã tán dương đức tin của tôi ở phía trước chư thiên đang được tràn ngập niềm vui ấy rằng:

627. "Người nào đã dâng cúng đóa hoa sen này và đã rống lên tiếng rống của loài sư tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

628. Vào kiếp thứ tám về sau này, người này sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của bốn châu lục.

629. [Người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương có sức mạnh vĩ đại tên Paduma, cai quản lãnh địa ở trên trái đất sáu mươi bốn lần.

630. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

631. Khi Phật ngôn được công bố, [người này] sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. [Người này] sẽ lìa khỏi phẩm vị Bà-la-môn và sẽ xuất gia ngay khi ấy.

632. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

633. Tại chỗ ngụ hẻo lánh ở trong rừng đầy dẫy ác thú, [vị ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

634-36. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piṇḍolabhāradvāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piṇḍolabhāradvāja" là phần thứ tám.

9. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYA REVATA
(*Khadiravaniyarevatattherāpadānaṃ*)

637. Sông Gaṅgā có tên là Bhāgīrathī, được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp. Tôi đã là người chèo thuyền ở bến tàu hiểm trở, và ở bờ này tôi chèo qua [bờ kia].

638. Tôi đã được nghe trước rằng đấng Lãnh Đạo Padumuttara sẽ vượt qua dòng sông cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

639. Sau khi gom lại nhiều chiếc thuyền, tôi đã thực hiện mái che được chuẩn bị khéo léo bởi những người thợ mộc ở trên [một] chiếc thuyền, rồi đã chờ đợi đấng Nhân Ngưu.

640. Và đấng Toàn Giác đã ngự đến và đã bước lên chiếc thuyền ấy. Đứng ở giữa [dòng] nước, bậc Đạo sư đã nói lên những lời kệ này:

641. "Người nào đã đưa bậc Toàn Giác và hội chúng Vô lậu sang bờ kia, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên.

642. Sẽ có cung điện hình dạng chiếc thuyền được kiến tạo khéo léo sanh lên cho ngươi, sẽ có mái che bằng bông hoa được duy trì ở trên không vào mọi lúc.

643. Năm mươi tám kiếp về sau, [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Tāraka, là đấng Chuyển Luân Vương, có sự chinh phục bốn phương.

644. Năm mươi bảy kiếp về sau, [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Campaka, có sức mạnh lớn lao và sẽ rực sáng như mặt trời đang mọc.

645. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

646. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại và sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Revata.

647. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sau khi lìa khỏi gia đình sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

648. Sau khi xuất gia, vị ấy sau này sẽ là vị hành minh sát có sự gắn bó mật thiết, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

649. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

650. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

651. Sau đó, khi nhìn thấy tôi được vui thích ở rừng, bậc Hiền Trí, người đã đi đến tận cùng thế gian, đấng Đại Trí đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị Tỳ-khưu cư ngụ ở rừng.

652. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khadiravaniya Revata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khadiravaniya Revata" là phần thứ chín.

10. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀNANDA (*Ānandattherāpadānaṃ*)

653. Sau khi đi ra khỏi cổng tu viện, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, trong lúc đổ cơn mưa bất tử đã giúp cho đám đông dân chúng đạt đến Niết-bàn.

654. Một trăm ngàn vị Anh hùng ấy có sáu thắng trí, có đại thần lực, tháp tùng bậc Toàn Giác tợ như bóng không có sự xa lìa [hình].

655. Tôi đã ngồi trên mình voi [nắm giữ] chiếc lọng trắng cao quý tối thượng. Sau khi nhìn thấy hình dáng vô cùng lịch sự, tôi đã có niềm hạnh phúc sanh khởi.

656. Leo xuống từ mình voi, tôi đã đi đến gần bậc Nhân Ngưu. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng làm bằng châu báu của tôi che cho đức Phật tối thượng.

657. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã ngưng lại cuộc thuyết giảng ấy và đã nói lên những lời kệ này:

658. "Người nào đã nắm giữ chiếc lọng được tô điểm các vật trang sức bằng vàng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

659. Từ nơi này ra đi, người nam này sẽ cư ngụ ở cõi trời Đẩu-suất và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

660. [Người này] sẽ cai quản thiên quốc ba mươi bốn lần, sẽ là vị thống lãnh quân đội cư ngụ ở trái đất trong một trăm lẻ tám kiếp sống.

661. [Người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi tám lần và sẽ cai quản lãnh thổ vương quốc rộng bao la ở trên trái đất.

662. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

663. Có tên là Ānanda [người này] sẽ là thân bằng quyến thuộc, sẽ trở thành người thị giả của bậc Đại Ẩn sĩ, là biểu tượng của gia tộc dòng Sakya.

664. [Người này] sẽ có sự nhiệt tâm và cẩn trọng nữa, được rành rẽ về nhiều chân lý, có hành vi khiêm nhường, không nhẫn tâm, có sự trì tụng toàn bộ.

665. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

666. Các con voi sống ở rừng là loài voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi, có các ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua.

667. Hàng trăm ngàn vị ấy cũng là các bậc trí tuệ và có đại thần lực, tất cả các vị ấy là không sánh bằng đối với đức Phật, đấng Tượng Vương.

668. Tôi lễ bái vào canh đầu, vào canh giữa và vào canh cuối. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng.

669. Tôi có sự nhiệt tâm và cẩn trọng nữa, có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], đã đạt đến quả vị Nhập lưu và rành rẽ về các nền tảng của bậc Hữu học.

670. Việc tôi đã khẳng định về hành động ở một trăm ngàn kiếp trước đây, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã được tồn tại, được bất động ở Chánh pháp.

671. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

672. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

673. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ānanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ānanda" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Phật [Toàn Giác], Phật Độc Giác, vị Sāriputta, vị Koḷita, vị Kassapa, vị Anuruddha, vị Trưởng lão Puṇṇa, vị Upāli, vị Aññāsikoṇḍañña, vị Piṇḍola, vị Revata và bậc Trí tuệ Ānanda; toàn bộ sáu trăm năm mươi câu kệ đã được gộp chung lại.

Phẩm Đức Phật là phẩm thứ nhất.

II. PHẨM SĪHĀSANADĀYAKA
(*SĪHĀSANADĀYAKAVAGGO*)

11. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA
(*Sīhāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

674. [Vào lúc ấy] đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha đã Niết-bàn, Phật ngôn đã được lan rộng, giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết.

675. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử. Sau khi làm xong bảo tọa sư tử, tôi đã thực hiện ghế kê chân.

676. Và khi trời mưa ở bảo tọa sư tử, tôi đã xây dựng ngôi nhà ở tại nơi ấy. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

677. Ngay lập tức đã có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi dài hai mươi bốn do-tuần, rộng mười bốn do-tuần.

678. Có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi. Và có chiếc ghế bành làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra ở tòa lâu đài.

679. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng. Các tòa lâu đài và luôn cả các kiệu khiêng đều được sanh lên theo như ước muốn.

680. Có các chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni và nhiều chiếc khác làm bằng lõi gỗ, tất cả đều được sanh lên cho tôi; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

681. Tôi bước lên những đôi giày làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng pha lê và ngọc bích; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân.

682. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

683. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương[1] tên Inda. Trước đây bảy mươi hai kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương tên Sumana.

684. Trước đây đúng bảy mươi kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương tên Varuṇa, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

685. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] Câu kệ này và câu kế được ghi theo *Chú giải* (*ApA*. 312).

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanadāyaka" là phần thứ nhất.

12. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKATTHAMBHIKA
(*Ekatthambhikattherāpadānaṃ*)

686. Đức Thế Tôn Siddhattha đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Những người ấy đã đi đến nương nhờ vào đức Phật, họ đặt niềm tin vào đức Như Lai.

687. Tất cả đã tụ hội lại, bàn bạc, rồi xây dựng hội trường dành cho bậc Đạo sư. Không có được một cây cột trụ, họ tìm kiếm ở khu rừng bạt ngàn.

688. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy bọn họ ở trong rừng và đã đi đến gần đám đông. Sau khi chắp tay lên, tôi đã hỏi đám đông.

689. Được tôi hỏi, những người cư sĩ có giới hạnh ấy đã trả lời rằng: "Chúng tôi có ý định xây dựng hội trường nhưng không có được một cây cột trụ."

690. "Xin các vị hãy giao cho tôi, tôi sẽ dâng đến bậc Đạo sư một cây cột trụ. Tôi sẽ mang cây cột trụ đến, các vị không phải bận tâm."

691. Họ đã xem xét cây cột trụ của tôi, và đã được tin tưởng với tâm ý hớn hở. Sau đó, họ đã quay trở lại và đã đi về nhà của mình.

692. Khi ấy, lúc đám đông cư sĩ ra đi không lâu, tôi đã dâng cúng cây cột trụ. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dựng đứng cây cột trụ trước tiên.

693. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời. Có cung điện cao ráo dành cho tôi, được vươn cao một trăm tầng lầu.

694. Khi ấy, tôi luôn luôn được người hầu hạ trong lúc những chiếc trống lớn được vỗ vang. [Trước đây] năm mươi lăm kiếp, tôi đã là đức Vua Yasodhara.

695. Ở tại nơi ấy, dành cho tôi cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu, được kề cận nhà mái nhọn cao quý, và có một cây cột trụ thích ý.

696. [Trước đây] hai mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Udena. Ở tại nơi ấy, cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu dành cho tôi.

697. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều thọ hưởng mọi sự an lạc; điều này là quả báo của một cây cột trụ.

698. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây cột trụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một cây cột trụ.

699. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekatthambhika[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekatthambhika" là phần thứ nhì.

---

[2] *Sīhāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng bảo tọa (*āsana*) sư tử (*sīha*), pháp tọa."

[3] *Ekatthambhika* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) cây cột trụ (*thambha*)."

13. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDA (*Nandattherāpadānaṃ*)

700. Tấm vải sợi lanh đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Padumuttara, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

701. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện đến tôi đây rằng: "Với sự dâng cúng tấm vải này, ngươi sẽ có được màu da vàng chói.

702. Được thúc đẩy bởi các nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người], ngươi sẽ trở thành người em trai của đức Thế Tôn Gotama.

703. Là người say mê ái dục, thiên về khoái lạc, bám víu vào sự tham đắm trong các dục, khi ấy bị thúc đẩy bởi đức Phật, ngươi sẽ xuất gia.

704. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi xuất gia ở tại nơi ấy, ngươi sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

705. [Trước đây] một trăm ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là Cela. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là Upacela.

706. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên cũng là Cela, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

707. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nanda[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nanda" là phần thứ ba.

14. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CULLAPANTHAKA (*Cullapanthakattherāpadānaṃ*)

708. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đã tách lìa khỏi đám đông, và Ngài đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp.

709. Khi ấy, tôi cũng sống ở khu ẩn cư tại núi Hy-mã-lạp. Khi đấng Anh Hùng ngự đến không bao lâu, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

710. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che bằng bông hoa và đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu. Trong lúc Ngài đang nhập định, tôi đã tạo ra sự khuấy rối.

711. Tôi đã nâng lên bằng hai bàn tay và đã dâng lên chiếc lọng che bằng bông hoa. Đức Thế Tôn, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara đã thọ nhận.

712. Tất cả chư thiên có tâm hoan hỷ, các vị ấy đi đến núi Hy-mã-lạp. Các vị đã thể hiện hành động tán thưởng [nói rằng]: "Bậc Hữu Nhãn sẽ nói lời tùy hỷ."

713. Nói xong điều này, chư thiên ấy đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân trong lúc Ngài đang ở trên không trung cầm lấy chiếc lọng bằng hoa sen hồng thượng hạng của tôi. [Đức Phật đã nói rằng:]

---

[4] Nanda là người em trai cùng cha (đức Vua Suddhodana) khác mẹ (con bà Mahāpajāpati Gotamī) của Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta). (ND)

714. "Vị đạo sĩ khổ hạnh đã nâng lên chiếc lọng có một trăm cánh sen và đã dâng cúng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

715. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần.

716. [Người ấy] luân hồi đến chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, khi đang đứng ở bên ngoài trời thì sẽ có đóa hoa sen hồng che chở [cho vị ấy].

717. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

718. Khi Phật ngôn được công bố, [người ấy] sẽ đạt được bản thể nhân loại và sẽ trở thành vị giỏi nhất về [biến hóa] thân được tạo ra bởi ý.

719. Sẽ có hai người anh em trai. Cả hai đều có tên là Panthaka. Sau khi thọ hưởng mục đích tối thượng, cả hai sẽ làm sáng chói giáo pháp."

720. Được mười tám tuổi, tôi đây đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi không đạt được điều gì xuất sắc ở trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

721. Bản chất của tôi đã là đần độn, trước đây tôi đã bị khi dễ. Và người anh trai đã xua đuổi tôi rằng: "Bây giờ ngươi hãy đi về nhà của mình đi."

722. Trong khi bị xua đuổi ở tại cổng ra vào của tu viện dành cho hội chúng, với tâm ý rầu rĩ tôi đây đã đứng tại nơi ấy với niềm ao ước về bản thể Sa-môn.

723. Đức Thế Tôn đã đi đến nơi ấy. Ngài đã xoa đầu tôi. Sau khi nắm lấy cánh tay của tôi, Ngài đã dẫn tôi đi vào tu viện dành cho hội chúng.

724. Với lòng thương tưởng, bậc Đạo sư đã đưa cho tôi miếng giẻ chùi chân [và nói rằng]: "Ngươi hãy chú nguyện cho được trong sạch như vầy theo một hướng đã được xác định đúng đắn."

725. Sau khi cầm lấy vật ấy bằng hai tay, tôi đã nhớ lại đóa sen hồng. Tại nơi ấy tâm của tôi đã được giải thoát, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

726. Tôi đã đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện trong việc [biến hóa] các thân được tạo ra bởi ý. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

727. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Cullapanthaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Cullapanthaka" là phần thứ tư.

15. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIḶINDIVACCHA
(*Piḷindivacchattherāpadānaṃ*)

728. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, nhân vật cao cả Sumedha đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thể hiện sự cúng dường đến ngôi bảo tháp.

729. Và ở tại nơi ấy, các vị nào là bậc lậu tận, có sáu thắng trí, có đại thần lực, tôi đã triệu tập các vị ấy lại ở tại nơi ấy và đã thực hiện bữa trai phạn đến hội chúng.

730. Lúc bấy giờ, vị thị giả của đức Thế Tôn Sumedha tên là Sumodha đã có mặt. Khi ấy, vị ấy đã nói lời tùy hỷ.

731. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh về thiên cung. Tám mươi sáu ngàn tiên nữ đã cùng tôi vui sướng.

732. Các nàng ấy luôn luôn phục tòng chỉ mình tôi bằng mọi thứ dục lạc, tôi vượt trội các vị thiên nhân khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

733. Vào kiếp thứ hai mươi lăm, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Varuṇa. Khi ấy, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương có vật thực vô cùng tinh khiết.

734. Dân chúng không gieo hạt giống, cũng không theo sau lưỡi cày, họ thọ dụng gạo sāli này không phải cày, không phải nấu.

735. Sau khi trị vì vương quốc tại nơi ấy, tôi đã đi đến bản thể thiên nhân lần nữa. Khi ấy, cũng giống như tôi, họ đã được tái sanh, có sự đầy đủ về của cải.

736. Tất cả sanh linh, là bạn hay không phải là bạn, đều không hãm hại tôi. Thậm chí tôi được tất cả yêu quý; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

737. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa vật thơm [ở ngôi bảo tháp].

738. Ở vào kiếp Bhadda này, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, có đại oai lực, có sức mạnh lớn lao.

739. Tôi đây đã an trú nhiều người vào năm giới cấm và còn giúp cho họ đạt đến nhàn cảnh nữa, tôi đã được chư thiên yêu quý.

740. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piḷindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piḷindivaccha" là phần thứ năm.

16. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RĀHULA (*Rāhulattherāpadānaṃ*)

741. Tôi đã lắp đặt gương soi ở tòa lâu đài bảy tầng của đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

742. Được tùy tùng bởi một ngàn bậc vô lậu, bậc Đại Hiền Trí, đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Nhân Ngưu đã đi đến hương thất.

743. Trong lúc làm cho hương thất chiếu sáng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

744. "Nhờ người nào chỗ ngụ này được chiếu sáng và gương soi đã khéo được lắp đặt, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

745. Có các tấm gương làm bằng vàng, làm bằng bạc và làm bằng ngọc bích. Từ tấm gương sẽ hiện ra bất cứ những gì được yêu thích ở trong tâm.

746. Người ấy sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần, và kế tiếp đó sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

747. Vào kiếp thứ hai mươi mốt, [người ấy] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Vimala, sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, là người chinh phục bốn phương.

748. Có thành phố tên Reṇuvatī được xây dựng bằng các viên gạch, được kiến trúc dạng hình vuông trải dài ba trăm do-tuần.

749. Có tòa lâu đài tên Sudassana được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma, có các nhà mái nhọn cao quý được điểm tô bằng bảy loại châu báu.

750. Được nhộn nhịp với mười loại âm thanh, được đông đảo các nhà pháp thuật, [thành phố này] sẽ là tương tợ như thành phố Sudassana của chư thiên.

751. Ánh sáng của thành phố ấy phát ra ngay trong khi mặt trời đang mọc, và luôn luôn chiếu sáng thành phố ấy tám do-tuần ở xung quanh.

752. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

753. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, người ấy sẽ trở thành con trai của đức Thế Tôn Gotama.

754. Nếu sống tại gia, người ấy có thể trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Việc con người như thế ấy đi đến sự vui sướng trong đời sống tại gia là không có cơ sở.

755. Sau khi lìa khỏi gia đình, người ấy sẽ xuất gia, có sự hành trì tốt đẹp, và sẽ trở thành vị A-la-hán với tên là Rāhula."

756. Bạch đấng Đại Hiền Triết, giống như loài chim kikī bảo vệ trứng, giống như loài bò mộng bảo vệ cái đuôi, con là người cẩn trọng, được tròn đủ về giới, con đã hộ trì như vậy.

757. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống vui sướng trong giáo pháp. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

758. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rāhula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rāhula" là phần thứ sáu.

17. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASENA (*Upasenattherāpadānaṃ*)

759. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở sườn núi, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân ấy.

760. Sau khi nhìn thấy bông hoa kaṇikāra đã được nở rộ, khi ấy tôi đã ngắt lìa ở cuống hoa. Sau khi tô điểm ở chiếc lọng che, tôi đã che ở phía bên trên của đức Phật.

761. Và tôi đã dâng lên vật thực gồm có cơm thượng hạng và thức ăn ngon. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn cho tám vị Sa-môn với đức Phật là vị thứ chín.

762-63. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng chiếc lọng che này và sự hiến tặng món cơm thượng hạng, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành công. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần.

764. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

765. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

766. Trong khi giáo pháp đang chiếu sáng, [người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upasena."

767. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tôi duy trì thân mạng cuối cùng sau khi đã tiêu diệt Ma vương cùng với đạo quân binh.

768. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ ba).

18. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṬṬHAPĀLA (*Raṭṭhapālattherāpadānaṃ*)

769. Con voi cao quý, có ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua đã được tôi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

770. [Con voi] được rạng rỡ với chiếc lọng trắng, có các vật trang sức dành cho loài voi. Sau khi đã cho định giá toàn bộ vật ấy, tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho hội chúng.

771. Tôi đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài và đã thực hiện bữa trai phạn lớn lao rồi đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

772. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ. Trong lúc làm cho tất cả dân chúng được vui mừng, Ngài đã thuyết giảng về đạo lộ bất tử.

773. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện về việc ấy cho tôi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, Ngài đã nói lên những lời kệ này:

774. "Người này đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài, Ta sẽ thuyết giảng về quả thành tựu. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

775. Mười tám ngàn ngôi nhà mái nhọn sẽ được hiện ra ở cung trời tối thượng [dành cho người này] và chúng được làm toàn bộ bằng vàng.

776. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi tám lần.

777. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

778. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, vị ấy sẽ lập tức được sanh lên ở gia tộc sang trọng, có của cải lớn lao.

779. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, vị ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Raṭṭhapāla.

780. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

781. Tôi đã vươn dậy, đã ra đi, đã từ bỏ sự thành đạt về của cải. Của cải ví như bãi nước bọt, sự yêu thương đối với của cải không được tìm thấy ở nơi tôi.

782. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

783. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṭṭhapāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṭṭhapāla" là phần thứ tám.

19. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOPĀKA (*Sopākattherāpadānaṃ*)

784. Trong khi tôi đang dọn dẹp cái hang ở khu rừng tại ngọn núi cao nhất, đức Thế Tôn tên Siddhattha đã đi đến gặp tôi.

785. Sau khi nhìn thấy đức Phật đã đi lại gần, tôi đã trải ra tấm thảm và đã dâng cúng chỗ ngồi làm bằng bông hoa đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

786. Sau khi ngồi xuống ở chỗ ngồi làm bằng bông hoa, và sau khi biết được cảnh giới tái sanh của tôi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã thốt lên về tính chất vô thường rằng:

787. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."

788. Sau khi nói điều ấy, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

789. Sau khi từ bỏ tà kiến của mình, tôi đã tu tập tưởng về vô thường. Sau khi tu tập một ngày, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

790. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người]. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã sanh vào dòng dõi hạ liệt.

791. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

792. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, khéo được định tĩnh trong các giới, sau khi làm vui lòng bậc Long Tượng vĩ đại, tôi đã đạt được sự tu lên bậc trên.

793. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

794. Kể từ khi tôi đã tu tập tưởng [về vô thường] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc trong khi đang tu tập tưởng [về vô thường] ấy.

795. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sopāka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sopāka" là phần thứ chín.

20. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṄGALA (*Sumaṅgalattherāpadānaṃ*)

796. Có ý định dâng tặng phẩm vật hiến cúng, tôi đã cho chuẩn bị vật thực. Trong khi chờ đợi các vị Bà-la-môn, tôi đã đứng ở khu vực bùng binh rộng lớn.

797. Và tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassī có danh vọng lớn lao, bậc Hướng Đạo của toàn bộ thế gian, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả.

798. Được tháp tùng bởi các vị Thinh văn, đức Thế Tôn có hào quang, tợ như mặt trời đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường lộ.

799. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã thỉnh mời dầu chỉ bằng tâm ý: "Mong sao bậc Đại Hiền Triết đi đến gần."

800. Biết được ý định của tôi, đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng Ở Thế Gian, cùng với một ngàn bậc lậu tận đã đi đến cửa nhà của tôi.

801. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Xin thỉnh Ngài bước lên tòa lâu đài và ngồi xuống ở bảo tọa sư tử."

802. Bậc Đã [Tự] Rèn Luyện có đoàn tùy tùng đã được rèn luyện, bậc Đã [Tự] Vượt Qua, bậc cao quý trong số các vị đang tiếp độ [chúng sanh] vượt qua sau khi bước lên tòa lâu đài đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao quý.

803. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng lên đức Phật vật thực mà tôi có được [và] đã được chuẩn bị ở trong căn nhà của chính mình.

804. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sanh niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lễ bái đức Phật tối thượng. Ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!

805. Trong số tám hạng Thánh nhân tùy tùng đang thọ thực, có nhiều bậc Vô lậu. Oai lực ấy là của chính Ngài, con đi đến nương tựa vào Ngài.

806. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

807. "Người nào đã chăm lo vật thực đến hội chúng có bản thể chính trực, định tĩnh, và [đến] đức Như Lai, bậc Toàn Giác. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

808. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi bảy lần. Được hài lòng với việc làm của chính mình, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên.

809. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương mười tám lần, và sẽ ngự trị năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất."

810. Sau khi đã đi sâu vào trong khu vườn cây, khu rừng thưa, khu rừng rậm được lai vãng bởi loài cọp, và sau khi đã ra sức nỗ lực, các phiền não đã được thiêu đốt bởi tôi.

811. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bữa ăn.

812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumaṅgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumaṅgala" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có bảo tọa sư tử, vị có một cây cột trụ, vị Nanda, vị Cullapanthaka, vị Piḷinda, luôn cả vị Rāhula, vị Vaṅganta, vị Raṭṭhapāla, vị Sopāka và luôn cả vị Maṅgala là mười [ký sự] thuộc phẩm thứ nhì. Và ở đây, có một trăm ba mươi tám câu kệ đã được giảng giải.

Phẩm Sīhāsanadāyaka là phẩm thứ nhì.

III. PHẨM SUBHŪTI
(*SUBHŪTIVAGGO*)

21. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHŪTI (*Subhūtittherāpadānaṃ*)

813. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Nisabha, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

814. Khi ấy, là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột tên là Kosiya, tôi sống ở [ngọn núi] Nisabha mỗi một mình, không có người thứ hai.

815. Khi ấy, tôi không thọ dụng trái cây, rễ cây và lá cây [còn ở trên cây]. Trong khi ấy, tôi sống nhờ các lá cây úa vàng đã rụng.

816. Ngay cả trong khi đang buông bỏ mạng sống, tôi cũng không làm cho sự nuôi mạng bị hư hỏng. Tôi làm cho tâm của mình được hài lòng, tôi tránh xa sự tầm cầu sai trái [trong việc nuôi mạng].

817. Mỗi khi tâm liên quan đến tham ái sanh khởi ở tôi, tôi tự mình quán sát. Khi được chăm chú, tôi đã thuần hóa tâm tham ái ấy rằng:

818. "Ngươi bị ái luyến ở điều quyến rũ, bị sân hận ở điều gây khó chịu và bị mê muội bởi điều làm cho mê mẩn; ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

819. Trú xứ này dành cho các đạo sĩ khổ hạnh đã được thanh tịnh, không còn nhơ nhuốc. Ngươi chớ làm hư hoại sự thanh tịnh, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

820. [Nếu] trở thành người tại gia, ngươi sẽ luôn gánh chịu sự bị ràng buộc. Ngươi cũng chớ lầm lẫn về hai việc [xuất gia và tại gia], ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

821. Giống như loại củi gỗ thiêu xác chết không phải là vật để dùng cho công việc ở bất cứ nơi nào khác, dầu ở làng mạc hay rừng thẳm, bởi vì nó không còn được xem là củi đốt nữa.

822. Tợ như loại củi gỗ thiêu xác chết, ngươi không còn là người tại gia và cũng không phải là xuất gia. Hôm nay, ngươi là người không còn thuộc về cả hai hạng, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

823. Nếu điều này xảy ra cho ngươi thì ai nhận biết điều này ở ngươi? Nếu ngươi từ bỏ phận sự về đức tin thì sẽ có nhiều sự biếng nhác ở ngươi.

824. Các bậc tri thức sẽ ghét bỏ ngươi, giống như người dân thành phố chán ghét sự ô nhiễm. Các bậc ẩn sĩ sẽ xua đuổi và luôn quở trách ngươi.

825. Các bậc tri thức sẽ phê phán ngươi đã vi phạm lời giáo huấn. Ngay trong khi không đạt được sự cộng trú, làm sao ngươi có thể sinh sống?

826. Con voi có sức mạnh đến gần và xua đuổi con voi là loài mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi ra khỏi bầy.

827. Trong khi bị tách rời khỏi bầy, con voi không có được sự an ổn, thoải mái. Nó bị khổ sở, tâm rối loạn. Trong khi buồn bực, nó bị dao động.

828. Tương tợ như thế ấy, các vị đạo sĩ tóc bện cũng sẽ xua đuổi ngươi là kẻ có tâm ý xấu xa. Trong khi bị tách rời khỏi các vị ấy, ngươi sẽ không đạt được sự an ổn, thoải mái.

829. Bị xâm nhập bởi mũi tên sầu muộn, ngươi bị thiêu đốt vì sự bực bội dầu là ban ngày hoặc ban đêm, tợ như con voi bị tách rời khỏi bầy.

830. Giống như vàng kim loại không bao giờ làm cho cái búa bị thiêu đốt ở bất cứ đâu; tương tợ như thế, với sự lìa bỏ giới, ngươi sẽ không làm cho [phiền não] được thiêu đốt ở bất cứ nơi nào.

831. Dầu cho đang sống ở tại gia, ngươi sẽ sinh sống cách nào? Tài sản thuộc về người mẹ cũng như thuộc về người cha để dành lại cho ngươi là không có.

832. Trong khi tự mình làm công việc khiến mồ hôi tuôn ra ở cơ thể, ngươi sẽ sinh sống ở tại gia như vậy. Tốt đẹp thay là điều ấy không được ngươi ưa thích."

833. Tại nơi ấy, tôi ngăn chặn tâm có khuynh hướng bị ô nhiễm theo cách như thế. Sau khi thực hiện lời giảng giải với nhiều pháp khác nhau, tôi đã ngăn chặn được các suy nghĩ xấu xa.

834. Như thế, trong khi tôi đang an trú với sự an trú vào sự không xao lãng, ba mươi ngàn năm đã trôi qua khi tôi ở trong khu rừng.

835. Sau khi nhìn thấy [tôi là] người tầm cầu mục đích tối thượng được thỏa thích với sự không xao lãng, bậc Toàn Giác Padumuttara đã đi đến gặp tôi.

836. Là bậc vô lượng, không người tương đương, có hào quang màu [vàng chói] của trái cây timbarūsaka, không ai sánh bằng về dáng vóc, khi ấy đức Phật đã đi kinh hành ở không trung.

837. Tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, tợ như tia chớp ở khoảng giữa đám mây trên bầu trời, đức Phật không ai sánh bằng về trí tuệ khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

838. Tợ như con sư tử chúa không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu hãnh, tợ như con cọp chúa chói sáng, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

839. Có hào quang màu vàng chói của đồng tiền vàng, giống như than hồng của gỗ khadira, như là viên ngọc ma-ni như ý, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

840. Với ánh sáng tinh khiết của ngọn núi Kelāsa, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, tợ như mặt trời ở chính ngọ, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

841. Sau khi nhìn thấy Ngài đang đi kinh hành ở không trung, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Phải chăng chúng sanh này là thiên nhân, hay đây là loài người?

842. Con người như thế này ở trên trái đất thì ta chưa từng được nghe hoặc được thấy. Cũng có lời chú thuật [về tướng mạo], người này sẽ là bậc Đạo sư."

843. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Khi ấy tôi đã gom lại nhiều loại bông hoa và vật thơm.

844. Sau khi chuẩn bị chỗ ngồi bằng bông hoa, tôi đã nói với bậc có tâm ý tốt đẹp, làm thích ý, vị đứng đầu trong số các bậc Điều Phục Nhân lời nói này:

845. "Bạch đấng Đại Hùng, chỗ ngồi này đã được con chuẩn bị là thích hợp đối với Ngài. Trong khi làm cho tâm của con được vui vẻ, xin Ngài hãy ngồi xuống ở chỗ ngồi bằng bông hoa."

846. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Đức Phật đã ngồi ở chỗ ngồi bằng bông hoa quý cao trong bảy ngày đêm.

847. Trong khi lễ bái [Ngài], tôi đã đứng bảy ngày đêm. Bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã xuất khỏi thiền định.

848. Trong khi tán dương việc làm của tôi, Ngài đã nói lời nói này: "Ngươi hãy tu tập sự niệm tưởng về đức Phật là [pháp] vô thượng trong các pháp tu tập.

849. Sau khi tu tập về sự niệm tưởng này, ngươi sẽ được tròn đủ tâm ý và sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp.

850. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trong quốc độ một ngàn lần.

851. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ thọ hưởng mọi thứ ấy; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

852. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, ngươi sẽ đạt được tài sản lớn lao, sẽ không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

853. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

854. Sau khi từ bỏ tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu), nhiều nô tỳ và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

855. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, ngươi sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư với tên gọi là Subhūti.

856. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, [đức Phật ấy] sẽ thiết lập

ngươi vào vị thế tối thắng về hai phương diện là có đức hạnh đáng được cúng dường và tương tợ như thế về việc an trú vào sự không say đắm."

857. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

858. Được chỉ dạy bởi đấng Bảo Hộ Thế Gian, tôi đã lễ bái đức Như Lai. Được hoan hỷ, tôi luôn luôn tu tập sự niệm tưởng về đức Phật, là pháp tối thượng.

859. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

860. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

861. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng sự thành tựu tốt đẹp; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

862. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được tài sản lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

863. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

864. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Subhūti đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Subhūti" là phần thứ nhất.

22. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAVĀNA (*Upavānattherāpadānaṃ*)

865. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Sau khi phát cháy như là khối lửa, bậc Toàn Giác đã viên tịch Niết-bàn.

866. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường đức Như Lai. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được thực hiện, họ đã nâng thi thể lên.

867. Sau khi thực hiện phận sự đối với thi thể, họ đã tập trung Xá-lợi ở tại nơi ấy. Tất cả bọn họ gồm chư thiên và loài người đã xây dựng ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

868. Tầng thứ nhất làm bằng vàng, tầng thứ nhì làm bằng ngọc ma-ni, tầng thứ ba làm bằng bạc, tầng thứ tư làm bằng ngọc pha lê.

869. Tương tợ, viền mép của tầng thứ năm đã được làm bằng hồng ngọc, tầng thứ sáu làm bằng đá quý, phần bên trên làm bằng tất cả các loại châu báu.

870. Phần bên dưới làm bằng ngọc ma-ni, bục nền làm bằng châu báu. Được làm toàn bộ bằng vàng, ngôi bảo tháp vươn lên chiều cao một do-tuần.

871. Khi ấy, chư thiên đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc rằng:

"Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.

872. Xá-lợi không có các mảnh rời rạc, [Xá-lợi] thân thể được kết thành một khối. Chúng ta sẽ thực hiện lớp vỏ bọc ở ngôi bảo tháp dành cho đức Phật này."

873. Với bảy loại châu báu, chư thiên đã làm tăng thêm một do-tuần nữa. Có chiều cao hai do-tuần, ngôi bảo tháp ấy xua đi bóng tối.

874. Khi ấy, loài rồng đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người và luôn cả chư thiên, bọn họ đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

875. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

876. Sau khi đã tụ tập chung lại, loài rồng đã phủ lớp ngọc bích, ngọc sa-phia và ngọc ma-ni như ý lên ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

877. Giờ đây, ngôi bảo điện dành cho đức Phật đã được làm bằng ngọc ma-ni toàn bộ, khi ấy có chiều cao ba do-tuần, là nguồn tạo ra ánh sáng.

878. Khi ấy, các nhân điểu đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người, chư thiên và loài rồng, bọn họ đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

879. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

880. Loài nhân điểu đã thực hiện ở ngôi bảo tháp lớp vỏ bọc phụ trội toàn bộ làm bằng ngọc ma-ni. Họ cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần.

881. Với chiều cao bốn do-tuần, ngôi bảo tháp của đức Phật chiếu sáng và khiến cho tất cả các phương được rực rỡ tợ như mặt trời đã mọc lên.

882. Khi ấy, các ác thần đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: Loài người, luôn cả chư thiên, loài rồng và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế.

883. Bọn họ đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng.

884. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại châu báu, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao thêm."

885. Các ác thần cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao năm do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ.

886-87. Khi ấy, loài dạ-xoa đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc

rằng: "Loài người, chư thiên, loài rồng, loài nhân điểu và các ác thần đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng.

888. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại ngọc pha lê, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao thêm."

889. Loài dạ-xoa cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao sáu do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ.

890. Lúc bấy giờ, các càn-thát-bà đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người, chư thiên, loài rồng, các ác thần và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế.

891. Tất cả đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. Trong việc này chúng ta là những người chưa làm gì. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

892. Sau khi đã làm thành bảy tầng, các càn-thát-bà đã đặt lên chiếc lọng. Khi ấy, các càn-thát-bà đã kiến tạo ngôi bảo tháp toàn bộ làm bằng vàng.

893. Khi ấy, với chiều cao bảy do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ. Đêm và ngày không phân biệt được, [vì] ánh sáng luôn luôn hiện hữu.

894. Mặt trăng, mặt trời, luôn cả các vì sao không hơn được ánh sáng của ngôi bảo tháp. Thậm chí ánh đèn cũng đã không được đốt lên ở xung quanh một trăm do-tuần.

895. Vào thời điểm ấy, những người nào cúng dường ngôi bảo tháp, những người ấy không bước lên ngôi bảo tháp mà họ thảy lên ở không trung.

896. Được chư thiên chỉ định, con dạ-xoa tên Abhisammata [có nhiệm vụ] máng lên cờ hiệu hoặc vòng hoa ở phía bên trên.

897. Những người ấy không nhìn thấy con dạ-xoa ấy mà nhìn thấy vòng hoa được nó mang đi. Sau khi nhìn thấy như thế rồi ra đi, tất cả những người ấy đi đến cõi tái sanh tốt đẹp.

898. Những người không có niềm tin ở lời Phật dạy và những người được tịnh tín vào giáo pháp có ước muốn trông thấy phép kỳ diệu thì họ cúng dường đến ngôi bảo tháp.

899. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Hamsavatī. Sau khi nhìn thấy dân chúng được vui mừng, khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

900. "Đối với vị có được gian nhà Xá-lợi như vầy, vị ấy ắt hẳn là đức Thế Tôn cao thượng. Và đám dân chúng này đang thể hiện trạng thái hớn hở một cách nhiệt thành.

901. Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, ta sẽ trở thành người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy trong tương lai."

902. Có tấm thượng y đã được khéo giặt sạch bởi người thợ giặt, tôi đã máng vào ngọn tre rồi đã nâng lá cờ hiệu lên ở không trung.

903. Con dạ-xoa Abhisammata đã cầm lấy lá cờ hiệu của tôi và đưa lên không trung. Sau khi nhìn thấy lá cờ hiệu phất phơ trong gió, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

904. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã đi đến gần vị Sa-môn. Sau khi đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy, tôi đã hỏi về quả thành tựu của lá cờ hiệu.

905. Vị ấy đã giảng cho tôi về sự sanh khởi nỗi vui mừng và phỉ lạc của tôi: "Ngươi sẽ luôn luôn thọ hưởng quả thành tựu của lá cờ hiệu ấy.

906. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

907. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

908. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, được điểm tô với các loại vải nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

909. Có lông mi cong, có nụ cười, vô cùng yểu điệu, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

910. Ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần.

911. Và ngươi sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng cách tính đếm.

912. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

913. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, ngươi sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

914. Sau khi từ bỏ tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu), nhiều nô tỳ và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

915. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, ngươi sẽ là Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Upavāna."

916. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

917. Trong khi tôi là đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của bốn châu lục, các ngọn cờ luôn được kéo lên ở xung quanh [tôi] đến ba do-tuần.

918. Từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

919. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upavāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upavāna" là phần thứ nhì.

23. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

920. Lúc bấy giờ, tôi đã là người hầu hạ mẹ ở thành phố Candavatī. Mẹ và cha của tôi bị mù, tôi phụng dưỡng họ.

921. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Trong khi phụng dưỡng mẹ và cha, ta không đạt được sự xuất gia."

922. Bị che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bị thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si]. Khi nỗi hãi sợ như thế ấy đã sanh khởi, không có người nào là bậc hướng đạo.

923. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng chiếu sáng. Với người có nghiệp phước thiện thì bản thân có thể tiếp độ được.

924. Tôi đã học tập về ba sự nương nhờ và đã gìn giữ chúng được toàn vẹn. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi thoát khỏi khổ cảnh.

925. Vị Sa-môn tên Nisabha là vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã nhận lãnh sự đi đến nương nhờ [thọ trì tam quy].

926. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ sự đi đến nương nhờ được toàn vẹn chừng ấy thời gian.

927. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã tưởng nhớ lại sự nương nhờ ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

928. Khi đã đạt đến thế giới chư thiên, được thành tựu về nghiệp phước thiện, bất cứ khu vực nào tôi đi đến, tôi đều đạt được tám chủng tử.

929. Tôi được tôn vinh ở mọi phương, tôi có tuệ sắc bén, tất cả chư thiên đều phục tùng, tôi đạt được của cải vô lượng.

930. Có màu da vàng chói, tôi đều được yêu mến ở mọi nơi, tôi trung thành đối với các bạn hữu tôi, danh vọng của tôi là cao tột.

931. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

932. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

933. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, được thành tựu về nghiệp phước thiện, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

934. Được những đứa trẻ tháp tùng, tôi đã rời khỏi thành phố. Có được sự cười giỡn vui đùa, tôi đã đi đến tu viện dành cho hội chúng.

935. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đã được giải thoát, không còn mầm mống tái sanh. Vị ấy đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi và đã ban sự nương nhờ đến tôi.

936. Sau khi lắng nghe về sự nương nhờ, tôi đây đã tưởng nhớ lại sự nương nhờ của tôi. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

937. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Nhận biết đức hạnh [của tôi], đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên.

938. Tôi đã đi đến các sự nương nhờ trước đây vô lượng kiếp. Do đó, nghiệp khéo được tôi thực hiện đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây.

939. Sự nương nhờ của tôi đã được gìn giữ cẩn thận, tâm ý đã khéo được củng cố. Sau khi thọ hưởng mọi thứ danh vọng, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

940. Những vị nào có sự lắng nghe, xin các vị hãy lắng nghe tôi nói. Tôi sẽ giảng cho các vị về đạo lộ đã được tự thân nhìn thấy của mình.

941. "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng được hiện hữu. Tiếng trống bất tử đã được vỗ lên là sự xua đi các mũi tên sầu muộn.

942. Bằng sức lực của mình, các vị có thể thực hiện hành động hướng thượng ở phước điền vô thượng, tương tợ như thế, [với năng lực của mình] các vị sẽ chạm đến Niết-bàn.

943. Sau khi đã thọ nhận ba sự nương nhờ, sau khi đã gìn giữ năm giới cấm, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở nơi đức Phật, các vị sẽ tiến hành việc chấm dứt khổ đau.

944. Sau khi thực hành tương tợ như tôi, sau khi gìn giữ toàn vẹn các giới cấm, không bao lâu sau tất cả, các vị cũng sẽ đạt được phẩm vị A-la-hán."

945. Có được ba minh, tôi đã đạt đến thần thông và được rành rẽ về tâm của người khác. Bạch đấng Đại Hùng, vị Thinh văn của Ngài xin đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

946. [Kể từ khi] tôi đã đi đến nương nhờ đức Phật trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

947. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tisaraṇagamaniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tisaraṇagamaniya" là phần thứ ba.

24. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCASĪLASAMĀDĀNIYA (*Pañcasīlasamādāniyattherāpadānaṃ*)

948. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Candavatī. Bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi không đạt được sự xuất gia.

949. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Bị che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bị thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si], vậy thì bằng phương pháp nào, ta có thể được thoát khỏi?

950. Và ta là người làm công khốn khổ, vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có. Hay là ta nên thọ trì và làm toàn vẹn năm giới cấm?"

951. Vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassī có tên là Nisabha. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã nhận lãnh năm điều học [về giới].

952. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ năm giới cấm được toàn vẹn chừng ấy thời gian.

953. Khi thời điểm của tử thần đã đến, chư thiên an ủi tôi rằng: "Thưa ngài, có cỗ xe được thắng một ngàn [ngựa] dành cho ngài, nó đã đến rồi."

954. Khi tâm cuối cùng đang diễn tiến, tôi đã tưởng nhớ lại giới hạnh của tôi. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

955. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

956. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

957. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Vesālī.

958. Vào thời điểm cận kề mùa mưa, trong lúc giáo pháp của đấng Chiến Thắng đang chói sáng, mẹ và luôn cả cha của tôi đã nhận lãnh năm điều học [về giới].

959. Do việc đã lắng nghe, tôi đã mau chóng tưởng nhớ lại giới hạnh của mình. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

960. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên.

961. Sau khi gìn giữ năm điều học [về giới] được toàn vẹn, trong vô lượng kiếp trước đây tôi đã không đi đến đọa xứ.

962. Do nhờ tác động của các giới cấm ấy, tôi đây đã thọ hưởng danh vọng. Trong khi ngợi ca [về quả báo của giới] cho dầu đến một *koṭi* (mười triệu) kiếp, tôi cũng chỉ có thể ngợi ca được một phần nhỏ.

963. Sau khi gìn giữ năm giới cấm, tôi đạt được ba chủng tử: Tôi là người có tuổi thọ, có của cải lớn lao, có tuệ sắc bén.

964. Tôi chỉ đang ngợi ca phần phụ trội trong số toàn thể [quả báo] có liên hệ đến loài người. Sau khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đều đạt được các điều này.

965. Vị Thinh văn của đấng Chiến Thắng là người đang thực hành giới

cấm vô số kể, nếu vị ấy vui thích trong các cõi tái sanh thì quả thành tựu sẽ như thế nào?

966. Năm giới cấm đã được thực hành tốt đẹp bởi tôi là người làm công có sự quán sát. Nhờ vào giới hạnh ấy, ngày hôm nay tôi đã cởi bỏ mọi điều trói buộc.

967. [Kể từ khi] tôi đã gìn giữ năm giới cấm trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm giới cấm.

968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcasīlasamādāniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcasīlasamādāniya" là phần thứ tư.

25. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAṂSĀVAKA
(*Annasaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

969. Bậc Toàn Giác [Siddhattha] có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

970. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, bậc Vô Lượng Vô Song, đấng Quang Minh, bậc Đã Được Rèn Luyện, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc tột bậc.

971. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã chăm lo bữa ăn đến bậc Đại Hiền Trí ấy. Khi ấy, bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ đã nói lời tùy hỷ đến tôi.

972. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, ở đấng Đại Bi ấy là bậc tạo ra niềm an ủi cao tột, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

973. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực.

974. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Annasaṃsāvaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Annasaṃsāvaka" là phần thứ năm.

26. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHŪPADĀYAKA
(*Dhūpadāyakattherāpadānaṃ*)

975. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng khói hương ở liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

976. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại,

---

[1] *Pañcasīlasamādāniya* nghĩa là "vị có sự thọ trì (*samādāna*) năm (*pañca*) giới cấm (*sīla*)."

[2] *Annasaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*saṃsāvaka*) về việc (dâng cúng) vật thực (*anna*)."

tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc dâng cúng khói hương.

977. Kể từ khi tôi đã dâng cúng khói hương trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng khói hương.

978. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhūpadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhūpadāyaka" là phần thứ sáu.

27. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA (*Pulinapūjakattherāpadānaṃ*)

979. Sau khi bỏ đi lớp cát cũ ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī, tôi đã rải lên lớp cát sạch.

980. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cát.

981. Trước đây năm mươi ba kiếp, tôi đã trở thành đức vua cai quản dân chúng, là vị Chuyển Luân Vương tên Mahāpulina, có oai lực lớn lao.

982. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ bảy.

28. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARIYA (*Uttariyattherāpadānaṃ*)

983. Lúc bấy giờ, tôi là con cá sấu ở bờ sông Candabhāgā. Gắn bó với khu vực kiếm ăn của mình, tôi đã đi đến bến đò của con sông.

984. Vào thời điểm ấy, bậc Tự Chủ Siddhattha, nhân vật cao cả ấy, có ý định vượt qua dòng sông nên đã đi về phía bến đò của con sông.

985. Và khi đấng Toàn Giác tiến đến gần, tôi cũng đã tiến đến gần nơi ấy. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này:

986. "Bạch đấng Đại Anh Hùng, xin hãy ngự lên [ở lưng], tôi sẽ đưa Ngài sang [sông], là địa phận thuộc về tôi do tổ tiên truyền lại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin hãy thương xót [đến tôi]."

987. Nghe được tiếng kêu gào của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã ngự lên [ở lưng]. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông].

988. Ở bờ bên kia của dòng sông, tại nơi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã an ủi tôi rằng: "Ngươi sẽ đạt được bất tử."

---

[3] *Dhūpadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) khói hương (*dhūpa*), tức là xông khói có mùi thơm."

[4] *Pulinapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) cát (*pulina*)."

989. Sau khi chết đi, lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

990. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc bảy lần. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của trái đất ba lần.

991. Gắn bó với sự độc cư, cẩn trọng và khéo thu thúc, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

992. [Kể từ khi] tôi đã đưa đấng Nhân Ngưu sang [sông] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

993. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttariya" là phần thứ tám.

29. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIKA (*Ekañjalikattherāpadānaṃ*)

994. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, đấng Xa Phu Cao Quý, vị Anh Hùng Của Nhân Loại, đấng Hướng Đạo, đang đi ở khu phố chợ.

995. Sau khi nhìn thấy vị Huấn Luyện Viên cho người chưa được huấn luyện, bậc Đại Hùng Biện, đấng Đại Trí như thế ấy, được tịnh tín, tôi đã chắp tay lại với tâm ý vui mừng.

996. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

997. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjalika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjalika" là phần thứ chín.

30. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHOMADĀYAKA (*Khomadāyakattherāpadānaṃ*)

998. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thương buôn ở thành phố Bandhumatī. Chính nhờ thế, tôi cấp dưỡng người vợ và gieo trồng sự thành tựu về nhân lành.

999. Trong khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi ở trên đường, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư một tấm vải sợi lanh nhằm mục đích hành thiện.

1000. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải sợi lanh trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải sợi lanh.

---

[5] *Ekañjalika* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

1001. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là Sindhavasandana, vị chúa tể độc nhất ở bốn châu lục, được thành tựu bảy loại báu vật.

1002. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khomadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khomadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Subhūti, vị Upavāna, vị có sự nương nhờ, vị gìn giữ giới, vị ngợi ca về vật thực, vị [cúng dường] khói hương, vị [dâng cúng] cát, cùng với vị Uttariya, vị có sự chắp tay và vị dâng cúng tấm vải sợi lanh, chính là mười [ký sự] thuộc phần thứ ba. Một trăm tám mươi lăm câu kệ đã được nói lên và tất cả đã được gộp chung lại.

Phẩm Subhūti là phẩm thứ ba.
(Dứt tụng phẩm thứ tư).

[6] *Khomadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải sợi lanh (*khoma*)."

IV. PHẨM KUṆḌADHĀNA
(*KUṆḌADHĀNAVAGGO*)

31. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṆḌADHĀNA
(*Kuṇḍadhānattherāpadānaṃ*)

1003. Vào lúc đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả thiền tịnh bảy ngày, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng tôi đã hầu cận đức Phật tối thượng.

1004. Sau khi biết được thời điểm bậc Đại Hiền Trí Padumuttara đã xuất khỏi [thiền], tôi đã cầm lấy nải chuối lớn và đã đi đến gần [Ngài].

1005. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận trái cây ấy. Trong lúc làm cho tâm tôi được tịnh tín, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng [trái cây ấy].

1006. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Giác, bậc Xa Phu Vô Thượng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

1007. "Các cộng đồng dạ-xoa nào sống ở ngọn núi này, các hạng chúng sanh nào sống ở rừng hãy lắng nghe lời nói của Ta.

1008. Người nào đã hầu cận đức Phật, tợ như con sư tử vua của loài thú, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1009. Người này đây sẽ trở thành vị Thiên vương mười một lần. Và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần.

1010. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1011. Người này sẽ mắng nhiếc các vị Sa-môn có giới hạnh không còn lậu hoặc, và sẽ nhận lấy biệt danh do quả thành tựu của ác nghiệp.

1012. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kuṇḍadhāna."

1013. Được gắn bó với sự cô tịch, chứng thiền, thỏa thích về thiền, tôi đã làm vui lòng bậc Đạo Sư và tôi sống không còn lậu hoặc.

1014. Được các vị Thinh văn hàng đầu vây quanh, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng, đấng Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã bảo người rút thẻ bốc thăm.

1015. Sau khi đắp y một bên vai, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian,

và ở trước bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng, tôi đã rút được [thẻ bốc thăm] đầu tiên.

1016. Do việc làm ấy, đức Thế Tôn, bậc Làm Rung Động Mười Ngàn [Thế Giới] đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế hàng đầu.

1017. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1018. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṇḍadhāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṇḍadhāna" là phần thứ nhất.

32. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀGATA (*Sāgatattherāpadānaṃ*)

1019. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Sobhita. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, tôi đã đi đến tu viện.

1020. Vào thời điểm ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân sau khi bước ra khỏi cổng tu viện đã đứng lại.

1021. Tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Được Rèn Luyện ấy được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1022. "Những loại nào là thảo mộc, tất cả các loại ấy đều tăng trưởng ở trên đất. Tương tợ như thế, các chúng sanh có sự giác ngộ được phát triển ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

1023. Ngài là bậc Xa Phu có trí tuệ và là bậc Đại Ẩn Sĩ đối với đám đông dân chúng. Ngài nâng đỡ họ ra khỏi con đường sai trái và nói cho họ về đạo lộ.

1024. Ngài là bậc Đã Được Rèn Luyện, được vây quanh bởi các vị đã được rèn luyện, là bậc Chứng Thiền cùng với các vị được thỏa thích về thiền, là bậc Có Sự Nhiệt Tâm cùng với những vị có tính khẳng quyết và an tịnh như thế ấy.

1025. Được tô điểm bởi đoàn tùy tùng có phước đức và trí tuệ, Ngài chói sáng. Hào quang của Ngài tỏa ra giống như [ánh sáng] trong lúc mặt trời mọc."

1026. Sau khi nhìn thấy tâm đã được tịnh tín [của tôi], bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1027. "Người Bà-la-môn nào đã khởi lên niềm vui và tán dương về Ta, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp.

1028. Bởi vì sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

1029. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, [người ấy] sẽ đạt được phẩm vị A-la-hán, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư và sẽ có tên là Sāgata."

1030. Sau khi xuất gia, tôi đã lìa bỏ ác nghiệp bằng thân. Sau khi dứt bỏ nết xấu về lời nói, tôi đã làm thanh tịnh về sự nuôi mạng sống.

1031. Trong khi sống như vậy, tôi được rành rẽ về các bản thể của [đề mục] lửa. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1032. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sāgata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sāgata" là phần thứ nhì.

33. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA
(*Mahākaccānattherāpadānaṃ*)

1033. Ngôi bảo tháp của đấng Bảo Hộ Padumuttara tên là Paduma. Tôi đã cho xây dựng bảo tọa bằng đá và đã cho thếp vàng.

1034. Sau khi nâng cao chiếc lọng che làm bằng châu báu và chiếc quạt lông đuôi bò, tôi đã dâng đến đức Phật là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian như thế ấy.

1035. Khi ấy, cho đến chư thiên ở địa cầu, tất cả đã tụ hội lại [nói rằng]: "Ngài sẽ thuyết giảng về quả thành tựu của những chiếc lọng che làm bằng châu báu.

1036. Và khi bậc Đạo sư đang thuyết giảng, chúng ta sẽ lắng nghe tất cả điều ấy. Chúng ta có thể làm sanh khởi niềm vui thích hơn nữa đối với giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác."

1037. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở bảo tọa bằng vàng đã nói lên những lời kệ này:

1038. "Bảo tọa làm bằng vàng và châu báu này được dâng cúng bởi người nào, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

1039. Người ấy sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp và sẽ ngự trị khu vực xung quanh một trăm do-tuần bằng hào quang.

1040. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương tên Pabhassara và sẽ có oai lực nổi bật.

1041. Dầu là ban ngày hoặc ban đêm, vị Sát-đế-lỵ sẽ rực sáng ở xung quanh tám *ratana* (hai mét), tợ như mặt trời đã mọc lên.

1042. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1043. Sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kaccāna.

1044. Về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị A-la-hán, không còn

lậu hoặc. Đức Gotama, đấng Quang Đăng Của Thế Gian, sẽ thiết lập vào vị thế hàng đầu.

1045. [Người ấy] sẽ giảng giải một cách chi tiết về câu hỏi đã được hỏi một cách tóm tắt. Và trong khi giảng giải về câu hỏi ấy, [người ấy] sẽ làm thỏa mãn tâm tư [của người hỏi]."

1046. Được sanh ra cao quý trong gia tộc giàu có, tôi đã là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật. Sau khi từ bỏ các tài sản và lúa gạo, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1047. Tôi giảng giải một cách chi tiết cho những người đang hỏi, cho dầu [hỏi] một cách tóm tắt. Tôi làm thỏa mãn tâm tư của những người ấy, tôi làm cho bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ.

1048. Được hoan hỷ về tôi, đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākaccāna" là phần thứ ba.

34. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶUDĀYĪ (*Kāḷudāyittherāpadānaṃ*)

1050. Lúc bấy giờ, đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi du hành đường xa.

1051. Sau khi cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ, cùng với đóa sen xanh và bông hoa nhài, tôi đã cầm lấy món cơm thượng hạng và đã dâng cúng đến bậc Đạo sư.

1052. Đấng Đại Hùng đã thọ dụng món cơm thượng hạng có thức ăn tuyệt hảo. Và Ngài đã cầm lấy bông hoa ấy rồi đã đưa ra cho dân chúng xem. [Ngài nói:]

1053. "Hoa sen là loài hoa tối thượng, đáng quý, đáng mến, đáng yêu ở thế gian. Người nào đã dâng cúng bông hoa này đến Ta, người ấy đã làm được việc làm vô cùng khó khăn.

1054. Người nào đã dâng lên bông hoa và đã dâng cúng món cơm thượng hạng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1055. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười tám lần. Sẽ có hoa sen xanh, luôn cả sen hồng và hoa nhài ở phía bên trên người ấy.

1056. Do quả thành tựu về phước báu của người này, tức thời sẽ có chiếc lọng che đượm mùi hương cõi trời được tạo ra và sẽ được duy trì ở trên không trung.

1057. [Người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần, và sẽ ngự trị năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

1058. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1059. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành bà con quyến thuộc, là nguồn đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakya.

1060. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

1061. Đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Gotama ấy sẽ thiết lập vị đã đạt được các [tuệ] phân tích, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc [ấy] vào vị thế tối thắng.

1062. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, người ấy sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, [và sẽ] có tên là Udāyi."

1063. Tham, sân, si mê, ngã mạn và gièm pha đều bị tiêu hoại. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1064. Là người có sự tinh cần, cẩn trọng, tôi cũng đã làm vui lòng đấng Toàn Giác. Và đấng Toàn Giác được hoan hỷ, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1065. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāḷudāyī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāḷudāyī" là phần thứ tư.

35. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA (*Mogharājattherāpadānaṃ*)

1066. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác Atthadassī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã bước đi ở trên đường lộ, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng.

1067. Được tùy tùng bởi những người học trò, tôi đã lìa khỏi căn nhà. Sau khi đi ra khỏi nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1068. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian:

1069. "Cho đến các chúng sanh thuộc sắc giới, vô sắc giới, hoặc vô tưởng, tất cả các chúng sanh ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1070. Người nào dùng tấm lưới lỗ nhỏ vây quanh nước, bất cứ loài sinh vật nào ở trong nước, chúng đều ở trong tấm lưới.

1071. Chúng sanh thuộc sắc giới và vô sắc giới là có tâm tư, tất cả các chúng sanh ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1072. Ngài tiếp độ thế gian dẫy đầy tăm tối này. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bọn họ vượt qua được luồng [suy nghĩ về] hoài nghi.

1073. Thế gian bị bao trùm bởi vô minh, bị tràn ngập bởi bóng tối. Trong khi trí tuệ của Ngài đang chiếu sáng, các bóng tối đều bị tiêu diệt.

1074. Ánh mắt của Ngài là sự xua đi bóng tối lớn lao của tất cả [chúng sanh]. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, nhiều người được Niết-bàn.

1075. Sau khi đã đổ đầy mật ong tinh khiết vào cái hũ, tôi đã nâng lên bằng cả hai tay và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

1076. Đấng Đại Hùng, bậc Đại Ẩn Sĩ đã tự tay thọ nhận. Và sau khi thọ dụng [mật ong] ấy, đấng Toàn Tri đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

1077. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư Atthadassī, đấng Nhân Ngưu, trong khi làm tâm của tôi được tịnh tín, đã nói lên những lời kệ này:

1078. "Người nào đã tán dương trí tuệ này, đã ngợi ca đức Phật tối thượng, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến chốn khổ đau.

1079. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười bốn lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

1080. Rồi [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, sẽ cai quản vô số xứ sở và quốc độ ở trái đất.

1081. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

1082. [Người ấy] sẽ dùng trí tuệ suy xét về ý nghĩa thâm sâu vi tế và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Mogharāja.

1083. [Người ấy] sẽ được thành tựu ba minh, sẽ là vị có phận sự đã được làm xong và sẽ trở thành bậc Không Còn Lậu Hoặc. Đấng Xa Phu Cao Cả Gotama sẽ thiết lập [người ấy] vào vị thế tối thắng."

1084. Sau khi từ bỏ sự gắn bó liên quan đến loài người, sau khi cắt đứt mối ràng buộc đối với sự tái sanh, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1085. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mogharāja" là phần thứ năm.

36. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADHIMUTTA (*Adhimuttattherāpadānaṃ*)

1086. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, tôi đã hộ độ hội chúng Tỳ-khưu với tâm ý trong sạch.

1087. Sau khi thỉnh mời hội chúng quý báu có bản thể chính trực đã được định tĩnh, tôi đã thực hiện mái che bằng cây mía và đã phục vụ bữa ăn đến hội chúng tối thượng.

1088. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1089. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây mía.

1090. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Adhimutta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Adhimutta" là phần thứ sáu.

37. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LASUṆADĀYAKA
(*Lasuṇadāyakattherāpadānaṃ*)

1091. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị đạo sĩ khổ hạnh ở không xa núi Hy-mã-lạp. Tôi sống bằng củ tỏi, củ tỏi là thực phẩm của tôi.

1092. Tôi đã chất [tỏi] đầy các túi xách rồi đã đi đến tu viện dành cho hội chúng. Được mừng rỡ, tôi đã dâng cúng củ tỏi đến hội chúng với tâm mừng rỡ.

1093. Sau khi dâng cúng củ tỏi đến hội chúng đã được thỏa thích trong giáo pháp của bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

1094. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ tỏi trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của các củ tỏi.

1095. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Lasuṇadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Lasuṇadāyaka" là phần thứ bảy.

38. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀYĀGADĀYAKA
(*Āyāgadāyakattherāpadānaṃ*)

1096. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp tối thượng.

1097. Khi ấy, sau khi thảo luận với những người thợ mộc, tôi đã dâng cúng phần tài chánh. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cho xây dựng ngôi sảnh đường dài.

1098. Tôi đã sống ở giữa chư thiên tám kiếp không bị gián đoạn. Trong các kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người].

1099. Chất độc không ngấm vào cơ thể, các loại vũ khí không hãm hại được tôi, tôi không bị chết đuối ở trong nước; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài.

1100. Nếu tôi ao ước cơn mưa thì có đám mây lớn đổ mưa xuống, ngay cả chư thiên cũng chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1101. Tôi đã là [đấng Chuyển Luân Vương] được thành tựu bảy loại châu báu ba mươi lần, không người nào chê bai tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

---

[1] *Lasuṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tỏi (*lasuṇa*)."

1102. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện ngôi sảnh đường dài trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài.

1103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āyāgadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āyāgadāyaka" là phần thứ tám.

39. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMACAKKIKA (*Dhammacakkikattherāpadānaṃ*)

1104. Phía trước bảo tọa sư tử của đức Thế Tôn Siddhattha, tôi đã thiết lập bánh xe pháp đã được làm khéo léo, đã được ngợi khen bởi các bậc trí thức.

1105. Với dáng vóc lịch sự, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi được rực rỡ. Nhiều người thường xuyên gắn bó, vây quanh tôi.

1106. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn phục vụ tôi, với đoàn tùy tùng tôi được rực rỡ; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1107. [Kể từ khi] tôi đã thiết lập bánh xe [pháp] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh xe pháp.

1108. Trước đây mười một kiếp, đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Sahassarāja, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1109. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammacakkika[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammacakkika" là phần thứ chín.

40. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAPPARUKKHIYA (*Kapparukkhiyattherāpadānaṃ*)

1110. Ở phía trước ngôi bảo tháp tối thượng của đức Thế Tôn Siddhattha, tôi đã treo giăng những tấm vải nhiều màu sắc và đã thiết lập cây như ý.

1111. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có cây như ý rực rỡ hiện diện ở cánh cửa lớn của tôi.

1112. Tôi và luôn cả nhóm tùy tùng là những người sống nương tựa vào tôi, chúng tôi luôn luôn lấy vải từ cây như ý ấy rồi mặc vào.

1113. Kể từ khi tôi đã thiết lập cây [như ý] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cây như ý.

---

[2] *Āyāgadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sảnh đường dài (*āyāga*)."

[3] *Dhammacakkika* nghĩa là "vị có bánh xe (*cakka*) giáo pháp (*dhamma*)."

1114. Và trước đây vào kiếp thứ bảy, đã có tám vị Sát-đế-lỵ tên Suceḷa, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kapparukkhiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kapparukkhiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Kuṇḍa, vị Sāgata, vị Kaccāna, vị Udāyi, vị Mogharāja, vị Adhimutta, vị dâng cúng củ tỏi, vị có sảnh đường dài, vị liên quan bánh xe pháp và vị có cây như ý là thứ mười, [tổng cộng] là một ngàn hai trăm câu kệ.

Phẩm Kuṇḍadhāna là phẩm thứ tư.

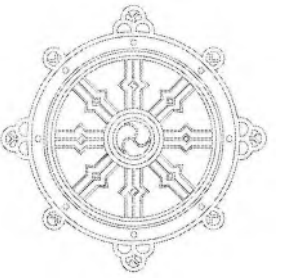

[4] *Kapparukkhiya* nghĩa là "vị liên quan đến cây (*rukkha*) như ý (*kappa*)."

V. PHẨM UPĀLI
(*UPĀLIVAGGO*)

41. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀGINEYYA-UPĀLI
(*Bhāgineyya-Upālittherāpadānaṃ*)

1116. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu. Gắn bó với sự độc cư, Ngài ra đi [một mình] để thiền tịnh.

1117. Là vị trang phục bằng da dê mang theo ba gậy chống [để máng vật dụng], tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1118. Tôi đã đắp tấm da dê ở một bên vai rồi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1119. "Giống như các loài sanh ra trong quả trứng, các loài [sanh ra] ở nơi ẩm thấp, các loài có sự hóa sanh, các loài sanh ra từ nước, tất cả các loài có cánh như các con quạ, v.v... luôn luôn có sự di chuyển ở không trung.

1120. Bất cứ hạng nào có mạng sống và sự hiện hữu dầu là hữu tưởng hoặc vô tưởng, tất cả các hạng ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1121. Và các hương thơm nào thuộc núi non ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng, tất cả các hương thơm ấy cũng không sánh bằng một phần giới [hương] của Ngài.

1122. Thế giới này luôn cả chư thiên bị lao vào sự tăm tối của si mê. Và trí tuệ của Ngài trong lúc chiếu sáng đã hủy diệt các sự tăm tối.

1123. Giống như khi mặt trời đã lặn, các chúng sanh đi đến sự tối tăm; tương tợ như vậy, khi đức Phật không xuất hiện, thế gian đi đến sự si mê.

1124. Bạch đức Phật tối thượng, giống như mặt trời đang mọc lên luôn luôn làm tiêu tan bóng tối, tương tợ y như thế, Ngài luôn luôn tiêu diệt sự si mê.

1125. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, Ngài là đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên. Do đã được hài lòng với việc làm của Ngài, Ngài đã làm cho nhiều chúng sanh được hoan hỷ."

1126. Sau khi tùy hỷ với toàn bộ sự việc ấy, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, đấng Trí Tuệ đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời.

1127. Sau khi đã bay lên, bậc Toàn Giác, vị Đại Ẩn Sĩ Padumuttara, đấng Đạo Sư, đứng trên không trung đã nói lên những lời kệ này:

1128. "Người nào ca ngợi trí tuệ này bằng cách liên hệ với các ví dụ so sánh, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

1129. Người ấy sẽ trở thành vị Thiên vương mười tám lần, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần.

1130. Và [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

1131. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka, sẽ xuất hiện ở thế gian.

1132. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, [người ấy] sẽ có tên là Upāli dầu là hạ tiện về dòng dõi.

1133. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ từ bỏ điều ác. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

1134. Được hoan hỷ, đức Phật Gotama, người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao ấy, sẽ thiết lập vị đã được hiểu biết về Luật ấy vào vị thế tối thắng."

1135. Do đức tin, tôi đã xuất gia, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1136. Và đức Thế Tôn đã thương tưởng đến tôi. Tôi có sự tự tin về Luật. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, tôi sống không còn lậu hoặc.

1137. Được thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, tôi nắm giữ toàn bộ tất cả về Luật là nguồn phát sanh lên châu báu.

1138. Và bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã biết được đức hạnh của tôi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, Ngài đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhāgineyya-Upāli" là phần thứ nhất.

42. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆAKOṬIKAṆṆA
(*Soṇakoṭikaṇṇattherāpadānaṃ*)

1140. Tôi đã thực hiện sự tô trét bằng vôi bột và đã cho xây dựng đường kinh hành của bậc Hiền Trí Anomadassī, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1141. Tôi đã trải lót đường kinh hành với những bông hoa có màu sắc khác nhau. Sau khi thực hiện mái che ở không trung, tôi đã chăm lo bữa ăn đến đức Phật tối thượng.

1142. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Khi ấy, tôi đã dâng tặng ngôi giảng đường dài đến đức Thế Tôn.

1143. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn đã thọ nhận, vì lòng bi mẫn.

1144. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Xứng Đáng Cúng Dường [ở thế gian] luôn cả chư thiên đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

1145. "Người nào với tâm mừng rỡ đã thực hiện ngôi giảng đường dài cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1146. Vào thời điểm tử biệt của người có được nghiệp phước thiện này, ngay lập tức sẽ hiện diện cỗ xe ngựa được thắng một ngàn con.

1147. Người nam này sẽ đi đến thế giới chư thiên bằng cỗ xe ấy. Khi sự việc tốt lành được thành tựu, chư thiên sẽ tùy hỷ.

1148. [Người này] sẽ cư ngụ ở cung điện có các nhà mái nhọn cao quý, vô cùng giá trị, đứng đầu trong các cung điện, có vữa tô là châu báu và đất sét.

1149. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành vị Thiên vương trong hai mươi lăm kiếp.

1150. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Tất cả các vị ấy đều có chung một tên là Yasodhara với cùng ý nghĩa.

1151. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu và gom góp sự tích lũy về phước thiện, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở kiếp thứ hai mươi tám.

1152. Cũng ở tại nơi ấy, có cung điện cao quý đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. [Người này] sẽ cư ngụ tại thành phố được náo nhiệt với mười loại tiếng động ấy.

1153. Vô lượng kiếp về sau, [người này] với tên là Okkāka sẽ là vị vua ở trong xứ sở, là đấng bảo hộ trái đất có đại thần lực.

1154. Và người nữ cao quý ấy trong số tất cả mười sáu ngàn nữ nhân, là vị nữ Sát-đế-lỵ đã được sanh ra cao quý, sẽ hạ sanh chín người con.

1155. Sau khi sanh chín người con, người nữ Sát-đế-lỵ sẽ chết đi. Một người nữ khác trẻ trung và yêu dấu sẽ làm hoàng hậu chánh cung.

1156. Sau khi làm đức vua Okkāka vui thích, người con gái sẽ đạt được sự ưu đãi. Sau khi đạt được sự ưu đãi, người con gái ấy sẽ lưu đày các người con.

1157. Và những người con bị lưu đày ấy sẽ đi đến ngọn núi [Hy-mã-lạp] tối thượng. Do nỗi lo sợ vì sự chia lìa dòng dõi, tất cả bọn họ đã sống chung với các người chị.

1158. Và một người con gái sẽ bị thương tổn bởi nhiều căn bệnh. Các vị Sát-đế-lỵ sẽ vùi lấp [nàng ở trong hố đất, nói rằng]: "Chớ tách rời dòng dõi của chúng ta."

1159. Có vị Sát-đế-lỵ sẽ đưa nàng ấy đi rồi sống cùng với nàng ấy. Lúc bấy giờ, sự chia lìa có nguồn gốc gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện.

1160. Hậu duệ của hai vị ấy sẽ thuộc về dòng dõi tên là Koliya. Họ thọ hưởng của cải thuộc về nhân loại ở tại nơi ấy không phải là ít.

1161. Sau khi mệnh chung từ xác thân ấy, [người này] sẽ đi đến thế giới chư thiên. Cũng ở tại nơi ấy, [người này] sẽ có được cung điện cao quý, thích ý.

1162. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, [người này] sẽ đi đến bản thể loài người và sẽ có tên là Soṇa.

1163. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, trong khi đang nỗ lực ở trong giáo pháp của bậc Đạo sư, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.

1164. Đức Thế Tôn Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, vị có sự thấy không giới hạn, bậc có sự biết toàn diện, đấng Đại Hùng sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

1165. Tôi đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, tâm của tôi đã khéo được củng cố, tất cả nhiệm vụ đã được đặt xuống, tôi đã Niết-bàn, không còn lậu hoặc.

1166. Đấng Long Tượng dòng dõi Aṅgīrasa, tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1167. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Soṇakoṭikaṇṇa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Soṇakoṭikaṇṇa" là phần thứ nhì.

43. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶIGODHĀPUTTA BHADDIYA (*Kāḷigodhāputtabhaddiyattherāpadānaṃ*)

1168. Tất cả mọi người đi đến đức Toàn Giác Padumuttara, bậc Đại Hiền Trí có tâm từ ái, đấng Lãnh Đạo cao cả của toàn thể thế gian.

1169. Tất cả [mọi người] dâng cúng vải vóc, luôn cả chỗ nằm ngồi, thực phẩm, thức ăn và nước uống đến bậc Đạo sư [và] ở phước điền vô thượng.

1170. [Nghĩ rằng]: "Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí đến vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy", tôi đã thỉnh mời đức Phật tối thượng và luôn cả hội chúng vô thượng.

1171. Và được tôi khích lệ, những người này đã thỉnh mời đức Như Lai và toàn thể hội chúng Tỳ-khưu là phước điền vô thượng.

1172. Tôi đã sửa soạn chiếc ghế bành bằng vàng [trị giá] một trăm ngàn, được phủ thảm lông cừu, [được làm] bằng sợi len, bông gòn, chỉ lanh và bông vải, là chỗ ngồi vô cùng giá trị xứng đáng với đức Phật.

1173. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến cửa nhà của tôi.

1174. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian có danh tiếng, và đã rước Ngài vào căn nhà của mình.

1175. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã làm toại ý đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, và một trăm ngàn vị Tỳ-khưu với món cơm thượng hạng.

1176. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1177. "Người nào đã dâng cúng chỗ ngồi bằng vàng được phủ thảm len lông cừu này, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1178. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1179. [Người ấy] sẽ ngự trị một ngàn xứ sở, vương quốc ở trái đất và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần.

1180. [Người ấy] sẽ là người có gia tộc cao sang trong số tất cả các dòng dõi xuất thân. Và về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Bhaddiya."

1181. Gắn bó với sự độc cư, tôi đã cư ngụ ở nơi thanh vắng. Và tất cả các quả vị đã được tôi chứng đạt, giờ đây tôi có điều ô nhiễm đã được dứt bỏ.

1182. Biết rõ mọi việc của tôi, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddiya Kāḷigodhāyaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhaddiya Kāḷigodhāputta" là phần thứ ba.

44. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SANNIṬṬHĀPAKA
(*Sanniṭṭhāpakattherāpadānaṃ*)

1184. Sau khi tạo nên một liêu cốc nhỏ ở trong rừng, tôi sống ở trong vùng đồi núi, tự hài lòng với việc có hay không có, với việc có được danh tiếng hay không có danh tiếng.

1185. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến khu vực của tôi.

1186. Khi bậc Đại Hùng tên Padumuttara đi đến gần, tôi đã chuẩn bị tấm thảm cỏ và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

1187. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng trái āmaṇḍa và nước uống đến bậc có bản thể chính trực.

1188. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của trái āmaṇḍa.

1189. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Arindama độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sannitṭhāpaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sannitṭhāpaka" là phần thứ tư.

45. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA
(*Pañcahatthiyattherāpadānaṃ*)

1191. Bậc Toàn Giác tên Sumedha đi ở khu phố chợ, có mắt nhìn xuống, có lời nói cân nhắc, có niệm, có giác quan thu thúc.

1192. [Dân chúng] đã mang đến tôi năm bó hoa sen xanh để làm vòng hoa đội đầu. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường vật ấy đến đức Phật.

1193. Và những bông hoa được dâng lên ấy đã trở thành mái che cho bậc Đạo Sư, và đã di chuyển theo đấng Long Tượng giống như những người học trò di chuyển theo người thầy.

1194. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa cho đến ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1195. Trước đây hai ngàn kiếp, đã có năm vị Sát-đế-lỵ cùng tên Hatthiya, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1196. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcahatthiya" là phần thứ năm.

46. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMACCHADANIYA
(*Padumacchadaniyattherāpadānaṃ*)

1197. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Vipassī, nhân vật cao cả đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ dâng lên giàn hỏa thiêu.

1198. Và khi bông hoa được dâng lên giàn hỏa thiêu, nó đã bay lên hư không bầu trời. Tôi đã tạo nên và đã duy trì mái che ở không trung, nơi giàn hỏa thiêu.

1199. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[1] *Pañcahatthiya* nghĩa là "vị liên quan đến năm (*pañca*) bó (*hattha*) hoa sen xanh."

1200. Trước đây bốn mươi bảy kiếp, [tôi đã là] đấng Chuyển Luân Vương tên Padumissara, là người chinh phục bốn phương, có oai lực lớn lao.

1201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumacchadaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumacchadaniya" là phần thứ sáu.

47. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA (*Sayanadāyakattherāpadānaṃ*)

1202. Chiếc giường cao quý được trải lên bằng các lớp vải đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha, vị có tâm từ ái như thế ấy.

1203. Đức Thế Tôn đã thọ nhận chỗ nằm ngồi thích hợp. Đấng Chiến Thắng đã từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bay lên không trung.

1204. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

1205. Trước đây năm mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị tên Varuṇa Deva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1206. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sayanadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sayanadāyaka" là phần thứ bảy.

48. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAṄKAMADĀYAKA (*Caṅkamadāyakattherāpadānaṃ*)

1207. Sau khi gom góp các viên gạch, tôi đã cho xây dựng đường kinh hành của đấng Hiền Trí Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1208. Đường kinh hành đã được kiến tạo tốt đẹp, cao năm *ratana* (một mét hai lăm), dài một trăm cánh tay (năm mươi mét), đáng được trân trọng, thích ý.

1209. Đức Thế Tôn, đấng Tối Thượng Nhân Atthadassī đã thọ nhận. Ngài đã cầm lấy cát bằng bàn tay và đã nói lên những lời kệ này:

1210. "Do sự dâng cúng cát và đường kinh hành đã khéo được xây dựng này, [người ấy] sẽ thọ hưởng cát có chứa đựng bảy loại châu báu.

1211. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên ba kiếp và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1212. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ là đức vua ở quốc độ. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trái đất ba lần."

---

[2] *Padumacchadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng hoa sen hồng (*paduma*)."

[3] *Sayanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*sayana*)."

1213. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đường kinh hành.

1214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Caṅkamadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Caṅkamadāyaka" là phần thứ tám.

49. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHADDA (*Subhaddattherāpadānaṃ*)

1215. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có danh vọng lớn lao, đã tiếp độ đám đông dân chúng rồi Niết-bàn.

1216. Và trong khi bậc Toàn Giác đang Niết-bàn, mười ngàn [thế giới] đã rúng động. Khi ấy, đã có tập thể dân chúng đông đảo và chư thiên đã tụ hội lại.

1217. Sau khi cúng dường trầm hương cùng với các loại bột thơm và hoa nhài, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã thoa lên đấng Tối Thượng Nhân.

1218. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, bậc Toàn Giác ngay khi đang nằm đã nói lên những lời kệ này:

1219. "Người nào đã phủ lên [cơ thể Ta] bằng vật thơm và tràng hoa vào thời điểm cuối cùng của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1220. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến cõi trời Đẩu-suất. Sau khi cai quản vương quốc ở tại nơi ấy, người ấy sẽ đi đến cõi Hóa Lạc thiên.

1221. Sau khi cúng dường tràng hoa cao quý tối thượng theo phương thức này đây, được hài lòng với nghiệp của chính mình, người ấy sẽ thọ hưởng sự thành đạt.

1222. Người nam này cũng sẽ tái sanh ở cõi trời Đẩu-suất lần nữa. Sau khi mệnh chung từ cõi trời ấy [người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại.

1223. Người con trai dòng Sakya, đấng Long Tượng cao cả ở thế gian luôn cả chư thiên, bậc Hữu Nhãn sẽ giúp cho nhiều chúng sanh giác ngộ rồi sẽ Niết-bàn.

1224. Trong khi đã thành đạt sự xuất gia [làm đạo sĩ], được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch [người này] sẽ đi đến gặp bậc Toàn Giác, và khi ấy sẽ hỏi câu hỏi.

1225. Bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sẽ làm cho [người này] vui vẻ. Sau khi biết toàn diện về hành động phước thiện, Ngài sẽ phô bày các chân lý [cao thượng].

1226. Và được hài lòng về câu hỏi, người này sẽ hớn hở, có tâm chăm chú. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, [người này] sẽ cầu xin sự xuất gia.

---

[4] *Caṅkamadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đường đi kinh hành (*caṅkama*)."

1227. Đức Phật ấy, bậc rành rẽ về giáo pháp cao cả, sau khi nhìn thấy [người này] có tâm tịnh tín, hoan hỷ với nghiệp của mình, sẽ cho [người này] xuất gia.

1228. Sau khi nỗ lực trong giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người nam này sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

(Dứt tụng phẩm thứ năm).

1229. Được gắn liền với nghiệp quá khứ, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, tôi là người con trai chánh thống của đức Phật, đã được sanh ra từ giáo pháp, đã được tạo ra tốt đẹp.

1230. Sau khi đi đến gặp đấng Pháp Vương, tôi đã hỏi câu hỏi tối thượng. Và trong khi giảng giải về câu hỏi của tôi, Ngài đã đưa tôi vào dòng chảy giáo pháp.

1231. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống, được thỏa thích trong giáo pháp. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1232. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã Niết-bàn, không còn chấp thủ, tợ như cây đèn đã tắt vì sự cạn kiệt về dầu thắp.

1233. Đã có ngôi bảo tháp làm bằng châu báu cao bảy do-tuần. Tại nơi ấy, tôi đã cúng dường ngọn cờ tốt đẹp về mọi mặt, làm thích ý.

1234. Và vị Thinh văn hàng đầu tên Tissa của đức Phật Kassapa, người thừa tự giáo pháp của đấng Chiến Thắng, đã là con trai ruột của tôi.

1235. Do tâm ý kém cỏi, tôi đã nói lời nói không tốt đẹp với vị ấy. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng vào thời điểm cuối cùng.

1236. Tại rừng cây sāla Upavattana, ở chỗ nằm cuối cùng, đấng Hiền Trí, bậc Đại Hùng, đấng Chiến Thắng, bậc có sự lợi ích và lòng bi mẫn, đã cho [tôi] xuất gia.

1237. Giờ đây, đúng ngày hôm nay là sự xuất gia, đúng ngày hôm nay là sự tu lên bậc trên, đúng ngày hôm nay là sự viên tịch Niết-bàn trong sự hiện diện của bậc Tối Thượng Nhân.

1238. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Subhadda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Subhadda" là phần thứ chín.

50. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CUNDA (*Cundattherāpadānaṃ*)

1239. Sau khi cho thực hiện cây cột trụ dành cho đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã phủ lên bằng các bông hoa nhài.

1240. Sau khi làm hoàn tất, tôi đã đem bông hoa ấy lại gần đức Phật. Tôi đã cầm lấy phần còn lại của bông hoa và đã dâng lên đức Phật.

1241. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng tặng cây cột trụ bông hoa đến Ngài.

1242. Đấng Toàn Giác, bậc có sự nghi hoặc đã được loại trừ, được tháp tùng bởi những vị đã vượt qua các bộc lưu, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1243. "Người nào đã dâng cúng cột trụ bông hoa đang tỏa ra mùi hương của cõi trời đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1244. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến thế giới chư thiên, [và sẽ] được hội chúng chư thiên tôn trọng, được các bông hoa nhài phủ quanh.

1245. Được phát khởi từ nghiệp phước thiện, có chỗ trú ngụ cao vút làm bằng vàng và ngọc ma-ni, có cung điện sẽ được hiện ra cho vị ấy.

1246. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bốn kiếp và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1247. [Người ấy] sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

1248. [Người ấy] sẽ trở thành vị thống lãnh nhân loại tên là Dujjaya. Được nương tựa vào nghiệp của chính mình, [người ấy] sẽ thọ hưởng phước báu ấy.

1249. [Người ấy] sẽ không đi đến đọa xứ và sẽ đi đến bản thể nhân loại. Và số vàng không ít hơn một trăm *koṭi* (một tỷ) sẽ được tích lũy [cho người ấy].

1250. Người ấy sẽ sanh vào dòng dõi Bà-la-môn và sẽ là người con trai ruột thông minh yêu dấu của [Bà-la-môn] Vaṅganta và bà Sārī.

1251. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Aṅgīrasa [Phật Gotama] và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Cūlacunda.

1252. Người ấy sẽ trở thành bậc có lậu hoặc được đoạn tận ngay khi còn là vị Sa-di. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người ấy sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1253. Tôi đã phục vụ đấng Đại Hùng và nhiều vị hiền đức khác, và tôi đã hầu cận người anh trai của tôi nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

1254. Tôi đã phục vụ người anh trai của tôi,[5] tôi đã đặt Xá-lợi [của anh tôi] ở trong bình bát và đã trình lên đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

1255. Đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên đã cầm lấy bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy, Ngài đã tán dương vị Thinh văn hàng đầu.

---

[5] Anh trai của vị Cunda này là Ngài Sāriputta, tức là vị Thinh văn hàng đầu.

1256. Tâm của tôi đã khéo được giải thoát, đức tin của tôi đã được thiết lập. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1257. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Cunda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Cunda" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Upāli, vị Soṇa, vị Bhaddiya, vị Sannitṭhāpaka, vị Hatthiya, mái che, giường nằm, đường kinh hành, vị Subhadda, vị tên Cunda; [tổng cộng] có một trăm bốn mươi câu kệ và bốn câu thêm vào đó.

Phẩm Upāli là phẩm thứ năm.

VI. PHẨM VĪJANĪ
(*VĪJANĪVAGGO*)

51. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIDHŪPANADĀYAKA
(*Vidhūpanadāyakattherāpadānaṃ*)

1258. Chiếc quạt đã được tôi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1259. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1260. Sau khi cầm lấy chiếc quạt, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian trong khi đang đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này:

1261. "Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người ấy] không sa vào đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp."

1262. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, được định tĩnh là đức tính của tâm, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1263. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, đã có mười sáu vị vua tên Vījamāna là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1264. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vidhūpanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vidhūpanadāyaka" là phần thứ nhất.

52. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATARAṂSIKA
(*Sataraṃsikattherāpadānaṃ*)

1265. Sau khi trèo lên tảng đá cao, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống. Tôi là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, [cư ngụ] ở không xa ngọn núi.

1266. Khi đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, bậc Nhân Ngưu đã ngồi xuống, tôi đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1267. "Vị này là đức Phật, đấng Đại Hùng, bậc giảng giải về giáo pháp cao quý, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu, chói sáng như là đống lửa.

1268. Tợ như đại dương không bị suy suyển, tợ như biển cả khó mà vượt

---

[1] *Vidhūpanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái quạt (*vidhūpana*)."

qua, bậc Hữu Nhãn thuyết giảng giáo pháp tợ như [con sư tử], vua của loài thú không bị hãi sợ."

1269. Biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

1270. "Sự chắp tay này đã được dâng cúng và đức Phật tối thượng đã được ngợi ca bởi người nào, [người ấy] sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp.

1271. Cho đến một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Toàn Giác tên Aṅgīrasa, vị đã dứt bỏ tội lỗi, sẽ hiện khởi.

1272. [Người ấy] sẽ là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, là vị A-la-hán với tên Sataraṃsī."

1273. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có ánh sáng tỏa ra, [cho nên] tôi có tên là Sataraṃsī [trăm tia sáng].

1274. Ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi là người có thiền chứng, được thỏa thích về thiền. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1275. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, [đã có] bốn vị có tên Rāma là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1276. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sataraṃsika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sataraṃsika" là phần thứ nhì.

53. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA
(*Sayanadāyakattherāpadānaṃ*)

1277. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chiếc giường đến đức Phật Padumuttara ấy, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian.

1278. Do sự dâng cúng chiếc giường ấy, có sự thành tựu của hạt giống [đã được gieo] ở thửa ruộng tốt, các của cải được sanh lên cho tôi đây; điều này là quả báo của chiếc giường.

1279. Tôi thực hiện việc nằm ngủ ở trên không trung, tôi nâng đỡ trái đất này, tôi có quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng; điều này là quả báo của chiếc giường.

1280. [Trước đây] năm ngàn kiếp, đã có tám vị [tên là] Mahāvara. Và [trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, [đã có] bốn vị có oai lực lớn lao.

1281. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sayanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sayanadāyaka" là phần thứ ba.

---

[2] *Sayanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*sayana*)."

54. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA (*Gandhodakiyattherāpadānaṃ*)

1282. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Phật Padumuttara. Tôi đã mang theo cái bầu nước đã được trang hoàng và tôi đã dâng cúng nước có hương thơm.

1283. Vào thời điểm rưới nước cho cội Bồ-đề, có đám mây lớn đã đổ mưa. Và đã có tiếng động lớn trong lúc sấm sét đang nổ ra.

1284. Tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy [và đã tái sanh] tợ như tốc độ của tia sét ấy. Trong khi đứng ở thế giới chư thiên, tôi đã nói lên lời kệ này:

1285. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống thì tôi sướng vui ở thế giới chư thiên."

1286. Chỗ trú ngụ của tôi cao vút, có một trăm tầng lầu được vươn lên, có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi.

1287. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, sự sầu muộn của tôi không có, tôi không nhìn thấy sự bực bội; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1288. [Trước đây] hai ngàn tám trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Saṃvasita, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1289. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhodakiya" là phần thứ tư.

55. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO OPAVAYHA (*Opavayhattherāpadānaṃ*)

1290. Tôi đã dâng cúng con ngựa thuần chủng đến đức Phật Padumuttara. Sau khi dâng tặng cho bậc Toàn Giác, tôi đã đi về căn nhà của mình.

1291. Vị có tên Devala là Thinh văn hàng đầu của bậc Đạo sư, là người thừa tự của giáo pháp cao quý, đã đi đến gặp tôi [nói rằng]:

1292. "Đức Thế Tôn chỉ sử dụng bình bát và vật dụng thiết yếu của mình, con ngựa thuần chủng là không thích hợp. Biết được ý định của ngươi nên bậc Hữu Nhãn đã chấp thuận."

1293. Sau khi cho người định giá con ngựa Sindhu có tốc độ như gió là phương tiện di chuyển mau chóng, tôi đã dâng cúng vật dụng thích hợp đến đức Phật Padumuttara.

1294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những con ngựa với tốc độ như gió, đáng được thuần phục, được tô điểm, [đã] sanh lên cho tôi.

1295. Những ai đạt được sự tu lên bậc trên [với Ngài], lợi ích của những vị

[3] *Gandhodakiya* nghĩa là "vị liên quan đến nước (*udaka*) có hương thơm (*gandha*)."

ấy là đã được thành tựu tốt đẹp. Nếu đức Phật sẽ hiện hữu ở thế gian, tôi có thể gặp lại Ngài lần nữa.

1296. Tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao, là người chinh phục bốn phương, là chúa tể của xứ Jambudīpa hai mươi tám lần.

1297. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1298. [Trước đây] ba mươi bốn ngàn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ có quyền uy vĩ đại, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1299. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Opavayha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Opavayha" là phần thứ năm.

56. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRĀSANA
(*Saparivārāsanattherāpadānaṃ*)

1300. Tôi đã dâng cúng vật thực đến đức Phật Padumuttara. Tôi đã đi đến địa điểm thọ trai ấy và đã rải rắc các bông hoa nhài.

1301. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc có bản thể chính trực, định tĩnh, ngồi ở chỗ ngồi ấy đã tán dương về phần vật thực rằng:

1302. "Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm vui lòng người nông phu.

1303. Tương tợ y như thế, phần vật thực này đã được ngươi gieo xuống thửa ruộng màu mỡ, trong khi sanh ra ở cõi hữu, quả báo sẽ làm ngươi vui lòng."

1304. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã ngợi ca về phần vật thực, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1305. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, được gắn bó với sự cô tịch, tôi sống không còn lậu hoặc.

1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saparivārāsana[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivārāsana" là phần thứ sáu.

57. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCADĪPAKA
(*Pañcadīpakattherāpadānaṃ*)

1307. Sau khi đã khéo an trú trong Chánh pháp của đức Phật Padumuttara, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả sanh linh, tôi đã có được quan điểm chín chắn.

[4] *Saparivārāsana* nghĩa là "vị có vật thực (*asana*) và các vật phụ thuộc (*parivāra*)."

1308. Tôi đã dâng cúng vật thí là các cây đèn sau khi đã đặt vòng quanh cội Bồ-đề. Trong khi đang có niềm tin, tôi đã tức thời thắp sáng các cây đèn.

1309. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những người cầm đuốc ở không trung; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn.

1310. Tôi thể nghiệm được sự nhìn thấy ở xung quanh một trăm do-tuần, sau khi đã vượt xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá và ngọn núi.

1311. [Trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, các vị vua có tên Satacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao.

1312. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcadīpaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcadīpaka" là phần thứ bảy.

58. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA
(*Dhajadāyakattherāpadānaṃ*)

1314. Ở tại cội cây Bồ-đề của đức Phật Padumuttara, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã treo ngọn cờ ở chóp đỉnh của cội cây.

1315. Tôi đã nhặt các lá cây bị rụng xuống rồi đã đổ bỏ ở bên ngoài. Tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [đảnh lễ] bậc Toàn Giác là vị trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã được giải thoát, không còn lậu hoặc, đang ở trước mặt.

1316. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1317. "Do cả hai việc là dâng cúng ngọn cờ và sự phục vụ này, người ấy không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1318. [Người ấy] sẽ thọ hưởng sự huy hoàng ở cõi trời không phải là ít ở giữa chư thiên, sẽ là vị vua ở quốc độ hàng trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên Uggata.

1319. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng sự thành đạt [người ấy] sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama."

1320. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---

[5] *Pañcadīpaka* nghĩa là "vị có năm (*pañca*) cây đèn (*dīpaka*)."

1321. [Trước đây] năm mươi mốt ngàn kiếp, [tôi đã] có tên Uggata. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Megha.

1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhajadāyaka" là phần thứ tám.

59. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMA (*Padumattherāpadānaṃ*)

1323. Trong khi công bố về bốn sự thật, trong khi giúp cho đám đông dân chúng chứng ngộ Niết-bàn, bậc chuyển vận giáo pháp cao quý [đã] đổ cơn mưa bất tử.

1324. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng còn cả cuống đứng ở tầng thượng. Được mừng rỡ, tôi đã ném lên không trung [cúng dường] bậc Hiền Trí Padumuttara.

1325. Và trong khi đóa sen hồng đang đi đến, ngay khi ấy đã có điều kỳ diệu. Biết được ý định của tôi, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã nắm lấy.

1326. Sau khi cầm lấy đóa sen tối thượng trong các loài hoa bằng bàn tay hạng nhất, [đức Phật] đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1327. "Người nào đã thảy đóa sen hồng này đến đấng Toàn Tri, bậc Hướng Đạo, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1328. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi kiếp, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất bảy trăm lần.

1329. Sau khi tính đếm số lượng cánh hoa ở tại nơi ấy, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương [bấy nhiêu lần], khi ấy sẽ có trận mưa bông hoa đổ xuống từ không trung.

1330. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1331. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1332. Tôi đã ra khỏi lòng [mẹ] có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ]. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1333. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paduma đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paduma" là phần thứ chín.

---

[6] *Dhajadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cây cờ (*dhaja*)."

60. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASANABODHIYA
(*Asanabodhiyattherāpadānaṃ*)

1334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

1335. Đối với đức Thế Tôn Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề tối thượng.

1336. [Cội Bồ-đề] là giống cây mọc ở trên mặt đất có tên là Asana. Tôi đã chăm sóc cội Bồ-đề tối thượng Asana năm năm.

1337. Sau khi nhìn thấy cội cây đã được trổ hoa là điều kỳ diệu khiến lông rởn ốc. Trong khi tán dương việc làm của mình, tôi đã đi đến gặp đức Phật tối thượng.

1338. Khi ấy, bậc Toàn Giác Tissa, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả ấy, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

1339. "Người nào đã gieo trồng cội cây Bồ-đề này và đã tôn trọng sự cúng dường đức Phật, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

1340. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên ba mươi kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần.

1341. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, sau khi thọ hưởng hai sự thành đạt, người ấy sẽ sướng vui ở bản thể nhân loại.

1342. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người ấy sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1343. Tôi đã gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

1344. Kể từ khi tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc gieo trồng cội Bồ-đề.

1345. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã] được nổi tiếng với tên Daṇḍasena. Khi ấy, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1346. Trước đây bảy mươi ba kiếp, đã có bảy vị lãnh chúa là các đấng Chuyển Luân Vương tên Samantanemi.

1347. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Puṇṇaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1348. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Asanabodhiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Asanabodhiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có cây quạt, vị Sataraṃsī, chiếc giường, vị có nước hương thơm, vị có phương tiện di chuyển, vị có vật phụ thuộc, cây đèn, ngọn cờ, vị cúng dường hoa sen hồng, và cội Bồ-đề là thứ mười. Như thế, [tổng cộng] có chín mươi hai câu kệ đã được nói đến.

Phẩm Vījanī là phẩm thứ sáu.

[7] *Asanabodhiya* nghĩa là "vị liên quan đến cội Bồ-đề (Bodhi) là giống cây asana."

VII. PHẨM SAKACINTANIYA
(*SAKACINTANIYAVAGGO*)

61. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKACINTANIYA
(*Sakacintaniyattherāpadānaṃ*)

1349. Tôi đã nhìn thấy khu rừng bao la rậm rạp ít có tiếng động, không bị chộn rộn, chính là nơi trú ngụ của các vị ẩn sĩ, là địa điểm tiếp nhận các vật hiến cúng.

1350. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đã rải rắc nhiều bông hoa khác loại. Tôi đã đảnh lễ [ngôi bảo tháp] đã được tạo nên, như là [đảnh lễ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt.

1351. Trở thành vị vua được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của quốc độ, tôi hài lòng với nghiệp của chính mình; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1352. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1353. [Trước đây] tám mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương Anantayasa, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

1354. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakacintaniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sakacintaniya" là phần thứ nhất.

62. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVOPUPPHIYA
(*Avopupphiyattherāpadānaṃ*)

1355. Sau khi đi ra khỏi trú xá và bước lên ở con đường kinh hành, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về đạo lộ bất tử.

1356. Nhận biết được giọng nói của đấng Sikhī là đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy nhiều loại bông hoa và đã tung lên ở không trung.

1357. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được vị thế bất động.

1358. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp,

[1] *Sakacintaniya* nghĩa là "vị có sự suy nghĩ (*cintana*) của chính mình (*saka*)."

tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1359. Trước đây hai mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1360. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avopupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avopupphiya" là phần thứ nhì.

63. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCĀGAMANIYA
(*Paccāgamaniyattherāpadānaṃ*)

1361. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài ngỗng đỏ ở bờ sông Sindhu. Và tôi đã khéo ngăn ngừa các điều ác, có thức ăn thuần là loài thảo mộc ở trong nước.

1362. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. Tôi đã dùng mỏ ngắt lấy bông hoa sāla và đã dâng lên [đức Phật] Vipassī.

1363. "Người nào có niềm tin ở đức Như Lai không bị lay chuyển khéo được thiết lập, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh."

1364. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. Hạt giống tốt đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài chim.

1365. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1366. [Trước đây] mười bảy kiếp, tám vị này có cùng một tên là Sucārudassana. Họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1367. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccāgamaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccāgamaniya" là phần thứ ba.

64. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PARAPPASĀDAKA
(*Parappasādakattherāpadānaṃ*)

1368. "Ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, đấng Anh Hùng cao thượng quý phái, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Chinh Phục mà không tịnh tín?

1369. Tợ như núi Hy-mã-lạp là không thể đo lường được, tợ như biển cả là khó mà vượt qua, tương tợ y như thế về thiền của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

1370. Giống như trái đất với vòng đai rừng đa dạng là không thể ước lượng được, tương tợ y như thế về giới của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

---

[2] *Paccāgamaniya* nghĩa là "vị có sự quay trở lại (*pati-ā-gamana*)."

1371. Tợ như không gian là không bị khuấy động, giống như bầu trời là không thể tính đếm, tương tợ y như thế về trí của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?"

1372. Vị Bà-la-môn tên Sena đã ngợi ca đức Phật tối thượng, bậc Không Bị Đánh Bại Siddhattha, bằng bốn câu kệ này.

1373. [Vị ấy] đã không đi đến khổ cảnh trong chín mươi bốn kiếp, đã thọ hưởng sự thành đạt tốt đẹp ở các cõi trời không phải là ít.

1374. Sau khi ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

1375. [Trước đây] mười bốn kiếp, đã có bốn vị tên Uggata, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1376. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Parappasādaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Parappasādaka" là phần thứ tư.

65. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA
(*Bhisadāyakattherāpadānaṃ*)

1377. Bậc có tên Vessabhū đã là vị thứ ba trong số các bậc Ẩn Sĩ.[4] Bậc Tối Thượng Nhân đã đi sâu vào rừng và đã cư ngụ ở khu rừng rậm.

1378. Tôi đã cầm lấy củ và rễ sen rồi đã đi đến gần bên đức Phật. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên vật ấy đến đức Phật.

1379. Và bằng cái vòi tôi đã được va chạm với bậc Có Sự Giác Ngộ Cao Quý Vessabhū. Tôi chưa biết đến sự sung sướng nào bằng hoặc hơn điều ấy.

1380. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Điều lành đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài long tượng.

1381. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

1382. Và [trước đây] mười ba kiếp, đã có mười sáu vị vua tên Samodhāna, là các bậc thống lãnh nhân loại, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1383. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka" là phần thứ năm.

---

[3] *Parappasādaka* nghĩa là "vị tạo cho người khác (*para*) có được đức tin (*pasādaka*)."

[4] Là vị thứ ba trong số ba vị Phật Toàn Giác: Vipassī, Sikhī, Vessabhū (*ApA*. 389).

[5] *Bhisadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ sen (*bhisa*)."

66. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

1384. Tôi đã là người [thợ săn] lai vãng ở các khu vực hiểm trở của những ngọn núi. Tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, tôi giết các bầy thú rừng và sống ở trong vùng đồi núi.

1385. Về phần đức Thế Tôn Atthadassī, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến ngọn núi cao nhất.

1386. Sau khi giết chết con nai đốm, tôi đã tiến đến để ăn thịt. Vào lúc ấy, đức Thế Tôn trong lúc khất thực đã đi đến gần.

1387. Tôi đã cầm lấy những miếng thịt ngon và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư ấy. Khi ấy, trong lúc giúp cho tôi chứng đạt Niết-bàn, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ.

1388. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đi vào khu vực hiểm trở của ngọn núi. Sau khi làm cho niềm phỉ lạc sanh khởi, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

1389. Do sự dâng cúng thịt ấy và do các nguyện lực của tâm, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn năm trăm kiếp.

1390. Do chính sự dâng cúng thịt ấy và sự tưởng niệm về đức Phật, trong những kiếp còn lại điều lành đã được tôi tích lũy.

1391. [Trước đây] ba mươi tám kiếp, đã có tám vị tên là Dīghāyu. Trước đây sáu ngàn kiếp, đã có hai vị tên là Varuṇa.

1392. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sucintita" là phần thứ sáu.

67. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VATTHADĀYAKA (*Vatthadāyakattherāpadānaṃ*)

1393. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim có màu sắc đẹp đẽ, là vị thống lãnh loài nhân điểu. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang đi ở núi Gandhamādana.

1394. Sau khi bỏ đi dáng vóc của loài nhân điểu, tôi đã mang lốt người thanh niên. Tôi đã dâng cúng một tấm vải đến đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1395. Và sau khi tiếp nhận mảnh vải ấy, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc Đạo Sư đứng ở không trung, đã nói lên lời kệ này:

1396. "Do sự dâng cúng tấm vải này và do các nguyện lực của tâm, sau khi từ bỏ nguồn gốc nhân điểu [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên."

1397. Và sau khi ca ngợi sự dâng cúng tấm vải, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

---

[6] *Sucintita* nghĩa là "vị đã suy nghĩ (*cintita*) khôn khéo (*su*)."

1398. Trong khi sanh ra ở cõi hữu, tôi có được sự thành tựu về vải vóc, có được mái che ở trên không trung; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

1399. [Trước đây] ba mươi sáu kiếp, đã có bảy người tên Aruṇaka là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, là các vị thống lãnh nhân loại.

1400. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vatthadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vatthadāyaka" là phần thứ bảy.

68. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBADĀYAKA (*Ambadāyakattherāpadānaṃ*)

1401. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc không còn mầm mống tái sanh, ngồi ở vùng đồi núi đã lan tỏa với tâm từ ái ở thế gian vô hạn lượng.

1402. Khi ấy, tôi đã là con khỉ ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng. Sau khi nhìn thấy đấng Anoma Vô Lượng, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật.

1403. Lúc bấy giờ, ở không xa núi Hy-mã-lạp có những cây xoài đã được kết trái. Tôi đã hái trái chín từ nơi ấy và đã dâng cúng trái xoài cùng với mật ong.

1404-05. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Anomadassī đã chú nguyện điều ấy cho tôi rằng: "Do cả hai việc là sự dâng cúng mật ong và sự dâng cúng trái xoài này, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong năm mươi bảy kiếp, và trong những kiếp còn lại sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người].

1406. [Người ấy] sẽ làm cho nghiệp ác được loại trừ nhờ vào trí giác ngộ đã được hoàn toàn chín muồi, sẽ không đi đến đọa xứ, và sẽ thiêu đốt các phiền não."

1407. Tôi đã được huấn luyện với sự huấn luyện tối thượng bởi bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1408. [Trước đây] bảy ngàn bảy trăm kiếp, mười bốn vị vua ấy có tên Ambaṭṭhaja đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1409. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambadāyaka" là phần thứ tám.

69. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANA (*Sumanattherāpadānaṃ*)

1410. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên là Sumana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian.

1411. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài tối thượng bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

---

[7] *Vatthadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải (*vattha*)."

[8] *Ambadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái xoài (*amba*)."

1412. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tác ý, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1413. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1414. [Trước đây] hai mươi sáu kiếp, đã có bốn vị vua có danh vọng lớn lao là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1415. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumana" là phần thứ chín.

70. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACAṄGOṬIYA (*Pupphacaṅgoṭiyattherāpadānaṃ*)

1416. [Đức Phật Sikhī] tợ như loài sư tử có dáng vóc không bị hãi sợ, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con chim thuộc loài nhân điểu cao cả.

1417. Đức Phật Sikhī, nơi nương nhờ của tam giới, vị không còn dục vọng, bậc không bị đánh bại, đấng cao cả trong số các vị Sa-môn đã ngồi xuống, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1418. Tôi đã đặt để bông hoa anojā thượng hạng ở trong cái rương. Với chính cái rương ấy, tôi đã đâng đến đức Phật tối thượng.

1419. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được vị thế bất động.

1420. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1421. [Trước đây] tròn đủ ba mươi kiếp, đã có năm vị tên Devabhūti, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1422. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphacaṅgoṭiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphacaṅgoṭiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự suy nghĩ của mình, vị Avopupphī, cùng với vị có sự quay trở lại, vị có sự tạo niềm tin cho người khác, vị dâng cúng củ sen, vị có sự suy nghĩ khôn khéo, vị cúng dường tấm vải, vị dâng cúng xoài, vị Sumana và luôn cả vị có cái rương bông hoa. [Tổng cộng] có bảy mươi mốt câu kệ đã được nói lên, đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Sakacintaniya là phẩm thứ bảy.

---

[9] *Pupphacaṅgoṭiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái rương (*caṅgoṭaka*) có chứa đựng bông hoa (*puppha*)."

VIII. PHẨM NĀGASAMĀLA
(*NĀGASAMĀLAVAGGO*)

71. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGASAMĀLA
(*Nāgasamālattherāpadānaṃ*)

1423. Tôi đã dâng lên bông hoa āpāṭali ở ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī [được tạo lập] ở khu vực cao ráo tại con đường lớn.

1424. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1425. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Bhūmiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1426. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgasamāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgasamāla" là phần thứ nhất.

72. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADASAÑÑAKA
(*Padasaññakattherāpadānaṃ*)

1427. Sau khi nhìn thấy vết chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở bàn chân của Ngài.

1428. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về vết chân [của đức Phật].

1429. Trước đây vào kiếp thứ bảy, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1430. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padasaññaka" là phần thứ nhì.

73. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

1431. Tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo sư được

[1] *Padasaññaka* nghĩa là "vị có sự suy tưởng (*saññaka*) về vết chân (*pada*) của đức Phật."

treo ở ngọn cây, do đó tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ ấy.

1432. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

1433. Trước đây vào kiếp thứ tư, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ [tên] Dumasāra, là người chinh phục bốn phương, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1434. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ ba.

74. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISĀLUVADĀYAKA (*Bhisāluvadāyakattherāpadānaṃ*)

1435. Tôi đi sâu vào khu rừng rậm và cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

1436. Tôi đã dâng cúng củ sen và nước rửa tay. Sau khi đê đầu đảnh lễ ở bàn chân, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1437. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phước thiện.

1438. Trước đây vào kiếp thứ ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Bhisa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1439. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisāluvadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisāluvadāyaka" là phần thứ tư.

75. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA (*Ekasaññakattherāpadānaṃ*)

1440. Vị có tên Khaṇḍa đã là bậc Thinh văn hàng đầu của [đức Phật] Vipassī. Một phần vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian.

1441. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Nhân Ngưu, bậc Chúa Tể Của Loài Người, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một phần vật thực.

1442. Trước đây bốn mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Varuṇa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1443. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Bhisāluvadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ sen (*bhisāluva*)."

Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekasaññaka" là phần thứ năm.

76. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA (*Tiṇasantharadāyakattherāpadānaṃ*)

1444. Ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn được bao phủ bởi trăm loại lá cây và là chỗ cư ngụ của nhiều loại chim khác nhau.

1445. Tôi đã tắm và đã uống nước tại nơi ấy, và tôi cư ngụ ở không xa. Tôi đã nhìn thấy bậc đứng đầu các vị Sa-môn đang di chuyển bằng đường không trung.

1446. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, ngay khi ấy đã từ cung trời ngự xuống đứng ở trên mặt đất.

1447. Bằng cái sừng, tôi đã đem cỏ lại và đã dâng cúng chỗ ngồi. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Ba Cõi đã ngồi xuống ở tại chỗ ấy.

1448. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã khom mình xuống di chuyển sang một bên trong lúc đang chiêm ngưỡng bậc Đại Hiền Trí.

1449. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải lót [chỗ ngồi].

1450. Trước đây vào kiếp thứ nhì, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Miga, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1451. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka" là phần thứ sáu.

77. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA (*Sūcidāyakattherāpadānaṃ*)

1452. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, [đã hiện khởi] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng.

1453. Có màu da vàng chói, Ngài là đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy. Năm cây kim khâu đã được tôi dâng cúng đến Ngài nhằm mục đích may y.

1454. Chính nhờ vào việc dâng cúng kim khâu ấy mà trí tuệ sắc bén, nhẹ nhàng, thoải mái, có sự nhận thấy rõ ý nghĩa vi tế, đã sanh khởi đến tôi.

1455. Bốn vị Vua tên Dipadādhipati đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[3] *Ekasaññaka* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy tưởng (*saññā*)."

[4] *Tiṇasantharadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm thảm (*santhara*) bằng cỏ (*tiṇa*)."

1456. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1457. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sūcidāyaka" là phần thứ bảy.

78. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬALIPUPPHIYA
(*Pāṭalipupphiyattherāpadānaṃ*)

1458. Lúc bấy giờ, tôi đã là con trai nhà triệu phú, mảnh mai, khéo được nuôi dưỡng. Tôi đã đặt bông hoa pāṭali vào lòng và đã mang theo bông hoa ấy.

1459. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, tợ như cây cột trụ bằng vàng.

1460. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cúng dường bông hoa. Tôi đã lễ bái Đấng Hiểu Biết Thế Gian Tissa, đấng Bảo Hộ, vị Trời của nhân loại.

1461. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1462. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisammata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1463. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭalipupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāṭalipupphiya" là phần thứ tám.

79. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ṬHITAÑJALIYA
(*Ṭhitañjaliyattherāpadānaṃ*)

1464. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Có Tướng Mạo Cao Quý Tissa.

1465. Ngài đang ngồi ở nơi không xa, trên chiếc thảm lá của mình. Tôi đã chắp tay lại đối với Ngài rồi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1466. Sau đó, tia sét đánh xuống vào lúc ấy đã giáng vào đầu của tôi. Vào thời điểm mệnh chung, tôi đây đã thực hiện việc chắp tay lần nữa.

1467. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc chắp tay trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

1468. [Trước đây] năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị có tên Migaketu, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1469. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Sūcidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) kim khâu (*sūci*)."

[6] *Pāṭalipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) pāṭali."

Đại đức Trưởng lão Ṭhitañjaliya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ṭhitañjaliya" là phần thứ chín.

80. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIPADUMIYA (*Tipadumiyattherāpadānaṃ*)

1470. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Là bậc đã [tự mình] rèn luyện được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi thành phố.

1471. Lúc bấy giờ, ở thành phố Haṃsavatī tôi đã là người làm tràng hoa. Tại nơi ấy bông hoa nào là tuyệt hảo, tôi đã cầm lấy ba bông hoa [ấy].

1472. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, ở lối đi ngược lại tại khu phố chợ. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, vào lúc ấy tôi đây đã suy nghĩ như vầy:

1473. "Ta được gì với những bông hoa này khi ta đem chúng dâng đến đức vua? Ta có thể đạt được ngôi làng, hoặc cánh đồng làng, hoặc ngàn đồng tiền?

1474. Đấng Bảo Hộ Thế Gian là vị điều phục những ai chưa được điều phục, là bậc Trí Tuệ, là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, sau khi cúng dường Ngài ta sẽ đạt được tài sản bất tử."

1475. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Khi ấy, tôi đã cầm ba đóa [hoa sen] màu đỏ và đã ném lên không trung.

1476. Ngay khi vừa được tôi ném lên không trung, các bông hoa ấy đã xòe ra. Chúng duy trì tại nơi ấy ở trên đầu, có cuống hoa ở phía trên, miệng hoa ở phía dưới.

1477. Sau khi nhìn thấy, bất cứ những ai thuộc loài người thì đã thốt lên tiếng hoan hô, chư thiên ở trên không trung thì đã thể hiện hành động tán thán:

1478. "Điều kỳ diệu đã xuất hiện ở thế gian nhờ vào tác động của đức Phật tối thượng. Tất cả chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp nhờ vào tác động của những bông hoa."

1479. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đứng ở ngay tại đường lộ, đã nói lên những lời kệ này:

1480. "Người thanh niên nào đã cúng dường đức Phật bằng ba đóa sen hồng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1481. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp.

1482. Ngay lập tức sẽ hiện ra cung điện tên Mahāvitthārika, có chiều dài ba trăm do-tuần, chiều rộng một trăm năm mươi do-tuần.

1483. Và có bốn trăm ngàn tháp nhọn sẽ được hóa hiện ra, có các nhà mái nhọn cao quý, được đầy đủ các giường nằm rộng lớn.

1484. Hàng trăm ngàn *koṭi* nàng tiên thiện xảo về điệu vũ và lời ca, lại còn được thuần thục về trình tấu nhạc cụ nữa, sẽ quây quần xung quanh.

---

[7] *Ṭhitañjaliya* nghĩa là "vị đã đứng (*ṭhita*) chắp tay (*añjali*)."

1485. [Người này] sẽ sống ở tại cung điện cao quý như thế ấy trong sự chộn rộn của đám nữ nhân, thường xuyên có cơn mưa bông hoa thuộc về cõi trời có màu đỏ.

1486. Đồng thời sẽ có những bông hoa màu đỏ có kích thước bằng bánh xe treo lơ lửng ở chốt gắn tường bằng ngà voi ở bên ngoài cánh cửa, ở cổng chào.

1487. Tại nơi ấy, bên trong cung điện cao quý được lót toàn bằng cánh hoa, [và các cánh hoa] sau khi được trải ra và phủ lên thì sẽ nhập chung với nhau ngay lập tức.

1488. Các bông hoa màu đỏ tinh khiết ấy bao bọc xung quanh nơi cư ngụ một trăm do-tuần và tỏa ngát hương thơm cõi trời.

1489. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

1490. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, không có tai họa, không có sự nguy khốn, khi kiếp sống cuối cùng được đạt đến [người này] sẽ chạm đến Niết-bàn."

1491. Quả nhiên đức Phật đã được tôi nhìn thấy rõ ràng, thương vụ đã được kinh doanh khéo léo; sau khi cúng dường ba đóa hoa sen hồng, tôi đã thọ hưởng ba sự thành tựu.

1492. Hôm nay, tôi là người đã đạt được giáo pháp, đã được giải thoát một cách trọn vẹn. Có bông sen đỏ khéo nở rộ sẽ được duy trì ở trên đầu của tôi.

1493. Trong lúc bậc Đạo Sư Padumuttara đang thuyết giảng về việc làm của tôi, đã có sự chứng ngộ giáo pháp của hàng ngàn chúng sanh và sinh mạng.

1494. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa sen hồng.

1495. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tipadumiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tipadumiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão có tràng hoa, vị có sự suy tưởng về dấu chân, vị có sự suy tưởng [về đức Phật], vị dâng cúng củ sen, vị suy tưởng về một phần [vật thực], vị dâng cúng cỏ, [vị dâng cúng] kim khâu, vị có các bông hoa pāṭali, vị đứng chắp tay, vị có ba đóa sen hồng; [tổng cộng] có bảy mươi lăm câu kệ.

Phẩm Nāgasamāla là phẩm thứ tám.

[8] *Tipadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) đóa sen hồng (*paduma*)."

IX. PHẨM TIMIRAPUPPHIYA
(*TIMIRAPUPPHIYAVAGGO*)

81. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA
(*Timirapupphiyattherāpadānaṃ*)

1497. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā và tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đang ngồi, thanh tịnh, không bị chộn rộn.

1498. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đã vượt qua, vị này sẽ giúp cho vượt qua. Đã rèn luyện, vị này sẽ giúp cho rèn luyện.

1499. Đã được tự tại, [vị này] sẽ giúp cho tự tại. Đã được an tịnh, [vị này] sẽ giúp cho an tịnh. Đã giải thoát, [vị này] sẽ giúp cho giải thoát. Và đã Niết-bàn, [vị này] sẽ giúp cho Niết-bàn."

1500. Sau khi đã tự mình suy nghĩ như thế, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc lên đỉnh đầu của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha.

1501. Tôi đã chắp tay lên và đã đi nhiễu vòng quanh. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư, tôi đã ra đi về hướng khác.

1502. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc đi lần theo triền núi, tôi đã ngã xuống ngay tại chỗ ấy.

1503. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1504. [Trước đây] năm mươi sáu kiếp đã có đúng bảy vị có danh vọng lớn lao, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1505. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ nhất.

82. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA
(*Gatasaññakattherāpadānaṃ*)

1506. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư với tâm ý trong sạch.

---

[1] *Timirapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) timira."

1507. Tôi đã ném bảy bông hoa naṅgalikī lên không trung, [tâm] hướng về đức Phật Tissa có biển cả đức hạnh vô biên.

1508. Sau khi cúng dường con đường đã được đấng Thiện Thệ đi qua với tâm ý vui mừng, khi ấy được tịnh tín tôi đã thực hiện việc chắp tay bằng các bàn tay của mình.

1509. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1510. Trước đây vào kiếp thứ tám đã có ba vị [cùng tên] Aggisikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1511. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gatasaññaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gatasaññaka" là phần thứ nhì.

83. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIPANNAÑJALIYA
(*Nipannañjaliyattherāpadānaṃ*)

1512. Ở trong khu rừng hoang rậm tôi đã đạt được tâm bi mẫn tối cao. Tôi đã ngồi xuống ở gốc cây, và tôi đã bị bệnh trầm trọng.

1513. Vì lòng thương tưởng, bậc Đạo Sư Tissa đã đi đến bên tôi. Đang ở trạng thái nằm, tôi đây đã chắp tay lại ở đầu.

1514. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác tối thượng của tất cả chúng sanh, và tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1515. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

1516. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có đúng năm vị [cùng tên] Mahāsikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nipannañliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nipannañliya" là phần thứ ba.

84. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADHOPUPPHIYA
(*Adhopupphiyattherāpadānaṃ*)

1518. Vị Tỳ-khưu tên Abhibhū ấy có đại thần lực, có tam minh, là vị Thinh văn hàng đầu của [đức Thế Tôn] Sikhī. Vị ấy đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

---

[2] *Gatasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến con đường đức Phật đi qua (*gata*)."

1519. Tôi cũng là vị Ẩn sĩ sống ở khu ẩn cư xinh xắn tại núi Hy-mã-lạp, khi ấy tôi có năng lực trong các pháp vô lượng [tâm] và các thần thông.

1520. Tợ như loài có cánh ở trên bầu trời, tôi đã định cư ở ngọn núi. Sau khi cầm lấy bông hoa adha, tôi đã đi đến ngọn núi.

1521. Sau khi cầm lấy bảy bông hoa, tôi đã rải rắc ở trên đỉnh đầu. Và khi được vị Anh Hùng nhìn thấy, tôi đã ra đi mặt hướng phía Đông.

1522. Sau khi trở về khu ẩn cư, tôi đã đi đến chỗ trú ngụ. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng và đã đi vào trong vùng đồi núi.

1523. Con trăn có bộ dạng ghê rợn, có sức mạnh khủng khiếp đã hành hạ tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây và đã mệnh chung tại nơi ấy.

1524. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Adhopupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Adhopupphiya" là phần thứ tư.

85. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṂSISAÑÑAKA (*Raṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

1526. Trước đây, tôi đã tạo lập chỗ cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Có y choàng là tấm da dê, tôi sống ở trong vùng đồi núi.

1527. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, đi vào bên trong khu rừng.

1528. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín đối với hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã chắp tay lên, ngồi chồm hổm, rồi đê đầu đảnh lễ.

1529. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về hào quang.

1530. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ năm.

86. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUTIYARAṂSISAÑÑAKA (*Dutiyaraṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

2531. Tôi là vị mặc y phục bằng vỏ cây ở núi Hy-mã-lạp. Và sau khi bước lên đường kinh hành tôi đã ngồi xuống, mặt hướng phía Đông.

---

[3] *Adhopupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) adha."

[4] *Raṃsisaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến hào quang (*raṃsi*) đức Phật."

1532. Tôi đã nhìn thấy đấng Thiện Thệ Phussa ở ngọn núi, khi ấy Ngài đang thỏa thích ở trong thiền. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang.

1533. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về hào quang.

1534. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ sáu.

87. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

1535. Tôi là vị mặc tấm da dê sần sùi ở núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý Phussa, có trái cây ở bàn tay, tôi đã dâng cúng trái cây.

1536. [Do] việc tôi đã dâng cúng trái cây với tâm ý trong sạch, khi tôi được sanh lên ở cõi hữu thì có trái cây hiện đến cho tôi.

1537. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

1538. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ bảy.

88. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

1539. Tôi sống ở tấm thảm bằng lá cây tại núi Hy-mã-lạp. Khi [đức Phật] Phussa đang nói về giáo pháp, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm thanh.

1540. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1541. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ tám.

89. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISIÑCAKA
(*Bodhisiñcakattherāpadānaṃ*)

1542. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Trong khi đang đi đến về việc xuất gia, tôi đã đi đến gần lễ hội.

1543. Tôi đã cầm lấy nước bông hoa và đã rưới xuống cội Bồ-đề [nói rằng]:

"Đã được giải thoát, Ngài sẽ giúp cho chúng con giải thoát. Đã Niết-bàn, Ngài sẽ giúp cho chúng con Niết-bàn."

1544. [Kể từ khi] tôi đã rưới nước [bông hoa] ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc rưới nước [bông hoa] ở cội Bồ-đề.

1545. Ở kiếp thứ ba mươi ba trong thời hiện tại đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Udakāsecana, các vị này là các đấng Chuyển Luân Vương.

1546. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhisiñcaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhisiñcaka" là phần thứ chín.

90. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPUPPHIYA (*Padumapupphiyattherāpadānaṃ*)

1547. Tôi đã lội vào nước ở hồ sen, trong khi đang ngắt các đóa sen hồng tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Phussa có ba mươi hai hảo tướng.

1548. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng và đã ném lên không trung. Sau khi thực hiện việc làm tịnh tín, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1549. Sau khi xuất gia, với thân và ý đã được thu thúc, tôi đã từ bỏ sở hành xấu xa về lời nói và đã làm trong sạch sự nuôi mạng sống.

1550. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1551. Đã có mười tám vị lãnh chúa tên Padumābhāsa và bốn mươi tám [vị lãnh chúa] trong mười tám kiếp.

1552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có bông hoa timira, vị có bông hoa naṅgalī, vị nằm chắp tay, bông hoa adha, hai vị có sự suy tưởng về hào quang, vị dâng cúng trái cây, vị có sự suy tưởng về âm thanh, vị rưới nước [bông hoa] và vị có đóa sen hồng; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Timirapupphiya là phẩm thứ chín.

---

[5] *Bodhisiñcaka* nghĩa là "vị rưới nước (*siñcaka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

[6] *Padumapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến hoa (*puppha*) sen hồng (*paduma*)."

X. PHẨM SUDHĀPIṆḌIYA
(*SUDHĀPIṆḌIYAVAGGO*)

91. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDHĀPIṆḌIYA (*Sudhāpiṇḍiyattherāpadānaṃ*)

1553-54. Đối với người đang cúng dường đến đối tượng xứng đáng sự cúng dường như là đức Phật hoặc là vị Thinh văn đang vượt qua chướng ngại, hoặc đã vượt qua sầu muộn và than vãn, đối với người đang cúng dường đến các vị đã đạt Niết-bàn không còn hãi sợ như thế ấy thì không thể nào ước định được phước báu [của người ấy] là thế này hay thế kia, bằng bất cứ cách thức gì.

1555. Ở đây, người nào có thể được làm chúa tể thậm chí của cả bốn châu lục, điều ấy không giá trị bằng một phần mười sáu của một phần nhỏ của sự cúng dường.

1556. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng vữa vôi ở chỗ khe nứt tại ngôi bảo tháp của bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha.

1557. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tu bổ.

1558. Trước đây ba mươi kiếp, [đã có] mười ba vị tên Paṭisaṅkhāra là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1559. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sudhāpiṇḍiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sudhāpiṇḍiya" là phần thứ nhất.

92. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

1560. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng chiếc ghế sạch bong đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đấng Bảo Hộ Thế Gian Tissa.

1561. Trước đây ba mươi tám kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāruci. Của cải đã là thừa thãi và giường nằm không phải là ít.

1562. Sau khi dâng cúng đến đức Phật chiếc ghế với tâm ý trong sạch, tôi đã thọ hưởng nghiệp của mình đã được bản thân khéo thực hiện trong thời quá khứ.

1563. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc ghế trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc ghế.

---

[1] *Sudhāpiṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến cục (*piṇḍa*) vôi bột (*sudhā*)."

1564. Trước đây ba mươi tám kiếp, [đã có] Ruci, Uparuci và luôn cả Mahāruci là vị thứ ba, ba vị ấy là các đấng Chuyển Luân Vương.

1565. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sucintita" là phần thứ nhì.

93. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AḌḌHACELAKA (*Aḍḍhacelakattherāpadānaṃ*)

1566. Tôi bị lâm vào cảnh vô cùng khốn khổ và bị xâm nhập bởi mùi hôi thối. Tôi đã dâng cúng một nửa mảnh vải đến đức Thế Tôn Tissa.

1567. Sau khi dâng cúng một nửa mảnh vải, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi cho thực hiện.

1568. Kể từ khi tôi đã dâng cúng mảnh vải trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mảnh vải.

1569. [Trước đây] bốn mươi chín kiếp, ba mươi hai vị thống lãnh dân chúng tên Samantacchadana đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1570. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aḍḍhacelaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aḍḍhacelaka" là phần thứ ba.

94. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA (*Sūcidāyakattherāpadānaṃ*)

1571. Trong thời quá khứ, tôi đã là người thợ rèn ở kinh thành Bandhumā. Tôi đã dâng cúng kim khâu đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

1572. Do nhờ nghiệp như thế ấy, trí tuệ [của tôi] tương đương sự tuyệt hảo của kim cương. Tôi có được sự xa lìa tham ái, tôi được giải thoát, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

1573. Trong tất cả các kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai, tôi đã thành đạt mọi thứ nhờ vào trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng kim khâu.

1574. Trước đây chín mươi mốt kiếp đã có bảy vị tên Vajira, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1575. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sūcidāyaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Sucintita* nghĩa là "vị đã suy nghĩ (*cintita*) khéo léo (*su*)."

[3] *Aḍḍhacelaka* nghĩa là "vị liên quan đến một nửa (*aḍḍha*) mảnh vải (*cela*)."

[4] *Sūcidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) kim khâu (*sūci*)."

95. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMĀLIYA (*Gandhamāliyattherāpadānaṃ*)

1576. Tôi đã thực hiện bảo tháp có hương thơm được bao phủ với các bông hoa nhài, được làm xứng đáng với đức Phật, được dành cho đức Thế Tôn Siddhattha.

1577. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

1578. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, là vị đứng đầu trong số các bậc Sa-môn, Ngài đã ngồi ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1579. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm trước đây chín mươi bốn kiếp, nhờ vào quả báo của hành động đã được thực hiện đến đức Phật một cách đặc biệt, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1580. [Trước đây] ba mươi chín kiếp đã có mười sáu vị có tên là Devagandha, các vị ấy đã là đấng Chuyển Luân Vương.

1581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhamāliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhamāliya" là phần thứ năm.

96. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIPUPPHIYA (*Tipupphiyattherāpadānaṃ*)

1582. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cội cây pāṭali có màu lục, tôi đã đặt xuống ba bông hoa.

1583-84. Khi ấy, tôi đã ngắt các lá cây héo úa rồi ném ra bên ngoài. Sau khi đảnh lễ cội cây pāṭali tợ như [đang đảnh lễ] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc đang ở trước mặt,[6] tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1585. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

1586. Trước đây ba mươi ba kiếp, mười ba vị vua tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[5] *Gandhamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*māla*) có hương thơm.

[6] Ngài Vipassī đã chứng quả Phật tại cội cây pāṭali (*TTPV*, tập 42, trang 189, câu kệ 34). (ND)

1587. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tipupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tipupphiya" là phần thứ sáu.

97. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUPIṆḌIKA
(*Madhupiṇḍikattherāpadānaṃ*)

1588. Tôi đã nhìn thấy bậc Ẩn Sĩ Siddhattha tối thượng, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng ở trong khu rừng rậm mênh mông, ít tiếng động, không bị náo loạn.

1589. Ngài là loài Long Tượng có trạng thái Niết-bàn, như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, được hội chúng chư thiên tôn kính. Niềm hạnh phúc của tôi đã được dâng trào, ngay lập tức trí tuệ đã được sanh lên cho tôi.

1590. Sau khi dâng cúng mật ong đến bậc Đạo sư vừa xuất khỏi thiền định, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư rồi ra đi, mặt hướng phía Đông.

1591. [Trước đây] ba mươi bốn kiếp, tôi đã là đức vua Sudassana, và ở bữa ăn ngay lập tức có mật ong cùng với các củ sen chảy ra, có cơn mưa mật ong đã đổ xuống; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

1592. Kể từ khi tôi đã cúng dường mật ong trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường mật ong.

1593. Trước đây ba mươi bốn kiếp, bốn vị Sudassana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1594. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhupiṇḍika[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Madhupiṇḍika" là phần thứ bảy.

98. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SENĀSANADĀYAKA
(*Senāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

1595. Tôi đã dâng cúng tấm thảm lá cây đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã xếp đặt vật dụng và bông hoa ở xung quanh.

1596. Tôi đã thọ hưởng tòa lâu đài có đức tính đáng yêu vô cùng quý giá như thế. Và các bông hoa có trị giá lớn lao tuôn trào ra ở chiếc giường của tôi.

1597. Tôi nằm ở chiếc giường đã được trang hoàng, được trải lót bông hoa, và ngay lập tức có cơn mưa bông hoa đổ mưa ở giường của tôi.

1598. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm thảm lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

---

[7] *Tipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa (*puppha*)."

[8] *Madhupiṇḍika* nghĩa là "vị liên quan đến khối (*piṇḍa*) mật ong (*madhu*)."

1599. Trước đây vào kiếp thứ năm, bảy vị thống lãnh dân chúng tên Tiṇasantharaka ấy đã được sanh lên, các vị này là các đấng Chuyển Luân Vương.

1600. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Senāsanadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Senāsanadāyaka" là phần thứ tám.

99. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEYYĀVACCAKA
(*Veyyāvaccakattherāpadānaṃ*)

1601. Đã có đoàn người vô cùng đông đúc đến với đức Thế Tôn Vipassī. Tôi là đã người làm việc phục dịch năng động trong mọi công chuyện.

1602. Và vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ thì tôi không có. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư với tâm ý trong sạch.

1603. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc phục dịch trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục dịch.

1604. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức Vua Sucintita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1605. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Veyyāvaccaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Veyyāvaccaka" là phần thứ chín.

100. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPAṬṬHĀKA
(*Buddhupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

1606. Tôi đã là người thổi tù và vỏ ốc [thông báo] của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi thường xuyên gắn bó với việc phục vụ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

1607. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn vây quanh tôi.

1608. [Kể từ khi] tôi đã phục vụ bậc Đại Ẩn Sĩ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

1609. Trước đây hai mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua có tên Mahānigghosa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1610. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka" là phần thứ mười.

---

[9] *Senāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chỗ nằm ngồi (*senāsana*)."

[10] *Veyyāvaccaka* nghĩa là "vị làm công việc phục dịch (*veyyāvaccaka*) đến đức Phật."

[11] *Buddhupaṭṭhāka* nghĩa là "vị là người phục vụ (*upaṭṭhāka*) của đức Phật (*Buddha*)."

Phần tóm lược

[Vị dâng] vữa vôi, vị đã khéo suy nghĩ, [một nửa] mảnh vải, cây kim khâu, vị có tràng hoa có hương thơm, vị dâng ba bông hoa, mật ong, chỗ nằm ngồi, việc phục dịch, và người phục vụ; [tổng cộng] có đúng sáu mươi câu kệ đã được thuật lại trong phẩm này.

Phẩm Sudhāpiṇḍiya là phẩm thứ mười.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Phẩm Buddha là phẩm thứ nhất, phẩm bảo tọa sư tử, phẩm Subhūti, phẩm Kuṇḍadhāna, phẩm Upāli, phẩm vị có cây quạt, phẩm vị đã tự mình suy nghĩ, phẩm Nāgasamāla, phẩm [bông hoa] timira, với phẩm [vị dâng] vữa vôi; mười phẩm ấy có một ngàn bốn trăm câu kệ và thêm năm mươi lăm câu nữa.

Nhóm "Mười" từ phẩm Buddha.

Nhóm "Một trăm" thứ nhất được đầy đủ.

XI. PHẨM BHIKKHĀDĀYĪ
(*BHIKKHĀDĀYĪVAGGO*)

101. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHĀDĀYAKA
(*Bhikkhādāyakattherāpadānaṃ*)

1611. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi đi ra khỏi khu rừng bao la, Ngài đã đạt đến Niết-bàn, lìa khỏi tham ái.

1612. Tôi đã dâng lên một muỗng thức ăn đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ đã được an tịnh như thế ấy.

1613. Trong lúc đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời đang giúp cho đám đông dân chúng đang tiếp bước theo sau được thành tựu Niết-bàn, có niềm hạnh phúc cao thượng đã sanh khởi đến tôi.

1614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thức ăn.

1615. Trước đây tám mươi bảy kiếp, chính bảy vị có tên Mahāreṇu là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1616. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhikkhādāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhikkhādāyaka" là phần thứ nhất.

102. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆASAÑÑAKA
(*Ñāṇasaññakattherāpadānaṃ*)

1617. Đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ có màu da vàng chói như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như giống voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi.

1618. Tôi đã nhìn thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian đang bước đi ở trên đường, đang chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng đã được tròn đầy.

1619. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài], tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Siddhattha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

1620. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ [của đức Phật].

1621. Trước đây bảy mươi ba kiếp, mười sáu vị đứng đầu nhân loại đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1622. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇasaññaka" là phần thứ nhì.

103. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI
(*Uppalahatthittherāpadānaṃ*)

1623. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa cư ngụ ở [thành phố] Tivarā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha.

1624-25. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều được thọ hưởng quả báo tăng trưởng của việc đã được thực hiện tốt đẹp của mình trước đây, tôi được vây quanh bởi những người tốt của xứ Malla; điều này là quả báo của việc dâng cúng đức Phật.

1626. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1627. Xét đến chín mươi bốn [kiếp] trừ ra thời hiện tại, ở tại nơi ấy đã có năm trăm vị vua tên là Najjūpama.

1628. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uppalahatthiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uppalahatthiya" là phần thứ ba.

104. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA
(*Padapūjakattherāpadānaṃ*)

1629. Tôi đã dâng cúng bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã đặt xuống bảy bông hoa ở hai bàn chân [của Ngài] với sự mừng rỡ.

1630. Do việc làm ấy, giờ đây tôi vượt trội nhân loại và chư thiên. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1631. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1632. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có mười ba đấng Chuyển Luân Vương tên Samantagandha là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

1633. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Ñāṇasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về trí tuệ (*ñāṇa*) của đức Phật."

Đại đức Trưởng lão Padapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padapūjaka" là phần thứ tư.

105. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPUPPHIYA
(*Muṭṭhipupphiyattherāpadānaṃ*)

1634. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Sudassana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

1635. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã cúng dường đến [đức Phật] Padumuttara. Có nhãn quan trong sạch, có thiện ý, tôi đã chứng đắc thiên nhãn.

1636. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tâm, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1637. Trước đây ba mươi sáu kiếp đã có mười sáu vị vua tên Devuttara là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Muṭṭhipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Muṭṭhipupphiya" là phần thứ năm.

106. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA
(*Udakapūjakattherāpadānaṃ*)

1639. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.

1640. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận.

1641. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư tên Padumuttara đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này:

1642. "Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, [người ấy] không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1643. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1644. [Trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja ấy đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

1645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Padapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ở bàn chân (*pada*)."

[3] *Muṭṭhipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến số bông hoa (*puppha*) ở nắm tay (*muṭṭhi*)."

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ sáu.

107. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA
(*Naḷamāliyattherāpadānaṃ*)

1646. Đức Phật Padumuttara, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc An Tịnh như thế ấy đã ngồi xuống ở tấm thảm cỏ.

1647. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và buộc lại thành chiếc quạt, tôi đã dâng đến đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1648. Đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận chiếc quạt. Sau khi biết được ý định của tôi, Ngài đã nói lên lời kệ này:

1649. "Giống như thân thể của Ta được mát mẻ, sự bực bội không được biết đến, tương tợ y như thế, mong rằng tâm ngươi được giải thoát khỏi ba loại lửa."

1650. Tất cả chư thiên là những vị sống nương tựa vào khu rừng đã hội tụ lại. Chúng tôi lắng nghe lời dạy của đức Phật là điều làm cho người thí chủ được hoan hỷ.

1651. Ngồi xuống tại nơi ấy ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, trong lúc làm cho thí chủ được hoan hỷ, đã nói lên những lời kệ này:

1652. "Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Subbata.

1653. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Māluta.

1654. Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do tính chất đầy đủ của việc tôn kính, [người này] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1655. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị ấy tên là Subbata. [Trước đây] hai mươi chín ngàn kiếp, [đã có] tám vị tên là Māluta.

1656. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷamāliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷamāliya" là phần thứ bảy.

(Tụng phẩm thứ bảy được chấm dứt).

108. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPAṬṬHĀPAKA
(*Āsanūpaṭṭhāpakattherāpadānaṃ*)

1657. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm ít tiếng động, không bị náo loạn, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy.

---

[4] *Udakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nước (*udaka*).

[5] *Naḷamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) sậy (*naḷa*)."

1658. Tôi đã cầm lấy một nắm tràng hoa và đã đi nhiễu quanh Ngài. Sau khi phục vụ bậc Đạo sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1659. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã tự thân đạt được Niết-bàn, tất cả các hữu đã được xóa sạch.

1660. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bảo tọa sư tử.

1661. Trước đây bảy trăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ Sannibbāpaka, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1662. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āsanūpaṭṭhāpaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āsanūpaṭṭhāpaka" là phần thứ tám.

109. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA
(*Biḷālidāyakattherāpadānaṃ*)

1663. Tôi sống trên tấm thảm bằng lá ở không xa núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, tôi đạt được sự ham thích các loại cỏ và có thói quen nằm ngủ [ở thảm lá].

1664. Sau khi mang lại và sửa soạn [các] trái táo, trái bhallātaka và trái billa, tôi đào xới các loại rễ củ kalamba, biḷālī và takkala.

1665. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi.

1666. Khi bậc Long Tượng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đi đến, tôi đã dâng lên củ biḷālī và đã đặt vào trong bình bát.

1667. Khi ấy, trong lúc làm cho tôi được hoan hỷ, bậc Đại Hùng đã thọ dụng. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Tri đã nói lên lời kệ này:

1668. "Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngươi đã dâng cúng củ biḷālī đến Ta, ngươi không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1669. Trước đây năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Sumekhaliya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1670. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1671. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[6] *Āsanūpaṭṭhāpaka* nghĩa là "vị thiết lập (*upaṭṭhāpaka*) bảo tọa (*āsana*) sư tử."

Đại đức Trưởng lão Biḷālidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Biḷālidāyaka" là phần thứ chín.

110. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO REṆUPŪJAKA
(*Reṇupūjakattherāpadānaṃ*)

1672. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như mặt trăng đã được tròn đầy.

1673. Ngài được vây quanh bởi các vị Thinh văn tợ như quả đất được bao quanh bởi các biển cả. Tôi đã cầm lấy bông hoa nāga và đã dâng các bột phấn hoa đến [đức Phật] Vipassī.

1674. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bột phấn hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1675. Trước đây bốn mươi lăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Reṇu, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1676. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Reṇupūjaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Reṇupūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng thức ăn, vị suy tưởng về trí tuệ, vị liên quan đến bó [bông hoa], vị cúng dường bàn chân, vị liên quan đến nắm bông hoa, vị dâng cúng nước, vị có tràng hoa sậy, vị phục vụ, vị dâng cúng củ biḷālī và vị dâng cúng phấn hoa; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ.

Phẩm Bhikkhādāyī là phẩm thứ mười một.

[7] *Biḷālidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây biḷāli."

[8] *Reṇupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bột phấn hoa (*reṇu*)."

XII. PHẨM MAHĀPARIVĀRA
(*MAHĀPARIVĀRAVAGGO*)

111. KỆ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀPARIVĀRA (*Mahāparivārattherāpadānaṃ*)

1677. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào thành Bandhuma cùng với sáu mươi tám ngàn vị.

1678. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến ngôi bảo tháp ở trên đảo. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

1679. Có tám mươi bốn ngàn dạ-xoa ở lân cận [đã] phục vụ tôi một cách cung kính, tợ như các tập thể chư thiên [phục vụ] vị thần Inda.

1680. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi cung điện và đã cầm lấy tấm vải. Tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã dâng cúng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

1681. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Do nhờ năng lực của đức Phật, quả đất này đã rúng động."

1682. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín vào đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1683. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín và đã dâng cúng tấm vải đến bậc Đạo sư, tôi đây cùng với các quan lại và đám tùy tùng đã đi đến nương nhờ [đức Phật].

1684. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1685. Trước đây mười lăm kiếp đã có mười sáu vị tên Suvāhana, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahāparivāra[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahāparivāra" là phần thứ nhất.

112. KỆ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṄGALA (*Sumaṅgalattherāpadānaṃ*)

1687. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu sau khi rời khỏi trú xá đã đi đến hồ nước.

---

[1] *Mahāparivāra* nghĩa là "vị có đoàn tùy tùng (*parivāra*) đông đảo (*mahā*)."

1688. Sau khi tắm và uống nước, bậc Toàn Giác, đức Thế Tôn đã khoác lên một tấm y rồi đã đứng ở tại nơi ấy, quan sát khắp các phương.

1689. Tôi đã đi vào cung điện và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ khi ấy tôi đã vỗ tay.

1690. Đức Phật đang chói sáng tợ như mặt trời, đang tỏa sáng tợ như khối vàng. Tôi đã ra sức trong điệu vũ lời ca và năm loại nhạc khí [cúng dường Ngài].

1691. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh, danh tiếng của tôi là rộng khắp.

1692. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch bậc Hiền Trí, sau khi làm cho bản thân được hoan hỷ, Ngài đã làm cho những người khác được hoan hỷ."

1693. Sau khi xem xét rồi ngồi xuống, sau khi đã tạo niềm vui ở bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

1694. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp đã có hai rồi chín vị cùng tên Ekacintita, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1695. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumaṅgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumaṅgala" là phần thứ nhì.

113. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA

(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

1696. Cuộc giao chiến giữa hai vị Thiên vương đang diễn tiến đã trở nên hỗn độn, tiếng kêu la ầm ĩ đã vang lên.

1697. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở không trung đã làm cho đám đông người bị dao động.

1698. Tất cả chư thiên mừng rỡ, buông bỏ áo giáp và vũ khí, liền khi ấy đã đảnh lễ đấng Toàn Giác rồi ngồi xuống, có sự chăm chú.

1699. Biết được ý định của chúng tôi, Ngài đã cất cao giọng nói. Là bậc có lòng thương xót, đấng Hiểu Biết Thế Gian đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn:

1700. "Người có tâm sân hận hãm hại một mạng sống, do sự sân hận ấy của tâm [người này] sanh vào địa ngục.

1701. Ví như con voi đối đầu trong chiến trận hãm hại nhiều mạng người, các ngươi hãy làm tâm của mình được tịnh lặng, chớ có giết hại lần này lần khác."

1702. Ngay cả các binh đội của hai vị vua dạ-xoa cũng đã bị kinh ngạc. Và họ đã đi đến nương nhờ đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian hoàn thiện như thế ấy.

1703. Bậc Hữu Nhãn đã khiến cho dân chúng suy tưởng, hơn nữa còn tiếp độ họ. Ngay trong khi đang cùng với chư thiên xem xét, Ngài đã ra đi mặt hướng phía Bắc.

1704. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã đi đến nương nhờ đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1705. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, mười sáu vị vua lãnh đạo chiến xa tên Mahādundubhi đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1706. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamanīya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamanīya" là phần thứ ba.

114. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA (*Ekāsaniyattherāpadānaṃ*)

1707. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Thiên vương tên Varuṇa. Có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi đã phục vụ đấng Toàn Giác.

1708. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tất cả các nhạc cụ và đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng.

1709. Tôi đã phối hợp [âm thanh của] chũm chọe vào lời ca và điệu vũ, tôi đã phục vụ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [phục vụ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt.

1710. Sau khi phục vụ cội Bồ-đề ấy là loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, tôi đã xếp chân vào thế kiết-già và đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1711. Được hài lòng với nghiệp của mình, tôi đã được tịnh tín đối với cội Bồ-đề tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên.

1712. Trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác ở giữa loài người và ở giữa chư thiên, có sáu mươi ngàn nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi.

1713. Trước đây năm trăm kiếp đã có ba mươi bốn vị Sát-đế-lỵ tên là Subāhu, [các vị ấy] đã được thành tựu bảy loại báu vật.

1714. Đối với tôi, ba loại lửa đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1715. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsaniya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekāsaniya" là phần thứ tư.

---

[2] *Saraṇagamanīya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

[3] *Ekāsaniya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) chỗ ngồi (*āsana*)."

115. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆAPUPPHIYA
(*Suvaṇṇapupphiyattherāpadānaṃ*)

1716. Đức Thế Tôn tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, đang ngồi thuyết giảng đạo lộ bất tử cho tập thể dân chúng.

1717. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, là đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã dâng lên đức Phật bốn bông hoa bằng vàng.

1718. Khi ấy, đã có mái che bằng vàng [che] khắp cả hội chúng. Hào quang của đức Phật và vẻ sáng của vàng đã là nguồn ánh sáng bao la.

1719. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho những người ấy.

1720. Sau khi thỉnh cầu bậc Toàn Giác và đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình.

1721. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

1722. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1723. Trước đây bốn mươi ba kiếp đã có mười sáu vị vua tên Nemisammata, là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Suvaṇṇapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Suvaṇṇapupphiya" là phần thứ năm.

116. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

1725. Tôi cư ngụ ở cội cây rājāyatana cùng với các quan lại và đám tùy tùng. Khi ấy, đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, viên tịch Niết-bàn.

1726. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến nơi hỏa táng. Tại nơi ấy, sau khi trình tấu nhạc cụ, tôi đã đặt xuống vật thơm và tràng hoa.

1727. Sau khi cúng dường ở giàn hỏa thiêu, tôi đã đảnh lễ nơi hỏa táng. Tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

1728-29. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến sự cúng dường lễ hỏa táng. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng

[4] *Suvaṇṇapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa hoa (*puppha*) bằng vàng (*suvaṇṇa*)."

Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1730. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

1731. Trước đây hai mươi chín kiếp, mười sáu vị vua [có cùng] tên Uggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1732. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ sáu.

117. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

1733. Lúc bấy giờ, đấng Cao Cả Của Thế Gian Vipassī đã buông bỏ sự duy trì tuổi thọ. Quả địa cầu là trái đất có nước bao quanh đã rúng động.

1734. Vào lúc chấm dứt tuổi thọ của đức Phật, chỗ ngụ được lợp mái, được trải rộng, có tràng hoa khéo được trang hoàng của tôi cũng đã rúng động.

1735. Khi chỗ ngụ bị rúng động, nỗi sợ hãi đã sanh khởi ở tôi. Việc đã xảy ra là do nguyên nhân gì? Nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện là do nguyên nhân gì?

1736. [Thiên vương] Vessavaṇa đã đi đến nơi ấy và đã trấn an đám đông dân chúng rằng: "Không có điều lo ngại cho sanh mạng, các người hãy có sự chăm chú, bình tĩnh."

1737. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Trong khi điều ấy sanh khởi, quả địa cầu đã tự rúng động."

1738. Sau khi đã tán dương năng lực của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi thực hiện.

1739. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

1740. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vị vua có sự huy hoàng tên Samita, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1741. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

[6] *Buddhasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật (*buddha*)."

118. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA
(*Maggasaññakattherāpadānaṃ*)

1742. Bị lạc lối ở trong khu rừng bạt ngàn, các vị Thinh văn có hạnh sống ở rừng của đức Phật Padumuttara đi quanh quẩn tợ như những người mù.

1743. Sau khi suy tưởng về bậc Toàn Giác danh hiệu Padumuttara, những người con trai ấy của bậc Hiền Trí ấy đã bị lạc lối ở trong khu rừng lớn.

1744. Từ chỗ ngụ, tôi đã bước xuống và đã đi đến bên các vị Tỳ-khưu. Tôi đã chỉ đường và đã dâng cúng thức ăn đến các vị ấy.

1745. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1746. Trước đây năm trăm kiếp, mười hai vị tên Sacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggasaññaka" là phần thứ tám.

119. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPAṬṬHĀNASAÑÑAKA
(*Paccupaṭṭhānasaññakattherāpadānaṃ*)

1748. Lúc bấy giờ, ngay sau khi đấng Thiện Thệ Atthadassī tịch diệt, tôi đã sanh vào dòng giống dạ-xoa, và tôi đã đạt được danh tiếng.

1749. Đối với tôi, quả thật là khó được thành tựu, khó được chói sáng, khó được vươn lên, là việc đấng Hữu Nhãn đã Niết-bàn trong khi tôi đang tìm kiếm của cải.

1750. Vị Thinh văn tên Sāgara đã biết được ý định của tôi, có ý định tiếp độ tôi, vị ấy đã đi đến gần bên tôi [nói rằng]:

1751. "Điều gì khiến ngươi sầu muộn? Này người khôn ngoan, chớ lo ngại, ngươi hãy thực hành giáo pháp. Sự thành tựu về hạt giống [giác ngộ] đã được đức Phật ban phát cho tất cả.

1752-53. Người cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [khi Ngài] đang còn tại tiền, và người cúng dường Xá-lợi của Ngài khi Ngài đã tịch diệt dầu chỉ nhỏ bằng hạt mù-tạt, khi niềm tịnh tín ở trong tâm là tương đương thì phước báu đạt được lớn lao là tương đương; vì thế, ngươi hãy cho xây dựng ngôi bảo tháp rồi hãy cúng dường các Xá-lợi của đấng Chiến Thắng."

1754. Sau khi lắng nghe lời nói của vị Sāgara, tôi đã cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Phật. Tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp tối thượng của bậc Hiền Trí năm năm.

---

[7] *Maggasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về con đường (*magga*)."

1755. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi thọ hưởng sự thành đạt tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1756. Và trước đây bảy trăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Bhūripañña đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccupaṭṭhānasaññaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccupaṭṭhānasaññaka" là phần thứ chín.

120. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA (*Jātipūjakattherāpadānaṃ*)

1758. Khi đấng Vipassī đang đản sanh, có nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện. Và quả địa cầu cùng với biển cả và núi non đã rúng động.

1759. Và các nhà tiên tri đã dự báo rằng: "Đức Phật, bậc cao cả đối với tất cả chúng sanh, sẽ xuất hiện ở thế gian và sẽ tiếp độ dân chúng."

1760. Sau khi nghe lời nói của các nhà tiên tri, tôi đã thực hiện việc cúng dường đản sanh. Không có sự cúng dường nào như là sự cúng dường đản sanh.

1761. Sau khi thực hành việc tốt lành, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện việc cúng dường đản sanh, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1762. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1763. Những người vú nuôi chăm sóc tôi thuận theo năng lực tâm của tôi, những người ấy không thể nào làm tôi nổi giận; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1764. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1765. Trước đây vào kiếp thứ ba, ba mươi bốn vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Supāricāriya đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1766. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jātipūjaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jātipūjaka" là phần thứ mười.

---

[8] *Paccupaṭṭhānasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về sự chăm sóc, phục vụ, hầu hạ (*paccupaṭṭhāna*)."

[9] *Jātipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa nhài (*jāti*)."

Phần tóm lược

Vị có tùy tùng, vị Sumaṅgala, vị nương nhờ, vị có chỗ ngồi, vị dâng bông hoa, vị cúng dường lễ hỏa táng, vị suy tưởng về đức Phật, vị chỉ đường, vị có sự phục vụ, vị với sự đản sanh; [tổng cộng] có chín mươi câu kệ đã được nói lên và đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Mahāparivāra là phẩm thứ mười hai.

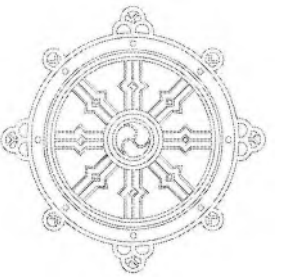

XIII. PHẨM SEREYYAKA
(*SEREYYAKAVAGGO*)

121. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA (*Sereyyakattherāpadānaṃ*)

1767. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, trong khi đang đứng ở ngoài trời, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1768. Bậc Đại Ẩn Sĩ giống như là con sư tử đang đi lang thang ở trong rừng, tợ như con cọp chúa không có sự sợ hãi, tợ như giống voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi.

1769. Tôi đã cầm lấy bông hoa sereyya và đã ném lên không trung. Do nhờ năng lực của đức Phật, [các bông hoa ấy] quây quần ở khắp nơi.

1770. Bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã chú nguyện. Các mái che bằng bông hoa ở xung quanh đã rải rắc ở đấng Nhân Ngưu.

1771. Kế đó, tấm màn bằng bông hoa ấy, có các cuống hoa ở phía trong và các vành hoa bên ngoài, đã trở thành mái che trong bảy ngày và sau đó đã biến mất.

1772. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật, bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1773. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1774. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, hai mươi lăm vị [cùng] tên Cittamālā ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1775. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sereyyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sereyyaka" là phần thứ nhất.

122. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA (*Pupphathūpiyattherāpadānaṃ*)

1776. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuṭa. Ở trung tâm của ngọn núi ấy có vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật sinh sống.

[1] *Sereyyaka* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa sereyya."

1777. Có năm ngàn người học trò luôn luôn vây quanh tôi. Các vị ấy đã là những người [ngủ] thức dậy trước [tôi] và được tự tin vào các chú thuật.

1778. "Hỡi người thầy của chúng con, đức Phật đã hiện khởi ở trên thế gian, xin thầy biết rõ về điều ấy. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có ba mươi hai hảo tướng và tám mươi tướng phụ, có vầng hào quang tợ như mặt trời chiếu sáng."

1779. Sau khi lắng nghe lời nói của những người học trò, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã rời khu ẩn cư và hỏi những người học trò phương hướng về khu vực mà đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ.

1780. Tôi đã lễ bái phương hướng ấy [hướng đến] đấng Chiến Thắng, bậc Không Người Đối Thủ. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã tôn vinh đức Như Lai ấy.

1781. "Này các đệ tử, hãy đến. Chúng ta sẽ đi và sẽ diện kiến đức Như Lai. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng."

1782. Tôi đã ra đi một mình và tôi đã lâm bệnh. Trong khi bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã đi đến nhà nghỉ chân để nằm nghỉ.

1783. Sau khi triệu tập tất cả những người học trò lại, tôi đã hỏi họ về đức Như Lai: "Đức độ của đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Có Sự Giác Ngộ Tuyệt Đối là như thế nào?"

1784. Được tôi hỏi, các vị ấy đã trả lời theo như đã nhìn thấy. Các vị đã mô tả đức Phật tối thượng ấy một cách kính trọng như Ngài đang ở trước mặt của tôi.

1785. Sau khi lắng nghe lời nói của họ, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1786. Sau khi hỏa táng thi thể của tôi, các vị ấy đã đi đến gặp đức Phật. Họ đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

1787. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa dành cho đức Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1788. [Trước đây] bốn mươi bốn ngàn kiếp, mười sáu vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Aggisama đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1789. [Trước đây] hai mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị lãnh chúa [cùng] tên Ghatāsana đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphathūpiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphathūpiya" là phần thứ nhì.

---

[2] *Pupphathūpiya* nghĩa là "vị liên quan đến ngôi bảo tháp (*thūpa*) bằng bông hoa (*puppha*)."

123. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀYĀSADĀYAKA
(*Pāyāsadāyakattherāpadānaṃ*)

1791. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang đi ra khỏi khu rừng bao la.

1792. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng, tôi đây đã chuẩn bị món cơm sữa ở trong cái đĩa kim loại vô cùng quý giá rồi đã đem dâng tặng bậc có năng lực.

1793. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã khéo léo bước lên con đường kinh hành ở bầu trời trên không trung.

1794. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, sau khi đặt chiếc đĩa kim loại xuống tôi đã đảnh lễ [đức Phật] Vipassī.

1795. "Bạch đấng Toàn Tri, Ngài là vị Trời ở [thế gian có cả] chư thiên cùng nhân loại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vì lòng thương tưởng xin Ngài hãy thọ nhận."

1796. Biết được ý định của tôi, đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí ở trên đời đã thọ nhận.

1797. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cơm sữa.

1798. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Buddha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1799. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāyāsadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāyāsadāyaka" là phần thứ ba.

124. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA
(*Gandhodakiyattherāpadānaṃ*)

1800. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī, bậc Toàn Tri, người tiêu diệt sự tăm tối, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

1801. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian [đang] đi ở không xa tòa lâu đài. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh sáng của mặt trời.

1802. Và tôi đã cầm lấy nước thơm rồi đã rải rắc vào đức Phật tối thượng. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1803. [Kể từ khi] tôi đã rải rắc nước thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[3] *Pāyāsadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) món cơm sữa (*pāyāsa*)."

1804. Trước đây ba mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sugandha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhodakiya" là phần thứ tư.

125. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHĀTHAVIKA
(*Sammukhāthavikattherāpadānaṃ*)

1806. Trong khi trấn an dân chúng, tôi đã giải thích về điềm báo hiệu khi vị Vipassī đang đản sanh rằng: "Đức Phật sẽ hiện khởi ở thế gian.

1807. Và vị nào trong khi đản sanh mười ngàn thế giới đã rúng động, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1808. Và vị nào trong khi đản sanh đã có nguồn ánh sáng bao la, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1809. Và vị nào trong khi đản sanh các dòng sông đã ngưng chảy, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1810. Và vị nào trong khi đản sanh ngọn lửa ở địa ngục Avīci đã không bốc cháy, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1811. Và vị nào trong khi đản sanh bầy chim đã không bay lượn, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1812. Và vị nào trong khi đản sanh làn gió ngưng thổi, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1813. Và vị nào trong khi đản sanh tất cả châu báu đã rực sáng, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1814. Và vị nào trong khi đản sanh đã có việc bước đi bảy bước chân, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1815. Và ngay khi được sanh ra, bậc Toàn Giác đã chiếu sáng tất cả các phương, Ngài đã thốt lên lời nói hùng tráng; điều này là thông lệ của chư Phật."

1816. Sau khi làm cho dân chúng động tâm, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1817. [Kể từ khi] tôi đã ca ngợi đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

1818. Trước đây chín mươi kiếp, [tôi đã là] vị tên Sammukhāthavika, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1819. Trước đây tám mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Paṭhavidundubhī, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1820. Trước đây tám mươi tám kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Obhāsa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1821. Trước đây tám mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Saritacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1822. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Agginibbāpana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1823. Trước đây tám mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gatipacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1824. Trước đây tám mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vātasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1825. Trước đây tám mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Ratanapajjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1826. Trước đây tám mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị tên Padavikkamana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1827. Trước đây tám mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vilokana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1828. Trước đây tám mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Girisāra, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1829. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sammukhāthavika[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sammukhāthavika" là phần thứ năm.

126. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMĀSANIYA
(*Kusumāsaniyattherāpadānaṃ*)

1830. Tôi đã là vị Bà-la-môn ở thành phố Dhaññavatī về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

1831. Là người thông suốt ba tập Vệ-đà, tôi được rành rẽ về điềm báo hiệu, biết về từ ngữ, về văn phạm, và tôi đã chỉ dạy các học trò về chú thuật.

1832. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng trong khi đoàn tụ với cha mẹ, tôi đã đặt năm bó sen xanh ở trên chiếc ghế nhỏ.

1833. Khi ấy, đức Thế Tôn Vipassī, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi đến, trong lúc làm cho tất cả các phương rực sáng.

1834. Sau khi sắp xếp chỗ ngồi, tôi đã thỉnh mời bậc Đại Hiền Trí. Sau khi trải ra [các] bông hoa ấy, tôi đã rước [đức Phật] đến ngôi nhà của mình.

---

[4] *Sammukhāthavika* nghĩa là "vị đã ngợi ca (*thavika*) trực tiếp ở trước mặt (*sammukhā*)."

1835. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng đến đức Phật phần vật thực đã có sẵn ở trong nhà của tôi.

1836. Biết được thời điểm Ngài đã thọ thực xong, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Đấng Toàn Tri, sau khi nói lời tùy hỷ, đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1837. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

1838. Vào kiếp kế liền trước đây, tôi đã là đức Vua Varadassana, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1839. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kusumāsaniya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kusumāsaniya" là phần thứ sáu.

127. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

1840. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống tại khu ẩn cư ở không xa núi Hy-mã-lạp.

1841. Tôi có vật cúng dường đến ngọn lửa, có các bông sen trắng và trái cây. Sau khi đặt vào trong chiếc giỏ, tôi đã treo lên ở ngọn cây.

1842. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, trong khi khất thực Ngài đã đi đến gần tôi.

1843. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho chính tôi.

1844. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này:

1845. "Do sự dâng cúng trái cây này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1846. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1847. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Sumaṅgala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1848. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Kusumāsaniya* nghĩa là "vị liên quan đến chỗ ngồi (*āsana*) bằng bông hoa (*kusuma*)."

[6] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

128. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆASAÑÑAKA
(*Ñāṇasaññakattherāpadānaṃ*)

1849. Tôi sống trong vùng đồi núi tại núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy bãi cát đang chói sáng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng rằng:

1850. "Về trí tuệ, không có gì so sánh, không có gì đối địch với bậc Đạo sư. Sau khi biết rõ tất cả các pháp, Ngài đã giải thoát nhờ vào trí tuệ.

1851. Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Không có gì sánh bằng trí tuệ của Ngài, cho dầu là trí tuệ hạng nhất."

1852. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín ở trí tuệ [đức Phật], tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, điều tốt lành đã được tôi thực hiện.

1853. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ.

1854. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị độc nhất tên Pulinapupphiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1855. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇasaññaka" là phần thứ tám.

129. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA
(*Gandhapupphiyattherāpadānaṃ*)

1856. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, bậc Xứng Đáng Sự Cúng Dường dẫn đầu các vị Thinh văn, đã rời khỏi tu viện.

1857. Sau khi nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Toàn Tri, bậc Tiêu Diệt Sự Tăm Tối, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa có hương thơm.

1858. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ đức Như Lai lần nữa.

1859. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1860. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Caraṇa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1861. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[7] *Ñāṇasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về trí tuệ (*ñāṇa*) của đức Phật."

Đại đức Trưởng lão Gandhapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhapupphiya" là phần thứ chín.

130. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA
(*Padumapūjakattherāpadānaṃ*)

1862. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên Gotama được che phủ bởi nhiều loại cây cối khác nhau, là nơi trú ngụ của các nhóm chúng sanh vĩ đại.

1863. Và có khu ẩn cư đã được tạo nên ở trung tâm của ngọn núi ấy. Được vây quanh bởi những học trò của mình, tôi sống tại khu ẩn cư.

1864. "Này các nhóm học trò của ta, hãy mang lại cho ta hoa sen hồng. Chúng ta sẽ thực hiện việc cúng dường đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy."

1865. Các vị ấy đã đáp lại rằng: "Xin vâng", rồi đã mang lại hoa sen hồng cho tôi. Tại nơi ấy, sau khi xác định đối tượng, tôi đã dâng lên đức Phật.

1866. Khi ấy, tôi đã triệu tập các người học trò lại và đã giáo huấn điều tốt đẹp: "Các ngươi chớ xao lãng, không xao lãng là nguồn đem lại sự an lạc."

1867. Sau khi đã giáo huấn như vậy cho những người học trò có sự chấp nhận lời dạy bảo ấy, được gắn bó với đức tính không xao lãng, tôi đã mệnh chung vào khi ấy.

1868. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1869. [Trước đây] năm mươi mốt kiếp, tôi đã là đức Vua Jaluttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Sereyyaka, vị có ngôi bảo tháp bằng bông hoa, vị [dâng cúng] cơm sữa, vị [rắc] nước thơm, vị ca ngợi, vị có chỗ ngồi, vị [dâng cúng] trái cây, vị suy tưởng, bông hoa có hương thơm, vị có hoa sen hồng; [tổng cộng] có một trăm lẻ năm câu kệ đã được thuật lại bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Sereyyaka là phẩm thứ mười ba.

---

[8] *Gandhapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) có mùi thơm (*gandha*)."

[9] *Padumapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) hoa sen hồng (*paduma*)."

XIV. PHẨM SOBHITA
(*SOBHITAVAGGO*)

131. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOBHITA (*Sobhitattherāpadānaṃ*)

1870. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu thuyết giảng về vị thế bất tử đến tập thể dân chúng đông đảo.

1871. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài, tôi đã bật thốt lên lời. Khi ấy, tôi đã chắp tay lên và có sự chăm chú.

1872. "Giống như biển cả là đứng đầu trong số các nguồn nước, núi đá Neru là cao quý trong số các ngọn núi, tương tợ y như thế, những người nào vận hành năng lực của tâm, những người ấy không đạt được một phần trí tuệ của đức Phật."

1873. Sau khi quy định đường lối trong giáo pháp, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

1874. "Người nào đã ca ngợi trí tuệ về đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, người ấy sẽ không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1875. [Người ấy] sẽ thiêu đốt các phiền não, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, với tên là Sobhita."

1876. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, bảy vị [cùng] tên Yasuggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1877. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1878. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sobhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sobhita" là phần thứ nhất.

132. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA (*Sudassanattherāpadānaṃ*)

1879. Ở bờ sông Vitatthā, cây pilakkha đã được kết trái. Trong khi tìm kiếm giống cây ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1880. Sau khi nhìn thấy cây ketaka đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã cắt ở cuống hoa và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

1881. "Bạch đức Phật tối thượng, bạch bậc Đại Hiền Trí, với trí tuệ nào Ngài đã đạt được vị thế trường tồn bất tử, con xin cúng dường trí tuệ ấy."

1882. Sau khi cúng dường trí tuệ, tôi đã nhìn thấy cây pilakkha, tôi đã được chứng đạt tuệ ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1883. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1884. Trước đây mười ba kiếp, mười hai vị [cùng] tên Phaluggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1885. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sudassana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sudassana" là phần thứ nhì.

133. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA
(*Candanapūjakattherāpadānaṃ*)

1886. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Và tôi đã có thức ăn là bông hoa, tương tợ y như vậy, có y phục là bông hoa.

1887. Và đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi ra ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng, tợ như chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

1888. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Tâm của Ngài khéo được thanh tịnh. Ngài có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, có khuôn mặt và các giác quan trong sáng."

1889. Bậc Trí Tuệ có tuệ bao la đã từ bầu trời bước xuống. Ngài đã trải ra tấm y hai lớp rồi đã ngồi vào tư thế kiết-già.

1890. Tôi đã cầm lấy trầm hương hòa tan rồi đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

1891. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1892. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1893. Trước đây một ngàn bốn trăm kiếp, ba vị [cùng] tên Rohita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1894. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Candanapūjaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Candanapūjaka" là phần thứ ba.

(Dứt tụng phẩm thứ tám).

---

[1] *Candanapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) trầm hương (*candana*)."

134. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA
(*Pupphachadaniyattherāpadānaṃ*)

1895. Là vị giảng huấn, gắn bó với sự hiến cúng, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Sunanda đã cúng hiến cho lễ hiến cúng.

1896. Khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, bậc Cao Cả, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ, trong lúc thương tưởng dân chúng đã đi kinh hành ở trên không trung.

1897. Sau khi đã đi kinh hành, bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, vị Không Còn Mầm Mống Tái Sanh đã lan tỏa bằng tâm từ ái đến các chúng sanh một cách không giới hạn.

1898. Sau khi đã cắt các bông hoa ở cuống, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã triệu tập lại tất cả các học trò rồi đã thảy [các bông hoa] lên không trung.

1899. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, mái che của các bông hoa đã trải khắp cả thành phố và đã không biến mất trong bảy ngày.

1900. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi đã vượt qua sự ràng buộc ở thế gian.

1901. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, ba mươi lăm vị Sát-đế-lỵ có [cùng] tên Ambaraṃsa đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphachadaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphachadaniya" là phần thứ tư.

135. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA
(*Rahosaññakattherāpadānaṃ*)

1902. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Vasabha. Ở chân ngọn núi ấy có khu ẩn cư đã được tạo lập.

1903. Khi ấy, là vị Bà-la-môn, tôi đã chỉ dạy ba ngàn học trò. Sau khi triệu tập những người học trò ấy lại, tôi đã ngồi xuống ở một bên.

1904. Sau khi ngồi xuống ở một bên, là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, trong lúc tầm cầu về sự hiểu biết của đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài].

1905. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở tấm thảm bằng lá. Sau khi xếp vào tư thế kiết-già, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1906. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ.

---

[2] *Pupphachadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng bông hoa (*puppha*)."

1907. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Siridhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1908. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rahosaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rahosaññaka" là phần thứ năm.

136. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (*Campakapupphiyattherāpadānaṃ*)

1909. [Đức Phật] ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, khiến cho tất cả các phương rực sáng tợ như vì sao osadhī.

1910. Đã có ba người thanh niên khéo được học tập về nghề nghiệp của mình cầm lấy túi vật dụng đi theo tôi ở phía sau.

1911. Có bảy bông hoa đã bị rụng xuống ở trong cái giỏ vì sức nóng. Tôi đã cầm lấy các bông hoa ấy và đã dâng lên [hướng tâm đến] trí tuệ của đức Vessabhū.

1912. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1913. Trước đây hai mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Vipulābha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1914. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

137. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA (*Atthasandassakattherāpadānaṃ*)

1915. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc có lậu hoặc đã được đoạn tận, vị đã đạt năng lực, đang ngồi ở nơi khoảnh rừng rộng, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1916. "Một trăm ngàn vị có ba minh, có sáu thắng trí, có đại thần lực quây quanh bậc Toàn Giác, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

1917. Ở [thế gian] gồm cả chư thiên, người có sự tương đương về trí tuệ không tìm thấy, ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có trí tuệ vô biên mà không tịnh tín?

1918. Và người ta không thể làm tổn hại Pháp thân đang chiếu sáng [giống như] toàn bộ hầm mỏ châu ngọc, ai là người nhìn thấy [Ngài] mà không tịnh tín?"

---

[3] *Rahosaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về nơi thanh vắng (*raho*)."

[4] *Campakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) campaka."

1919. Với ba lời kệ này, vị Nārada Saragacchiya đã ngợi ca về đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại Padumuttara.

1920. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm và do sự ngợi ca đức Phật, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1921. Trước đây ba ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sumitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1922. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Atthasandassaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Atthasandassaka" là phần thứ bảy.

138. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPASĀDANIYA
(*Ekapasādaniyattherāpadānaṃ*)

1923. Tên của tôi là Nārada, mọi người biết tôi là [dòng dõi] Kesava. Trong khi tìm hiểu về điều thiện và bất thiện, tôi đã đi đến gần bên đức Phật.

1924. Trong khi an ủi chúng sanh, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī, đấng Bi Mẫn có tâm từ ái, bậc Hữu Nhãn ấy thuyết giảng giáo pháp.

1925. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1926. [Trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi đã là đức vua, chúa tể trái đất, là đấng Chuyển Luân Vương tên Amittatāpana có oai lực lớn lao.

1927. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapasādaniya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapasādaniya" là phần thứ tám.

139. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPUPPHADĀYAKA
(*Sālapupphadāyakattherāpadānaṃ*)

1928. Lúc bấy giờ, tôi đã là vua của loài thú, là con sư tử đã được sanh ra cao quý. Trong khi tìm kiếm chỗ hiểm trở ở ngọn núi, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1929. "Vị này ắt hẳn là đấng Đại Hùng, người giúp cho đám đông dân chúng được [giải thoát] Niết-bàn. Hay là ta nên hầu cận vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu?"

1930. Sau khi bẻ gãy nhánh cây sāla, tôi đã mang lại bông hoa còn lớp vỏ bọc. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã dâng cúng bông hoa tối thượng.

1931. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

---

[5] *Atthasandassaka* nghĩa là "vị chỉ dạy (*sandassaka*) về ý nghĩa, mục đích (*attha*)."

[6] *Ekapasādaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc một lần (*eka*) có được đức tin (*pasādana*)."

1932. Và trước đây vào kiếp thứ chín, ba vị vua tên Virocana đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1933. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālapupphadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sālapupphadāyaka" là phần thứ chín.

140. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA (*Piyālaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

1934. Lúc bấy giờ, tôi đã là kẻ đồ tể, là kẻ giết hại các sanh mạng khác. Tôi nằm ngủ ở sườn núi không xa bậc Đạo Sư Sikhī.

1935. Tôi nhìn thấy đức Phật, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian vào ban đêm và ban ngày. Nhưng vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Chúa Tể Của Loài Người thì tôi không có.

1936. Tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã đi đến gần đức Phật. Đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã thọ nhận.

1937. Kể từ đó về sau tôi đã theo phục vụ đấng Hướng Đạo. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1938. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

1939. Trước đây mười lăm kiếp, ba vị [tên] Piyālī đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1940. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piyālaphaladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Sobhita, vị Sudassana, [vị dâng cúng] trầm hương, [vị dâng cúng] mái che bằng bông hoa, vị suy tưởng về nơi thanh vắng, vị có bông hoa campaka, cùng với vị chỉ dạy về mục đích, vị có một lần tịnh tín, vị dâng cúng bông hoa Sāla, và vị dâng cúng trái cây là thứ mười; [tổng cộng] có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Sobhita là phẩm thứ mười bốn.

---

[7] *Sālapupphadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa (*puppha*) sāla."

[8] *Piyālaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) piyāla."

XV. PHẨM CHATTA
(*CHATTAVAGGO*)

141. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA
(*Atichattiyattherāpadānaṃ*)

1941. Khi đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã viên tịch Niết-bàn, tôi đã cho thực hiện chiếc lọng che ở thượng tầng và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp.

1942. Tôi đã nhiều lần đi đến và đã lễ bái ngôi bảo tháp của bậc Đạo sư. Tôi đã thực hiện mái che bằng bông hoa và tôi đã đặt ở phía trên chiếc lọng che.

1943. Tôi đã cai quản thiên quốc [trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi không đi đến bản thể loài người; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1944. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Atichattiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Atichattiya" là phần thứ nhất.

142. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THAMBHĀROPAKA
(*Thambhāropakattherāpadānaṃ*)

1945. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Dhammadassī đã Niết-bàn, tôi đã dựng lên cột cờ ở ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng.

1946. Sau khi tạo lập cái cầu thang, tôi đã bước lên ngôi bảo tháp tối thượng. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp.

1947. Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1948. Trước đây chín mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua [cùng] tên Thūpasikkhara đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1949. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Thambhāropaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Thambhāropaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Atichattiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc lọng che ở thượng tầng (*atichatta*)."

[2] *Thambhāropaka* nghĩa là "vị dựng lên (*āropaka*) cây cột (*thambha*)."

143. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA
(*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

1950. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Piyadassī đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện viền rào bằng ngọc trai.

1951. Sau khi cho rải quanh với các viên ngọc ma-ni, tôi đã thực hiện viền rào tuyệt hảo. Sau khi thực hiện lễ hội ở viền rào, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1952. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có các người cầm giữ những viên ngọc ma-ni ở trên không trung; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1953. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, ba mươi hai vị vua [cùng] tên Maṇippabhā đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1954. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka" là phần thứ ba.

144. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRIYA
(*Saparivāriyattherāpadānaṃ*)

1955. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác sau khi phát cháy như là khối lửa, đã viên tịch Niết-bàn.

1956. Và khi bậc Đại Hùng đã Niết-bàn, đã có ngôi bảo tháp rộng rãi. Người người túc trực ngày và đêm ở gian nhà Xá-lợi cao quý tối thượng.

1957. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện vòng rào chắn bằng gỗ trầm hương. Và khi ấy, có làn khói phù hợp với ngôi bảo tháp được nhìn thấy.

1958. Trong khi được sanh lên ở cõi hữu, dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không nhìn thấy tôi có sự thua kém; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1959. Trước đây mười lăm kiếp đã có tám vị [vua], tất cả các vị ấy có [cùng] tên Samatta, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1960. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saparivāriya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivāriya" là phần thứ tư.

145. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA
(*Ummāpupphiyatherāpadānaṃ*)

1961. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Bảo Hộ Thế Gian, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã Niết-bàn, đã có lễ hội ở ngôi đại bảo tháp.

---

[3] *Vedikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) viền rào (*vedi*)."

[4] *Saparivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến nhóm tùy tùng (*parivāra*) của mình (*sa*)."

1962. Trong khi lễ hội dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha đang được tiến hành, tôi đã cầm lấy bông hoa ummā và đã dâng lên ngôi bảo tháp.

1963. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bảo tháp.

1964. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tám mươi lăm vị vua [cùng] tên Somadeva đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1965. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ummāpupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ummāpupphiya" là phần thứ năm.

146. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA (*Anulepadāyakattherāpadānaṃ*)

1966. Tôi đã thực hiện vòng rào chắn ở cội Bồ-đề của bậc Hiền Trí Anomadassī. Tôi đã dâng cúng khối vôi bột và đã làm công việc tô trét.

1967. Sau khi nhìn thấy hành động đã được thực hiện khéo léo ấy, đấng Tối Thượng Nhân Anomadassī, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1968. "Do việc làm về vôi bột này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành đạt và sẽ chấm dứt khổ đau."

1969. Tôi có vẻ mặt tịnh tín, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1970. Trước đây tròn đủ một trăm kiếp không thiếu hụt, [tôi đã là] đức vua tên Sabbaghana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1971. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anulepadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anulepadāyaka" là phần thứ sáu.

147. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADĀYAKA (*Maggadāyakattherāpadānaṃ*)

1972. Bậc Hữu Nhãn vượt qua con sông nhỏ rồi đi vào khu rừng. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Siddhattha có ba mươi hai hảo tướng ấy.

1973. Tôi đã cầm lấy cuốc xẻng và cái giỏ rồi đã san bằng con đường ấy. Tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín.

1974. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng đường đi.

---

[5] *Ummāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ummā."

[6] *Anulepadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vữa để tô trét (*anulepa*)."

1975. [Trước đây] năm mươi bảy kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất với tên Suppabuddha; vị lãnh đạo ấy là chúa tể loài người.

1976. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggadāyaka" là phần thứ bảy.

148. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA
(*Phalakadāyakattherāpadānaṃ*)

1977. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ đóng xe thuyền khéo được học tập về nghề mộc. Tôi đã thực hiện tấm ván bằng gỗ trầm hương và đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

1978. Cung điện bằng vàng khéo được hóa hiện ra này chói sáng. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng.

1979. Các tòa lâu đài luôn cả các kiệu khiêng được sanh lên theo như ước muốn, châu báu của tôi không bị suy suyển; điều này là quả báo của tấm ván gỗ.

1980. [Kể từ khi] tôi đã dâng tấm ván gỗ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm ván gỗ.

1981. Trước đây năm mươi bảy kiếp, bốn vị [cùng] tên Nimmita đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1982. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phalakadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phalakadāyaka" là phần thứ tám.

149. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṬAṂSAKIYA
(*Vaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

1983. Đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Sumedha, trong khi thực hành hạnh độc cư, đã đi sâu vào khu rừng lớn.

1984. Sau khi nhìn thấy cây salala đã được trổ hoa, tôi đã buộc thành vòng hoa đội đầu. Tôi đã dâng lên đức Phật bằng cách đặt ở trước mặt đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1985. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1986. [Trước đây] một ngàn chín trăm kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Nimmita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1987. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṭaṃsakiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vaṭaṃsakiya" là phần thứ chín.

150. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAṄKADĀYAKA
(*Pallaṅkadāyakattherāpadānaṃ*)

1988. Tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành có mái che ở phía trên đến đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1989. Lúc bấy giờ, chiếc ghế bành ấy có đầy đủ bảy loại châu báu luôn luôn sanh lên cho tôi, đúng theo ý định của tôi.

1990. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc ghế bành.

1991. [Trước đây] hai chục ngàn kiếp, ba người [cùng] tên Suvaṇṇābha, [đã là] các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1992. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pallaṅkadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pallaṅkadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Chiếc lọng che, cây cột [đèn], viền rào quanh, vị có nhóm tùy tùng, vị liên quan đến bông hoa umma, vị tô trét, vị dâng cúng đường đi, vị dâng cúng tấm ván gỗ, vị có vòng hoa đội đầu, vị dâng cúng chiếc ghế bành; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Chatta là phẩm thứ mười lăm.

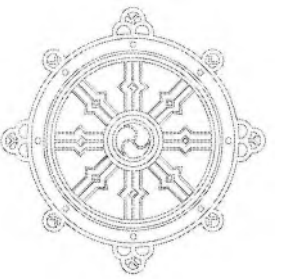

[7] *Vaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*)."

[8] *Pallaṅkadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc ghế bành (*pallaṅka*)."

XVI. PHẨM BANDHUJĪVAKA
(*BANDHUJĪVAKAVAGGO*)

151. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA
(*Bandhujīvakattherāpadānaṃ*)

1993. [Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sikhī] tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, tinh khiết, trong sạch, không bị loạn động, đã đoạn tận sự vui thích ở hiện hữu, đã vượt qua sự ái luyến ở đời.

1994. Là bậc đã vượt qua, cao quý trong số các đấng đang tiếp độ, Ngài đang giúp cho dân chúng thành tựu Niết-bàn. Ngài đang tham thiền ở trong khu rừng, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh.

1995. Sau khi buộc lại các bông hoa bandhujīvaka bằng sợi chỉ, tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī.

1996. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1997. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị Chúa Tể Của Loài Người có danh vọng vĩ đại tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1998. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhất.

152. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA
(*Tambapupphiyattherāpadānaṃ*)

1999. Là người bị bận rộn trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi đã làm điều lầm lỗi. Bị xâm chiếm bởi nỗi lo sợ và hốt hoảng, tôi đã trốn chạy đến cuối khu rừng.

2000. Sau khi nhìn thấy giống cây đã được trổ hoa, dính thành từng chùm, khéo léo phô bày, tôi đã ngắt lấy bông hoa màu nâu đỏ và đã rải rắc ở cội cây Bồ-đề.

2001. Sau khi quét dọn cội cây Bồ-đề là giống cây pāṭalī tối thượng ấy, tôi đã xếp chân vào tư thế kiết-già và ngồi xuống ở gốc cội cây Bồ-đề.

2002. Trong khi tìm kiếm con đường [tôi] đã đi qua, bọn họ đã đến gần chỗ tôi. Và ở tại nơi ấy, sau khi nhìn thấy bọn họ, tôi đã quan sát cội cây Bồ-đề tối thượng.

2003. Và với tâm ý trong sạch, tôi đã đảnh lễ cội cây Bồ-đề. Tôi đã bị rơi xuống ở hẻm núi đáng kinh sợ có độ sâu bằng nhiều cây thốt nốt.

2004. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

2005. Và trước đây vào kiếp thứ ba, tôi đã là đức Vua Susaññata, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2006. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tambapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tambapupphiya" là phần thứ nhì.

153. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA
(*Vīthisammajjakattherāpadānaṃ*)

2007. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra tợ như mặt trời đang mọc, như là mặt trời có tia sáng màu vàng, như là mặt trăng vào ngày rằm.

2008. Đã có tất cả sáu mươi tám ngàn vị Lậu tận [A-la-hán] đã tháp tùng bậc Toàn Giác, vị Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu.

2009. Với tâm ý trong sạch, tôi đã quét dọn con đường ấy, và trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra, tôi đã trương lên lá cờ ở tại nơi ấy.

2010. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên ngọn cờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn cờ.

2011. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là vị vua có sức mạnh vĩ đại, được thành tựu về mọi phương diện, được nổi danh là Sudhaja.

2012. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vīthisammajjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vīthisammajjaka" là phần thứ ba.

154. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA
(*Kakkārupūjakattherāpadānaṃ*)

2013. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa kakkāru và đã dâng lên đức Phật.

2014. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[1] *Tambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan bông hoa (*puppha*) màu nâu đỏ (*tamba*)."

[2] *Vīthisammajjaka* nghĩa là "vị quét dọn (*sammajjaka*) con đường (*vīthi*)."

2015. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tôi đã là đức Vua Sattuttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2016. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kakkārupūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kakkārupūjaka" là phần thứ tư.

155. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA (*Mandāravapūjakattherāpadānaṃ*)

2017. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandārava và đã dâng lên đức Phật.

2018. Trong bảy ngày, đã có tràng hoa của cõi trời là chiếc lọng che cho đức Như Lai. Tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã lễ bái đức Như Lai.

2019. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2020. Và trước đây vào kiếp thứ mười, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2021. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mandāravapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mandāravapūjaka" là phần thứ năm.

156. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (*Kadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

2022. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuṭa. Bảy vị Phật Độc Giác ấy cư ngụ ở chân ngọn núi ấy.

2023. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa tợ như mặt trăng, [vua của các ngọn đèn] đã mọc lên, bằng cả hai tay tôi đã hái và đã rải rắc ở bảy vị Phật.

2024. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2025. Trước đây chín mươi hai kiếp, bảy vị [cùng] tên Puppha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2026. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Kakkārupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa kakkāru."

[4] *Mandāravapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa mandārava."

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" là phần thứ sáu.

157. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASŪLAKA
(*Tiṇasūlakattherāpadānaṃ*)

2027. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên Bhūtagaṇa. Ở tại nơi ấy có đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ, bậc Tách Ly Khỏi Thế Gian cư ngụ đơn độc.

2028. Tôi đã cầm lấy những bông hoa tiṇasūla và đã dâng lên đức Phật. Tôi không trở thành người bị rơi vào đọa xứ trong chín mươi chín ngàn kiếp.

2029. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị Dharaṇīruha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2030. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasūlaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasūlaka" là phần thứ bảy.

158. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA
(*Nāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2031. [Tôi đã là] vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Suvaccha sống ở trong vùng đồi núi, được tùy tùng bởi các người học trò của mình.

2032. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

2033. Ngài [đã] đi kinh hành ở trên không trung, tương tợ y như thế Ngài [đã] phun khói, [đã] chói sáng. Sau khi nhận biết sự vui mừng ở tôi, Ngài đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

2034. Sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã cầm lấy bông hoa nāga và đã rải rắc ở con đường [Ngài] đã đi qua.

2035. [Kể từ khi] tôi đã rải rắc bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm tôi đã không đi đến khổ cảnh.

2036. [Trước đây] ba ngàn một trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāratha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2037. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgapupphiya" là phần thứ tám.

---

[5] *Kadambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kadamba."

[6] *Tiṇasūlaka* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa tiṇasūlaka."

[7] *Nāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) nāga."

159. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA
(*Punnāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2038. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnāga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

2039. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng lên đức Phật.

2040. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2041. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2042. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punnāgapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya" là phần thứ chín.

160. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDADĀYAKA
(*Kumudadāyakattherāpadānaṃ*)

2043. Ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, được che phủ bởi các bông sen đỏ và sen xanh, được tràn ngập bởi các bông sen trắng.

2044. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim tên gọi kukuttha, có giới hạnh, được thành tựu trí sáng suốt, rành rẽ về phước và tội.

2045. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã lai vãng ở không xa hồ nước thiên nhiên.

2046. Tôi đã ngắt hoa súng trắng mọc ở trong nước và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Biết được ý định của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã thọ nhận.

2047. Và sau khi đã dâng cúng vật thí ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2048. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, tám vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Varuṇa này đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2049. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudadāyaka" là phần thứ mười.

---

[8] *Punnāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) punnāga."

[9] *Kumudadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) hoa súng trắng (*kumuda*)."

Phần tóm lược

Vị [có hoa] bandhujīvaka, vị có hoa màu nâu đỏ, [vị quét dọn] con đường đi, vị có hoa kakkāru, hoa mandārava, vị có hoa kadamba, vị có hoa tiṇasūla, vị có hoa nāga, hoa punnāga, vị có hoa komuda; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Bandhujīvaka là phẩm thứ mười sáu.

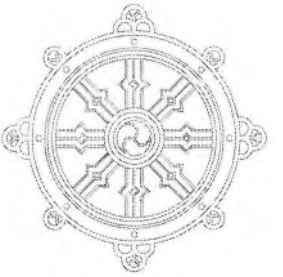

XVII. PHẨM SUPĀRICARIYA
(*SUPĀRICARIYAVAGGO*)

161. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA
(*Supāricariyattherāpadānaṃ*)

2050. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, vị Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn tên Paduma đã thuyết giảng giáo pháp.

2051. Đã có cuộc hội họp của các dạ-xoa ở không xa bậc Đại Ẩn Sĩ. Vì công việc ấy, các dạ-xoa đã đi đến và ngay lập tức đã xem xét.

2052. Nhận biết lời nói của đức Phật và sự thuyết giảng về bất tử, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã vỗ tay và đã phục vụ [Ngài].

2053. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ bậc Đạo Sư đã khéo được thực hành, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp.

2054. Trước đây hai ngàn chín trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Samalaṅkata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2055. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supāricariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Supāricariya" là phần thứ nhất.

162. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆAVERAPUPPHIYA
(*Kaṇaverapupphiyattherāpadānaṃ*)

2056. Đức Thế Tôn tên Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các vị Thinh văn, đã bước đi ở trong thành phố.

2057. Tôi đã được vinh dự là người canh gác ở hậu cung của đức vua. Tôi đã đi đến gần tòa lâu đài và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2058. Tôi đã cầm lấy bông hoa kaṇavera và đã rải rắc ở hội chúng Tỳ-khưu. Tôi đã thực hiện nhiều lần ở đức Phật, sau đó đã rải rắc nhiều hơn nữa.

2059. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2060. Trước đây tám mươi bảy kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahiddhika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2061. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇaverapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇaverapupphiya" là phần thứ nhì.

163. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA
(*Khajjakadāyakattherāpadānaṃ*)

2062. Trước đây, tôi quả nhiên đã có dâng cúng trái cây đến đức Thế Tôn Tissa. Và tôi đã dâng lên trái dừa được công nhận là vật ăn được.

2063. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây ấy đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa, tôi được vui mừng là người đã làm xong việc theo như dự tính, tôi đã được tái sanh theo như ước muốn.

2064. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2065. Trước đây mười ba kiếp, tôi đã là đức Vua Indasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2066. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khajjakadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khajjakadāyaka" là phần thứ ba.

164. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA
(*Desapūjakattherāpadānaṃ*)

2067. Còn về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, Ngài bay lên bầu trời và di chuyển bằng đường không trung.

2068. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường đến bất cứ khu vực nào mà đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến và đứng lại ở khu vực ấy.

2069. [Kể từ khi] tôi đã nhìn thấy bậc Đại Hiền Trí [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường khu vực [đức Phật đã đứng].

2070. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gosujāta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Desapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Desapūjaka" là phần thứ tư.

---

[1] *Kaṇaverapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kaṇavera."

[2] *Khajjakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực để nhai (*khajjaka*)."

[3] *Desapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) khoảnh đất, vùng đất (*desa*)."

165. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆIKĀRACCHADANIYA
(*Kaṇikāracchadaniyattherāpadānaṃ*)

2072. Đấng Toàn Giác Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hiền Trí đã đi sâu vào khu rừng lớn cho việc nghỉ ngơi giữa ngày.

2073. Khi ấy, tôi đã thu nhặt bông hoa kaṇikāra và đã làm chiếc lọng che. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật.

2074. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2075. Trước đây hai mươi kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Soṇṇābha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2076. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇikāracchadaniya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇikāracchadaniya" là phần thứ năm.

166. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA
(*Sappidāyakattherāpadānaṃ*)

2077. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên Phussa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Anh Hùng, trong khi giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, Ngài [đã] đi ở trên đường.

2078. Theo tuần tự, đức Thế Tôn đã đi đến gần chỗ của tôi. Do đó, tôi đã nhận lấy bình bát và đã dâng cúng bơ lỏng, dầu ăn.

2079. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bơ lỏng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

2080. Trước đây năm mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Samodaka độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2081. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sappidāyaka" là phần thứ sáu.

167. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA
(*Yūthikāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2082. Tôi [đã] di chuyển xuôi dòng ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đấng Tự Chủ ở tại nơi ấy tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

---

[4] *Kaṇikāracchadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng bông hoa kaṇikāra."

[5] *Sappidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*sappi*)."

2083. Tôi đã cầm lấy bông hoa yūthika và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

2084. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2085. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, tôi đã là vị tên Samuddhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2086. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya" là phần thứ bảy.

168. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUSSADĀYAKA
(*Dussadāyakattherāpadānaṃ*)

2087. Lúc bấy giờ, tôi đã là người con trai của đức vua ở thành phố Tivarā đáng yêu. Sau khi nhận được tặng phẩm, tôi đã dâng cúng đến bậc An Tịnh.

2088. Đức Thế Tôn đã chấp thuận và đã dùng bàn tay sờ vào tấm vải. Sau khi chấp thuận, [đức Phật] Siddhattha đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2089. Trong khi đức Phật đang đi, các tấm vải đã chạy theo phía sau của Ngài. Tại nơi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín; đức Phật là nhân vật cao cả của chúng ta.

2090. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

2091. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, khi ấy tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, là vị chúa tể của loài người tên Parisuddha, có oai lực lớn lao.

2092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dussadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dussadāyaka" là phần thứ tám.

169. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMĀDAPAKA
(*Samādapakattherāpadānaṃ*)

2093. Ở tại thành phố Bandhumatī, đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Tôi đã là người ưu tú trong số họ, và họ là các cộng sự viên của tôi.

2094. Sau khi tụ tập tất cả bọn họ lại, tôi đã khuyến khích về công việc phước thiện: "Chúng ta sẽ làm tràng hoa dâng đến hội chúng là phước điền tối thượng."

---

[6] *Yūthikāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) yūthika."

[7] *Dussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải (*dussa*)."

2095. Thuận theo mãnh lực của niềm ước muốn của tôi, họ đã đáp lại rằng: "Tốt lắm", và họ đã hoàn tất tràng hoa ấy. [Tôi đã nói rằng:] "Chúng ta hãy dâng đến [đức Phật] Vipassī."

2096. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tràng hoa.

2097. Trước đây năm mươi chín kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất tên Ādeyya, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2098. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Samādapaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Samādapaka" là phần thứ chín.

170. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAṄGULIYA
(*Pañcaṅguliyattherāpadānaṃ*)

2099. Đức Thế Tôn tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Hiền Trí, vị thiện xảo về việc an trú [thiền quả] đang đi vào hương thất.

2100. Tôi đã cầm lấy tràng hoa có hương thơm ngào ngạt và đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Chính vì không làm ồn đến đấng Toàn Giác, tôi đã dâng cúng một nhúm năm ngón tay [bông hoa].

2101. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên hương thơm trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một nhúm năm ngón tay [bông hoa].

2102. Trước đây bảy mươi hai kiếp, vị vua tên Sayampabha đã là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcaṅguliya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcaṅguliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự phục vụ tốt, vị có bông hoa kaṇavera, vị có vật ăn được, vị cúng dường khu vực, bông hoa kaṇikāra, vị dâng cúng bơ lỏng, bông hoa yūthika, vị dâng cúng tấm vải, tràng hoa và một nhúm năm ngón tay; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ.

Phẩm Supāricariya là phẩm thứ mười bảy.

---

[8] *Pañcaṅguliya* nghĩa là "vị liên quan đến 1 nhúm 5 (*pañca*) ngón tay (*aṅgula*)."

XVIII. PHẨM KUMUDA
(*KUMUDAVAGGO*)

171. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA
(*Kumudamāliyattherāpadānaṃ*)

2104. Ở núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn. Là loài quỷ sứ đã được sanh ra ở tại nơi ấy, tôi đã có dáng vẻ rùng rợn, có sức mạnh lớn lao.

2105. Bông súng trắng ở tại nơi ấy trổ hoa. Chúng được sanh ra có kích thước bằng bánh xe. Tôi đã thu nhặt bông hoa ấy, và đã có sự gặp gỡ với bậc có năng lực vào lúc ấy.

2106. Về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi nhìn thấy bông hoa đã được gom lại, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

2107. Và khi bậc Toàn Giác, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã gặp Ngài; tôi đã cầm lấy bông hoa và đã dâng lên đức Phật.

2108. Khi ấy, hội chúng ấy đã trải dài đến tận cùng núi Hy-mã-lạp. Đức Như Lai đã đi đến, có được đầy đủ mái che cho toàn bộ hội chúng.

2109. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2110. Trước đây mười lăm kiếp, bảy vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Sahassaratha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2111. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudamāliya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudamāliya" là phần thứ nhất.

172. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NISSEṆIDĀYAKA
(*Nisseṇidāyakattherāpadānaṃ*)

2112. Tôi đã cho thực hiện cầu thang để bước lên tòa lâu đài của đức Thế Tôn Koṇḍañña, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

2113. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---

[1] *Kumudamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*māla*) kumuda."

2114. [Trước đây] ba mươi mốt ngàn kiếp, ba vị vua [cùng] tên Sambahula đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nisseṇidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nisseṇidāyaka" là phần thứ nhì.

173. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA
(*Rattipupphiyattherāpadānaṃ*)

2116. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu.

2117. Sau khi nhìn thấy giống cây rattika [nở hoa ban đêm] có chứa dược liệu đã được trổ hoa, tôi đã thu hoạch bông hoa luôn cả cuống và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

2118. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2119. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức vua tên Suppasanna, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rattipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rattipupphiya" là phần thứ ba.

174. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAPĀNADĀYAKA
(*Udapānadāyakattherāpadānaṃ*)

2121. Tôi đã thực hiện cái giếng dành cho đức Thế Tôn Vipassī. Và khi ấy, sau khi dâng cúng đồ ăn khất thực, tôi đã dâng [cái giếng] đến Ngài.

2122. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái giếng.

2123. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udapānadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udapānadāyaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Nisseṇidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cầu thang (*nisseṇī*)."

[3] *Rattipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*māla*) nở vào ban đêm (*ratti*)."

[4] *Udapānadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái giếng (*udapāna*)."

175. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA (*Sīhāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2124. Khi bậc Lãnh Đạo Padumuttara, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử.

2125. Tại nơi ấy, sau khi thực hiện sự cúng dường với nhiều vật thơm và tràng hoa đến Ngài là nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại, nhiều người thành tựu Niết-bàn.

2126. Sau khi đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2127. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, tám vị vua [cùng] tên Siluccaya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2128. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanadāyaka" là phần thứ năm.

176. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA (*Maggadattikattherāpadānaṃ*)

2129. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu đã đi kinh hành ở ngoài trời nhằm sự thoải mái [cho cơ thể] trong thời hiện tại.

2130. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và đã rải rắc những bông hoa. Các bông hoa đã rơi ở bàn chân được giở lên và ở trên đỉnh đầu.

2131. Trước đây hai mươi ngàn kiếp, năm người [cùng] tên Pupphacchadaniya đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2132. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggadattika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggadattika" là phần thứ sáu.

177. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (*Ekadīpiyattherāpadānaṃ*)

2133. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng một ngọn đèn ở cây sa-la là cội Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Padumuttara.

2134. Trong khi [tôi] được sanh lên ở cõi hữu, sự tích lũy phước báu đã được sanh theo, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọn đèn.

2135. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, bốn người [cùng] tên Candābha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

---

[5] *Sīhāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bảo tọa sư tử (*sīhāsana*)."

2136. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadīpiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ chín).

178. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA (*Maṇipūjakattherāpadānaṃ*)

2137. Có con sông nhỏ đã phát xuất từ phần bên dưới của núi Hy-mã-lạp. Và lúc bấy giờ, bậc Tự Chủ cư ngụ ở phần đất cạnh bờ sông ấy.

2138. Tôi đã cầm lấy chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni có màu sắc xinh xắn, đáng yêu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

2139. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên ngọc ma-ni trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2140. Và trước đây mười hai kiếp, tám vị vua [cùng] tên Sataraṃsi ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2141. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maṇipūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maṇipūjaka" là phần thứ tám.

179. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKICCHAKA (*Tikicchakattherāpadānaṃ*)

2142. Ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người thầy thuốc khéo được học tập, là nguồn đem lại sự an lạc cho những bệnh nhân có sự khổ đau.

2143. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có giới hạnh, vô cùng sáng suốt, bị lâm bệnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng thuốc chữa bệnh.

2144. Chính nhờ thế, vị Sa-môn có giác quan thu thúc đã được lành bệnh. Người là vị hầu cận của [đức Phật] Vipassī, có tên là Asoka.

2145. Kể từ khi tôi đã dâng cúng phương thuốc trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh.

2146. Và trước đây vào kiếp thứ tám, [tôi đã là] vị tên Sabbosadha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2147. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikicchaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikicchaka" là phần thứ chín.

---

[6] *Ekadīpiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) ngọn đèn (*dīpa*)."

[7] *Tikicchaka* nghĩa là "vị thầy thuốc".

180. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAṄGHUPAṬṬHĀKA
(*Saṅghupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2148. Vào thời kỳ đức Thế Tôn Vessabhū, tôi đã là người phụ việc tu viện. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ hội chúng tối thượng.

2149. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2150. Trước đây vào kiếp thứ bảy, chính bảy vị [cùng tên] Samodaka ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2151. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông súng trắng, rồi vị có cầu thang, giống cây nở hoa về đêm, vị dâng cúng giếng nước, vị có bảo tọa sư tử, vị rải rắc [bông hoa] ở con đường, vị có một ngọn đèn, vị dâng lên ngọc ma-ni, vị y sĩ, vị phục vụ; [tổng cộng] có bốn mươi chín câu kệ.

Phẩm Kumuda là phẩm thứ mười tám.

[8] *Saṅghupaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) hội chúng (*saṅgha*)."

XIX. PHẨM KUṬAJAPUPPHIYA
(*KUṬAJAPUPPHIYAVAGGO*)

181. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬAJAPUPPHIYA
(*Kuṭajapupphiyattherāpadānaṃ*)

2152. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời đã mọc lên đang quan sát phương hướng trong lúc đang di chuyển ở không trung.

2153. Sau khi nhìn thấy cây kuṭaja đã được trổ hoa, đã được phát tán ngang dọc, tôi đã ngắt lấy [bông hoa] từ trên cây và đã dâng lên [đức Phật] Phussa.

2154. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2155. Trước đây mười bảy kiếp, bảy vị [cùng tên] Pupphita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2156. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭajapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭajapupphiya" là phần thứ nhất.

182. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA
(*Bandhujīvakattherāpadānaṃ*)

2157. Đấng Toàn Giác, bậc Tự Chủ tên Siddhattha là vị đã được các bậc có đức hạnh ca ngợi. Được thành tựu về thiền định, Ngài đã ngồi ở trong vùng đồi núi.

2158. Trong khi tìm kiếm bông hoa tối thượng sanh trưởng ở trong nước tại hồ nước thiên nhiên, tôi đã nhìn thấy các bông hoa bandhujīvaka gần kề bên cạnh.

2159. Tôi đã nâng lên [các bông hoa] bằng cả hai tay và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên [đức Phật] Siddhattha.

2160. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

---

[1] *Kuṭajapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kuṭaja."

2161. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng, là đấng Chuyển Luân Vương tên Samuddakappa, có oai lực lớn lao.

2162. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhì.

183. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOṬUMBARIYA
(*Koṭumbariyattherāpadānaṃ*)

2163. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật Sikhī] ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, tợ như biển cả không thể đo lường, giống như là quả địa cầu bao la.

2164. Tương tợ như loài bò mộng thuần chủng, Ngài được tôn vinh bởi hội chúng chư thiên. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

2165. Sau khi lấy ra bảy bông hoa đã được che phủ bằng tấm vải mịn, tôi đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2166. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2167. Trước đây hai mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương độc nhất với tên là Mahānela, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao.

2168. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koṭumbariya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koṭumbariya" là phần thứ ba.

184. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA
(*Pañcahatthiyattherāpadānaṃ*)

2169. Đức Thế Tôn tên Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bước đi ở trên đường lộ, được tháp tùng bởi các vị Thinh văn.

2170. Năm bó hoa sen và bốn bó nữa đã được tôi cất giữ. Có ý định dâng vật hiến cúng nhằm thành tựu công đức, tôi đã cầm [các bông hoa] lên.

2171. Trong lúc bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân, bậc có màu da vàng chói, đang đi ở khu phố chợ, được chiếu rọi bởi ánh hào quang của đức Phật, tôi đã cúng dường [bông hoa] đến Ngài.

---

[2] *Bandhujīvaka* nghĩa là "vị có bông hoa bandhujīvaka."

[3] *Koṭumbariya* nghĩa là "vị liên quan đến tấm vải mịn koṭumbara."

2172. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2173. Trước đây mười ba kiếp, năm vị được gọi tên là Usabha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2174. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcahatthiya" là phần thứ tư.

185. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADĀYAKA
(*Isimuggadāyakattherāpadānaṃ*)

2175. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

2176. Tôi đã nghiền các hạt đậu tây ở trong mật viên tinh khiết. Trong khi đứng ở ngay tại tòa lâu đài, tôi đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2177. Đã hiện diện tám trăm ngàn vị Thinh văn của đức Phật. Món ấy dầu được tràn đầy bình bát của tất cả các vị, mà vẫn còn nhiều hơn thế nữa.

2178. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2179. Trong bốn mươi ngàn kiếp, ba mươi tám người ấy có [cùng] tên là Isimugga, họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2180. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Isimuggadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Isimuggadāyaka" là phần thứ năm.

186. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHI-UPAṬṬHĀKA
(*Bodhi-upaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2181. Tôi đã là người sử dụng chiếc trống con ở thành phố Rammavatī. Thường xuyên bận rộn với công việc phục vụ, tôi đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng.

2182. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã phục vụ sáng chiều, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một ngàn tám trăm kiếp.

2183. Trước đây một ngàn năm trăm kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng tên Muraja, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2184. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[4] *Pañcahatthiya* nghĩa là "vị liên quan đến năm (*pañca*) bó (*hattha*) hoa."

[5] *Isimuggadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đậu tây (*isimugga*)."

Đại đức Trưởng lão Bodhi-upaṭṭhāka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhi-upaṭṭhāka" là phần thứ sáu.

187. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACINTIKA (*Ekacintikattherāpadānaṃ*)

2185. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng:

2186. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp.

2187. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố, và không bị dao động cho đến hết cuộc đời."

2188. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh.

2189. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh."

2190. Do lòng thương tưởng này, khi biết vị thiên nhân đang mệnh chung, chư thiên thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa."

2191. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bị mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?"

2192. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, nên đã đi đến gặp tôi.

2193. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumana. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động.

2194. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

2195. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2196. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacintika[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacintika" là phần thứ bảy.

188. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKAṆṆIPUPPHIYA (*Tikaṇṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

2197. Trong khi là vị thiên nhân, tôi đã được các tiên nữ trọng vọng. Tôi đã nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã nhớ đến đức Phật tối thượng.

---

[6] *Bodhi-upaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

[7] *Ekacintika* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy nghĩ (*cintika*)."

2198. Sau khi lấy ra bông hoa tikaṇṇi, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín và đã dâng lên đức Phật Vipassī, đấng Nhân Ngưu.

2199. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2200. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng] tên Ramuttama đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikaṇṇipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikaṇṇipupphiya" là phần thứ tám.

189. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACĀRIYA (*Ekacāriyattherāpadānaṃ*)

2202. Lúc bấy giờ, đã xảy âm thanh ầm ĩ ở chư thiên cõi trời Đạo-lợi rằng: "Đức Phật Niết-bàn ở thế gian, và chúng ta vẫn còn tham ái."

2203. Chư thiên ấy đã bị khơi dậy bởi nỗi niềm chấn động, đã bị chiếm hữu bởi mũi tên sầu muộn. Được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, tôi đã đi đến gần bên đức Phật.

2204. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandārava mềm mại đã được hóa hiện ra, tôi đã dâng lên đức Phật vào thời điểm viên tịch Niết-bàn.

2205. Khi ấy, tất cả chư thiên và các tiên nữ đã tùy hỷ với tôi. Tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2206. Trước đây sáu mươi ngàn kiếp, mười sáu người [cùng] tên Mahāmallajana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2207. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacāriya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacāriya" là phần thứ chín.

190. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIVAṆṬIPUPPHIYA (*Tivaṇṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

2208. Bị [phiền não] chế ngự, tất cả các vị ấy đã cùng nhau đi đến gặp tôi và tham thiền. Trong khi các vị ấy đang tham thiền, họ đã có sự bực bội khởi lên.

2209. Lúc bấy giờ, vị có tên Sunanda, Thinh văn của đức Phật, bậc Hiền Trí Dhammadassī đã đi đến gặp tôi.

2210. Khi ấy, những người nào đã có sự sinh hoạt gắn bó với tôi, những người ấy đã dâng cúng bông hoa đến tôi. Tôi đã cầm lấy bông hoa ấy và đã dâng lên vị Thinh văn.

---

[8] *Tikaṇṇipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tikaṇṇi."

[9] *Ekacāriya* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) hành xử (*cāriya*)."

2211. Tôi đây đã qua đời và cũng đã tái sanh ở tại nơi ấy lần nữa. Tôi đã không đi đến đọa xứ trong một ngàn tám trăm kiếp.

2212. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, tám vị [cùng] tên Dhūmaketu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2213. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tivaṇṭipupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tivaṇṭipupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kuṭaja, vị có bông hoa bandhujīva, bông hoa koṭumbara, bó bông hoa, hạt đậu tây, cội Bồ-đề, vị có một lần suy nghĩ, vị có bông hoa tikaṇṇi, vị có một lần hành xử, bông hoa tivaṇṭi; [tổng cộng] có sáu mươi hai câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Kuṭajapupphiya là phẩm thứ mười chín.

[10] *Tivaṇṭipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tivaṇṭi."

XX. PHẨM TAMĀLAPUPPHIYA
(*TAMĀLAPUPPHIYAVAGGO*)

191. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMĀLAPUPPHIYA
(*Tamālapupphiyattherāpadānaṃ*)

2214. Tòa lâu đài với tám mươi bốn ngàn cột trụ làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra cho tôi, tợ như [phép mầu do] cây như ý của chư thiên.

2215. Với tâm ý trong sạch, tôi đã cầm lấy bông hoa tamāla và đã dâng lên đức Phật Sikhī, là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2216. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2217. Trước đây hai mươi kiếp, chỉ một mình [tôi] có tên Candatitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tamālapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tamālapupphiya" là phần thứ nhất.

192. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA
(*Tiṇasantharadāyakattherāpadānaṃ*)

2219. Cỏ mà vị Ẩn sĩ sống ở trong rừng [đã] cắt cho bậc Đạo Sư, tất cả cỏ ấy đã ngã xuống ở trên mặt đất, nghiêng về phía phải.

2220. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cỏ ấy và đã trải ra ở phần cao nhất của mặt đất. Và tôi đã mang lại chỉ ba lá cây thốt nốt.

2221. Sau khi làm mái che bằng cỏ, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. Chư thiên và nhân loại đã duy trì [mái che] cho bậc Đạo Sư ấy trong bảy ngày.

2222. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cỏ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cỏ.

2223. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahaddhana đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[1] *Tamālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tamāla."

2224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka" là phần thứ nhì.

193. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAṆḌAPHULLIYA
(*Khaṇḍaphulliyattherāpadānaṃ*)

2225. Lúc bấy giờ, ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Phussa ở trong khu rừng bao la đã bị phá sập bởi các con voi, có cây cối đã mọc lên ở nơi ấy.

2226. Được vui lòng với các đức hạnh của bậc Thầy của tam giới ấy, tôi đã san bằng chỗ lồi lõm và đã dâng cúng khối vôi bột.

2227. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khối vôi bột.

2228. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Jitasena đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2229. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khaṇḍaphulliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khaṇḍaphulliya" là phần thứ ba.

194. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA
(*Asokapūjakattherāpadānaṃ*)

2230. Lúc bấy giờ, ở thành phố Tīvarā đáng yêu đã có khu vườn thượng uyển. Ở tại nơi ấy, tôi đã là người giữ vườn, có sự sinh hoạt gắn bó với đức vua.

2231. Đấng Tự Chủ tên Paduma đã là vị có hào quang. Khi bậc Hiền Trí ấy ngồi ở nơi cây sen trắng, bóng râm đã không rời khỏi Ngài.

2232. Sau khi nhìn thấy cây asoka đã được trổ hoa, nặng trĩu từng chùm, có dáng nhìn xinh đẹp, tôi đã dâng lên đức Phật có tên là Padumuttara.

2233. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2234. Trước đây ba mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng tên] Aruṇañjaha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2235. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Tiṇasantharadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm thảm (*santhara*) bằng cỏ (*tiṇa*)."

Đại đức Trưởng lão Asokapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Asokapūjaka" là phần thứ tư.

195. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAKA (*Aṅkolakattherāpadānaṃ*)

2236. Sau khi nhìn thấy cây aṅkola với chùm hoa cao quý có lớp vỏ bọc đã được trổ hoa, tôi đã hái xuống bông hoa ấy và đã đi đến gặp đức Phật.

2237. Vào thời điểm ấy, bậc Đại Hiền Trí Siddhattha có sự ẩn cư. Sau khi bày tỏ sự tôn kính trong chốc lát, tôi đã rải rắc bông hoa ở nơi hang động.

2238. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2239. Trước đây ba mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị Devagajjita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolaka" là phần thứ năm.

196. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA (*Kisalayapūjakattherāpadānaṃ*)

2241. Tôi đã có một vườn hoa ở thành phố Dvāravatī. Và có giếng nước ở ngay tại nơi ấy là nguồn cung cấp [nước] cho các loài thực vật.

2242. Có lòng thương tưởng đến tôi, vị Siddhattha không bị đánh bại ấy, được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, đi đến ở trên không trung.

2243. Tôi không nhìn thấy bất cứ vật nào khác đáng để cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi nhìn thấy chồi non của cây asoka, tôi đã thảy [chồi non ấy] lên không trung.

2244. Trong khi đức Phật đang di chuyển, các chồi non ấy đi theo phía sau của Ngài. Tôi đây sau khi đã nhìn thấy thần thông ấy [đã tán dương rằng]: "Ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!"

2245. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chồi non trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2246. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị Ekassara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2247. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Asokapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa asoka."

[4] *Aṅkolaka* nghĩa là "vị có bông hoa aṅkola."

Đại đức Trưởng lão Kisalayapūjaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kisalayapūjaka" là phần thứ sáu.

197. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKADĀYAKA
(*Tindukadāyakattherāpadānaṃ*)

2248. Tôi đã là con khỉ có sức mạnh và nhanh nhẹn, thường lai vãng ở nơi hiểm trở của ngọn núi. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

2249. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã lìa khỏi [chỗ ngụ] vài ngày và đã xem xét đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc đã đi đến tận cùng ba cõi.

2250. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian cùng với một ngàn bậc Vô lậu đã đi đến gần tôi.

2251. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi đến gần, có trái cây ở tay. Đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã thọ nhận.

2252. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2253. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị có tên Upananda, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2254. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tindukadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tindukadāyaka" là phần thứ bảy.

198. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPŪJAKA
(*Muṭṭhipūjakattherāpadānaṃ*)

2255. Vì lòng thương tưởng hậu thế, đức Thế Tôn tên Sumedha, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, đấng Chiến Thắng đã ra sức nỗ lực.

2256. Trong khi bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy đang đi kinh hành, tôi đã dâng lên đức Phật nắm tay gồm những bông hoa girinela.

2257. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp.

2258. Trong hai ngàn ba trăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sunela, là người độc nhất được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2259. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Kisalayapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) các chồi non (*kisalaya*)."

[6] *Tindukadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây tinduka."

Đại đức Trưởng lão Muṭṭhipūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Muṭṭhipūjaka" là phần thứ tám.

199. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṄKAṆIPUPPHIYA
(*Kiṅkaṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

2260. Đấng Tự Chủ tên Sumaṅgala, bậc Không Bị Đánh Bại, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi vào thành phố.

2261. Sau khi thực hành việc đi khất thực, bậc Hiền Trí đã lìa khỏi thành phố. Có phận sự đã được làm xong, bậc Toàn Giác ấy đã cư ngụ ở trong khu rừng.

2262. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiṅkaṇi và đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

2263. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2264. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Apilāpiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2265. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṅkaṇipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṅkaṇipupphiya" là phần thứ chín.

200. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA
(*Yūthikāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2266. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi đến trú xá.

2267. Sau khi cầm lấy bông hoa yūthika tối thượng bằng cả hai tay, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc có tâm từ ái như thế ấy.

2268. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu và đã không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2269. Trước đây năm mươi kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Samittanandana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya" là phần thứ mười.

---

[7] *Muṭṭhipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nắm (*muṭṭhi*) bông hoa."

[8] *Kiṅkaṇipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṅkaṇi."

[9] *Yūthikāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) yūthikā."

Phần tóm lược

Vị có bông hoa tamāla, thảm trải bằng cỏ, vị khám phá sự đổ vỡ, vị liên quan đến bông hoa asoka, vị có bông hoa aṅkola, chồi non, trái cây tinduka, các bông hoa nela, vị có bông hoa kiṅkaṇi, vị có bông hoa yūthikā; [tổng cộng] có năm mươi tám câu kệ.

Phẩm Tamālapupphiya là phẩm thứ hai mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Vị dâng cúng thức ăn, [vị có] đoàn tùy tùng, bông hoa sereyya, Trưởng lão Sobhita là tương tợ, vị có chiếc lọng che, bông hoa bandhujīva, vị có sự phục vụ khéo léo, bông hoa kumuda, bông hoa kuṭaja và luôn cả vị có bông hoa tamāla đã được thực hiện là thứ mười. Có sáu trăm câu kệ và sáu mươi sáu câu thêm vào đó.

Nhóm "Mười" từ phẩm Bhikkhā.

Nhóm "Một trăm" thứ nhì được đầy đủ.

XXI. PHẨM KAṆIKĀRAPUPPHIYA
(*KAṆIKĀRAPUPPHIYAVAGGO*)

201. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆIKĀRAPUPPHIYA
(*Kaṇikārapupphiyattherāpadānaṃ*)

2271. Sau khi nhìn thấy cây kaṇikāra đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã hái xuống [bông hoa] và đã dâng lên [đức Phật] Tissa, bậc đã vượt qua dòng lũ như thế ấy.

2272. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2273. Trước đây ba mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aruṇapāṇī, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2274. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇikārapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇikārapupphiya" là phần thứ nhất.

202. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA
(*Minelapupphiyattherāpadānaṃ*)

2275. Đức Thế Tôn Sikhī hùng tráng có màu da vàng chói, có trăm ánh hào quang, có sự huy hoàng, có tâm từ ái, đã bước lên con đường kinh hành.

2276. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sau khi đảnh lễ bậc có trí tuệ tối thượng, tôi đã cầm lấy bông hoa minela và đã dâng lên đức Phật.

2277. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2278. Vào kiếp [thứ] hai mươi chín, [tôi đã là] vị tên Sumedhayasa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2279. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Minelapupphiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Minelapupphiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Kaṇikārapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kaṇikāra."

[2] *Minelapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) minela."

203. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṄKIṆIKAPUPPHIYA (*Kiṅkiṇikapupphiyattherāpadānaṃ*)

2280. Bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [sáng chói] trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã lội xuống hồ nước lạnh và đã tắm.

2281. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiṅkiṇi và đã dâng lên [đức Phật] Vipassassī, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2282. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2283. Vào kiếp [thứ] hai mươi bảy, [tôi đã là] đức Vua Bhīmaratha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2284. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṅkiṇikapupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṅkiṇikapupphiya" là phần thứ ba.

204. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

2285. Đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các bậc Thinh văn đã đi đến bờ sông Gaṅgā.

2286. Sông Gaṅgā đã tràn nước đến mé bờ khiến loài quạ có thể uống được, khó có thể vượt qua. Tôi đã đưa đức Phật, bậc Tối Thượng Của Loài Người, cùng với hội chúng Tỳ-khưu sang sông.

2287. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

2288. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, năm vị [cùng tên] Sabbhogavā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2289. Và trong kiếp sống cuối cùng này, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn. Cùng với ba người bạn, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo Sư.

Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya" là phần thứ tư.

---

[3] *Kiṅkiṇikapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṅkiṇi."

[4] *Taraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đưa sang (*taraṇa*) sông."

205. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUṆḌIPUPPHIYA
(*Niggaṇḍipupphiyattherāpadānaṃ*)

2290. Tôi đã là người phụ việc tu viện của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi đã cầm lấy bông hoa niggaṇḍi và đã dâng lên đức Phật.

2291. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2292. Trước đây ba mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2293. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Niggaṇḍipupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Niggaṇḍipupphiya" là phần thứ năm.

206. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA
(*Udakadāyakattherāpadānaṃ*)

2294. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có tâm ý thanh tịnh, không bị chộn rộn, đang thọ thực, tôi đã cầm lấy bình nước và đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha.

2295. Giờ đây, tôi không còn bợn nhơ, được xa lìa ô nhiễm, sự hoài nghi đã được đoạn tận. Trong khi sanh lên ở cõi hữu, quả báo tốt đẹp phát sanh [đến tôi].

2296. Kể từ khi tôi đã cúng dường nước trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước.

2297. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Vimala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakadāyaka" là phần thứ sáu.

207. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMĀLIYA
(*Salalamāliyattherāpadānaṃ*)

2299. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Điều Phục Nhân Siddhattha ngồi ở trong vùng đồi núi đang chói sáng như là cây kaṇikāra, đang làm cho tất cả các phương rực sáng.

---

[5] *Niggaṇḍipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) niggaṇḍi."

[6] *Udakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*)."

2300. Khi ấy, không do dự tôi đã dùng cây cung và đã giương lên mũi tên. Sau khi đã cắt đứt bông hoa có luôn cả cuống, tôi đã dâng lên đức Phật.

2301. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2302. Trước đây năm mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Jutindhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalamāliya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalamāliya" là phần thứ bảy.

208. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORAṆḌAPUPPHIYA
(*Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ*)

2304. Trong khi đi theo sau từng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã nhìn thấy bàn chân đang bước đi được điểm tô dấu hiệu hình bánh xe [của Ngài].

2305. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa đã được trổ hoa, tôi đã cúng dường [bông hoa] ở dấu chân [Ngài]. Trở nên mừng rỡ, tôi đã đảnh lễ dấu chân tối thượng với tâm mừng rỡ.

2306. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân [đức Phật].

2307. Vào kiếp thứ bảy mươi lăm, tôi đã là Vītamala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2308. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya" là phần thứ tám.

209. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADĀYAKA
(*Ādhāradāyakattherāpadānaṃ*)

2309. Chân đế bình bát đã được tôi cúng dường đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Tôi cai quản toàn bộ trái đất này cùng với tất cả tài nguyên.

2310. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---

[7] *Salalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến chùm hoa (*mālā*) salala."

[8] *Koraṇḍapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) koraṇḍa."

2311. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bốn người [cùng] tên Samantacaraṇa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2312. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ādhāradāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ādhāradāyaka" là phần thứ chín.

210. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀTĀTAPANIVĀRIYA
(*Vātātapanivāriyattherāpadānaṃ*)

2313. Tôi đã cúng dường một chiếc lọng đến đức Thế Tôn Tissa, vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, với tâm ý trong sạch.

2314. Điều ác xấu của tôi được chặn đứng, có sự thành tựu của điều thiện. [Chư thiên] nắm giữ chiếc lọng ở không trung [che cho tôi], điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2315. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

2317. Trước đây bảy mươi hai kiếp, tám bậc thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahānidāna đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2318. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vātātapanivāriya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vātātapanivāriya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kaṇikāra, bông hoa minela, bông hoa kiṅkiṇi, với sự vượt qua, vị có bông hoa niggaṇḍi, vị cúng dường nước, bông hoa salala, bông hoa kuraṇḍaka, [vị dâng cúng] chân đế bình bát, lọng che nắng; [tổng cộng] có bốn mươi tám câu kệ.

Phẩm Kaṇikārapupphiya là phẩm thứ hai mươi mốt.

---

[9] *Ādhāradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chân đế (*ādhāra*) bình bát."

[10] *Vātātapanivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến vật ngăn cản (*nivāraṇa*) gió (*vāta*) và sức nóng (*ātapa*)."

XXII. PHẨM HATTHI
(*HATTHIVAGGO*)

211. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HATTHIDĀYAKA
(*Hatthidāyakattherāpadānaṃ*)

2319. Con voi hạng nhất có ngà dài như gọng xe, vững chãi, đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2320. Tôi thọ hưởng mục đích tối thượng là trạng thái an tịnh vô thượng. Vật thí cao quý đã được tôi dâng cúng đến vị tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian.

2321. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con voi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con voi.

2322. Vào kiếp [thứ] bảy mươi tám, mười sáu vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2323. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hatthidāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Hatthidāyaka" là phần thứ nhất.

212. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA
(*Pānadhidāyakattherāpadānaṃ*)

2324. Tôi đã dâng cúng đôi dép đến vị Ẩn sĩ già cả, sống ở rừng, có sự khổ hạnh dài lâu, có nội tâm đã được phát triển.

2325. Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con thọ hưởng mọi phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2326. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

2327. Trước đây bảy mươi bảy kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Suyāna đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2328. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Hatthidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) con voi (*hatthi*)."

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pānadhidāyaka" là phần thứ nhì.

213. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA
(*Saccasaññakattherāpadānaṃ*)

2329. Vào lúc ấy, trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, [đức Phật] Vessabhū, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu, [đã] thuyết giảng về các chân lý cao thượng.

2330. Là người thành tựu tâm bi mẫn cao tột, tôi đã đi đến cuộc hội họp. Ngồi xuống, an tịnh, tôi đây đã lắng nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư.

2331. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. Tôi đã cư ngụ giữa chư thiên trong thành phố ở tại nơi ấy ba mươi kiếp.

2332. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về chân lý.

2333. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Ekaphusita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2334. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saccasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saccasaññaka" là phần thứ ba.

214. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA
(*Ekasaññakattherāpadānaṃ*)

2335. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ.

2336. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2337. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Amitābha, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2338. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekasaññaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Pānadhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đôi dép (*pānadhi*)."

[3] *Saccasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về chân lý (*sacca*)."

[4] *Ekasaññaka* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy tưởng (*saññā*)."

215. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṂSISAÑÑAKA (*Raṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

2339. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như con hổ hùng tráng cao quý khéo được sanh ra, [đang ngồi] ở trong vùng đồi núi.

2340. Năng lực ấy của đức Phật chói sáng ở trong vùng đồi núi. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2341. Do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm và cũng nhờ vào sự niệm tưởng đến đức Phật, việc thiện đã được tôi thực hiện tốt đẹp trong các kiếp còn lại.

2342. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2343. Vào kiếp thứ năm mươi bảy, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sujāta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2344. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ năm.

216. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAṆṬHITA (*Saṇṭhitattherāpadānaṃ*)

2345. Ở tại cội cây assattha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh lục, tôi đã đạt được sự suy tưởng thuần túy hướng đến đức Phật, có niệm [đầy đủ].

2346. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, do nhờ tác động của sự suy tưởng ấy, sự đoạn tận các lậu hoặc đã được tôi đạt đến.

2347. Trước đây mười ba kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Dhaniṭṭha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2348. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saṇṭhita[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saṇṭhita" là phần thứ sáu.

217. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAVAṆṬADĀYAKA (*Tālavaṇṭadāyakattherāpadānaṃ*)

2349. Chiếc quạt lá cọ đã được tôi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời Tissa nhằm mục đích dập tắt sự nóng nực và làm lắng dịu sự bực bội.

---

[5] *Raṃsisaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến hào quang (*raṃsi*) của đức Phật."

[6] *Saṇṭhita* nghĩa là "vị (có sự suy tưởng) đã được bền vững (*saṇṭhita*)."

2350. Tôi tự mình dập tắt ngọn lửa tham ái và đặc biệt hơn nữa là ngọn lửa sân hận. Và tôi dập tắt ngọn lửa si mê; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ.

2351. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2352. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2353. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Mahānāma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2354. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tālavaṇṭadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tālavaṇṭadāyaka" là phần thứ bảy.

218. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA
(*Akkantasaññakattherāpadānaṃ*)

2355. Sau khi cầm lấy tấm vải choàng thô xấu, tôi đã [đi đến] thành phố của vị thầy tế độ. Và tôi học tập về chú thuật làm bẻ gãy mũi tên.

2356. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Là bậc ưu tú, cao quý, tột đỉnh, đức Phật Tissa là bậc Tối Thượng của đám đông.

2357. Khi tấm vải choàng thô xấu được trải ra, đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đại Hùng, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu trong khi bước đi đã đặt chân lên [tấm vải choàng].

2358. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian ấy tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, với tâm ý trong sạch tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

2359. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải choàng thô xấu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải choàng thô xấu.

2360. Trước đây ba mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sunanda, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2361. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Akkantasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Akkantasaññaka" là phần thứ tám.

219. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA
(*Sappidāyakattherāpadānaṃ*)

2362. Ngồi ở nơi cao quý của tòa lâu đài, được trọng vọng bởi đám phụ nữ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn bị lâm bệnh và đã thỉnh vào trong nhà.

2363. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi vào, tôi đã dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến bậc Đại Ẩn sĩ Siddhattha.

2364. Sau khi nhìn thấy sự mệt nhọc đã được lắng xuống, khuôn mặt và giác quan đã được rạng rỡ, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ngợi ca ở phía trước Ngài.

2365. Là bậc đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi nhìn thấy tôi có nội tâm đã khéo được tịnh tín, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

2366. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn.

2367. Trước đây mười bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Jutideva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2368. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sappidāyaka" là phần thứ chín.

220. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀPANIVĀRIYA
(*Pāpanivāriyattherāpadānaṃ*)

2369. Con đường kinh hành của đức Thế Tôn Piyadassī đã được tôi làm sạch sẽ, được che bởi những cây sậy, có sự ngăn cản gió và sức nóng.

2370. Tôi đã nỗ lực trong giáo pháp của bậc Đạo Sư nhằm mục đích lánh xa điều ác, nhằm sự thành tựu việc thiện, nhằm sự dứt bỏ các điều ô nhiễm.

2371. Trước đây mười một kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aggideva, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāpanivāriya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāpanivāriya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

[Vị cúng dường] con voi, đôi dép, [vị suy tưởng về] chân lý, các hào quang, [vị có sự suy tưởng] đã được bền vững, vị có cây quạt lá cọ, tương tợ là vị suy tưởng về việc [đức Phật] đã bước lên, bơ lỏng, vị có sự ngăn cản điều ác; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ.

Phẩm Hatthi là phẩm thứ hai mươi hai.

---

[7] *Sappidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*sappi*)."

[8] *Pāpanivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến vật ngăn chặn (*nivāraṇa*) điều ác (*pāpa*)."

XXIII. PHẨM ĀLAMBANADĀYAKA
(*ĀLAMBANADĀYAKAVAGGO*)

221. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLAMBANADĀYAKA
(*Ālambanadāyakattherāpadānaṃ*)

2373. Vật tựa [lưng] đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2374. Tôi cai quản trái đất bao la bao gồm biển cả và tôi thực hiện quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng ở trên trái đất.

2375. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

2376. Trước đây sáu mươi hai kiếp, ba vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Ekāpassita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2377. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ālambanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ālambanadāyaka" là phần thứ nhất.

222. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJINADĀYAKA
(*Ajinadāyakattherāpadānaṃ*)

2378. Trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi đã là bậc thầy của đám đông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

2379-80. Mảnh da thú đã được tôi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Nhờ vào việc làm ấy ở đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2381. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm da dê trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm da dê.

2382. Trước đây vào kiếp thứ năm, tôi đã là đức Vua Sudāyaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[1] *Ālambanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật tựa lưng (*ālambana*)."

2383. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajinadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajinadāyaka" là phần thứ nhì.

223. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA
(*Dviratanīyattherāpadānaṃ*)

2384. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

2385. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī một lát thịt. Tôi được thiết lập làm vị chúa tể ở thế gian luôn cả chư thiên.

2386. Do nhờ sự dâng cúng lát thịt này, châu báu sanh lên cho tôi. Hai loại châu báu này ở thế gian đưa đến sự thành tựu của đời hiện tại.

2387. Tôi thọ hưởng tất cả các thứ ấy nhờ vào năng lực của sự dâng cúng lát thịt. Thân thể của tôi mềm mại, trí tuệ của tôi có sự nhận biết vi tế.

2388. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng lát thịt trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lát thịt.

2389. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng. Vị ấy tên là Mahārohita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dviratanīya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dviratanīya" là phần thứ ba.

(Dứt tụng phẩm thứ mười).

224. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA
(*Ārakkhadāyakattherāpadānaṃ*)

2391. Tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn đến đức Thế Tôn Siddhattha. Và tôi đã dâng cúng sự bảo vệ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

2392. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và sự hãi sợ. Khi được sanh lên ở bất cứ đâu, sự run sợ của tôi là không được biết đến.

2393. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn.

2394. Trước đây vào kiếp thứ sáu, [tôi đã là] vị tên Apassena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[2] *Ajinadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm da dê (*ajina*)."

[3] *Dviratanīya* nghĩa là "vị liên quan đến hai (*dvi*) loại châu báu (*ratana*)."

2395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ārakkhadāyaka" là phần thứ tư.

225. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVYĀDHIKA
(*Avyādhikattherāpadānaṃ*)

2396. Tôi đã dâng cúng gian nhà sưởi ấm đến đức Thế Tôn Vipassī, chỗ trú ngụ và bình chứa nước nóng đến những người bị bệnh.

2397. Do việc làm ấy, thân thể của tôi đã được tạo thành tốt đẹp, tôi không còn biết đến bệnh tật; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

2398. Kể từ khi tôi đã dâng cúng gian nhà trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của gian nhà sưởi ấm.

2399. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị tên Aparājita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2400. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avyādhika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avyādhika" là phần thứ năm.

226. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAPUPPHIYA
(*Aṅkolapupphiyattherāpadānaṃ*)

2401. Nārada là tên của tôi, [mọi người] biết đến tôi là Kassapa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị đứng đầu trong số các Sa-môn, được chư thiên tôn kính.

2402. Đức Phật có các tướng mạo phụ là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Tôi đã cầm lấy bông hoa aṅkola và đã dâng lên đức Phật.

2403. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2404. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Romasa, có sự trang sức với ngọc trai và tràng hoa, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng.

2405. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolapupphiya" là phần thứ sáu.

---

[4] *Ārakkhadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sự bảo vệ (*ārakkha*)."

[5] *Avyādhika* nghĩa là "vị không có bệnh tật (*vyādhi*)."

[6] *Aṅkolapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aṅkola."

227. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOVAṆṆAVAṬAṂSAKIYA
(*Sovaṇṇavaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

2406. Trong khi đi ra khu vực vườn hoa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy vòng hoa đội đầu bằng vàng được kiến tạo khéo léo.

2407. Cỡi trên lưng của con voi, tôi đã mau chóng từ nơi ấy leo xuống và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2408. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2409. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2410. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sovaṇṇavaṭaṃsakiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sovaṇṇavaṭaṃsakiya" là phần thứ bảy.

228. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVAṬAṂSAKIYA
(*Miñjavaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

2411. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã thực hiện việc cúng dường cội Bồ-đề với những vòng hoa đội đầu được xếp đặt các nơi.

2412. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề.

2413. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Meghabbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2414. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Miñjavaṭaṃsakiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Miñjavaṭaṃsakiya" là phần thứ tám.

229. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATĀVELIYA
(*Sukatāveliyattherāpadānaṃ*)

2415. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Asita. Sau khi chọn lấy vòng hoa đội đầu, tôi đã ra đi để dâng lên đức vua.

2416. Khi chưa gặp được đức vua, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Sikhī. Được mừng rỡ, tôi đã dâng [vòng hoa] lên đức Phật với tâm mừng rỡ.

---

[7] *Sovaṇṇavaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*) bằng vàng (*sovaṇṇa*)."

[8] *Miñjavaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*) bằng ruột cây (*miñja*)."

2417. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2418. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao tên Vebhāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sukatāveliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sukatāveliya" là phần thứ chín.

230. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA
(*Ekavandiyattherāpadānaṃ*)

2420. Đấng Anh Hùng Vessabhū là bậc ưu tú, cao quý trong số các vị thắng trận. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

2421. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2422. [Trước đây] hai mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Vigatānanda, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2423. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekavandiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekavandiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vật tựa [lưng], tấm da dê, vị dâng cúng thịt, vị thí chủ về sự bảo vệ, sự không bị bệnh, [bông hoa] aṅkola, [vòng hoa] vàng, [vòng hoa] ruột cây, vòng hoa đội đầu và sự đảnh lễ; [tổng cộng] có năm mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Ālambanadāyaka là phẩm thứ hai mươi ba.

---

[9] *Sukatāveliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*āveli*) đã được làm (*kata*) khéo léo (*su*)."

[10] *Ekavandiya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) đảnh lễ (*vandana*)."

XXIV. PHẨM UDAKĀSANA
(*UDAKĀSANAVAGGO*)

231. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKĀSANADĀYAKA
(*Udakāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2424. Sau khi đi ra khỏi cổng của tu viện, tôi đã trải ra tấm ván. Và tôi đã phục vụ nước nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2425. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở [sự bố thí] chỗ ngồi và nước.

2426. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisāma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2427. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakāsanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kỳ sự về Trưởng lão Udakāsanadāyaka" là phần thứ nhất.

232. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀJANADĀYAKA
(*Bhājanadāyakattherāpadānaṃ*)

2428. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ làm gốm ở thành phố Bandhumatī. Trong khi ấy, tôi đã cung cấp bát đĩa đến hội chúng Tỳ-khưu.

2429. [Kể từ khi] tôi đã cung cấp bát đĩa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] bát đĩa.

2430. Trước đây năm mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Anantajāli, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2431. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhājanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kỳ sự về Trưởng lão Bhājanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Udakāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*) và chỗ ngồi (*āsana*)."

[2] *Bhājanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bát đĩa (*bhājana*)."

233. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPŪPIYA
(*Sālapūpiyattherāpadānaṃ*)

2432. Tôi đã là người bán bánh ngọt ở thành phố Aruṇavatī. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Sikhī đang đi ngang qua cánh cửa của tôi.

2433. Với tâm ý trong sạch, tôi đã nhận lấy bình bát của đức Phật và đã dâng cúng bánh ngọt sālā đến đức Phật, bậc đã đi đến đạo lộ chân chánh.

2434. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật thực cứng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh ngọt sālā.

2435. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vị Amitañjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālapūpiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sālapūpiya" là phần thứ ba.

234. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA
(*Kilañjadāyakattherāpadānaṃ*)

2437. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ đan lát ở trong thành phố Tivarā đáng yêu. Dân chúng ở nơi ấy được tịnh tín ở đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha.

2438. Người ta tìm kiếm chiếc chiếu nhằm mục đích cúng dường đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. Tôi đã dâng cúng chiếc chiếu đến những người đang tiến hành việc cúng dường đức Phật.

2439. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc chiếu.

2440. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kilañjadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kilañjadāyaka" là phần thứ tư.

235. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA
(*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

2442. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī.

---

[3] *Sālapūpiya* nghĩa là "vị liên quan đến bánh ngọt (*pūpa*) sālā."

[4] *Kilañjadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc chiếu (*kilañja*)."

2443. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn.

2444. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị tên Suriyassama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka" là phần thứ năm.

236. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṆṆAKĀRA
(*Vaṇṇakārattherāpadānaṃ*)

2446. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ nhuộm màu ở thành phố Aruṇavatī. Tôi đã nhuộm các màu sắc khác nhau cho các xấp vải ở ngôi bảo tháp.

2447. Kể từ khi tôi đã nhuộm màu sắc trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng màu sắc.

2448. Trước đây hai mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Candupama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2449. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṇṇākāra đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vaṇṇākāra" là phần thứ sáu.

237. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPUPPHIYA
(*Piyālapupphiyattherāpadānaṃ*)

2450. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cây piyāla đã được trổ hoa, tôi đã rải rắc [bông hoa] ở con đường [đức Phật] đã đi qua.

2451. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piyālapupphiya" là phần thứ bảy.

---

[5] *Vedikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) vòng rào chắn (*vedi*)."

[6] *Piyālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) piyāla."

238. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGADĀYAKA
(*Ambayāgadāyakattherāpadānaṃ*)

2453. Nương tựa vào nghề nghiệp của mình, tôi đã đi đến khu rừng rậm. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác đang đi, tôi đã dâng cúng vật thí là trái xoài.

2454. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hiến dâng trái xoài.

2455. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambayāgadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambayāgadāyaka" là phần thứ tám.

239. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA
(*Jagatikārakattherāpadānaṃ*)

2456. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, việc bố trí đã được tôi điều hành ở ngôi bảo tháp tối thượng của đức Phật.

2457. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố trí.

2458. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jagatikāraka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jagatikāraka" là phần thứ chín.

240. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀSIDĀYAKA
(*Vāsidāyakattherāpadānaṃ*)

2459. Trước đây, tôi đã là người thợ rèn ở trong kinh thành Tivarā. Tôi đã dâng cúng một lưỡi rìu đến đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

2460. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lưỡi rìu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lưỡi rìu.

2461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vāsidāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vāsidāyaka" là phần thứ mười.

---

[7] *Ambayāgadāyaka* nghĩa là "vị thí chủ (*dāyaka*) của việc hiến dâng (*yāga*) trái xoài (*amba*)."

[8] *Jagatikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) việc bố trí (*jagati*)."

[9] *Vāsidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lưỡi rìu (*vāsi*)."

Phần tóm lược

Chỗ ngồi và nước, bát đĩa, vị có bánh ngọt sālā, vị liên quan đến chiếc chiếu, vòng rào chắn, thợ nhuộm màu, bông hoa piyāla, vị bố thí vật hiến dâng là trái xoài, việc bố trí, vị dâng cúng lưỡi rìu; [tổng cộng] có ba mươi tám câu kệ.

Phẩm Udakāsana là phẩm thứ hai mươi bốn.

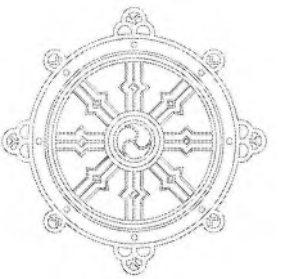

XXV. PHẨM TUVARADĀYAKA
(*TUVARADĀYAKAVAGGO*)

241. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TUVARADĀYAKA
(*Tuvaradāyakattherāpadānaṃ*)

2462. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi cầm lấy và mang theo hạt tuvara nướng, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

2463. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của hạt tuvara nướng.

2464. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tuvaradāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tuvaradāyaka" là phần thứ nhất.

242. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAKESARIYA
(*Nāgakesariyattherāpadānaṃ*)

2465. Sau khi đã kiểm tra cẩn thận cây cung, tôi đã đi sâu vào trong rừng. Tôi đã nhìn thấy vươn lên đóa hoa sen có tua nhụy rũ xuống.

2466. Sau khi cầm lấy [bông hoa] bằng hai bàn tay, tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã dâng lên đức Phật Tissa, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2467. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2468. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, bảy vị [cùng] tên Kesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2469. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgakesariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgakesariya" là phần thứ nhì.

243. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶINAKESARIYA
(*Naḷinakesariyattherāpadānaṃ*)

2470. Tôi là con gà nước sống ở giữa hồ nước thiên nhiên. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên đang di chuyển ở trên không trung.

---

[1] *Tuvaradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) hạt tuvara nướng."

2471. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dùng mỏ ngắt đóa hoa sen [có tua nhụy] và đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Tissa.

2472. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2473. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Satapatta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2474. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷinakesariya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷinakesariya" là phần thứ ba.

244. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRÙNG CỐC VÂN NAM (*Viravipupphiyattherāpadānaṃ*)

2475. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ra đi cùng với một ngàn vị có lậu hoặc đã được đoạn tận. Tôi đã cầm lấy bông hoa viravi và đã dâng lên đức Phật.

2476. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2477. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Viravipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Viravipupphiya" là phần thứ tư.

245. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDHŪPAKA (*Kuṭidhūpakattherāpadānaṃ*)

2478. Tôi đã là người trông nom liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình xông khói vào lúc này lúc khác.

2479. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2480. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭidhūpaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭidhūpaka" là phần thứ năm.

---

[2] *Naḷinakesariya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa sen (*naḷina*) có tua nhụy (*kesarī*)."

[3] *Viravipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) viravi."

[4] *Kuṭidhūpaka* nghĩa là "vị xông khói (*dhūpaka*) thơm liêu cốc (*kuṭi*)."

246. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTADĀYAKA
(*Pattadāyakattherāpadānaṃ*)

2481. Với sự thuần thành tuyệt đối, việc dâng cúng bình bát đã được tôi cung ứng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, bậc có bản thể chính trực như thế ấy.

2482. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát.

2483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pattadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pattadāyaka" là phần thứ sáu.

247. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA
(*Dhātupūjakattherāpadānaṃ*)

2484. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha Niết-bàn, tôi đã nhận được một phần Xá-lợi của bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2485. Sau khi nhận lấy phần Xá-lợi ấy của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, trong năm năm tôi đã chăm sóc [phần Xá-lợi ấy] như là [chăm sóc] bậc Tối Thượng Nhân đang còn tại tiền.

2486. Kể từ khi tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở sự hầu cận Xá-lợi.

2487. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhātupūjaka" là phần thứ bảy.

248. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA
(*Sattalipupphapūjakattherāpadānaṃ*)

2488. Lúc bấy giờ, tôi đã đặt bảy bông hoa sattali ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū.

2489. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2490. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattalipupphapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattalipupphapūjaka" là phần thứ tám.

---

[5] *Pattadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bình bát (*patta*)."

[6] *Dhātupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) Xá-lợi (*dhātu*)."

[7] *Sattalipupphapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa (*puppha*) sattali."

249. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBIJĀLIYA
(*Bimbijāliyattherāpadānaṃ*)

2491. Đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ tên Padumuttara, là nhân vật cao cả. Ngài công bố về bốn sự thật và làm sáng tỏ về vị thế bất tử.

2492. Khi ấy, sau khi ngắt rời các bông hoa bimbijālika, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2493. Trước đây sáu mươi tám kiếp, bốn vị [cùng tên] Kiñjakesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2494. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bimbijāliya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bimbijāliya" là phần thứ chín.

250. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLADĀYAKA
(*Uddāladāyakattherāpadānaṃ*)

2495. Đấng Tự Chủ tên Kakusandha, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi lìa khỏi khu rừng bao la đã đi đến gần con sông lớn.

2496. Khi ấy, với tâm tịnh tín tôi đã cầm lấy bông hoa uddālaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ, bậc đã tự chế ngự, có bản thể chính trực.

2497. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2498. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uddāladāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uddāladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Hạt tuvara nướng, [vị Trưởng lão] Nāgakesariya, các bông hoa sen, các bông hoa viravi, vị xông khói liêu cốc, bình bát, Xá-lợi, các bông hoa sattali, các bông hoa bimbijālika, cùng với bông hoa uddālaka; [tổng cộng] có ba mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc thông minh.

Phẩm Tuvaradāyaka là phẩm thứ hai mươi lăm.

---

[8] *Bimbijāliya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) bimbijāliya."

[9] *Uddāladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa uddāla."

XXVI. PHẨM THOMAKA
(*THOMAKAVAGGO*)

251. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THOMAKA
(*Thomakattherāpadānaṃ*)

2499. Trong khi đang trú ở thế giới chư thiên, tôi được hoan hỷ sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, và tôi đã nói nên lời nói này:

2500. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua."

2501. Kể từ khi tôi đã nói lên lời nói ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2502. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Thomaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Thomaka" là phần thứ nhất.

252. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA
(*Ekāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2503. Có ước muốn thực hiện hành động hướng thượng ở giáo pháp của đức Phật tối thượng, tôi đã lìa bỏ vóc dáng thiên nhân và đã cùng với người vợ đi đến nơi này.

2504. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Devala. Vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị ấy với tâm ý trong sạch.

2505. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

2506. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekāsanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Thomaka* nghĩa là "vị tán dương (*thomaka*)."

[2] *Ekāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*asana*) một lần (*eka*)."

253. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2507. Bậc Giác Ngộ, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Ānanda đã viên tịch Niết-bàn ở trong rừng già hoang rậm, không có bóng người.

2508. Khi ấy, tôi đã từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây và đã thực hiện lễ hỏa táng. Tại đó, tôi đã thiêu đốt thi thể và đã thể hiện sự tôn kính.

2509. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ tư.

254. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA
(*Ticampakapupphiyattherāpadānaṃ*)

2511. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Vikata. Ở trung tâm của ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập, cư ngụ.

2512. Sau khi nhìn thấy sự an tịnh của vị ấy, với tâm ý trong sạch tôi đã cầm lấy ba bông hoa campaka và đã rải rắc chúng.

2513. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2514. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ticampakapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ticampakapupphiya" là phần thứ tư.

255. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPĀṬALIYA
(*Sattapāṭaliyattherāpadānaṃ*)

2515. Tôi đã dâng lên các bông hoa sattapāṭali đến đức Phật [trong lúc Ngài] ngồi ở trong vùng đồi núi, đang chói sáng như là cây kaṇikāra.

2516. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

[4] *Ticampakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa (*puppha*) campaka."

Đại đức Trưởng lão Sattapāṭaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapāṭaliya" là phần thứ năm.

256. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀHANADĀKAYA
(*Upāhanadākayattherāpadānaṃ*)

2518. Lúc bấy giờ, vị tên Candana đã là người con trai của đấng Giác Ngộ. Tôi đã dâng cúng [đến vị ấy] một đôi dép [ước nguyện rằng]: "Xin ngài hãy giúp con thành tựu quả vị Giác ngộ."

2519. Kể từ khi tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

2520. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāhanadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāhanadāyaka" là phần thứ sáu.

257. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA
(*Mañjaripūjakattherāpadānaṃ*)

2521. Sau khi đã thực hiện một bó [hoa], tôi đã bước đi ở đường lộ. Tôi đã nhìn thấy bậc cao cả trong số các vị Sa-môn được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu.

2522. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy [bó hoa] bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật.

2523. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2524. Trước đây bảy mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa tên Jotiya, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañjaripūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañjaripūjaka" là phần thứ bảy.

258. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṆṆADĀYAKA
(*Paṇṇadāyakattherāpadānaṃ*)

2526. Tôi là vị mặc y phục bằng vỏ cây ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Thu thúc trong các điều kiện hạn chế, tôi có thức ăn là muối và lá cây.

---

[5] *Sattapāṭaliya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa sattapāṭali."

[6] *Upāhanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đôi dép (*upāhana*)."

[7] *Mañjaripūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bó hoa (*mañjarī*)."

2527. Vào lúc bữa ăn sáng đã điểm, [đức Phật] Siddhattha đã đi đến gặp tôi. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên các thứ ấy đến đức Phật.

2528. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây.

2529. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức vua Yadatthiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2530. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṇṇadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṇṇadāyaka" là phần thứ tám.

259. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDĀYAKA
(*Kuṭidāyakattherāpadānaṃ*)

2531. Lúc bấy giờ, là vị hành pháp ngụ ở rừng, đấng Toàn Giác đã cư ngụ ở gốc cây. Tôi đã thực hiện gian nhà lá và đã dâng cúng đến bậc Không Bị Đánh Bại.

2532. Kể từ khi tôi đã cúng dường cái chòi lá trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái chòi.

2533. Trước đây hai mươi tám kiếp, mười sáu vị vua được gọi là Sabbattha-abhivassī đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2534. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭidāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭidāyaka" là phần thứ chín.

260. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA
(*Aggajapupphiyattherāpadānaṃ*)

2535. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác Sikhī có màu da vàng chói ngồi ở trong vùng đồi núi đang chiếu sáng các hào quang như là ngọn lửa.

2536. Tôi đã cầm lấy bông hoa aggaja và đã đi đến gần đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật [bông hoa ấy].

2537. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2538. [Trước đây] hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[8] *Paṇṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cây (*paṇṇa*)."

[9] *Kuṭidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) liêu cốc (*kuṭi*)."

2539. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aggajapupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aggajapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị tán dương, một bữa ăn, giàn hỏa thiêu, bông hoa campaka, bông hoa sattapāṭali, đôi dép, bó hoa, lá cây, vị dâng cúng cái chòi, bông hoa aggaja; và các câu kệ đã được tính đếm ở đây là bốn mươi mốt câu cả thảy.

Phẩm Thomaka là phẩm thứ hai mươi sáu.

[10] *Aggajapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aggaja."

XXVII. PHẨM ĀKĀSUKKHIPIYA
(*ĀKĀSUKKHIPIYAVAGGO*)

261. KỆ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA
(*Ākāsukkhipiyattherāpadānaṃ*)

2540. Trong khi đấng Nhân Ngưu Siddhattha có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ, tôi đã cầm lấy hai bông hoa cao quý mọc ở trong nước và đã đi đến gặp Ngài.

2541. Tôi đã đặt xuống một bông hoa ở các bàn chân của đức Phật tối thượng, và tôi đã cầm lấy một bông hoa rồi đã thảy lên không trung.

2542. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2543. Trước đây ba mươi hai kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Antalikkhacara, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2544. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ākāsukkhipiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kệ sự về Trưởng lão Ākāsukkhipiya" là phần thứ nhất.

262. KỆ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA
(*Telamakkhiyattherāpadānaṃ*)

2545. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Nhân Ngưu đã Niết-bàn, ngay khi ấy tôi đã thoa dầu ở vòng rào chắn của cội cây Bồ-đề.

2546. Kể từ khi tôi đã thoa dầu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa [dầu].

2547. Trước đây hai mươi bốn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Succhavi, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2548. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Telamakkhiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kệ sự về Trưởng lão Telamakkhiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Ākāsukkhipiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc thảy lên (*ukkhepa*) không trung (*ākāsa*)."

[2] *Telamakkhiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc thoa (*makkhana*) dầu (*tela*)."

263. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AḌḌHACANDIYA (*Aḍḍhacandiyattherāpadānaṃ*)

2549. Bông hoa aḍḍhacanda đã được tôi dâng cúng ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Tissa là loại thảo mộc sanh trưởng ở trên trái đất.

2550. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

2551. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Devala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aḍḍhacandiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aḍḍhacandiya" là phần thứ ba.

264. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA (*Padīpiyattherāpadānaṃ*)

2553. Lúc bấy giờ, trong khi là vị thiên nhân, tôi đã ngự xuống trái đất. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng năm ngọn đèn.

2554. Kể từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đèn.

2555. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2556. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padīpiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padīpiya" là phần thứ tư.

265. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA (*Biḷālidāyakattherāpadānaṃ*)

2557. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Romaso. Ở tại chân ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập.

2558. Tôi đã cầm lấy củ biḷālī và đã dâng cúng đến vị Sa-môn. Bậc Đại Hùng, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ rằng:

2559. "Ngươi đã dâng cúng củ biḷālī đến Ta với tâm ý trong sạch. Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, quả báo sẽ sanh khởi đến ngươi."

2560. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng củ biḷālī trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của củ biḷālī.

---

[3] *Aḍḍhacandiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa aḍḍhacandiya."

[4] *Padīpiya* nghĩa là "vị liên quan đến ngọn đèn (*padīpa*)."

2561. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Biḷālidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Biḷālidāyaka" là phần thứ năm.

266. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADĀYAKA
(*Macchadāyakattherāpadānaṃ*)

2562. Lúc bấy giờ, tôi đã là con chim ưng ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã gắp lấy con cá lớn và đã dâng cúng đến bậc Hiền Trí Siddhattha.

2563. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con cá trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con cá.

2564. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Macchadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Macchadāyaka" là phần thứ sáu.

267. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAṂSAKA
(*Javahaṃsakattherāpadānaṃ*)

2565. Lúc bấy giờ, tôi đã là lính kiểm lâm ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Siddhattha đang di chuyển ở trên không trung.

2566. Trong khi ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo.

2567. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2568. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Javahaṃsaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Javahaṃsaka" là phần thứ bảy.

268. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA
(*Salalapupphiyattherāpadānaṃ*)

2569. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī được bao phủ bằng mạng lưới hào quang.

2570. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy bông hoa salala và đã rải rắc đến [đức Phật] Vipassī.

2571. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt

---

[5] *Biḷālidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ biḷālī."

[6] *Macchadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cá (*maccha*)."

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalapupphiya" là phần thứ tám.

269. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀGATĀSAYA (*Upāgatāsayattherāpadānaṃ*)

2573. Ở trung tâm của núi Hy-mã-lạp có cái hồ nước đã khéo được tạo lập. Tôi đã là loài quỷ dữ ở tại nơi ấy, có bản chất quấy rối, là kẻ gây nên nỗi hãi sợ.

2574. Có ý muốn tiếp độ tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī ấy đã đi đến gặp tôi.

2575. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã đi ra khỏi nơi trú ẩn và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư.

2576. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2577. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāgatāsaya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāgatāsaya" là phần thứ chín.

270. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

2578. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói là bậc xứng đáng sự cúng dường. Bậc Đạo Sư dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đã đứng ở bờ sông.

2579. Thuyền bè là phương tiện vượt qua biển cả không được tìm thấy ở tại nơi ấy. Tôi đã đi ra khỏi dòng sông và đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông].

2580. [Kể từ khi] tôi đã đưa bậc Tối Thượng Nhân sang [sông] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

2581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya" là phần thứ mười.

---

[7] *Salalapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) salala."

[8] *Upāgatāsaya* nghĩa là "vị có chỗ ngụ (*āsaya*) đã được đức Phật đi đến gần (*upāgata*)."

[9] *Taraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đưa sang (*taraṇa*) sông."

Phần tóm lược

Vị có sự thảy lên [bông hoa], dầu thoa, vị có [bông hoa] aḍḍhacanda, vị dâng cúng cây đèn, vị dâng cúng củ biḷālī, con cá, vị tên Javahaṃsaka, vị dâng cúng bông hoa salala, loài quỷ dữ, vị đưa sang [sông] là mười. Và ở đây được ghi nhận là bốn mươi mốt câu kệ cả thảy.

Phẩm Ākāsukkhipiya là phẩm thứ hai mươi bảy.

XXVIII. PHẨM SUVAṆṆABIMBOHANA
(*SUVAṆṆABIMBOHANAVAGGO*)

271. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆABIMBOHANIYA
(*Suvaṇṇabimbohaniyattherāpadānaṃ*)

2582. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái ghế. Và tôi đã dâng lên cái gối nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2583. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cái gối trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái gối.

2584. Trước đây vào kiếp thứ sáu mươi ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Asama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2585. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Suvaṇṇabimbohaniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Suvaṇṇabimbohaniya" là phần thứ nhất.

272. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUṬṬHIDĀYAKA
(*Tilamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

2586. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã đi đến bằng thần thông với thân được tạo thành bởi ý.

2587. Khi Ngài đang đi đến gần, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng [một] nắm hạt mè.

2588. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm hạt mè.

2589. Trước đây mười sáu kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Nandiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2590. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tilamuṭṭhidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tilamuṭṭhidāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Suvaṇṇabimbohaniya* nghĩa là "vị liên quan đến cái gối (*bimbohana*) vàng (*suvaṇṇa*)."

[2] *Tilamuṭṭhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm tay (*muṭṭhi*) hạt mè (*tila*)."

273. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAṄGOṬAKIYA
(*Caṅgoṭakiyattherāpadānaṃ*)

2591. [Đức Phật Siddhattha] sống ở trong vùng đồi núi kề cận biển cả. Sau khi đi ra tiếp đón [Ngài] tôi đã thực hiện và đã dâng cúng cái hộp [đựng bông hoa].

2592. Sau khi dâng cúng cái hộp đựng bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả chúng sanh, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2593. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cái hộp trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái hộp.

2594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Caṅgoṭakiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Caṅgoṭakiya" là phần thứ ba.

274. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA
(*Abbhañjanadāyakattherāpadānaṃ*)

2595. Đức Thế Tôn Koṇḍañña là vị có tâm bình đẳng như hư không, có thiền chứng không bị chướng ngại, có tham ái đã được lìa bỏ như thế ấy.

2596. Bậc Đạo Sư, đấng Chúa Tể Của Loài Người là vị vượt qua tất cả si mê, là bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian, tôi đã dâng cúng thuốc cao đến Ngài.

2597. Kể từ khi tôi đã dâng cúng thuốc cao trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc cao.

2598. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Cirappa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abbhañjanadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka" là phần thứ tư.

275. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA
(*Ekañjaliyattherāpadānaṃ*)

2600. Tôi đã dâng cúng khu vực sinh sống [cô tịch] đến vị Sa-môn, bậc Đại Ẩn Sĩ đang cư ngụ tại cội cây sung, nơi tấm thảm lá cây đã được xác định.

---

[3] *Caṅgoṭakiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái hộp (*caṅgoṭaka*)."

[4] *Abbhañjanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) thuốc cao (*abbhañjana*)."

2601. Sau khi chắp tay lên, tôi đã trải ra tấm thảm bằng bông hoa đến [đức Phật] Tissa, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.

2602. [Kể từ khi] tôi đã thực hiện tấm thảm bằng bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

2603. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là bậc thống lãnh loài người tên Ekañjalika, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2604. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjaliya" là phần thứ năm.

276. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO POTTHADĀYAKA
(*Potthadāyakattherāpadānaṃ*)

2605. Việc cúng dường tấm vải bạt đã được tôi dâng cúng ở đối tượng đáng được cúng dường vô thượng, trước tiên hết là bậc Đạo Sư, giáo pháp, và luôn cả hội chúng của bậc Đại Ẩn Sĩ nữa.

2606. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải bạt.

2607. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Potthadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Potthadāyaka" là phần thứ sáu.

277. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2608. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã đặt ở giàn hỏa thiêu bảy bông hoa māluva.

2609. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường lễ hỏa táng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu.

2610. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Paṭijagga đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

2611. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Ekañjaliya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

[6] *Potthadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải bạt (*pottha*)."

[7] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

278. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA
(*Āluvadāyakattherāpadānaṃ*)

2612. Ở ngọn núi Hy-mã-lạp, có con sông Mahāsindhu có dáng hình xinh đẹp. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Sudassana; Ngài là bậc có tham ái đã được lìa bỏ, có ánh sáng rực rỡ.

2613. Sau khi nhìn thấy bậc được gắn liền với sự an tịnh tột bực, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng cúng rễ cây āluva đến Ngài.

2614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng rễ cây āluva trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của rễ cây āluva.

2615. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āluvadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āluvadāyaka" là phần thứ tám.

279. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUṆḌARĪKA
(*Ekapuṇḍarīkattherāpadānaṃ*)

2616. Lúc bấy giờ, đấng Tự Chủ tên Romasa là bậc có sự hành trì tốt đẹp. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng [đến Ngài].

2617. Kể từ khi tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đóa hoa sen trắng.

2618. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapuṇḍarīka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapuṇḍarīka" là phần thứ chín.

280. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆĪYA (*Taraṇīyattherāpadānaṃ*)

2619. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cho xây dựng cây cầu ở đường lộ lớn gập ghềnh để giúp cho mọi người vượt qua [đoạn đường ấy].

2620. [Kể từ khi] tôi đã cho xây dựng cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

2621. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Samogadha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2622. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[8] *Āluvadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) rễ cây āluva."

[9] *Ekapuṇḍarīka* nghĩa là "vị có một (*eka*) đóa hoa sen trắng (*puṇḍarīka*)."

Đại đức Trưởng lão Taraṇīya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇīya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vàng, nắm hạt mè, cái hộp, thuốc cao, sự chắp tay, vị có tấm vải bạt, giàn hỏa thiêu, rễ cây āluva, một đóa hoa sen trắng, với cây cầu; [tổng cộng] có bốn mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Suvaṇṇabimbohana là phẩm thứ hai mươi tám.

(Dứt tụng phẩm thứ mười một).

[10] *Taraṇīya* nghĩa là "vị liên quan đến việc vượt qua (*taraṇa*)."

XXIX. PHẨM PAṆṆADĀYAKA
(*PAṆṆADĀYAKAVAGGO*)

281. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṆṆADĀYAKA
(*Paṇṇadāyakattherāpadānaṃ*)

2623. Tôi đã ngồi xuống trong gian nhà lá, có bữa ăn là vật thực bằng lá cây. Bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi trong lúc tôi đang ngồi.

2624. Bậc Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha là người thầy thuốc của tất cả thế gian. Khi Ngài đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cây, tôi đã dâng cúng lá cây đến Ngài.

2625. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây.

2626. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṇṇadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kỳ sự về Trưởng lão Paṇṇadāyaka" là phần thứ nhất.

282. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

2627. [Đức Phật Siddhattha] ấy có sự an tịnh sánh bằng núi Sineru, tợ như vật nâng đỡ trái đất, sau khi xuất khỏi thiền định đã đi đến gần tôi về việc khất thực.

2628. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

2629. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng tất cả thức ăn ấy đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, vị Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả thế gian.

2630. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2631. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Ekajjha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2632. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Paṇṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cây (*paṇṇa*)."

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ nhì.

283. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA
(*Paccuggamaniyattherāpadānaṃ*)

2633. Bậc Nhân Ngưu đang đi đến, giống như loài sư tử lang thang ở trong rừng, giống như loài bò mộng thuần chủng, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

2634. Với tâm ý trong sạch, tôi đã thực hiện việc đi ra tiếp đón đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, vị thầy thuốc của tất cả thế gian.

2635. [Kể từ khi] tôi đã đi ra tiếp đón đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi ra tiếp đón.

2636. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Saparivāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2637. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccuggamaniya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccuggamaniya" là phần thứ ba.

284. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA
(*Ekapupphiyattherāpadānaṃ*)

2638. Lúc bấy giờ, tôi đã là con yêu tinh ở cánh cổng phía Nam. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

2639. Tôi đã dâng cúng một bông hoa đến bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, vị Có Sự Tầm Cầu Lợi Ích Cho Tất Cả Thế Gian, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2640. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapupphiya" là phần thứ tư.

---

[2] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

[3] *Paccuggamaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đi ra tiếp đón (*paccuggamana*)."

[4] *Ekapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) bông hoa (*puppha*)."

285. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA (*Maghavapupphiyattherāpadānaṃ*)

2642. Ở bờ sông Nammadā, có đấng Tự Chủ là bậc Không Bị Đánh Bại. Ngài đã chứng đạt thiền định, được thanh tịnh, không bị chộn rộn.

2643. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại, tôi đã được tịnh tín, có tâm ý vui mừng. Khi ấy, tôi đã dâng cúng đấng Tự Chủ ấy với bông hoa maghava.

2644. Kể từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maghavapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maghavapupphiya" là phần thứ năm.

286. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAṬṬHĀKADĀYAKA (*Upaṭṭhākadāyakattherāpadānaṃ*)

2646. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Long Tượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đang bước đi ở đường lộ.

2647. Sau khi cho người thỉnh mời bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian ấy, tôi đã dâng cúng người phục vụ đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha.

2648. Sau khi tiếp nhận, đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã gởi trả lại [người phục vụ cho tôi], rồi đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và ra đi, mặt hướng phía Đông.

2649. Kể từ khi tôi đã dâng cúng người phục vụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2650. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Balasena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2651. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upaṭṭhākadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upaṭṭhākadāyaka" là phần thứ sáu.

287. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO APADĀNIYA (*Apadāniyattherāpadānaṃ*)

2652. Tôi đã ca ngợi sự nghiệp của các đấng Thiện Thệ đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

---

[5] *Maghavapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) maghava."

[6] *Upaṭṭhākadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) người phục vụ (*upaṭṭhāka*)."

Được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bằng đầu và bằng các bàn tay của mình ở bàn chân [của bậc Đại Ẩn Sĩ].

2653. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca sự nghiệp [của chư Phật] trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

2654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Apadāniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Apadāniya" là phần thứ bảy.

288. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA
(*Sattāhapabbajitattherāpadānaṃ*)

2655. Hội chúng của đức Thế Tôn Vipassī là được tôn sùng kính trọng. Có điều bất hạnh đã xảy đến cho tôi là trước đây thân quyến đã có sự chia rẽ.

2656. Tôi đã đi đến sự xuất gia nhằm làm lắng dịu điều bất hạnh. Tại nơi ấy, do sự mong mỏi giáo pháp của bậc Đạo Sư, tôi đã được thỏa thích trong bảy ngày.

2657. Kể từ khi tôi đã xuất gia trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xuất gia.

2658. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị lãnh chúa được biết đến với tên "Sunikkhama" đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2659. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattāhapabbajita[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattāhapabbajita" là phần thứ tám.

289. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPAṬṬHĀKA
(*Buddhupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2660. Lúc bấy giờ, tên của tôi là Veṭambarī. Người cha của tôi đã nắm lấy cánh tay của tôi và đã đưa tôi đến bậc Đại Hiền Trí.

2661. [Nghĩ rằng]: "Chư Phật này, các đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian sẽ chỉ dạy cho ta." Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình phục vụ các vị ấy một cách tôn kính.

2662. Kể từ khi tôi đã chăm sóc chư Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2663. Trước đây hai mươi ba kiếp, bốn vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Samaṇupaṭṭhāka đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

---

[7] *Sattāhapabbajita* nghĩa là "vị đã xuất gia (*pabbajita*) bảy (*satta*) ngày (*aha*)."

2664. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka" là phần thứ chín.

290. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUBBAṄGAMIYA

(***Pubbaṅgamiyattherāpadānaṃ***)

2665. Nhằm đạt đến mục đích tối thượng, chúng tôi tám mươi bốn ngàn người đã xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong số các vị ấy, tôi đã là người đứng đầu.

2666. Và các vị này được thanh tịnh, không bị chộn rộn, dầu còn tham ái và còn sự tái sanh. Được tịnh tín, các vị này đã tự tay phục vụ [chư Thánh nhân] một cách tôn kính.

2667. Có các lậu hoặc đã được đoạn tận, có sân hận đã được tống khứ, có phận sự đã được hoàn thành, không còn lậu hoặc, các đấng Tự Chủ không bị đánh bại đã lan tỏa với tâm từ ái.

2668. Sau khi phục vụ chư vị đã tự mình giác ngộ, tôi có được niệm, nhưng tôi đã gần kề sự chết. Và chúng tôi đã đi đến bản thể chư thiên.

2669. [Kể từ khi] tôi đã gìn giữ giới hạnh trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tự chế ngự.

2670. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pubbaṅgamiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pubbaṅgamiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Lá cây, [các] trái cây, sự đi ra tiếp đón, vị có một bông hoa, [vị có] bông hoa maghava, người phục vụ, sự nghiệp [của chư Phật], sự xuất gia, vị phục vụ chư Phật, vị đứng đầu; [tổng cộng] có bốn mươi tám câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Paṇṇadāyaka là phần thứ hai mươi chín.

---

[8] *Buddhupaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) đức Phật (*buddha*)."

[9] *Pubbaṅgamiya* nghĩa là "liên quan đến vị đứng đầu, vị đi (*gam*) ở phía trước (*pubba*)."

XXX. PHẨM CITAKAPŪJAKA
(*CITAKAPŪJAKAVAGGO*)

291. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2671. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Ajita. Có ý định dâng tặng vật hiến cúng, tôi đã thu thập nhiều loại bông hoa.

2672. Sau khi nhìn thấy giàn hỏa thiêu của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī đang bốc cháy, tôi đã đem số bông hoa ấy lại và đã rải rắc ở giàn hỏa thiêu.

2673. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2674. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vị thống lãnh loài người [cùng] tên Supajjalita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2675. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ nhất.

292. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHĀRAKA
(*Pupphadhārakattherāpadānaṃ*)

2676. Tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây, có y choàng là tấm da dê, có năm thắng trí đã được phát sanh, là người chạm đến mặt trăng.

2677. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī đã ngự đến chỗ tôi, tôi đã nắm giữ những bông hoa san hô [hình chiếc lọng] che cho bậc Đạo Sư.

2678. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nắm giữ.

2679. Trước đây tám mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantadhāraṇa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2680. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

Đại đức Trưởng lão Pupphadhāraka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphadhāraka" là phần thứ nhì.

293. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CHATTADĀYAKA
(*Chattadāyakattherāpadānaṃ*)

2681. Lúc bấy giờ, người con trai của tôi đã xuất gia, có trang phục là y ca-sa. Và vị ấy đã đạt được bản thể của vị Phật, đã Niết-bàn, được thế gian tôn vinh.

2682. Trong lúc tìm hiểu về [tăm tích] người con trai của mình, tôi đã đi lần theo ở phía sau. Tôi đã đi đến giàn hỏa thiêu của con người vĩ đại đã được Niết-bàn.

2683. Ở tại nơi ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ giàn hỏa thiêu. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc lọng trắng và đã dâng lên.

2684. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

2685. Trước đây hai mươi lăm kiếp, bảy vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahāraha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Chattadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Chattadāyaka" là phần thứ ba.

294. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

2687. Khi mặt trời còn chưa mọc lên, đã có tiếng gầm rú dữ dội [báo hiệu] sự xuất hiện của đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ ở trên thế gian.

2688. Tại nơi ấy, tôi đã nghe được tiếng động nhưng tôi không nhìn thấy đấng Chiến Thắng ấy. Và khi sự chết đã gần kề, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng về đức Phật.

2689. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Pupphadhāraka* nghĩa là "vị nắm giữ (*dhāraka*) bông hoa (*puppha*)."

[3] *Chattadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc lọng che (*chatta*)."

[4] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

295. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA
(*Gosīsanikkhepakattherāpadānaṃ*)

2691. Sau khi rời khỏi cánh cổng của tu viện, tôi đã trải lót xương sọ của loài bò [ở con đường lầy lội]. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2692. [Tôi có] các loài ngựa dòng Sindhu thuần chủng có tốc độ của gió, có các phương tiện di chuyển nhanh chóng, tôi thọ hưởng tất cả [các] thứ này; điều này là quả báo của [việc trải lót] xương sọ của loài bò.

2693. Ôi, hành động đã khéo được thực hiện bởi tôi ở thửa ruộng tốt là hành động tuyệt vời. Việc khác không có giá trị bằng một phần [mười sáu] so với hành động đã được thực hiện ở nơi hội chúng.

2694. [Kể từ khi] tôi đã trải lót xương sọ của loài bò trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải lót.

2695. [Trước đây] bảy mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Suppatiṭṭhita, là người độc nhất có quyền uy vĩ đại, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2696. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gosīsanikkhepaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gosīsanikkhepaka" là phần thứ năm.

296. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA
(*Pādapūjakattherāpadānaṃ*)

2697. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

2698. Khi đức Phật Vipassī, đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy đi đến gần tôi, khi ấy tôi đã rải rắc trầm hương và luôn cả cỏ thơm ở bàn chân [Ngài].

2699. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bàn chân ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân.

2700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pādapūjaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pādapūjaka" là phần thứ sáu.

297. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA
(*Desakittakattherāpadānaṃ*)

2701-02. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Upasāḷhaka. Sau khi nhìn

---

[5] *Gosīsanikkhepaka* nghĩa là "vị đặt xuống (*nikkhepaka*) những cái sọ (*sīsa*) của loài bò (*go*)."

[6] *Pādapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ở bàn chân (*pāda*)."

thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đi sâu vào khu rừng rậm, tôi đã đảnh lễ vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian ở hai bàn chân. Biết được tôi có tâm đã được tịnh tín, đức Phật đã biến mất.

2703. Sau khi lìa khỏi khu rừng rậm, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Sau khi tán dương khu vực ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2704. [Kể từ khi] tôi đã tán dương khu vực ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Desakittaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Desakittaka" là phần thứ bảy.

298. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyatherāpadānaṃ*)

2706. Tôi đã là người thợ săn ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

2707. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, tôi đã làm công việc phục vụ. Và tôi đã đi đến nương nhờ đối với bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2708. [Kể từ khi] tôi đã đi đến nương nhờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

2709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya" là phần thứ tám.

299. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPIṆḌIYA
(*Ambapiṇḍiyattherāpadānaṃ*)

2710. [Tôi đã là] người khổng lồ được nổi tiếng với tên là Romasa. Tôi đã dâng cúng một chùm trái xoài đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

2711. Kể từ khi tôi đã dâng cúng xoài trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái xoài.

2712. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambapiṇḍiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambapiṇḍiya" là phần thứ chín.

---

[7] *Desakittaka* nghĩa là "vị tán dương (*kittaka*) khu vực (*desa*)."

[8] *Saraṇagamaniya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

[9] *Ambapiṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến chùm (*piṇḍa*) xoài (*amba*)."

300. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANUSAṂSĀVAKA
(*Anusaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

2713. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī đang đi khất thực. Tôi đã dâng lên một vá thức ăn đến đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2714. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã đảnh lễ và tôi đã ngợi ca đức Phật nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2715. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca [đức Phật] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca [đức Phật].

2716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anusaṃsāvaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anusaṃsāvaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Giàn hỏa thiêu, bông hoa san hô, chiếc lọng [trắng], tiếng động, việc trải lót xương sọ của loài bò, [vị đảnh lễ] bàn chân, [vị tán dương] khu vực, sự nương nhờ, trái xoài, và luôn cả vị ngợi ca [đức Phật]; [tổng cộng] có bốn mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Citakapūjaka là phẩm thứ ba mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Bông hoa kaṇikāra, vị cúng dường voi, vật tựa [lưng], chỗ ngồi và nước, hạt tuvara nướng, vị tán dương và luôn cả việc thảy lên [không trung], gối kê đầu, vị dâng cúng lá cây và vị cúng dường lễ hỏa táng; toàn bộ các câu kệ ở đây là bốn trăm năm mươi mốt câu.

Tất cả gồm có hai ngàn năm trăm và bảy mươi hai câu thêm vào đó nữa. [Tổng cộng] có ba trăm ký sự đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Nhóm "Một trăm" thứ ba được đầy đủ.

---

[10] *Anusaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*anusaṃsāvaka*) đức Phật."

XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA
(*PADUMAKESARIYAVAGGO*)

301. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA
(*Padumakesariyattherāpadānaṃ*)

2717. Trong thời quá khứ, tôi đã là con voi ở hội chúng các vị Đại Ẩn Sĩ. Do niềm tịnh tín, tôi đã rải rắc nhụy của hoa sen đến các bậc Đại Ẩn Sĩ.

2718. Các đấng Chiến Thắng Độc Giác tối thượng là những vị có các ái đã được giũ bỏ như thế ấy. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở các vị ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2719. Kể từ khi tôi đã rải rắc nhụy hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2720. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumakesariya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumakesariya" là phần thứ nhất.

302. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA
(*Sabbagandhiyattherāpadānaṃ*)

2721. Tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. Tôi đã dâng cúng tấm vải thượng hạng bằng tơ lụa đến bậc có bản thể chính trực.

2722. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thơm.

2723. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sucela, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbagandhiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbagandhiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Padumakesariya* nghĩa là "vị liên quan đến việc rải rắc nhụy (*kesara*) sen hồng (*paduma*)."

[2] *Sabbagandhiya* nghĩa là "vị liên quan đến tất cả (*sabba*) các loại hương thơm (*gandha*)."

303. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PARAMANNADĀYAKA
(*Paramannadāyakattherāpadānaṃ*)

2725. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, tợ như mặt trời đang mọc lên.

2726. Tôi đã chắp tay lên và đã rước Ngài về nhà của mình. Sau khi đã rước đấng Toàn Giác [về nhà], tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng.

2727. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực thượng hạng.

2728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paramannadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paramannadāyaka" là phần thứ ba.

304. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA
(*Dhammasaññakattherāpadānaṃ*)

2729. Đã có lễ hội ở cội Đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī đúng vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngự ở cội cây.

2730. Vào thời điểm ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn [đã] công bố về bốn sự thật, trong lúc thốt lên với lời nói hùng tráng.

2731. Trong khi thuyết giảng một cách giản lược và trong khi thuyết giảng một cách chi tiết, đấng Toàn Giác, bậc Đã Phơi Bày Điều Bị Che Lấp đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn.

2732. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2733. Kể từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về giáo pháp.

2734. Trước đây ba mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Sutavā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2735. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Paramannadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*anna*) thượng hạng (*parama*)."

Đại đức Trưởng lão Dhammasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammasaññaka" là phần thứ tư.

305. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

2736. Lúc bấy giờ, đã có khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī. Có sự mong cầu, tôi đã đi đến khu ẩn cư ấy, tay cầm trái cây.

2737. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Vipassī tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư tất cả trái cây mà tôi có.

2738. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2739. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ năm.

306. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASĀDAKA
(*Sampasādakattherāpadānaṃ*)

2740. Bạch đức Phật Anh Hùng, con kính lễ Ngài! Ngài đã được giải thoát về mọi phương diện. Vì con đã bị lâm vào cảnh bất hạnh, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ của con đây.

2741. Đức Siddhattha, bậc Không Người Đối Địch Ở Thế Gian đã chú nguyện cho tôi đây rằng: "Hội chúng là vô thượng, không thể đo lường, sánh bằng biển lớn.

2742. Ngươi hãy làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận. Ngươi đã gieo hạt giống tốt, ngươi hãy trồng tỉa ở tại nơi ấy."

2743. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã chỉ dạy cho tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2744. Khi bậc Toàn Tri, đấng Nhân Ngưu, vừa mới ra đi không bao lâu, tôi đã gần kề sự chết, và tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2745. Khi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2746. Kể từ khi tôi đã đạt được niềm tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tịnh tín.

---

[4] *Dhammasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về giáo pháp (*dhamma*)."

[5] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

2747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sampasādaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sampasādaka" là phần thứ sáu.

307. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRĀMADĀYAKA
(*Ārāmadāyakattherāpadānaṃ*)

2748. Tự viện của đức Thế Tôn Siddhattha đã được tôi tạo dựng trong khi các con chim được yên lặng ở những cội cây có bóng râm dày đặc.

2749. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị thọ nhận các vật hiến cúng. Tôi đã bàn giao tu viện đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

2750. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng trái cây và bông hoa. Sau đó, có niềm tịnh tín đã được sanh lên, tôi đã chuyển giao khu rừng ấy.

2751. Bất cứ vật gì tôi đã dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch [đều có] quả báo sanh khởi đến tôi trong khi tôi tái sanh vào cõi hữu.

2752. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tu viện trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tu viện.

2753. Trước đây ba mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Mudusītala đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2754. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārāmadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ārāmadāyaka" là phần thứ bảy.

308. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA
(*Anulepadāyakattherāpadānaṃ*)

2755. Tôi đã nhìn thấy vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Atthadassī. Trong khi vị ấy đang xây dựng công trình mới ở trong khuôn viên [tu viện], tôi đã đi đến gần [nơi ấy].

2756. Và khi công trình mới đã được hoàn thành, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng ở phước điền vô thượng, tôi đã dâng cúng lớp vữa tô.

2757. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lớp vữa tô.

2758. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[6] *Sampasādaka* nghĩa là "vị tự tạo niềm tin (*pasādaka*) cho chính mình (*sam*)."

[7] *Ārāmadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tu viện (*ārāma*)."

Đại đức Trưởng lão Anulepadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anulepadāyaka" là phần thứ tám.

309. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

2759-60. Trong giấc mơ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng, đang đi vào bên trong khu rừng. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã sanh lên nhàn cảnh.

2761. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2762. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ chín.

310. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHĀRADĀYAKA
(*Pabbhāradāyakattherāpadānaṃ*)

2763. Sườn núi đã được tôi làm sạch sẽ dành cho đức Thế Tôn Piyadassī. Và tôi đã bố trí lu nước cho việc sử dụng của vị [Phật] như thế ấy.

2764-65. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã chú nguyện về việc ấy cho tôi rằng: "Tòa lâu đài ấy có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, và châu báu không phải là ít sẽ được sanh lên [cho ngươi]." Sau khi dâng cúng vật thí là sườn núi, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2766. Trước đây ba mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Susuddha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2767. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pabbhāradāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pabbhāradāyaka" là phần thứ mười.

---

[8] *Anulepadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vữa tô (*anulepa*)."

[9] *Buddhasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật (*buddha*)."

[10] *Pabbhāradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sườn núi (*pabbhāra*)."

Phần tóm lược

Tua nhụy, vật thơm và vật thực, vị có sự suy tưởng về giáo pháp, và [cúng dường] bằng trái cây, niềm tịnh tín, và vị dâng cúng tu viện, lớp vữa tô, vị suy tưởng về đức Phật, và vị dâng cúng sườn núi; [tổng cộng] có năm mươi mốt câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Padumakesariya là phẩm thứ ba mươi mốt.

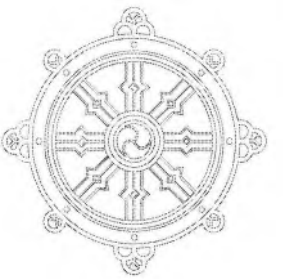

XXXII. PHẨM ĀRAKKHADĀYAKA
(*ĀRAKKHADĀYAKAVAGGO*)

311. KỆ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA
(*Ārakkhadāyakattherāpadānaṃ*)

2768. Hàng rào đã được tôi cho xây dựng đến bậc Hiền Trí Dhammadassī. Và sự bảo vệ đã được tôi dâng cúng đến bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2769. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

2770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kệ sự về Trưởng lão Ārakkhadāyaka" là phần thứ nhất.

312. KỆ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA
(*Bhojanadāyakattherāpadānaṃ*)

2771. Đấng Chiến Thắng luôn luôn chiếu sáng tợ như cây sāla non trẻ đã được mọc lên tốt đẹp, tợ như cây sobhañjana đã vươn cao, tợ như tia sét ở trên bầu trời.

2772. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng vật thực đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū, vị Trời Của Chư Thiên ấy.

2773. Đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ về vật [cúng dường] ấy đến tôi rằng: "Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, mong rằng quả báo sanh khởi đến ngươi."

2774. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực.

2775. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amittabha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2776. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt) .. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhojanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kệ sự về Trưởng lão Bhojanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Ārakkhadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sự bảo vệ (*ārakkha*)."

[2] *Bhojanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*bhojana*)."

313. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA
(*Gatasaññakattherāpadānaṃ*)

2777. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang di chuyển ở khoảng không của cõi trời. Và không có dấu chân [được lưu lại] ở bầu trời, ở trên không trung, ở lớp khí quyển.

2778. Sau khi nhìn thấy sự di chuyển của bậc Hiền Trí và nhìn thấy y của đấng Chánh Đẳng Giác bị lay động bởi làn gió, niềm hạnh phúc đã lập tức sanh khởi đến tôi.

2779. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2780. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gatasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gatasaññaka" là phần thứ ba.

314. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA
(*Sattapadumiyattherāpadānaṃ*)

2781. Tôi là vị Bà-la-môn tên Nesāda sống ở bờ sông. Tôi đã quét dọn khu ẩn cư bằng những bông hoa [sen] có trăm cánh.

2782. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha có màu da vàng chói, đang di chuyển qua khu rừng, niềm vui đã sanh khởi đến tôi.

2783. Sau khi đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã rước [Ngài] về khu ẩn cư và đã rải rắc [đến Ngài] với những đóa hoa sen hạng nhất.

2784. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2785. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng tên] Pādapāvara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2786. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattapadumiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapadumiya" là phần thứ tư.

---

[3] *Gatasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật đã đi qua (*gata*)."

[4] *Sattapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến bảy (*satta*) đóa sen hồng (*paduma*)."

315. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHĀSANADĀYAKA
(*Pupphāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2787. Đấng Toàn Giác Siddhattha, bậc Không Bị Đánh Bại, có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia sáng, đang đi ở không xa.

2788. Tôi đã đi ra tiếp đón và đã đưa Ngài đi vào khu ẩn cư. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa.

2789. Khi ấy, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, tôi đã ước nguyện về nghiệp ấy rằng:

2790. "Có phước thiện nào đã được tôi thực hiện ở đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, do nhờ tất cả [các] thiện nghiệp ấy, mong rằng tôi được vô nhiễm ở trong giáo pháp."

2791. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chỗ ngồi bằng bông hoa.

2792. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphāsanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphāsanadāyaka" là phần thứ năm.

316. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANATTHAVIKA
(*Āsanatthavikattherāpadānaṃ*)

2793. Ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī tên là Uttama. Lúc bấy giờ, tôi đã mò mẫm lang thang ở trong khu rừng hoang vắng.

2794. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tọa sư tử. Tôi đã khoác y một bên vai, đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2795. Sau khi đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian hết một khoảng thời gian trong ngày, [tôi đã] trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã thốt lên lời nói này:

2796. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, bạch đấng Nhân Ngưu, Ngài là đấng Toàn Tri."

2797. Bằng cách lấy Ngài làm đối tượng, tôi đã ngợi ca đức Phật Sikhī và đã đảnh lễ ngôi bảo tọa, sau đó tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2798. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đấng cao quý trong số các vị đang thuyết giảng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

---

[5] *Pupphāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chỗ ngồi (*āsana*) bằng bông hoa (*puppha*)."

2799. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Atulya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2800. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āsanatthavika[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āsanatthavika" là phần thứ sáu.

317. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

2801. Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, đấng Đại Hùng có vóc dáng tốt đẹp, được tháp tùng bởi các bậc Thinh văn, cư ngụ ở căn nhà tối thượng.

2802. Bằng lời nói ngọt ngào ấy, Ngài [đã] thu hút đám đông dân chúng. Lời giảng đã vang vang và bao quát ở chư thiên và nhân loại.

2803. Sau khi lắng nghe âm thanh vang vang của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm thanh và tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2804. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ bảy.

318. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIRAṂSIYA
(*Tiraṃsiyattherāpadānaṃ*)

2806. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] Siddhattha đang chiếu sáng tất cả các phương ở trong vùng đồi núi, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như khối lửa ở ngọn núi.

2807. Sau khi nhìn thấy ánh sáng của đức Phật, ánh sáng của mặt trời, và tương tợ như thế ấy là ánh sáng của mặt trăng, niềm hạnh phúc đã sanh khởi đến tôi.

2808. Sau khi nhìn thấy ba loại ánh sáng, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng của các vị Thinh văn.

2809. Bởi vì ở thế gian có ba nguồn ánh sáng xua đuổi bóng tối ở trên đời là mặt trăng, mặt trời, và đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

---

[6] *Āsanatthavika* nghĩa là "vị ngợi ca (*thavika*) ngôi bảo tọa (*āsana*)."

[7] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

2810. Tôi đã trình bày ví dụ so sánh và đã tán dương bậc Đại Hiền Trí. Sau khi tán dương vẻ đẹp của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2811. Kể từ khi tôi đã tán dương đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2812. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là vị độc nhất tên Ñāṇadhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2813. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiraṃsiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiraṃsiya" là phần thứ tám.

319. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA
(*Kandalipupphiyattherāpadānaṃ*)

2814. Lúc bấy giờ, tôi đã là người nông dân ở bờ sông Sindhu. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác.

2815. Trong lúc đi dọc theo sông Sindhu, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang ngồi thiền định, tợ như đóa hoa sen đã nở rộ.

2816. Khi ấy, tôi đã ngắt bảy bông hoa kandali ở cuống hoa. Tôi đã dâng lên ở đỉnh đầu của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời.

2817. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, được định tĩnh trong [đề mục] thích hợp, tợ như loài voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi khó mà tiếp cận.

2818. Sau khi đi đến gần vị [có tính] cẩn trọng, có [các] giác quan đã được tu tập ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

2819. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2820. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kandalipupphiya" là phần thứ chín.

320. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA
(*Kumudamāliyattherāpadānaṃ*)

2821. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Đại Hùng Vipassī, vị Anh Hùng ưu tú cao quý, bậc Đại Ẩn Sĩ có sự chinh phục, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý.

2822. Khi bậc Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang bước đi ở đường lộ, tôi đã cầm lấy tràng hoa kumuda và đã rải rắc đến đức Phật tối thượng.

---

[8] *Tiraṃsiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) nguồn ánh sáng (*raṃsi*)."

2823. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2824. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudamāliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudamāliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng sự bảo vệ, vị dâng cúng vật thực, vị có sự suy tưởng về đức Phật đã đi qua, vị liên quan đến đóa hoa sen, vị có chỗ ngồi bằng bông hoa, vị ca ngợi, vị có sự suy tưởng về âm thanh, ba loại hào quang, vị có hoa kandali, vị có hoa kumuda, [tổng cộng] có năm mươi bảy câu kệ.

Phẩm Ārakkhadāyaka là phẩm thứ ba mươi hai.

[9] *Kumudamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) kumuda."

XXXIII. PHẨM UMMĀPUPPHIYA
(*UMMĀPUPPHIYAVAGGO*)

321. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA
(*Ummāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2825. Tôi đã nhìn thấy đấng Tối Thượng Nhân, bậc Không Bị Đánh Bại Siddhattha đã được định tĩnh, đã được đạt đến và đã nhập vào thiền định.

2826. Tôi đã cầm lấy bông hoa ummā và đã dâng lên đức Phật. Tất cả các bông hoa có đầu quay về một hướng, có cuống hoa ở phía trên, có miệng hoa ở phía dưới.

2827. Trong khi ngự ở trên không trung, chúng có nhiều màu sắc tợ như chiếc thảm bông hoa. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2828. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2829. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacchadana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2830. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ummāpupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ummāpupphiya" là phần thứ nhất.

322. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA
(*Pulinapūjakattherāpadānaṃ*)

2831. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Nhân Ngưu đang chiếu sáng, trông tợ như cây kakudha đang chói sáng, giống như con bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhī đang tỏa rạng.

2832. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, tôi đã ngợi ca đấng Đạo Sư.

2833. Sau khi nhặt lấy cát vô cùng trong sạch và túm lại bằng vạt váy, tôi đã rải rắc ở con đường đã đi qua của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

---

[1] *Ummāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ummā."

2834. Sau đó, với tâm ý trong sạch tôi đã rải xuống một nửa số cát ở chỗ nghỉ ngơi ban ngày của bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2835. [Kể từ khi] tôi đã rải xuống số cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát.

2836. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ nhì.

323. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HĀSAJANAKA
(*Hāsajanakattherāpadānaṃ*)

2837. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã nâng tấm y lên cao hơn nữa.

2838. Sau khi nhìn lại từ đàng xa, nụ cười đã sanh khởi đến tôi. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín hơn nữa.

2839. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hāsajanaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Hāsajanaka" là phần thứ ba.

324. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA
(*Yaññasāmikattherāpadānaṃ*)

2841. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã là người thông thạo về chú thuật. Tôi đã duy trì truyền thống gia tộc, sự tế lễ đã được tôi khuyến khích.

2842. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn con thú bị giết chết bởi tôi. Chúng đã bị đưa lại ở cột trụ bằng lõi cây và được sẵn sàng cho mục đích tế lễ.

2843. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trăng vào ngày rằm.

2844. Đấng Toàn Giác Siddhattha, vị Đã Hoàn Thành Tất Cả Phận Sự, bậc Đem Lại Phúc Lợi Được Tôn Kính Bởi Tam Giới đã đi đến gần và đã nói lời nói này:

2845. "Này người trai trẻ, việc không hãm hại sanh mạng của mọi loài; sự xa lánh việc trộm cắp, việc gian dâm và việc uống chất say khiến Ta được hoan hỷ.

---

[2] *Pulinapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) cát (*pulina*)."

[3] *Hāsajanaka* nghĩa là "vị làm sanh khởi (*janaka*) nụ cười (*hāsa*)."

2846. Và sự thích thú trong sở hành bình lặng, sự hiểu rộng, lòng biết ơn, các pháp này nên được ca ngợi ở thế giới này và thế giới khác.

2847. Sau khi làm phát triển những pháp này, được vui thích về sự lợi ích đối với tất cả chúng sanh, sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, hãy tu tập đạo lộ tối thượng."

2848. Sau khi đã nói lời này, sau khi đã chỉ dạy tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên không trung và ra đi.

2849. Tôi đã làm cho tâm được trong sạch trước, và sau đó đã làm cho tâm được tịnh tín. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2850. [Kể từ khi] tôi đã làm cho tâm được tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2851. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yaññasāmika[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yaññasāmika" là phần thứ tư.

325. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA
(*Nimittasaññakattherāpadānaṃ*)

2852. Tôi sống ở khu ẩn cư tại bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy con nai màu vàng chói đang bước đi ở trong khu rừng.

2853. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở con nai, tôi đã tưởng nhớ đến đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã tưởng nhớ đến các vị Phật khác.

2854. Chư Phật nào thuộc thời quá khứ xa xăm, hiện tại và vị lai, ba [thời] chư Phật ấy chói sáng như thế ấy tợ như con nai chúa.

2855. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2856. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Arañña-satta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nimittasaññaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nimittasaññaka" là phần thứ năm.

---

[4] *Yaññasāmika* nghĩa là "vị làm chủ (*sāmika*) lễ cúng tế (*yañña*)."

[5] *Nimittasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về hiện tướng (*nimitta*)."

326. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAṂSĀVAKA
(*Annasaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

2858. Bậc Toàn Giác [Siddhattha], có màu da vàng chói tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

2859. Tôi đã rước bậc Toàn Giác Siddhattha, vị đã hoàn thành tất cả phận sự, bậc không còn dục vọng, vị không bị đánh bại, và tôi đã chăm lo bữa ăn đến bậc Đại Hiền Trí ấy.

2860. Khi ấy, bậc Hiền Trí, đấng Bi Mẫn Ở Thế Gian đã chiếu sáng đến tôi. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2861. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực.

2862. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Annasaṃsāvaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Annasaṃsāvaka" là phần thứ sáu.

327. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUṆḌIPUPPHIYA
(*Niggaṇḍipupphiyattherāpadānaṃ*)

2863. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng:

2864. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp.

2865. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố và không bị dao động cho đến hết cuộc đời."

2866. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh.

2867. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh."

2868. Do lòng thương tưởng này, chư thiên khi đã biết vị thiên nhân đang mệnh chung, thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa."

2869. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bị mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?"

2870. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, đã đi đến gặp tôi.

---

[6] *Annasaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*saṃsāvaka*) về việc dâng cúng vật thực (*anna*)."

2871. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumana. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động.

(Dứt tụng phẩm thứ mười hai).

2872. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc Trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

2873. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy. Trong khi sống ở trong bụng mẹ, tôi đã được người mẹ cưu mang lần nữa.

2874. Sau khi mệnh chung từ thân ấy, tôi đã được sanh về thế giới chư thiên. Khi ấy, tôi không nhận thấy tâm ưu phiền trong khoảng thời gian ấy.

2875. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đạo-lợi, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Sau khi ra khỏi bụng mẹ, tôi đã biết được [nghiệp] đen lẫn trắng.

2876. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã đi vào tu viện của đức Thế Tôn Gotama, người con trai của dòng Sakya như thế ấy.

2877. Khi Phật ngôn đã được lan rộng, khi giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết, tôi đã nhìn thấy ở tại nơi ấy những vị thực hành giáo pháp, những vị Tỳ-khưu của bậc Đạo Sư.

2878. Có thành phố tên là Sāvatthi, đức vua xứ Kosala ngự ở tại nơi ấy. Đức vua đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng bằng chiếc xe được kéo bằng voi.

2879. Sau khi nhìn thấy con voi của đức vua, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Tôi đã chắp tay lên và đã đi đến cuộc hội họp.

2880. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vị Thinh văn tên Ānanda đã hầu cận đức Phật.

2881. [Là người] có hành vi hoàn hảo, lại có nghị lực, có niệm và nghe nhiều, trong khi làm tâm của đức vua được tịnh tín, vị có sự chói sáng rực rỡ đã truyền đạt lại [giáo pháp].

2882. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Trong khi là người đứng ở ngay tại chỗ ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2883. Sau khi khoác y một bên vai, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, tôi đã thốt lên lời kệ này:

2884. Tôi đã nâng lên bông hoa niggaṇḍī rồi đã đặt xuống ở bảo tọa sư tử của đức Phật Padumuttara, đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Đạo Sư.

2885. "Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị thế bất động."

2886. Trong hai mươi lăm ngàn kiếp, các bậc thống lãnh loài người [ở mỗi kiếp] đã là từng nhóm tám vị Sát-đế-lỵ có tuổi thọ dài, rất dài.[7]

---

[7] *Abbuda* là số 1 thêm vào 56 số không, *nirabbuda* là số 1 thêm vào 63 số không. (ND)

2887. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Niggaṇḍipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Niggaṇḍipupphiya" là phần thứ bảy.

328. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA
(*Sumanāveliyattherāpadānaṃ*)

2888. Sau khi cùng nhau đi đến, tất cả dân chúng tiến hành việc cúng dường trọng thể đến đức Thế Tôn Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

2889. Khi ấy, tôi đã thực hiện một khối vôi bột cùng với vòng hoa đội đầu bằng bông hoa nhài, và tôi đã dâng lên ở phía trước bảo tọa sư tử.

2890. Tất cả dân chúng sau khi cùng nhau đi đến nhìn thấy bông hoa tối thượng [nói rằng]: "Người nào đã cúng dường bông hoa này đến đức Phật tối thượng như thế ấy?"

2891. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

2892. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2893. Tôi không biết đến sự phỉ báng [nào] đã được thực hiện bởi tôi bằng thân, bằng lời nói, hay bằng ý đối với các vị đạo sĩ khổ hạnh, những vị đã chế ngự bản thân.

2894. Do việc ấy đã được thực hành tốt đẹp và do các nguyện lực của tâm, tôi là đối tượng được cúng dường của tất cả; điều này là quả báo của việc không phỉ báng.

2895. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2896. Trước đây mười một kiếp, vị Sát-đế-lỵ tên Sahassāra đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2897. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanāveliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanāveliya" là phần thứ tám.

---

[8] *Niggaṇḍipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) niggaṇḍi."

[9] *Sumanāveliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*āveli*) bằng hoa nhài (*sumana*)."

329. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA
(*Pupphachattiyattherāpadānaṃ*)

2898. [Trong lúc] đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang công bố về sự thật, đang giúp cho các sanh linh thành tựu Niết-bàn.

2899. [Khi ấy] tôi đã mang lại bông hoa sen mọc ở trong nước, làm thích ý. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật.

2900. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Siddhattha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Đạo Sư, đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này:

2901. "Người nào sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở Ta đã nắm giữ chiếc lọng che bằng bông hoa, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy không đi đến chốn khổ đau."

2902. Nói xong lời này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã giải tán hội chúng rồi đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2903. Khi vị Trời của nhân loại đứng dậy, chiếc lọng che màu trắng cũng đã vươn lên. Chiếc lọng che tối thượng di chuyển ở phía trước đức Phật tối thượng.

2904. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng che trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc lọng bằng bông hoa.

2905. Vào kiếp thứ bảy mươi bốn, tám vị [cùng] tên Jalasikha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2906. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphachattiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphachattiya" là phần thứ chín.

330. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRACHATTADĀYAKA
(*Saparivārachattadāyakattherāpadānaṃ*)

2907. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, làm mưa cơn mưa giáo pháp, tợ như nước mưa tuôn ở bầu trời.

2908. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác ấy đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi về nhà của mình.

2909. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che đã được tô điểm và đã đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã ném [chiếc lọng] lên không trung.

2910. Tợ như chiếc xe kéo đã được khéo điều khiển, tợ như vị đứng đầu các bậc Thinh văn đã được huấn luyện, [chiếc lọng che] đã tiến đến gần đấng Toàn Giác và đã đứng yên ở trên đỉnh đầu.

---

[10] *Pupphachattiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc lọng che (*chatta*) bằng bông hoa."

2911. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

2912. "Chiếc lọng che đã được tô điểm làm thích ý này đã được dâng cúng bởi người nào, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh.

2913. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên bảy lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi hai lần.

2914. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

2915. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

2916. Hiểu được lời nói hùng tráng đã được thốt lên là ngôn từ của đức Phật, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

2917. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã ngự đến sanh chủng thiên nhân. Có tòa lâu đài tối thượng làm thích ý đã được sanh lên cho tôi.

2918. Trong khi [tôi] rời khỏi cung điện, có chiếc lọng che màu trắng đã được cầm giữ [che cho tôi]. Khi ấy, tôi đã đạt được sự tưởng nhớ lại; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2919. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến bản thể nhân loại. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần.

2920. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thành phố chư thiên. Sau khi tuần tự luân hồi, tôi đã quay trở lại cuộc sống nhân loại.

2921. Trong khi tôi hạ sanh vào bụng mẹ, có những người đã nắm giữ chiếc lọng màu trắng [che cho tôi]. Được bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

2922. Vị Bà-la-môn tên Sunanda là thông thạo về chú thuật. Vị ấy đã cầm lấy chiếc lọng che bằng pha lê và đã dâng cúng đến vị tối thượng Thinh văn.

2923. Bậc Đại Anh hùng, nhà thuyết giảng vĩ đại Sāriputta đã nói lời tùy hỷ. Sau khi lắng nghe lời tùy hỷ của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ.

2924. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2925. Sau khi từ chỗ ngồi đứng dậy, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này:

2926. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đức Phật, bậc Vô Thượng Ở Thế Gian, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara là vị thọ nhận các vật hiến cúng.

2927. Tôi đã dâng cúng chiếc lọng che đã được tô điểm có nhiều màu sắc đến Ngài. Đấng Tự Chủ, Nhân Vật Cao Cả đã nhận lấy bằng hai tay.

2928. Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! Do sự dâng cúng một chiếc lọng che, tôi đã không đi đến chốn khổ đau.

2929. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

2930. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saparivārachattadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivārachattadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa ummā, [vị cúng dường] cát, nụ cười, vật tế lễ, vật báo hiệu, vị ngợi ca [về sự cúng dường vật thực], vị có bông hoa niggaṇḍī, bông hoa nhài, vị có chiếc lọng che bằng bông hoa, vị có chiếc lọng che và các vật phụ thuộc, [tổng cộng] có hơn một trăm lẻ bảy câu kệ.

Phẩm Ummāpupphiya là phẩm thứ ba mươi ba.

XXXIV. PHẨM GANDHADHŪPIYA
(*GANDHADHŪPIYAVAGGO*)

331. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA
(*Gandhadhūpiyattherāpadānaṃ*)

2931. Tôi đã dâng cúng nhang thơm đến đức Thế Tôn Siddhattha. Nhang thơm ấy được bao phủ bằng [mùi hương của] các bông hoa nhài và được phù hợp với đức Phật.

2932. Đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, tợ như bông hoa súng được chói sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực.

2933. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, Ngài đã ngồi xuống ở phía trước hội chúng gồm các vị Tỳ-khưu cao quý trong số các bậc Sa-môn.

2934. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã chắp tay lên. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2935. Kể từ khi tôi đã cúng dường hương thơm cho đến chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường hương thơm.

2936. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhadhūpiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhadhūpiya" là phần thứ nhất.

332. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA
(*Udakapūjakattherāpadānaṃ*)

2937. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.[1]

2938. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận.

2939. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư tên Padumuttara sau khi biết được ý định của tôi đã nói lên lời kệ này:

[1] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka, số 106, trang 130.

2940. "Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, ngươi không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

2941. Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào việc làm ấy, sau khi từ bỏ sự hơn thua, con đã đạt được vị thế bất động.

2942. Và [trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

2943. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ nhì.

333. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA
(*Punnāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2944. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnāga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.[3]

2945. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng [bông hoa] lên đức Phật.

2946. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2947. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2948. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punnāgapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya" là phần thứ ba.

334. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA
(*Ekadussadāyakattherāpadānaṃ*)

2949. Tôi đã là người gánh cỏ ở thành phố Haṃsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

2950. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi.

---

[2] *Udakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nước (*udaka*)."

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya, số 159, trang 165.

[4] *Punnāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) punnāga."

2951. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của mình, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, và vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có.

2952. Đây là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có người thí chủ nào. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng dường."

2953. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

2954. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã nói lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua."

2955. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng:

2956. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

2957. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

2958. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người.

2959. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn."

2960. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

2961. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tấm vải.

2962. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi.

2963. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, luôn cả rừng rậm cùng với núi non.

2964. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này cõi khác.

2965. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây.

2966. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải.

2967. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadussadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka" là phần thứ tư.

335. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHUSITAKAMPIYA
(*Phusitakampiyattherāpadānaṃ*)

2969. Lúc bấy giờ, đấng Toàn Giác tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, được tùy tùng bởi các bậc Lậu tận, đã cư ngụ tại tu viện của hội chúng.

2970. Rồi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī cùng với tám trăm ngàn bậc Lậu tận đã đi ra từ cánh cổng tu viện.

2971. Là vị quấn y phục bằng da dê và cũng là vị mặc y phục bằng vỏ cây, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha rồi đã đi đến gần bậc Toàn Giác.

2972. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lên, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha và đã rưới lên đức Phật.

2973. Do việc làm ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã tán dương việc làm của tôi, rồi đã ra đi theo như ý định.

2974. Kể từ khi tôi đã cúng dường năm ngàn giọt [nước], tôi đã [trở thành vị Thiên vương] cai quản thiên quốc đúng hai ngàn năm trăm kiếp.

2975. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương đúng hai ngàn năm trăm kiếp. Với nghiệp còn dư sót, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2976. Vào lúc tôi là vị Thiên vương, vào lúc tôi là vị thống lãnh nhân loại, tôi có tên là Phusita, chính tên gọi ấy là thuộc về tôi.

2977. Trong khi là vị thiên nhân cũng như khi là loài người, mưa đổ xuống như nhỏ giọt ở xung quanh tôi một sải tay.

2978. Các lần tái sanh của tôi đã được tiêu diệt, các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận; điều này là quả báo của giọt nước.

2979. Mùi thơm tỏa ra từ thân thể của tôi giống như mùi của trầm hương. Mùi thơm của tôi từ cơ thể tỏa ra [khoảng cách] một nửa kosa.[6]

2980. Là người có được nghiệp phước thiện đang tỏa ra hương thơm của cõi trời, mọi người sau khi ngửi được mùi hương biết được là Phusita đã đi đến đây.

2981. Các cành cây, các lá cây, các nhánh cây và luôn cả toàn bộ các loại cỏ, thuận theo ý định của tôi, có hương thơm được sanh lên trong giây lát.

---

[5] *Ekadussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) tấm vải (*dussa*)."

[6] *Kosa* là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

2982. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của giọt nước.

2983. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phusitakampiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phusitakampiya" là phần thứ năm.

336. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PABHAṄKARA
(*Pabhaṅkarattherāpadānaṃ*)

2984. Ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đã ngự ở trong khu rừng đông đúc thú dữ.

2985. Không người nào đã dám đi đến để đảnh lễ ngôi bảo tháp. Bị bao phủ bởi cỏ, cây cối và dây leo, ngôi bảo tháp đã bị sụp đổ.

2986. Khi ấy, tôi đã là người thợ rừng theo nghề của cha và ông nội. Tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tháp đổ nát, bị chằng chịt bởi cỏ và dây leo ở trong khu rừng.

2987. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp của đức Phật, tôi đã thiết lập tâm cung kính rằng: "Đây là ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng, nó đã bị sụp đổ và còn tồn tại ở trong khu rừng.

2988. Thật không đúng đắn, không hợp lẽ đối với người biết được điều phải quấy! Ta hãy dọn sạch ngôi bảo tháp của đức Phật rồi hãy chăm lo công việc khác."

2989. Sau khi dọn sạch cỏ, cây cối và dây leo ở ngôi bảo tháp, tôi đã đảnh lễ tám lượt rồi đã cúi mình ra đi.

2990. Do việc làm ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

2991. Tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

2992. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lượt. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần.

2993. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

2994. Khi tôi đang di chuyển bằng kiệu khiêng, bằng lưng voi ở trong khu rừng, bất cứ hướng nào tôi đi đến, khu rừng đều có sự trợ giúp đến tôi.

2995. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, gốc cây hoặc thậm chí gai nhọn mà tôi không nhìn thấy bằng mắt, tự chính chúng được dời đi.

2996. Và bệnh cùi, nhọt, chàm, động kinh, ghẻ, lở, ngứa không xảy đến cho tôi; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

2997. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi không biết đến khối u mọc lên ở cơ thể của tôi.

2998. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và loài người.

2999. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi có màu da vàng chói, có sự phát ra ánh sáng ở khắp mọi nơi.

3000. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sự khó chịu biến mất và sự khoan khoái hiện hữu.

3001. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tâm tôi được trong sạch, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh.

3002. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

3003. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc làm sạch sẽ.

3004. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pabhaṅkara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pabhaṅkara" là phần thứ sáu.

337. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAKUṬIDĀYAKA
(*Tiṇakuṭidāyakattherāpadānaṃ*)

3005. Tôi đã là người làm công cho người khác ở thành phố Bandhumatī. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác.

3006. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian và hành động hướng thượng của ta là không có.

3007. Thời điểm để dọn sạch cảnh giới tái sanh, cơ hội đã được sắp xếp cho ta. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở cho những chúng sanh thật sự không có phước báu."

3008. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã đi đến gặp người chủ công việc. Sau khi yêu cầu về công việc trong một ngày, tôi đã đi vào khu rừng.

3009. Khi ấy, tôi đã mang lại cỏ, cây gỗ và dây leo. Sau khi dựng lên ba cây gậy, tôi đã thực hiện cái lều bằng cỏ.

3010. Sau khi cúng hiến cái lều nhỏ ấy vì sự lợi ích của hội chúng, tôi đã trở về nội trong ngày hôm ấy và đã đi đến gặp người chủ công việc.

3011. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Do nhờ [quả báo của việc dâng cúng] cái lều nhỏ bằng cỏ, tại nơi ấy có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đã được hóa hiện ra.

3012. [Cung điện ấy] có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

3013. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có tòa lâu đài hiện diện kế bên đúng theo ý định của tôi.

3014. Sự sợ hãi, hoặc trạng thái u mê, hoặc lông rởn ốc là không được biết đến, tôi không biết đến sự run sợ của tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3015. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, tất cả đều tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3016. Các loài bò sát và các hạng ma quỷ, các con rắn, các ác thần và các quỷ sứ, các hạng này cũng tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3017. Tôi không nhớ tôi có sự nhìn thấy giấc mộng xấu xa [lần nào], niệm của tôi hiện hữu; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3018. Chỉ nhờ vào cái lều nhỏ bằng cỏ, tôi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3019. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3020. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇakuṭidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇakuṭidāyaka" là phần thứ bảy.

338. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADĀYAKA (*Uttareyyadāyakattherāpadānaṃ*)

3021. Lúc bấy giờ, ở thành phố Haṃsavatī tôi đã là vị Bà-la-môn, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà.

3022. Tôi là người có dòng dõi, khéo được học tập, được các người học trò của mình trọng vọng. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi thành phố nhằm mục đích rửa tội bằng nước.

3023. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành phố.

3024. Tôi đã nhìn thấy vị có dáng vóc vô cùng tao nhã như là đã được tạo nên bởi sự không còn dục vọng, được tháp tùng bởi các vị A-la-hán. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

3025. Tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã cúi chào bậc Có Sự Hành Trì Tốt Đẹp. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tấm áo choàng.

---

[7] *Tiṇakuṭidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái lều nhỏ (*kuṭi*) bằng cỏ (*tiṇa*)."

3026. Sau khi nâng lên bằng cả hai tay, tôi đã thảy tấm vải choàng lên. Hội chúng của đức Phật đứng đến nơi đâu thì tấm vải choàng đã che đến nơi ấy.

3027. Khi ấy, trong lúc làm tấm che cho hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, v.v... đang đi khất thực, [tấm vải choàng] đã đứng yên, khiến cho tôi được vui mừng.

3028. Trong khi tôi đang từ nhà bước ra, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, bậc Đạo Sư đứng ở tại đường lộ, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng:

3029. "Người nào với tâm tịnh tín, với ý vui mừng đã dâng cúng tấm vải choàng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3030. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần.

3031. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, sẽ có được sự che phủ bằng tấm vải ở xung quanh một trăm do-tuần.

3032. Và [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3033. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi luân hồi ở cõi hữu, sẽ tức thời đạt được mọi điều ước nguyện ở trong tâm.

3034. Người nam này sẽ đạt được các tấm vải làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải có giá trị cao.

3035. Người nam này sẽ đạt được mọi ước nguyện ở trong tâm và sẽ thọ hưởng quả thành tựu của [việc dâng cúng] một tấm vải vào mọi thời điểm.

3036. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama."

3037. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến đấng Toàn Tri, bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi dâng cúng một tấm vải choàng, tôi đã đạt được vị thế bất tử.

3038. Trong lúc tôi sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, có tấm che bằng vải được duy trì ở xung quanh tôi một sải tay.

3039. Tôi sử dụng y và vật dụng không phải do gợi ý xin xỏ, tôi có sự thành đạt về cơm ăn nước uống; điều này là quả báo của tấm áo choàng.

3040. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

3041. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttareyyadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttareyyadāyaka" là phần thứ tám.

---

[8] *Uttareyyadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm áo choàng (*uttareyya*)."

339. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVAṆIYA
(*Dhammasavaṇiyattherāpadānaṃ*)

3042. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật, đã giúp cho nhiều người vượt qua.

3043. Lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây.

3044. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Lúc ấy, tợ như con chim bị va vào tảng đá, tôi đã không đạt được sự di chuyển.

3045. Sự hư hoại về oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây. Giống như người nổi trên mặt nước, tôi [thường] di chuyển ở không trung như vậy.

3046. "Chắc là có người có bản chất cao thượng đang ngồi ở phía bên dưới. Hừ! Ta sẽ tìm hiểu việc này. Ít ra ta cũng có thể biết được nguyên nhân."

3047. Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư đang thuyết giảng về tính chất vô thường, khi ấy tôi đã học tập điều ấy.

3048. Sau khi đã học tập sự suy tưởng về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

3049. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe giáo pháp ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3050. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần.

3051. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3052. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường.

3053. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy, [nhưng] tôi [đã] không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tử.

3054. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."[9]

3055. Sau khi lắng nghe câu kệ ngôn, tôi đã nhớ lại việc làm quá khứ. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

3056. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên.

3057. Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn tất việc cần làm. Hôm nay, còn có việc gì tôi cần phải làm ở giáo pháp của người con trai dòng Sakya?

---

[9] Câu kệ này được thấy ở nhiều nơi trong tạng Kinh.

3058. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo của việc lắng nghe Chánh pháp.

3059. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammasavaṇiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaṇiya" là phần thứ chín.

340. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA
(*Ukkhittapadumiyattherāpadānaṃ*)

3060. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Haṃsavatī. Tôi đã lội xuống hồ sen và đã hái những đóa hoa sen.

3061. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp cùng với một trăm ngàn bậc có tâm an tịnh như thế ấy.

3062. Khi ấy, trong khi lưu tâm đến sự tiến hóa của tôi, Ngài cùng với các bậc Lậu tận trong sạch có sáu thắng trí, đã đi đến chỗ của tôi.

3063. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, khi ấy tôi đã ngắt đóa hoa sen ở cuống và đã thảy lên không trung.

3064. "Bạch đấng Anh Hùng, nếu Ngài là đức Phật, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, xin cho các đóa sen tự đi đến và duy trì ở trên đỉnh đầu Ngài."

3065. Đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã chú nguyện. Do nhờ oai lực của đức Phật, chúng đã duy trì ở trên đỉnh đầu.

3066. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3067. Có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đây. Nó được gọi tên là "Satapattaṃ" có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

3068. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

3069. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

3070. Chỉ nhờ vào một đóa sen hồng ấy, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3071. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[10] *Dhammasavaṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc lắng nghe (*savaṇa*) pháp (*dhamma*)."

3072. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một đóa sen hồng.

3073. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ukkhittapadumiya[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ukkhittapadumiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Nhang thơm, [vị cúng dường] nước, bông hoa punnāga, vị có tấm vải độc nhất, giọt nước [thơm], vị Pabhaṅkara, vị dâng cúng cái lều [cỏ], vị có tấm áo choàng, vị có sự lắng nghe, vị có một đóa sen hồng; các câu kệ được gộp chung lại ở phẩm này là một trăm câu kệ và bốn mươi bốn câu nữa.

Phẩm Gandhadhūpiya là phẩm thứ ba mươi bốn.

[11] *Ukkhittapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa sen hồng (*paduma*) đã được thảy lên (*ukkhitta*) không trung."

XXXV. PHẨM EKAPADUMIYA
(*EKAPADUMIYAVAGGO*)

341. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPADUMIYA
(*Ekapadumiyattherāpadānaṃ*)

3074. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi giảng giải ở cõi này cõi khác, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

3075. Khi ấy, tôi là con thiên nga chúa cao quý trong số các loài chim [lưỡng sanh]. Tôi lặn xuống hồ nước thiên nhiên và vui giỡn trò đùa của loài thiên nga.

3076. Vào khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Chiến Thắng đã đi đến ở bên trên của hồ nước thiên nhiên.

3077. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã ngắt đóa sen hồng trăm cánh đáng yêu ở cuống hoa.

3078. Được tịnh tín vào đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi dùng mỏ gắp lấy và thả lên bầu trời, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

3079. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở không trung đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng:

3080. "Do một đóa sen hồng này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp."

3081. Nói xong điều ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, sau khi tán dương việc làm của tôi, đã ra đi theo như ý định.

3082. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3083. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapadumiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kỳ sự về Trưởng lão Ekapadumiya" là phần thứ nhất.

---

[1] *Ekapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) đóa sen hồng (*paduma*)."

342. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA
(*Ti-uppalamāliyattherāpadānaṃ*)

3084. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.

3085. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ.

3086. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu.

3087. Sau khi dâng lên các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, sau khi đạt đến sự tôn kính, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3088. Trong khi đang cúi mình ra đi, với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống.

3089. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3090. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3091. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamāliya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya" là phần thứ nhì.

343. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA
(*Dhajadāyakattherāpadānaṃ*)

3093. Đấng Đạo Sư tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. Sau khi nhìn thấy sự đoạn tận mầm mống tái sanh [sự viên tịch Niết-bàn] của Ngài, tôi đã treo lên lá cờ.

3094. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3095. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3096. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

---

[2] *Ti-uppalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa (*mālā*) gồm ba (*ti*) đóa sen xanh (*uppala*)."

3097. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cờ.

3098. Và giờ đây, trong lúc mong muốn tôi có thể che đậy [mặt đất] có rừng rậm luôn cả núi non bằng loại vải sợi lanh; vào khi ấy quả báo của tôi đã được thể hiện.

3099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhajadāyaka" là phần thứ ba.

344. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIṄKIṆIPŪJAKA
(*Tikiṅkiṇipūjakattherāpadānaṃ*)

3100. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Bhūtagaṇa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ vướng ở ngọn cây.

3101. Khi ấy, tôi đã thu nhặt ba bông hoa kiṅkiṇi và đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường tấm y may từ vải bị quăng bỏ.

3102. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa hoa.

3103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikiṅkiṇipūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikiṅkiṇipūjaka" là phần thứ tư.

345. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶĀGĀRIKA
(*Naḷāgārikattherāpadānaṃ*)

3104. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Hārita. Khi ấy, đấng Tự Chủ tên Nārada đã cư ngụ ở gốc cây.

3105. Tôi đã thực hiện gian nhà bằng cây sậy và đã lợp bằng cỏ. Sau khi dọn sạch sẽ con đường kinh hành, tôi đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ.

3106. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười bốn kiếp, và đã cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần.

3107. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3108. Cung điện của tôi có chiều cao tợ như chiếc cầu vồng đã xuất hiện, có ngàn cây cột trụ, không thể so sánh, là cung điện có sự rực rỡ.

3109. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

---

[3] *Dhajadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cờ (*dhaja*)."

[4] *Tikiṅkiṇipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ba (*ti*) bông hoa *kiṅkiṇi*."

3110. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3111. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷāgārika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷāgārika" là phần thứ năm.

346. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (*Campakapupphiyattherāpadānaṃ*)

3112. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Cāpala. Đức Phật tên Sudassana đã cư trú ở trong vùng đồi núi.

3113. Sau khi hái bông hoa ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang di chuyển ở không trung.

3114. Khi ấy, tôi đã đặt tám bông hoa campaka ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

3115. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3116. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

347. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (*Padumapūjakattherāpadānaṃ*)

3117. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có vị Phật tên Sambhava đã cư ngụ ở ngoài trời.

3118. Tôi đã lìa khỏi chỗ cư ngụ và đã mang đến [dâng] đóa sen hồng. Sau khi đã cầm giữ [đóa sen] một ngày, tôi đã quay trở về chỗ trú ngụ.

3119. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Naḷāgārika* nghĩa là "vị liên quan đến gian nhà (*āgāra*) bằng cây sậy (*naḷa*)."

[6] *Campakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) campaka."

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ mười ba).

348. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAMUṬṬHIDĀYAKA (*Tiṇamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

3121. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Bậc Toàn Giác tên Upatissa đã đi kinh hành ở bên ngoài trời.

3122. Lúc bấy giờ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy.

3123. Với tâm ý trong sạch, khi ấy tôi đã dâng cúng nắm cỏ để làm chỗ ngồi đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ ấy.

3124. Sau khi dâng cúng đến vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín nhiều hơn nữa. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3125. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc bị con sư tử vật ngã, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

3126. [Do] việc làm đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, là vừa mới xảy ra đây, tợ như tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên.

3127. Ở tại nơi ấy, tòa lâu đài xinh đẹp có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, có màu lục, đã được hóa hiện ra do nghiệp phước thiện.

3128. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao. Được quây quần với các nàng tiên nữ trẻ, tôi đã sướng vui theo ước muốn của dục vọng.

3129. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể loài người và đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3130. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chỗ ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm cỏ.

3131. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka" là phần thứ tám.

---

[7] *Tiṇamuṭṭhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm (*muṭṭhi*) cỏ (*tiṇa*)."

349. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKAPHALADĀYAKA
(*Tindukaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3132. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng.

3133. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã ngắt cả chùm. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Vessabhū.

3134. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3135. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tindukaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tindukaphaladāyaka" là phần thứ chín.

350. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA
(*Ekañjaliyattherāpadānaṃ*)

3136. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Revata đã cư ngụ ở bờ sông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

3137. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, tôi đã thể hiện sự chắp tay lại.

3138. [Kể từ khi] tôi đã thể hiện sự chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

3139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjaliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có đóa sen hồng, vị có tràng hoa sen xanh, lá cờ, vị có bông hoa kiṅkiṇi, [gian nhà bằng] cây sậy, bông hoa campaka, đóa sen hồng, nắm [cỏ], cây tinduka, và vị chắp tay lại là tương tợ; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Ekapadumiya là phẩm thứ ba mươi lăm.

---

[8] *Tindukaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) tinduka."

[9] *Ekañjaliya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA
(*SADDASAÑÑAKAVAGGO*)

351. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

3140. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác được vây quanh bởi hội chúng chư thiên.

3141. Trong lúc Ngài đang công bố về bốn sự thật [và] đang tiếp độ đám đông dân chúng, tôi đã lắng nghe lời nói ngọt ngào tương tợ tiếng hót của loài chim Karavīka.

3142. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào âm vang giọng nói Phạm thiên của bậc Hiền Trí Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3143. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tịnh tín.

3144. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ nhất.

352. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YAVAKALĀPIYA
(*Yavakalāpiyattherāpadānaṃ*)

3145. Lúc bấy giờ, tôi đã là người trồng lúa mạch ở thành phố Aruṇavatī. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác ở đường lộ, tôi đã trải xuống bó rơm lúa mạch.

3146. Biết được ý định của tôi, bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian Sikhī đã ngồi xuống ở tấm trải bằng rơm lúa mạch.

3147. Sau khi nhìn thấy bậc Vô Nhiễm, vị có Thiền Chứng Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã ngồi xuống, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tại nơi ấy tôi đã mệnh chung.

3148. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp,

[1] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải thảm rơm lúa mạch.

3149. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yavakalāpiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yavakalāpiya" là phần thứ nhì.

353. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṂSUKAPŪJAKA (*Kiṃsukapūjakattherāpadānaṃ*)

3150. Sau khi nhìn thấy cây kiṃsuka đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi suy tưởng về đức Phật Siddhattha, tôi đã cúng dường ở không trung.

3151. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3152. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṃsukapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṃsukapūjaka" là phần thứ ba.

354. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKOṬAKAKORAṆḌADĀYAKA (*Sakoṭakakoraṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

3153. Và sau khi nhìn thấy dấu chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã đảnh lễ dấu chân tối thượng.

3154. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất đã được trổ hoa, tôi đã ngắt một chùm và đã cúng dường ở dấu chân có hình bánh xe.

3155. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân.

3156. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakoṭakakoraṇḍadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sakoṭakakoraṇḍadāyaka" là phần thứ tư.

355. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DAṆḌADĀYAKA (*Daṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

3157. Lúc bấy giờ, tôi đã đi sâu vào khu rừng hoang rậm và đã đốn cây tre. Sau khi cầm lấy thanh đòn ngang, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

---

[2] *Yavakalāpiya* nghĩa là "vị liên quan đến bó rơm (*kalāpa*) lúa mạch (*yava*)."

[3] *Kiṃsukapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa kiṃsuka."

[4] *Sakoṭakakoraṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chùm (*sakoṭaka*) bông hoa koraṇḍa."

3158. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các bậc có sự hành trì tốt đẹp. Tôi cũng đã dâng cúng thanh đòn ngang, rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3159. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy.

3160. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Tưởng lão Daṇḍadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Daṇḍadāyaka" là phần thứ năm.

356. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGUDĀYAKA (*Ambayāgudāyakattherāpadānaṃ*)

3161. Bậc Giác Ngộ tên Sataraṃsī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi xuất khỏi định đã đi đến tôi về việc khất thực.

3162. Sau khi nhìn thấy vị Phật Độc Giác có tâm thanh tịnh, tôi đã dâng cúng món cháo xoài đến Ngài với tâm ý trong sạch.

3163. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cháo xoài.

3164. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambayāgudāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambayāgudāyaka" là phần thứ sáu.

357. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPUṬAKAPŪJAKA (*Supuṭakapūjakattherāpadānaṃ*)

3165. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, trong khi lìa khỏi việc nghỉ ngơi ban ngày, trong khi đi đó đây về việc khất thực, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

3166. Do điều ấy, được sung sướng, có tâm ý vui mừng, tôi đã dâng cúng chiếc hộp đựng muối xinh đẹp đến đức Phật tối thượng như thế ấy, [và] tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

3167. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc hộp xinh đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc hộp.

3168. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supuṭakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Supuṭakapūjaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Daṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cây gậy (*daṇḍa*)."

[6] *Ambayāgudāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cháo (*yāgu*) xoài (*amba*)."

[7] *Supuṭakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) chiếc hộp (*puṭaka*) xinh đẹp (*su*)."

358. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA
(*Mañcadāyakattherāpadānaṃ*)

3169. Do được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một chiếc giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

3170. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường nhỏ ấy, tôi đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

3171. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

3172. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka" là phần thứ tám.

359. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

3173. Lúc bấy giờ, tôi là đạo sĩ lõa thể. Vị Tỳ-khưu và tôi đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị đắm, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ.

3174. [Kể từ khi] vị ấy ban cho sự nương nhờ đến tôi trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

3175. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya" là phần thứ chín.

360. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIṆḌAPĀTIKA
(*Piṇḍapātikattherāpadānaṃ*)

3176. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Tissa đã cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Sau khi Ngài đã từ chính cõi trời Đẩu-suất về lại nơi đây, tôi đã dâng cúng vật thực.

3177. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao tên Tissa, sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất.

3178. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

---

[8] *Mañcadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*mañca*)."

[9] *Saraṇagamaniya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

3179. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piṇḍapātika[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piṇḍapātika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự suy tưởng về âm thanh, vị trồng lúa mạch, các bông hoa kiṃsuka, và bông hoa koraṇḍa, thanh đòn ngang, món cháo xoài, vị có chiếc hộp xinh đẹp, vị dâng cúng chiếc giường, sự nương nhờ, và món vật thực; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ.

Phẩm Saddasaññaka là phẩm thứ ba mươi sáu.

[10] *Piṇḍapātika* nghĩa là "vị liên quan đến đồ ăn khất thực (*piṇḍapāta*)."

XXXVII. PHẨM MANDĀRAVAPUPPHIYA
(*MANDĀRAVAPUPPHIYAVAGGO*)

361. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPUPPHIYA
(*Mandāravapupphiyattherāpadānaṃ*)

3180. Sau khi từ cõi trời Đạo-lợi đi đến nơi đây, người thanh niên tên Maṅgala đã cầm lấy bông hoa mandārava dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

3181. Tôi đã đặt ở trên đỉnh đầu của [đức Phật] đang ngồi nhập định. Sau khi đã duy trì bảy ngày, tôi đã trở về lại thế giới chư thiên.

3182. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mandāravapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mandāravapupphiya" là phần thứ nhất.

362. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPUPPHIYA
(*Kakkārupupphiyattherāpadānaṃ*)

3184. Sau khi từ cõi trời Dạ-ma đi đến vị Gotama vinh quang và quý trọng ở cõi người, tôi đã cầm lấy bông hoa kakkāru và đã dâng lên đức Phật.

3185. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3186. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kakkārupupphiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kakkārupupphiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Mandāravapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) mandārava."

[2] *Kakkārupupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kakkāru."

363. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISAMUḶĀLADĀYAKA
(*Bhisamuḷāladāyakattherāpadānaṃ*)

3187. Đấng Toàn Giác tên Phussa là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Trí Tuệ đã đi đến gần chỗ của tôi.

3188. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín vào đấng Đại Bi, bậc Chiến Thắng ấy, tôi đã cầm lấy rễ và củ sen rồi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3189. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

3190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisamuḷāladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisamuḷāladāyaka" là phần thứ ba.

364. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA
(*Kesarapupphiyattherāpadānaṃ*)

3191. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị thầy về pháp thuật ở núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Có Danh Vọng Lớn Lao đang đi kinh hành.

3192. Khi ấy, tôi đã đặt ba bông hoa kesarī ở trên đầu, rồi đã đi đến gần và đã cúng dường đến bậc Toàn Giác Vessabhū.

3193. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3194. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kesarapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kesarapupphiya" là phần thứ tư.

365. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAPUPPHIYA
(*Aṅkolapupphiyattherāpadānaṃ*)

3195. Lúc bấy giờ, bậc Giác Ngộ tên Paduma đã sống ở ngọn núi Cittakūṭa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy.

3196. Sau khi nhìn thấy cây aṅkola đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã thu nhặt [bông hoa]. Tôi đã đi đến gặp bậc Giác Ngộ và đã cúng dường đấng Chiến Thắng Paduma.

3197. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[3] *Bhisamuḷāladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) rễ (*bhisa*) và củ sen (*muḷāla*)."

[4] *Kesarapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kesarī."

3198. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolapupphiya" là phần thứ năm.

366. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (*Kadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

3199. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

3200. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy bông hoa kadamda và đã cúng dường đến đức Phật Vipassī.

3201. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3202. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" là phần thứ sáu.

367. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLAPUPPHIYA (*Uddālapupphiyattherāpadānaṃ*)

3203. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Anoma đã sống ở bờ sông Gaṅgā. Sau khi cầm lấy bông hoa uddālaka, tôi đã cúng dường đến bậc Không Bị Đánh Bại.

3204. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3205. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uddālapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uddālapupphiya" là phần thứ bảy.

368. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA (*Ekacampakapupphiyattherāpadānaṃ*)

3206. Và bậc Giác Ngộ Upasanta sống ở trong vùng đồi núi. Tôi đã cầm lấy một bông hoa campaka và đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

---

[5] *Aṅkolapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aṅkola."

[6] *Kadambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kadamba."

[7] *Uddālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) uddāla."

3207. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bằng hai tay và đã cúng dường đến đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng, bậc Không Bị Đánh Bại.

3208. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3209. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacampakapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacampakapupphiya" là phần thứ tám.

369. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA
(*Timirapupphiyattherāpadānaṃ*)

3210. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

3211. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc ở đỉnh đầu đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng.

3212. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ chín.

370. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA
(*Salalapupphiyattherāpadānaṃ*)

3214. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đang đi kinh hành.

3215. Tôi đã thu hái bông hoa salala và đã dâng cúng đến đức Phật. Đấng Đại Hùng đã ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời.

3216. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa], trong khi tôi đang nhìn xem.

3217. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã chắp tay lên và đã leo lên ngọn núi lần nữa.

3218. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[8] *Ekacampakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) bông hoa (*puppha*) campaka."

[9] *Timirapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) timira."

3219. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa mandārava, bông hoa kakkāru, củ sen, bông hoa kesara, bông hoa aṅkola, vị có bông hoa kadamba, bông hoa uddāla, một bông hoa campaka, bông hoa timira, và cả bông hoa salala nữa; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ.

Phẩm Mandāravapupphiya là phẩm thứ ba mươi bảy.

[10] *Salalapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) salala."

XXXVIII. PHẨM BODHIVANDAKA
(*BODHIVANDAKAVAGGO*)

371. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA
(*Bodhivandakattherāpadānaṃ*)

3220. Sau khi nhìn thấy cây pāṭalī, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, được xanh tươi, tôi đã đắp y một bên vai, chắp tay lên và đã đảnh lễ cây pāṭalī.

3221. Tôi đã chắp tay lên và thể hiện tâm ý cung kính đến bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc.

3222. Tôi đã đảnh lễ cây pāṭalī tợ như [đảnh lễ] đấng Toàn Giác Vipassī, bậc được thế gian tôn sùng, là đại dương về lòng bi mẫn và trí tuệ, đang ở trước mặt.

3223. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

3224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhivandaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhivandaka" là phần thứ nhất.

372. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬALIPUPPHIYA
(*Pāṭalipupphiyattherāpadānaṃ*)

3225. Đức Thế Tôn tên Vipassī là đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành Bandhuma.

3226. Tôi đã đặt ba bông hoa pāṭalī vào lòng của tôi. Chính vì có ý định gội đầu, tôi đã đi đến bến tàu ở dòng sông.

3227. Sau khi đi ra khỏi thành Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

3228. Tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, đấng cao quý trong số các vị Sa-môn dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang bước đi.

3229. Được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm ấy, tôi đã cầm lấy ba bông hoa và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

---

[1] *Bodhivandaka* nghĩa là "vị đảnh lễ (*vandaka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

3230. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3231. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭalipupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāṭalipupphiya" là phần thứ nhì.

373. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA
(*Ti-uppalamāliyattherāpadānaṃ*)

3232. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.[2]

3233. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ.

3234. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu.

3235. Sau khi cúng dường các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa, sau khi thể hiện sự tôn kính, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3236. Trong khi đang cúi mình ra đi với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống.

3237. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ cuộc sống trước đây, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3238. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3239. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamāliya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya" là phần thứ ba.

374. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA
(*Paṭṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

3241. Vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã Niết-bàn, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và họ đã di chuyển nhục thân [của Ngài].

---

[2] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya, số 342, trang 271.

[3] *Ti-uppalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa (*mālā*) gồm ba (*ti*) đóa sen xanh (*uppala*)."

3242. Trong khi nhục thân đang được di chuyển, trong khi các chiếc trống đang được vang lên, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa paṭṭi.

3243. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo ở việc đã cúng dường nhục thân [đức Phật].

3244. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3245. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3246. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṭṭipupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṭṭipupphiya" là phần thứ tư.

375. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPAṆṆIYA
(*Sattapaṇṇiyattherāpadānaṃ*)

3247. Bậc Toàn Giác tên Sumana, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp.

3248. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa thất diệp.

3249. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3250. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3251. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattapaṇṇiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapaṇṇiya" là phần thứ năm.

376. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUṬṬHIYA
(*Gandhamuṭṭhiyattherāpadānaṃ*)

3252. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện và khi vật thơm các loại

---

[4] *Paṭṭipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) paṭṭi."

[5] *Sattapaṇṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa thất diệp (*sattapaṇṇa*)."

được đặt vào, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường một nắm tay vật thơm.

3253. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

3254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3255. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3256. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhamuṭṭhiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhamuṭṭhiya" là phần thứ sáu.

377. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

3257. Khi đức Thế Tôn tên Padumuttara đã viên tịch Niết-bàn và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa sāla.

3258. Kể từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

3259. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3261. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

378. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVAṆṬIYA
(*Sumanatālavaṇṭiyattherāpadānaṃ*)

3262. Tôi sở hữu chiếc quạt lá cọ vô cùng giá trị được bao phủ với các bông hoa nhài, và tôi đã dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha.

---

[6] *Gandhamuṭṭhiya* nghĩa là "vị liên quan đến nắm tay (*muṭṭhi*) vật thơm (*gandha*)."

[7] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) giàn hỏa thiêu (*citaka*)."

3263. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt lá cọ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ.

3264. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3266. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya" là phần thứ tám.

379. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANADĀMIYA
(*Sumanadāmiyattherāpadānaṃ*)

3267. Sau khi thực hiện tràng hoa nhài, tôi đã nắm giữ [tràng hoa], đứng ở phía trước đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Đã Gội Rửa [tội lỗi], vị Đạo Sĩ Khổ Hạnh.

3268. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ tràng hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nắm giữ tràng hoa nhài.

3269. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3271. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanadāmiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanadāmiya" là phần thứ chín.

380. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA
(*Kāsumāriphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3272. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng.

---

[8] *Sumanatālavaṇṭiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc quạt (*vaṇṭa*) lá cọ (*tāla*) được bao phủ với các bông hoa nhài (*sumana*)."

[9] *Sumanadāmiya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*dāma*) bông nhài (*sumana*)."

3273. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã cầm lấy trái cây kāsumāri và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3274. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3275. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3277. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Cội cây Bồ-đề, bông hoa pāṭalī, vị có [ba] đóa sen xanh, bông hoa paṭṭi, các bông hoa thất diệp, nắm tay vật thơm, giàn hỏa thiêu, [chiếc quạt] lá cọ, vị có tràng hoa nhài, và luôn cả vị có trái cây kāsumāri; [tổng cộng] có năm mươi chín câu kệ.

Phẩm Bodhivandaka là phẩm thứ ba mươi tám.

[10] *Kāsumāriphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kāsumāri."

XXXIX. PHẨM AVAṆṬAPHALA
(*AVAṆṬAPHALAVAGGO*)

381. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṆṬAPHALADĀYAKA
(*Avaṇṭaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3278. Đức Thế Tôn tên Sataraṃsī là đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác đã ra đi về việc khất thực.

3279. Tay có trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avaṇṭa.

3280. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3281. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3282. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3283. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avaṇṭaphaladāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avaṇṭaphaladāyaka" là phần thứ nhất.

382. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA
(*Labujadāyakattherāpadānaṃ*)

3284. Tôi đã là người phụ việc chùa ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

3285. Tôi đã cầm lấy trái cây, bánh mì và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ nhận, trong khi đang đứng ở hư không.

3286. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch, tôi có được sự sanh khởi niềm vui, [điều ấy là] nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại.

3287. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc bao la và sự an lạc tối thượng. Còn có châu báu sanh lên [cho tôi] khi tôi được sanh ra nơi này nơi khác.

---

[1] *Avaṇṭaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) avaṇṭa."

3288. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3289. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3290. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3291. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Labujadāyaka" là phần thứ nhì.

383. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADĀYAKA (*Udumbaraphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3292. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ sông Vinatā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Có Sự Chăm Chú vô cùng định tĩnh.

3293. Được tịnh tín ở Ngài, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm, tôi đã cầm lấy trái sung và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3294. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3295. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udumbaraphaladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udumbaraphaladāyaka" là phần thứ ba.

384. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA (*Pilakkhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3298. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ở cuối khu rừng, tôi đã dâng cúng trái cây pilakkha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

3299. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây [trước đây] một ngàn tám trăm

---

[2] *Labujadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) labuja."

[3] *Udumbaraphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) udumbara."

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3300. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3302. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka" là phần thứ tư.

385. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHĀRUSAPHALADĀYAKA (*Phārusaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3303. Trong khi bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang đi trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây phārusa.

3304. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3305. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3306. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3307. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phārusaphaladāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phārusaphaladāyaka" là phần thứ năm.

386. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADĀYAKA (*Valliphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3308. Lúc bấy giờ, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã đi đến khu rừng. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm trái cây, họ đã đạt được trái cây.

3309. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây valli.

---

[4] *Pilakkhaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) pilakkha."

[5] *Phārusaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) phārusa."

3310. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3311. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3312. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Valliphaladāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Valliphaladāyaka" là phần thứ sáu.

387. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADĀYAKA (*Kadaliphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3314. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kaṇikāra được cháy sáng, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, tợ như cây đèn đang chiếu sáng.

3315. Tôi đã cầm lấy trái chuối và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và ra đi.

3316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3317. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3318. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3319. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kadaliphaladāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadaliphaladāyaka" là phần thứ bảy.

388. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PANASAPHALADĀYAKA (*Panasaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3320. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Ajjuna đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Ngài là bậc Hiền Trí được thành tựu tánh hạnh và thiện xảo về định.

---

[6] *Valliphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) valli."

[7] *Kadaliphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái (*phala*) chuối."

3321. Tôi đã cầm lấy trái mít jīvajīvaka có kích thước bằng hũ nước. Tôi đã đặt vào cái chậu bằng lá và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

3322. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3323. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3324. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3325. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Panasaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Panasaphaladāyaka" là phần thứ tám.

389. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆAKOṬIVĪSA
(*Soṇakoṭivīsattherāpadānaṃ*)

3326. Vào thời kỳ giáo pháp của [đức Phật] Vipassī, một hang động đã được tôi xây dựng dành cho hội chúng bốn phương ở tại kinh thành Bandhumā.

3327. Sau khi trải lót nền đất của hang động bằng các tấm vải, tôi đã cống hiến. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã thực hiện lời ước nguyện rằng:

3328. "Mong rằng tôi có thể làm hài lòng bậc Toàn Giác, có thể đạt được sự xuất gia, và có thể đạt đến sự an tịnh tối thượng, Niết-bàn vô thượng."

3329. Do nhờ chính nhân tố trong sạch ấy, tôi đã luân hồi chín mươi kiếp. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đã chói sáng, là người có phước báu đã được tạo lập [trước đây].

3330. Sau đó, nhờ vào phần dư sót của nghiệp, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, tôi đã được sanh làm người con trai độc nhất của nhà bá hộ cao cả ở tại Campā.

3331. Ngay khi tôi vừa được sanh ra, nghe tin người cha đã khởi ước muốn này: "Ta ban cho công tử hai chục *koṭi* (hai trăm triệu) tiền, không thiếu đồng nào."

3332. Các sợi lông của tôi, dài bốn ngón tay, được mọc lên ở cả hai lòng bàn chân. Chúng là mảnh mai, có sự xúc chạm mềm mại, xinh xắn như là bông vải.

3333. Chín mươi kiếp đã trôi qua, kiếp này là thêm một kiếp nữa, tôi không biết đến việc các bàn chân được đặt xuống ở mặt đất không có trải lót.

---

[8] *Panasaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái (*phala*) mít (*panasa*)."

3334. Tôi đã làm hài lòng bậc Toàn Giác, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Và phẩm vị A-la-hán đã được tôi đạt đến. Tôi có được trạng thái mát mẻ, chứng được Niết-bàn.

3335. Đấng Toàn Tri đã xác định tôi là người đứng đầu trong số các vị đã ra sức tinh tấn, và có lậu hoặc đã được đoạn tận, là bậc A-la-hán, có sáu thắng trí, có đại thần lực.

3336. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng hang động.

3337. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3339. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3340. Tại hồ nước lớn Anotatta, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, bậc Trưởng lão Soṇakoṭivisa khi được hỏi câu hỏi đã trả lời.

Đại đức Trưởng lão Soṇakoṭivisa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Soṇakoṭivisa" là phần thứ chín.

390. KÝ SỰ VỀ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBBAKAMMAPILOTIKA (*Pubbakammapilotikāpadānaṃ*)

3341. Ở trong khu rừng có nhiều loại hương thơm ở gần hồ nước Anotatta, ở trên mặt phẳng của tảng núi đá đáng yêu được lấp lánh bởi nhiều loại châu ngọc.

3342. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, ngồi ở tại nơi ấy, đã giảng giải về các việc làm quá khứ của bản thân:

3343. "Này các Tỳ-khưu, hãy lắng nghe Ta. Nghiệp nào đã được tạo ra bởi Ta, nếu là nghiệp có sự liên quan thì cũng sẽ chín muồi cho dầu ở vào bản thể của vị Phật.

3344. Trong những đời sống khác trước đây, Ta đã là kẻ vô lại tên Munāḷī. Ta đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhū, [Ngài là] vị không làm điều sái quấy.

3345. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong nhiều ngàn kiếp và đã nhận chịu cảm thọ khổ đau.

3346. Do phần dư sót của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Ta đã nhận lãnh sự vu cáo vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikā.

3347. Đức Phật Sabbābhibhū có vị Thinh văn tên là Nanda. Do sự vu cáo vị [Thinh văn] ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục.

3348. Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong mười ngàn năm. Đạt được bản thể nhân loại, Ta đã nhận lãnh nhiều sự vu cáo.

3349. Do phần dư sót của nghiệp ấy, nàng Ciñcamānavikā đã vu cáo Ta với sự không có thật ở trước đám đông dân chúng.

3350. Ta đã là vị Bà-la-môn thông thái, được tôn vinh kính trọng. Ta đã chỉ dạy về chú thuật cho năm trăm người trai trẻ ở tại khu rừng lớn.

3351. Vị ẩn sĩ Bhīma có năm thắng trí, có đại thần lực, đã đi đến nơi ấy. Và sau khi nhìn thấy vị ấy đi đến, Ta đã vu cáo vị không làm điều sái quấy.

3352. Kế đó, Ta đã nói với các người học trò rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.' Ngay trong khi Ta đang nói, các người trai trẻ đã vui thích theo.

3353. Sau đó, tất cả các người trai trẻ, trong khi khất thực theo từng nhà, đã nói với đám đông dân chúng rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.'

3354. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tất cả năm trăm vị Tỳ-khưu này đã gánh chịu sự vu cáo, vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikā.

3355. Trong thời quá khứ, vì nguyên nhân tài sản, Ta đã giết chết người anh [em] trai khác mẹ [cùng cha]. Ta đã xô vào hẻm núi hiểm trở và đã nghiền nát bằng tảng đá.

3356. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Devadatta đã ném tảng đá và đã làm dập ngón cái ở bàn chân của Ta do mảnh vỡ của tảng đá.

3357. Trước đây, Ta đã là đứa bé trai đang đùa giỡn ở con đường lớn. Sau khi nhìn thấy đức Phật Độc Giác, Ta đã ném đá vụn ở con đường [vào vị Phật ấy].

3358. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Devadatta đã bố trí các sát thủ nhằm mục đích giết hại Ta.

3359. Trước đây, Ta đã là kẻ cỡi voi. [Nhìn thấy] bậc Hiền Trí Độc Giác tối thượng đang đi đó đây để khất thực, Ta đã dùng con voi công kích vị ấy.

3360. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, ở trong kinh thành Giribbaja, con voi Nālāgirī quẩn trí hung hãn đã tiến gần đến Ta.

3361. Ta đã là đức vua, người trị vì. Ta đã giết chết người đàn ông bằng cây thương. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã bị nung nấu ở địa ngục một cách dữ dội.

3362. Do phần dư sót của nghiệp ấy, giờ đây toàn bộ lớp da ở bàn chân của Ta đã gây khó chịu, bởi vì nghiệp không bị tiêu hoại.

3363. Ta đã là đứa trẻ đánh cá ở trong ngôi làng của các ngư phủ. Sau khi nhìn thấy các con cá bị giết chết, Ta đã sanh tâm vui mừng.

3364. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở đầu của Ta. Và khi Viḍūdabha nổi loạn, tất cả dòng tộc Sakya (Thích-ca) đã bị giết chết.

3365. Vào thời giáo pháp của [đức Phật] Phussa, Ta đã quở mắng các vị Thinh văn rằng: 'Các ngươi hãy nhai, hãy ăn lúa mạch và chớ có ăn cơm gạo sālī.'

3366. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã [phải] ăn lúa mạch ba tháng. Khi ấy, được vị Bà-la-môn thỉnh mời, Ta đã cư ngụ ở Verañjā.

3367. Khi cuộc đấu vật đang được diễn tiến, Ta đã đánh gục người con trai dòng Malla. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở lưng của Ta.

3368. Ta đã là người thầy thuốc. Ta đã cho người con trai nhà triệu phú thuốc xổ. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta có bệnh tiêu chảy.

3369. Lúc bấy giờ, Ta đã là Jotipāla. Ta đã nói với đấng Thiện Thệ Kassapa rằng: 'Giác ngộ là sự đạt được vô cùng khó khăn, do đâu sự Giác ngộ lại có cho kẻ cạo đầu?'

3370. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã thực hành nhiều việc làm khó khăn trong sáu năm ở Uruvelā, sau đó Ta đã đạt được quả vị Giác ngộ.

3371. Ta đã không đạt được quả vị Giác ngộ tối thượng bằng con đường [Trung đạo] này. Bị ngăn cản bởi nghiệp quá khứ, Ta đã tầm cầu đạo lộ sai trái [khổ hạnh].

3372. Ta có sự chấm dứt về phước và tội, Ta đã tránh xa mọi điều bực bội, Ta không sầu muộn, không đau buồn, Ta sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

3373. Đấng Chiến Thắng, vị đã đạt được toàn bộ năng lực của các thắng trí, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, tại hồ nước lớn Anotatta, đã giảng giải như thế.

Đức Thế Tôn đã nói về bài giảng giáo pháp tên Pubbakammapilotika[9] đề cập đến hành động trong quá khứ của bản thân như thế ấy.

"Ký sự về Phật Toàn Giác tên Pubbakammapilotika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Trái cây avaṇṭa, luôn cả trái bánh mì, trái sung, và trái pilakkha, trái cây phārusa, trái cây valli, và vị có trái chuối, trái mít, vị Koṭivīsa, và ký sự tên "Pubbakammapiloti" của bậc Đại Ẩn Sĩ; [tổng cộng] có chín mươi mốt câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Avaṇṭaphala là phẩm thứ ba mươi chín.

(Dứt tụng phẩm thứ mười bốn).

[9] *Pubbakammapilotika* tạm dịch là sự việc có liên quan (*pilotika*) nghiệp (*kamma*) quá khứ (*pubba*).

XL. PHẨM PIḶINDIVACCHA
(*PIḶINDIVACCHAVAGGO*)

391. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIḶINDIVACCHA
(*Piḷindivacchattherāpadānaṃ*)

3374. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Haṃsavatī. Của cải đã được tích lũy trong nhà của tôi là không bị suy suyễn, không thể đo lường.

3375. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, tôi đã được vui vẻ tâm trí. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy:

3376. "Ta đã đạt được nhiều của cải, nội phòng của ta là trù phú. Ngay cả đức Vua Ānanda, vị chúa tể trái đất, cũng đã thỉnh mời [ta].

3377. Và đức Phật này đã hiện khởi. Bậc Hiền Trí là hiện tượng hiếm hoi. Và của cải của ta được biết đến, ta sẽ dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư.

3378. Vật thí cao quý đã được Vương tử Paduma dâng cúng đến đấng Chiến Thắng là các con long tượng cùng với các ghế bành và sự ủng hộ không phải là ít ỏi.

3379. Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên."

3380. Sau khi suy nghĩ về quả báo hạnh phúc ở sự cống hiến của việc ấy theo nhiều cách, tôi đã nhìn thấy sự dâng cúng vật dụng là đáp ứng được ý định của tôi.

3381. "Ta sẽ dâng cúng các loại vật dụng chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên."

3382. Ngay lập tức tôi đã đi đến các người làm nghề tre và đã bảo làm lọng che. Tôi đã tập trung một trăm ngàn chiếc lọng che thành một đống.

3383. Tôi đã tập trung một trăm ngàn tấm vải thành một đống. Tôi đã tập trung một trăm ngàn bình bát thành một đống.

3384. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các chiếc búa nhỏ, các con dao nhỏ, và luôn cả các kim khâu, các đồ cắt móng, rồi đã cho treo chúng ở bên dưới chiếc lọng che.

3385. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các cây quạt gió, các cây quạt lá cọ, các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng, các đồ lọc nước và các vật đựng dầu.

3386. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các hộp đựng kim, các dây đeo ở vai, luôn cả các dây buộc thân, và các chân kê [bình bát] đã được làm khéo léo.

3387. Tôi đã chứa đầy các chậu đựng vật dụng và luôn cả các tô nhỏ bằng đồng với thuốc men, rồi đã đặt chúng ở bên dưới chiếc lọng che.

3388. Tôi đã chứa đầy các chậu với mọi thứ như là rễ cây, cỏ usīra, mật mía, trái tiêu dài, các hạt tiêu, trái harītakī, củ gừng.

3389. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các đôi dép, các đôi giày, các vật lau khô nước, các cây gậy chống được làm khéo léo.

3390. [Tôi đã bảo làm] các ống thuốc bôi, các que bôi thuốc, các bình lọc nước, các chìa khóa, các túi đựng chìa khóa được thêu với năm loại màu sắc.

3391. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các vải băng bó, các ống dẫn khói, và luôn cả các chân đèn, các vật đo lường và các hòm nhỏ.

3392. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các kẹp gắp, các cây kéo, rồi các vật hốt rác và luôn cả các túi đựng thuốc men.

3393. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các ghế dài, các ghế đẩu, các ghế bành bằng bốn vật liệu,[1] và đã xếp đặt ở bên dưới chiếc lọng che.

3394. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các tấm nệm lông cừu, các tấm nệm bông gòn, luôn cả các tấm nệm ở ghế đẩu, và các chiếc gối đã được làm khéo léo.

3395. [Tôi đã bảo làm] các vật kỳ cọ, các loại sáp ong, dầu ăn, lò sưởi ấm tay, hộp đựng, các tấm ván, kim khâu, cùng với tấm trải giường.

3396. [Tôi đã bảo làm] các chỗ nằm ngồi, các thảm chùi chân, các gậy chống ở giường ghế, các vật chà răng và tăm xỉa răng, các dầu thơm bôi ở đầu.

3397. [Tôi đã bảo làm] các vật tạo ra lửa, các ghế rơm, các nắp bình bát và các tô nhỏ, các vá múc nước, bột tắm và chậu nhuộm.

3398. [Tôi đã bảo làm] cái chổi, bể nước, tương tợ như thế là vải choàng tắm mưa, tấm lót ngồi, vải đắp ghẻ và y nội.

3399. [Tôi đã bảo làm] thượng y và y hai lớp, dụng cụ xông mũi, đồ làm sạch miệng, nhiều giấm chua và muối, mật ong và thức uống từ sữa chua.

3400. [Tôi đã bảo làm] nhang thơm, sáp ong, vải vụn, khăn lau mặt, chỉ sợi, bất cứ vật gì được gọi là vật có thể dâng cúng, và bất cứ vật gì thích hợp đối với bậc Đạo Sư.

3401. Sau khi tập hợp mọi thứ này lại, tôi đã đi đến gặp đức Vua Ānanda. Sau khi đã gặp bậc sanh thành của vị Đại Ẩn Sĩ, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này:

3402. "[Chúng ta] đã được sanh ra và lớn lên cùng nhau, tâm ý của cả hai là tương đồng, có sự chia sẻ sướng khổ, và cả hai có cùng chí hướng.

---

[1] Bốn loại vật liệu là vàng, ngọc ma-ni, ngọc pha lê và hồng ngọc (*Ap.* II, câu kệ 4760, 5368, 6397; *Ap.* III, câu kệ 174).

3403. Tâu vị cảm hóa kẻ thù địch, [thần] có nỗi khổ trong tâm có liên quan đến Bệ hạ. Tâu vị Sát-đế-lỵ, nếu Bệ hạ có khả năng xin Bệ hạ hãy dẹp tan nỗi khổ ấy."

3404. "Nỗi khổ của ngươi là nỗi khổ của trẫm, tâm ý của cả hai là tương đồng. Nếu là việc có liên quan đến trẫm thì ngươi hãy nhận biết rằng: 'Việc đã được hoàn tất.'"

3405. "Tâu Đại vương, xin Bệ hạ hiểu cho thần, nỗi khổ của thần là khó mà dẹp tan. Trong khi có thể, xin Bệ hạ hãy tuyên bố rằng có một vật quý giá mà Bệ hạ khó từ bỏ được."

3406. "Cho dù là vương quốc, cho đến sanh mạng của trẫm, nếu có sự lợi ích cho ngươi với những vật này thì trẫm sẽ ban cho, không ngần ngại."

3407. "Tâu Bệ hạ, quả nhiên Bệ hạ đã tuyên bố. [Tuy nhiên] điều ấy đã được nhiều người tuyên bố một cách xằng bậy. Hôm nay thần sẽ biết rằng Bệ hạ có được cương quyết trong mọi vấn đề [hay không?]"

3408. "Ngươi đã ép buộc trẫm quá đáng trong khi trẫm đang ban phát cho ngươi. Ngươi được lợi ích gì với việc đã ép buộc trẫm? Ngươi hãy nói cho trẫm điều đã được ngươi mong mỏi."

3409. "Tâu Đại vương, thần ao ước đức Phật tối thượng, đấng Vô Thượng. Thần sẽ chăm lo bữa ăn đến bậc Toàn Giác, xin chớ để cho cuộc sống của thần trở thành tội lỗi."

3410. "Trẫm sẽ ban cho ngươi điều ân huệ khác, chớ cầu xin [trẫm về] đức Như Lai. Đức Phật tợ như viên ngọc ma-ni như ý, không thể ban tặng cho bất cứ ai."

3411. "Tâu Bệ hạ, phải chăng điều đã được ngài tuyên bố là [sẽ ban tặng] ngay cả sanh mạng của chính mình? Đúng ra nên ban tặng đức Như Lai hơn là bố thí sanh mạng."

3412. "Bậc Đại Hùng nên được đặt riêng, đấng Chiến Thắng không thể ban tặng cho bất cứ ai, đức Phật sẽ không được trẫm đồng ý. Ngươi hãy chọn lấy tài sản vô hạn lượng đi."

3413. "Chúng ta hãy tìm đến sự phân xử, chúng ta sẽ hỏi các vị quan tòa. Chúng ta hãy tranh cãi về vấn đề ấy theo cách thức mà họ sẽ giải bày."

3414. Tôi đã nắm lấy tay của đức vua rồi đã đi đến tòa án. Trước các vị quan phán xử, tôi đã nói lời nói này:

3415. "Xin các quan phán xử hãy lắng nghe tôi. Đức vua đã ban cho tôi điều ân huệ, không loại trừ bất cứ vật gì, ngài cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa.

3416. Khi ngài đã ban điều ân huệ cho tôi, tôi đã cầu xin đức Phật tối thượng. [Như vậy] đức Phật là đã được ban cho tôi một cách tốt đẹp, hay là tôi còn có điều nghi ngờ?"

3417. "Chúng tôi sẽ lắng nghe lời nói của ngươi và của đức vua là vị hộ trì

xứ sở. Sau khi lắng nghe lời nói của cả hai, chúng tôi sẽ chặt đứt điều nghi hoặc ở tại nơi đây."

3418. "Tâu Bệ hạ, có phải ngài đã ban cho tất cả mọi thứ thuộc quyền sở hữu đến người này, và cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa, không loại trừ bất cứ vật gì?"

3419. "Chính vì bị lâm vào tình cảnh khó khăn, [người này] đã cầu xin điều ân huệ vô thượng. Sau khi biết được người này vô cùng đau khổ, trẫm đã ban cho mọi thứ thuộc quyền sở hữu."

3420. "Tâu Bệ hạ, phần thua là thuộc về ngài, đức Như Lai nên được ban cho người này. Sự nghi hoặc của hai vị đã được chặt đứt, xin hai vị hãy duy trì đúng theo sự việc."

3421. Đứng ngay tại nơi ấy, đức vua đã nói điều này với vị quan phán xử: "Này các hiền thần, nếu các ngươi cũng có thể ban cho trẫm [điều ân huệ] thì trẫm [sẽ] nhận lại đức Phật."

3422. "Sau khi đã làm tròn đủ ý định của ngươi, sau khi đã chăm lo bữa ăn cho đức Như Lai, ngươi nên giao lại bậc Toàn Giác cho vị có danh vọng lớn lao Ānanda."

3423. Sau khi đảnh lễ các vị quan phán xử và cả vị Sát-đế-lỵ Ānanda nữa, tôi đã trở nên hớn hở vui mừng và đã đi đến gặp đấng Toàn Giác.

3424. Sau khi đã đi đến gặp đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này:

3425. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. Ngài đang đem lại nỗi vui mừng cho tâm của con, xin Ngài hãy ngự đến căn nhà của con."

3426. Biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã nhận lời.

3427. Sau khi biết được sự nhận lời [của đức Phật], tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. Trở nên mừng rỡ, có tâm phấn chấn, tôi đã đi về nhà.

3428. Sau khi triệu tập lại bạn bè và các viên quan lại, tôi đã nói lời nói này: "Tôi đã đạt được sự thành tựu vô cùng khó khăn, giống như [đã đạt được] viên ngọc ma-ni như ý.

3429. Ngài là đấng Vô Lượng Vô Song, là bậc Trí Tuệ không người tương đương, không kẻ sánh bằng, là đấng Chiến Thắng không người đối thủ, chúng ta sẽ cúng dường Ngài bằng vật gì?

3430. Tương tợ như vậy, đấng Nhân Ngưu chính là vị tương đương với bậc không thể sánh bằng, không có người thứ hai, vì thế hành động hướng thượng xứng đáng với đức Phật là việc làm khó khăn đối với tôi.

3431. Chúng ta hãy thu thập những bông hoa khác loại và hãy thực hiện mái che bằng bông hoa; mọi sự cúng dường này sẽ là xứng đáng với đức Phật."

3432. Tôi đã cho thực hiện mái che bằng hoa sen xanh, luôn cả hoa sen hồng, hoa vassika, hoa adhimuttaka, hoa campaka và hoa nāga.

3433. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Chỗ ngồi cuối cùng dành cho tôi trị giá hơn một trăm [đồng tiền].

3434. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Sau khi cho chuẩn bị cơm nước, tôi đã thông báo về thời điểm.

3435. Khi thời điểm đã được thông báo, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến căn nhà của tôi.

3436. Cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống [chỗ ngồi] có chiếc lọng che đang được duy trì ở phía bên trên, ở mái che làm bằng bông hoa khéo được nở rộ.

3437. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy thọ nhận một trăm ngàn chiếc lọng che, một trăm ngàn chỗ ngồi đúng phép tắc và không phạm sai trái."

3438. Có ý định giúp cho tôi vượt qua, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí ấy đã tiếp nhận.

3439. Tôi đã dâng cúng mỗi vị Tỳ-khưu một cái bình bát riêng biệt. Các vị đã xả bỏ bình bát trước đây và đã sử dụng bình bát bằng kim loại.

3440. Đức Phật đã ngồi ở mái che bông hoa bảy ngày đêm. Trong khi giúp cho nhiều chúng sanh được giác ngộ, Ngài đã chuyển vận bánh xe giáo pháp.

3441. Trong khi Ngài đang chuyển vận bánh xe giáo pháp ở bên dưới mái che bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bốn ngàn [chúng sanh].

3442. Khi ngày thứ bảy đã đến, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara ngồi ở bóng râm của chiếc lọng che đã nói lên những lời kệ này:

3443. "Người thanh niên nào đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3444. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3445. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng và các cỗ xe kéo sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3446. Sáu mươi ngàn cỗ xe ngựa được trang hoàng với tất cả các loại trang sức sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3447. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên trình tấu đến người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3448. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

3449. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3450. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

3451. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3452. Trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, người có được nghiệp phước thiện sở hữu chiếc lọng che bằng châu báu bao trùm toàn bộ thế giới chư thiên.

3453. Khi [người này] ước ao bóng râm, thì có chiếc lọng che được tạo ra từ vải và bông hoa sẽ che bóng râm một cách thường xuyên, thuận theo tâm ý của người này.

3454. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, [người này] sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

3455. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3456. Biết rõ về toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng.

3457. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Piḷindivaccha, và sẽ được kính trọng trong số chư thiên, các a-tu-la, và các càn-thát-bà.

3458. Sau khi trở thành người được mến mộ đối với tất cả, đối với các vị Tỳ-khưu, đối với các vị Tỳ-khưu-ni, và tương tợ như thế ấy đối với các người tại gia, vị ấy sẽ sống, không còn lậu hoặc."

3459. Việc làm đã được thực hiện [trước đây] một trăm ngàn kiếp, đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

3460. Ôi, việc làm đã khéo được tôi thực hiện ở phước điền vô thượng. Sau khi thực hiện việc làm ở tại nơi ấy, tôi đã đạt được vị thế bất động.

3461. Chính người thanh niên đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì, đã là người đầu tiên, đã là vị tiên phong; điều này là quả báo của việc dâng cúng ấy.

3462. Sau khi dâng cúng các chiếc lọng che đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3463. Tôi không biết đến sự lạnh, sự nóng, bụi bặm và mồ hôi không vấy bẩn, không có sự nguy khốn và không có tai họa, tôi luôn luôn được tôn trọng.

3464. Tôi có làn da mềm mại, có tâm ý trong sạch, một trăm ngàn chiếc lọng che là thuộc về tôi trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu.

3465. Do tác động của nghiệp ấy, [các chiếc lọng ấy] được gắn mọi thứ trang sức và được duy trì ở đỉnh đầu của tôi, ngoại trừ đời sống này.

3466. Tại sao không có sự duy trì các chiếc lọng cho tôi trong đời sống này? Vì tất cả các nghiệp đã được tôi làm là nhằm đạt đến chiếc lọng giải thoát.

3467. Sau khi dâng cúng các tấm vải đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3468. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng.

3469. Có một trăm ngàn tấm vải màu trắng, màu vàng và màu đỏ được duy trì ở đỉnh đầu của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm vải.

3470. Từ thành quả của những việc ấy, ở tất cả các nơi tôi đều có được y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải.

3471. Sau khi dâng cúng các bình bát đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3472. Tôi sử dụng các đĩa làm bằng hồng ngọc, các đĩa bằng vàng, các đĩa bằng ngọc ma-ni, và luôn cả các tô nhỏ bằng bạc vào mọi thời điểm.

3473. Tôi không có sự nguy khốn và không có tai họa, luôn luôn được tôn trọng. Tôi có sự thành tựu về cơm ăn, nước uống, vải vóc và giường nằm.

3474. Các của cải của tôi không bị tiêu hoại, tôi có tâm vững chãi. Tôi luôn luôn có sự mong muốn về giáo pháp, ít phiền não, không còn lậu hoặc.

3475. Ở tất cả các nơi, ở thế giới chư thiên hay loài người, những đức tính này là gắn bó không lìa bỏ tôi, cũng giống như bóng râm của cây cối vậy.

3476. Sau khi dâng cúng nhiều chiếc búa nhỏ được gắn liền với chùm tua có màu sắc, khéo được thực hiện đến đức Phật tối thượng, và tương tợ y như thế đến hội chúng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3477. Tôi luôn luôn dũng cảm, không có sự loạn động, và có sự toàn hảo về các lòng tự tin, có nghị lực, có sự tinh cần, có tâm ý được tập trung.

3478. Từ thành quả của việc ấy, ở khắp mọi nơi tôi đều đạt được sự dứt trừ phiền não, [cùng với] trí tuệ tinh tế, không thể ước lượng, tinh khiết.

3479. Với tâm tịnh tín, tôi đã dâng cúng nhiều con dao nhỏ không bị sần sùi, không thô kệch, rất bóng láng đến đức Phật, và tương tợ y như thế đến hội chúng.

3480. Tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. [Tôi có được] tâm tốt đẹp, sự tinh cần, sự nhẫn nại và con dao từ ái.

3481. [Và] lưỡi gươm tuệ vô thượng có tính chất dứt trừ mũi tên tham ái. Từ thành quả của những việc ấy, tôi đạt được trí tuệ sánh với kim cương.

3482. Sau khi dâng cúng các cây kim khâu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3483. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi luôn luôn có tuệ sắc bén, không có sự hoài nghi, có sự cắt đứt mọi điều nghi hoặc, có sắc đẹp và có của cải.

3484. Tôi đã nhìn thấy ý nghĩa và nguyên nhân thâm sâu vi tế bằng trí tuệ. Trí tuệ của tôi là sự tiêu diệt điều tăm tối, được sánh với kim cương cao quý.

3485. Sau khi dâng cúng các đồ cắt móng đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3486. Tôi có được nhiều tôi nam, tớ gái, bò, ngựa, người làm công, người canh gác, người hầu tắm, người phục vụ bữa ăn, người đầu bếp ở khắp tất cả các nơi.

3487. Sau khi dâng cúng các cây quạt gió và các cây quạt lá cọ xinh xắn đến đức Thiện Thệ, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3488. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bứt rứt không hiện hữu, tôi không biết đến sự ưu phiền và sự bực bội ở tâm của tôi.

3489. Từ thành quả của việc ấy của tôi, tất cả các ngọn lửa của tôi là lửa tham ái, lửa sân hận và si mê, lửa ngã mạn và lửa tà kiến đã bị dập tắt.

3490. Sau khi dâng cúng các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng đến hội chúng, tập thể tối thượng, tôi có phiền não được lặng yên, tôi sống không có tật xấu.

3491. Sau khi dâng cúng các đồ lọc nước đến đức Thiện Thệ và các bậc tối thượng thực hành giáo pháp, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3492. Tôi vượt trội tất cả và đạt được tuổi thọ ở cõi trời, tôi không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ trộm cướp hoặc những kẻ thù địch.

3493. Từ thành quả của những việc ấy, người ta cũng không làm tổn hại tôi bằng vũ khí hoặc bằng thuốc độc, tình trạng chết yểu không xảy đến cho tôi.

3494. Sau khi dâng cúng các vật đựng dầu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3495. Tôi có dáng vóc vô cùng tao nhã, có giọng nói tốt, tâm ý khéo hướng thượng, tâm tư không rối loạn, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ.

3496. Sau khi dâng cúng các hộp đựng kim đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3497. Tôi có sự an lạc của tâm, có sự an lạc của thân, có sự an lạc sanh lên từ các oai nghi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3498. Sau khi dâng cúng các dây đeo ở vai đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3499. Và từ thành quả của việc ấy, tôi đạt được trí biết tâm của người khác, tôi nhớ lại kiếp sống thứ nhì, tôi có làn da đẹp toàn diện.

3500. Sau khi dâng cúng các dây buộc thân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3501. Tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận.

3502. Tôi có niệm đã được thiết lập, sự run sợ của tôi là không được biết đến, các đức tính này được gắn liền dầu ở thế giới chư thiên hay là nhân loại.

3503. Sau khi dâng cúng các chân kê [bình bát] đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi được thừa hưởng năm loại màu sắc, tôi không bị lay động bởi bất cứ điều gì.

3504. Bất cứ các pháp nào tôi đã được nghe đều là những sự thức tỉnh cho niệm và trí. Những gì đã được tôi ghi nhớ là không tiêu hoại, chúng được xét đoán cẩn thận.

3505. Sau khi dâng cúng các chậu đựng cùng các vật dụng đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3506. Tôi đạt được các chậu đựng làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa.

3507. Những người vợ và các tôi trai, tớ gái, các tượng binh, kỵ binh, xa binh, bộ binh và luôn cả những người nữ trung thành nữa, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc.

3508. Các môn khoa học, các từ ngữ về chú thuật, luôn cả nhiều kinh điển các loại, cùng tất cả các học nghệ, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc.

3509. Sau khi dâng cúng các tô nhỏ đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3510. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa.

3511. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng gỗ assattha, bằng vỏ trái bầu, hoặc bằng các lá sen, và các vỏ sò ốc cho việc uống mật ong.

3512. Tôi có sự thực hành về phận sự, về đức hạnh, về các hành động thuộc về ứng xử; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3513. Sau khi dâng cúng thuốc men đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập

thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3514. Từ thành quả của việc ấy, tôi có tuổi thọ, có sức mạnh, dũng cảm, có sắc đẹp, có uy quyền, có sự sung sướng, không có sự nguy khốn, không có tai họa, và luôn luôn được tôn trọng, không có sự xa lìa với những người yêu mến của tôi.

3515. Sau khi dâng cúng các đôi dép đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3516. Sáu chục trăm ngàn (sáu triệu) phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng, và các cỗ xe kéo luôn luôn vây quanh tôi.

3517. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, có những chiếc giày làm bằng ngọc ma-ni, bằng len, bằng vàng, và bằng bạc hiện ra ở những lần giở bàn chân lên.

3518. Theo quy luật tự nhiên, chúng di chuyển hướng đến việc tẩy sạch các hành động tội lỗi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3519. Sau khi dâng cúng các đôi giày đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đã mang vào chiếc giày có thần lực và tôi sống theo như ước muốn.

3520. Sau khi dâng cúng các miếng vải lau khô nước đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3521. Tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng, không vấy bẩn bụi bặm và mồ hôi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3522. Sau khi dâng cúng các cây gậy chống đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3523. Tôi có nhiều người con trai, sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không bao giờ bị áp bức, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ, thậm chí sự té ngã tôi cũng không biết, tâm ý của tôi không bị tản mạn.

3524. Sau khi dâng cúng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3535. Tôi có [cặp] mắt to màu trắng, màu vàng và màu đỏ, có nhãn quan được tịnh tín không bị vẩn đục, được lánh xa mọi tật bệnh.

3526. Tôi đạt được thiên nhãn và tuệ nhãn vô thượng; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3527. Sau khi dâng cúng các chìa khóa đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được chìa khóa trí tuệ, vật mở ra cánh cửa giáo pháp.

3528. Sau khi dâng cúng các túi đựng chìa khóa đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi ít giận dữ, không buồn phiền.

3529. Sau khi dâng cúng các vải băng bó đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3530. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận, có sự thành tựu của cải được sanh lên.

3531. Sau khi dâng cúng các ống dẫn khói đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3532. Niệm của tôi là trực chỉ, các sợi gân khéo được liên kết, tôi đạt được thiên nhãn là từ thành quả của việc ấy.

3533. Sau khi dâng cúng các chân đèn đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3534. Tôi có sự sanh ra tốt đẹp, được đầy đủ các phần thân thể, có tuệ hướng đến giác ngộ; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3535. Sau khi dâng cúng các vật đo lường và các hòm nhỏ đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3536. Tôi luôn luôn cảnh giác, có được sự an lạc, có danh vọng lớn lao, đồng thời có cả tương lai, được xa lìa sự thất bại, có sự tinh tế, được lánh khỏi tất cả các hiểm họa.

3537-38. Và tôi có sự đạt được các đức tính vĩ đại, tôi có hành vi bình lặng, sự kích động đã được xa lìa hẳn, tôi đạt được các vật đo lường và các hòm nhỏ có bốn màu cùng với các con voi, các con ngựa và châu báu, những vật này của tôi không bị tiêu hoại; điều này là quả báo của việc dâng cúng các vật đo lường.

3539. Sau khi dâng cúng các ống đựng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3540. Tôi có đủ tất cả các tướng mạo, có tuổi thọ, trí tuệ và [tâm] định tĩnh, thân của tôi luôn luôn được thoát khỏi mọi sự mệt nhọc.

3541. Sau khi dâng cúng các cây kéo có cán nhỏ vô cùng bén đến hội chúng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật cắt xén các phiền não.

3542. Sau khi dâng cúng các kẹp gắp đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật gắp bỏ các phiền não.

3543. Sau khi dâng cúng các dụng cụ xông mũi đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3544. Tôi có đức tin, giới hạnh, luôn cả sự hổ thẹn tội lỗi và đức tính ghê sợ [tội lỗi], có sự học hỏi, sự dứt bỏ của cải, sự nhẫn nại và trí tuệ là đức tính thứ tám.

3545. Sau khi dâng cúng các ghế đẩu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3546. Tôi được sanh ra ở gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao, tất cả tôn trọng tôi, danh tiếng của tôi được lan truyền.

3547. Trong một trăm ngàn kiếp, các chiếc ghế bành hình vuông thường xuyên vây quanh tôi, tôi vui thích trong sự ban phát.

3548. Sau khi dâng cúng các tấm nệm đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3549. Tôi có thân thể đều đặn, được tôn trọng, là người mềm mỏng, có dáng vóc tao nhã, tôi đạt được nhóm tùy tùng có trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm.

3550. Tôi đạt được các nệm bông vải đủ các hình dạng, nhiều tấm thảm dệt có hình vẽ, các tấm tranh vải quý giá và nhiều loại chăn mền.

3551. Tôi đạt được các tấm áo khoác mềm mại, các mảnh da dê mềm mại và các tấm trải lót nhiều loại; điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm.

3552. Kể từ khi tôi nhớ được bản thân, kể từ khi tôi đạt được sự hiểu biết, tôi không là kẻ vô tích sự, tôi là chiếc nôi của thiền; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm nệm.

3553. Sau khi dâng cúng các chiếc gối đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3554. Tôi luôn luôn kê đầu ở những chiếc gối len, những chiếc gối gương sen và những chiếc gối gỗ trầm màu đỏ.

3555. Sau khi hướng dẫn trí đến đạo lộ cao quý tám chi phần, bốn quả vị Sa-môn, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm.

3556. Sau khi hướng dẫn trí đến sự bố thí, sự rèn luyện, sự thu thúc và các pháp vô lượng tâm [từ, bi, hỷ, xả] thuộc sắc giới, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm.

3557. Sau khi đặt tâm trí vào phận sự, đức hạnh, sự thực hành và các hành động thuộc về ứng xử, tôi an trú [vào các pháp ấy] trong mọi thời điểm.

3558. Sau khi hướng dẫn trí đến đường kinh hành, hoặc sự nỗ lực tinh tấn ở các chi phần giác ngộ, tôi an trú vào các pháp ấy theo như ý thích.

3559. Sau khi hướng dẫn trí đến giới, định, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi an trú vào các pháp ấy một cách an lạc.

3560. Sau khi dâng cúng các ghế rơm đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3561. Tôi hưởng thụ nhiều ghế bành thượng hạng làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngà voi và lõi gỗ; điều này là quả báo của chiếc ghế rơm.

3562. Sau khi dâng cúng các ghế kê chân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3563. Tôi đạt được nhiều phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân. Các tôi nam, tớ gái, các người vợ, và những người khác sống nương tựa đều phục vụ tôi một cách nghiêm chỉnh; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân.

3564. Sau khi dâng cúng các chất dầu bôi đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3565. Tôi có được sự không bệnh tật, sự thành tựu về dáng vóc, sự tiếp thu giáo pháp một cách nhạy bén, sự đạt được cơm ăn nước uống, và nhóm năm là tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh và trí tuệ.

3566. Sau khi dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3567. Tôi luôn luôn có được sức mạnh, được thành tựu về dáng vóc, có cơ thể tươi vui, không có bệnh, sạch sẽ; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn.

3568. Sau khi dâng cúng vật làm sạch miệng đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3569. Tôi có cổ họng sạch sẽ, có giọng nói ngọt ngào, được tránh khỏi bệnh ho, bệnh suyễn, và hương thơm của hoa sen luôn luôn tỏa ra từ miệng của tôi.

3570. Sau khi dâng cúng sữa đông đầy đủ phẩm chất đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tài sản bất tử cao quý, đó là niệm hướng đến thân.

3571. Sau khi dâng cúng mật ong đạt được màu sắc và hương vị đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tôi uống hương vị giải thoát không thể ước lượng, không gì sánh bằng.

3572. Sau khi dâng cúng chất tinh túy ở trạng thái thiên nhiên đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng bốn [Thánh] quả tương xứng với nghiệp của tôi.

3573. Sau khi dâng cúng cơm ăn và nước uống đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3574. Tôi luôn luôn có tuổi thọ, có sức mạnh, sáng suốt, có dung sắc, có uy quyền, có sự sung sướng, có sự thành tựu về cơm ăn và nước uống, dũng cảm, có trí tuệ, tôi đạt được những đức tính này trong khi luân hồi ở cõi hữu.

3575. Sau khi dâng cúng nhang [thơm] đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3576-77. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được cơ thể có mùi thơm ngào ngạt, có uy quyền, có tuệ nhạy bén, có danh tiếng, có tuệ sắc bén, có tuệ bao la, có tuệ vi tiếu và tuệ thâm sâu, có tuệ rộng lớn và tuệ đổng tốc. Giờ đây, do nhờ tác động của chính việc ấy, tôi đạt đến sự tịnh lặng, an lạc, Niết-bàn.

3578. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3579. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3580. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piḷindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piḷindivaccha" là phần thứ nhất.

392. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SELA (*Selattherāpadānaṃ*)

3581. Tôi đã là vị chủ quản đường lộ ở thành phố Haṃsavatī. Tôi đã tập hợp thân quyến của tôi lại và đã nói lời nói này:

3582. "Đức Phật, vị Phước Điền Vô Thượng đã hiện khởi ở thế gian. Ngài là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của toàn bộ thế gian.

3583. Các vị Sát-đế-lỵ, luôn cả các thị dân và các Bà-la-môn vô cùng sang trọng có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3584. Các người nài voi, các lính ngự lâm, các người đánh xe, các binh lính có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3585. Các vị con lai [có cha dòng Sát-đế-lỵ và mẹ là nô bộc], các người con trai của đức vua, các thương buôn và các Bà-la-môn có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3586. Các người đầu bếp, các người phục vụ, các người hầu tắm, các người làm tràng hoa có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3587. Các người thợ nhuộm, các người thợ dệt, các người thuộc da và các người thợ cạo có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3588. Các người làm tên, các người thợ tiện, các người thợ da luôn cả các người thợ mộc có tâm tịnh tín có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3589. Các người thợ rèn, các người thợ vàng; cũng vậy, các người thợ thiếc có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3590. Các người làm công, luôn cả các trẻ sai vặt, nhiều kẻ nô lệ làm công, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3591. Các người gánh nước, các người gánh củi, các nông dân và các người gánh cỏ, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3592. Các người trồng hoa, luôn cả các người làm tràng hoa, các người hốt lá, các người gánh trái cây, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3593. Các cô kỹ nữ, các cô hầu đội nước, các cô bán bánh và các bà bán cá, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3594. Xin quý vị hãy đi đến. Tất cả chúng ta hãy tụ hội lại và cùng nhau kết hợp lại thành nhóm. Chúng ta sẽ thực hiện hành động hướng thượng đến phước điền vô thượng."

3595. Sau khi lắng nghe lời nói của tôi, họ đã tức thời kết hợp lại thành nhóm và đã cho thực hiện hội trường phục vụ được xây dựng khéo léo dành cho hội chúng Tỳ-khưu.

3596. Sau khi cho làm hoàn tất hội trường ấy, tôi đã trở nên phấn khởi, có tâm ý hớn hở. Được tất cả những người ấy tháp tùng, tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác.

3597. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã nói lời nói này:

3598. "Bạch đấng Anh Hùng, ba trăm người nam này là cùng nhóm. Bạch bậc Hiền Trí, họ cống hiến đến Ngài hội trường phục vụ đã được xây dựng khéo léo."

3599. Bậc Hữu Nhãn đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu đã tiếp nhận và trước ba trăm người, Ngài đã nói lên những lời kệ này:

3600. "Ba trăm người cùng với vị trưởng thượng đã hợp tác cùng nhau. Sau khi thực hiện, tất cả các ngươi sẽ thọ hưởng thành quả.

3601. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, các ngươi sẽ chạm được Niết-bàn an tịnh, có trạng thái mát mẻ, vô thượng, không già, không chết."

3602. Đức Phật, bậc Toàn Tri, vị Sa-môn vô thượng đã chú nguyện như thế. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, tôi đã bày tỏ sự vui mừng.

3603. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã là vị thống lãnh chư thiên cai quản thiên quốc năm trăm lần.

3604. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Các vị đại thiên đã đảnh lễ tôi khi tôi đang cai quản thiên quốc.

3605. Ở đây, trong vương quốc nhân loại, nhóm người [trước đây] trở

thành bà con họ hàng. Khi kiếp sống cuối cùng đã đến, có người Bà-la-môn tên Vāseṭṭha.

3606. Tôi đã là người con trai của vị ấy, có sự tích lũy tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu). Tên của tôi là Sela. Tôi đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần [của vị Bà-la-môn].

3607-08. Trong khi dẫn đầu những người học trò của mình đi bách bộ đó đây, tôi đã nhìn thấy vị đạo sĩ khổ hạnh tên Keṇiya, mang búi tóc và giỏ vật dụng, có vật cúng hiến đã được chuẩn bị và tôi đã nói lời nói này: "Có phải ông đã thỉnh mời cô dâu, hoặc chú rể, hay là đức vua?"

3609. "Tôi có ý định dâng tặng vật hiến cúng đến vị Bà-la-môn đã được công nhận là vị Trời. Tôi không thỉnh mời đức vua, vật hiến cúng của tôi không có.

3610. Và tôi thì không có cô dâu, chú rể của tôi thì không được biết đến. Còn vị đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakya là bậc Trưởng Thượng Ở Thế Gian, luôn cả chư thiên.

3611. Vị ấy là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, vì sự lợi ích và tấn hóa của toàn bộ thế gian, vị ấy đã được tôi thỉnh mời ngày hôm nay. Đây là vật chuẩn bị cho vị ấy.

3612. Đức Phật đã được [tôi] thỉnh mời vào ngày mai là vị có màu da tợ như trái cây timbarū, là bậc vô lượng, vô song, không thể sánh bằng về dáng vóc.

3613. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực tương tợ tia chớp.

3614. Đức Phật đã được tôi thỉnh mời ấy giống như ngọn lửa ở đỉnh ngọn núi, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy.

3615. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy như là con sư tử, không bị hãi sợ, đã vượt qua sự sợ hãi, là bậc Hiền Trí có sự chấm dứt việc tái sanh.

3616. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo trong các pháp của chư Phật. Ngài không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ khác, tương tợ con voi.

3617. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo về sự thực hành trong Chánh pháp, là vị Phật hùng tráng không thể sánh bằng, tương tợ con bò mộng.

3618. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có phẩm hạnh vô biên, có danh vọng vô lượng, có tất cả tướng mạo rực rỡ, tương tợ [Chúa trời] Sakka.

3619. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có năng lực, có đồ chúng, có sự huy hoàng, có sự vẻ vang, khó mà tiếp cận, tương tợ đấng Phạm thiên.

3620. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có giáo pháp đã

đạt, là đấng Thập Lực, là bậc thông thạo về năng lực và siêu năng lực, tương tợ trái đất.

3621. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy được vây bủa bởi các làn sóng giới hạnh, không bị lay động do sự nhận thức [của giác quan] đối với các đối tượng, tương tợ biển cả.

3622. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là khó mà tiếp cận, khó mà chế ngự, không bị lay chuyển, hướng thượng, cao thượng, tương tợ núi Neru.

3623. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có trí tuệ vô biên, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không thể ước lượng, đã đạt đến tột đỉnh, tương tợ bầu không gian.

(Dứt tụng phẩm thứ mười lăm).

3624. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị an ủi, là chốn nâng đỡ cho những kẻ bị khiếp hãi lo sợ, là sự bảo vệ cho những người đến nương nhờ.

3625. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là hầm mỏ châu báu, là chỗ trú của những người có trí giác ngộ, là phước điền của những người tầm cầu sự an lạc.

3626. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc an ủi, tạo ra niềm phấn khởi, là đấng ban phát quả vị Sa-môn, tương tợ đám mây [đem lại cơn mưa].

3627. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là con mắt của thế gian, có oai lực lớn lao, là sự xua đi tất cả các bóng tối, tương tợ mặt trời [xua tan đêm đen].

3628. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Hiền Trí, có sự nhìn thấy bản thể trong các sự giải thoát khỏi đối tượng của các giác quan, tương tợ mặt trăng [lìa bỏ các chỗ đã rọi đến].

3629. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Trưởng Thượng, đã tự mình vươn lên ở thế gian, được tô điểm với các tướng mạo, là bậc Vô Lượng.

3630. Vị nào có trí tuệ không thể đo lường, vị nào có giới không thể tương đương, vị nào có sự giải thoát không thể sánh bằng, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời.

3631. Vị nào có nghị lực không sánh bằng được, vị nào có sức mạnh không nên suy tưởng, vị nào có sự nỗ lực hàng đầu, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời.

3632. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có tất cả các chất độc hại là tham, sân và si đã được xóa sạch, tương tợ thuốc chữa bệnh.

3633. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có sự xua đi căn bệnh phiền não, nhiều sự khổ đau và tất cả các bóng tối, tương tợ vị lương y."

3634. "Này ông, vị mà ông nói là 'đức Phật', thậm chí tiếng gọi ấy cũng khó mà đạt được." Sau khi được nghe rằng: "Đức Phật! Đức Phật!", đã có sự phỉ lạc sanh khởi đến tôi.

3635. Niềm phỉ lạc của tôi không [thể] nắm giữ ở bên trong đã bộc lộ ra ngoài. Trong khi có tâm phỉ lạc, tôi đây đã nói lời nói này:

3636. "Vậy thì đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ấy là ở đâu? Tôi sẽ đi đến nơi ấy và sẽ đảnh lễ đấng ban phát quả vị Sa-môn."

3637. Sau khi nắm lấy cánh tay phải [của tôi], [vị đạo sĩ Keṇiya] tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lại, đã nói với tôi về đấng Pháp Vương, bậc có sự xua đi các mũi tên sầu muộn rằng:

3638. "Ông hãy nhìn xem khu rừng lớn này tợ như đám mây khổng lồ đang trỗi dậy, như là lớp thuốc bôi màu lục, trông như là biển cả.

3639. Đức Phật, bậc Điều Phục những ai chưa được điều phục, đấng Hiền Trí ấy ngự ở nơi đây, đang hướng dẫn những người cần được hướng dẫn và giúp cho họ giác ngộ những chi phần giác ngộ."

3640. Tợ như người khát nước tìm kiếm nước, tợ như người bị đói tìm kiếm thức ăn, như là bò mẹ khao khát con bê, tôi đã tìm đến đấng Chiến Thắng tương tợ như thế.

3641. Là người biết lối hành xử và cách tiếp cận hay dở thích hợp với tình huống, tôi đã chỉ dạy những người học trò của mình trong khi họ đang đi đến chỗ của đấng Chiến Thắng rằng:

3642. "Này các chàng trai, các đấng Thế Tôn là khó mà tiếp cận, tợ như những con sư tử có sở hành đơn độc, các trò nên đi đến, bước từng bước từng bước một.

3643. Giống như con rắn độc khủng khiếp, tợ như con sư tử vua của loài thú, tợ như con voi có ngà đã bị nổi cơn, chư Phật là khó mà tiếp cận như thế ấy.

3644. Này các chàng trai, hãy kềm lại sự ho khan và khịt mũi. Các trò hãy đi đến gần bên đức Phật, bước từng bước từng bước một.

3645. Chư Phật là các vị thầy của thế gian luôn cả chư thiên, là những bậc quý trọng sự yên tịnh, ít gây tiếng động, khó mà tiếp cận, khó đến gần bên.

3646. Khi ta hỏi câu hỏi hoặc là trao đổi xã giao, khi ấy các trò hãy im lặng, hãy đứng yên như là có bản chất của bậc Hiền Trí.

3647. Về Chánh pháp mà vị ấy thuyết giảng nhằm đạt đến Niết-bàn an ổn, các trò hãy chú tâm đến ý nghĩa ấy. Việc lắng nghe Chánh pháp là hạnh phúc."

3648. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, tôi đã chào hỏi với bậc Hiền Trí. Sau khi đã trao đổi lời thăm hỏi ấy, tôi đã quan sát các tướng mạo.

3649. Tôi nhìn thấy ba mươi tướng mạo, nhưng tôi vẫn còn hoài nghi về hai tướng mạo. Đấng Hiền Trí đã dùng thần thông cho thấy vật kín có lớp vỏ bọc lại.

3650. Đấng Chiến Thắng đã thè lưỡi ra uốn lại, rồi đã chạm vào lỗ tai và lỗ mũi, [sau đó] đã che lấp toàn bộ cái trán.

3651. Sau khi nhìn thấy các tướng mạo được đầy đủ cùng với các tướng phụ của Ngài, tôi đã đi đến kết luận là "đức Phật", và đã xuất gia cùng với các người học trò.

3652. Cùng với ba trăm [người học trò], tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đến nửa tháng, tất cả chúng tôi đã đạt được Niết-bàn.

3653. Sau khi đã cùng nhau thực hiện công việc ở phước điền vô thượng, sau khi đã cùng nhau luân hồi, họ đã cùng nhau dừng lại.

3654. Sau khi dâng cúng các cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được tám nhân tố:

3655. Tôi được tôn vinh ở các phương, và của cải của tôi là vô lượng, tôi là chốn nâng đỡ cho tất cả, sự run sợ của tôi không được biết đến.

3656. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, và tôi gìn giữ được tuổi thọ, tôi là người có làn da mềm mại, tôi cư ngụ ở trú xứ đã được mong mỏi.

3657. Sau khi dâng cúng tám cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Tôi có các tuệ phân tích và phẩm vị A-la-hán, điều này là phần phụ trội của điều thứ tám.

3658. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc, là người con trai của Ngài, có tên là Aṭṭhagopānasī.

3659. Sau khi dâng cúng năm cây cột trụ, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố:

3660. Tôi không dao động nhờ vào tâm từ ái, tôi có các bộ phận cơ thể không bị thiếu sót, tôi có lời nói được thừa nhận, cũng vậy, tôi không bị công kích.

3661. Tâm của tôi không bị tản mạn, tôi không bị dao động bởi bất cứ điều gì. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bị bợn nhơ ở trong giáo pháp.

3662. Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hiền Trí, vị Tỳ-khưu Thinh văn của Ngài có sự tôn kính, có sự phục tùng, có phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, xin đảnh lễ Ngài.

3663. Tôi đã thực hiện chiếc ghế bành được làm khéo léo và đã bố trí ở hội trường. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố:

3664. Sau khi được sanh vào gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao. Tôi là người được thành tựu mọi thứ, sự bỏn xẻn ở tôi không được biết đến.

3665. Khi tôi mong muốn ra đi, chiếc ghế bành hiện diện kế bên. Bằng chiếc ghế bành tối thượng, tôi đi đến nơi đã được tôi mong muốn.

3666. Do việc dâng cúng chiếc ghế bành ấy, tôi đã xua đi tất cả bóng tối. Bạch đấng Hiền Trí, vị Trưởng lão đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí xin đảnh lễ Ngài.

3667. Tôi đã hoàn thành tất cả các phận sự, phận sự của mình và phận sự đối với người khác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi vào thành phố không sợ hãi (Niết-bàn).

3668. Tôi đã dâng cúng vật hữu dụng chính là hội trường đã được hoàn thành. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đạt đến bản thể tối thượng.

3669. Bất cứ các huấn luyện viên nào ở thế gian, khi họ huấn luyện các con voi, các con ngựa, họ thực hiện nhiều cách hành hạ khác nhau, họ huấn luyện bằng sự tàn bạo.

3670. Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không huấn luyện các người nam và nữ như thế ấy. Ngài huấn luyện trong sự huấn luyện tối thượng, không gậy, không dao.

3671. Trong khi tán dương các đức tính của sự bố thí, bậc Hiền Trí là vị thiện xảo về việc thuyết giảng. Ngay trong khi đang trả lời một câu hỏi, bậc Hiền Trí đã giác ngộ cho ba trăm người.

3672. Được đấng Điều Ngự huấn luyện, chúng tôi đã được hoàn toàn giải thoát, không còn lậu hoặc, đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí, đã được tịch diệt về sự đoạn tận mầm mống tái sanh.

3673. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tất cả các điều lo sợ đã được vượt qua; điều này là quả báo của việc dâng cúng hội trường.

3674. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3675. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3676. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sela đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sela" là phần thứ nhì.

393. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA
(*Sabbakittikattherāpadānaṃ*)

3677. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] tợ như cây kaṇikāra đang

cháy sáng, tợ như cây đèn đang phát sáng, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, giống như tia chớp ở bầu trời.

3678. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] không bị hãi sợ, không có sợ sệt, tợ như con sư tử vua của loài thú, đang tỏa ánh sáng trí tuệ, đang chế ngự các nhóm người ngoại đạo.

3679. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiếp độ thế gian này, đang cắt đứt mọi điều nghi hoặc, tợ như [con sư tử] vua của loài thú đang gầm thét.

3680. Tôi đã là vị mang búi tóc, khoác tấm da dê, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng. Tôi đã cầm lấy y phục bằng vỏ cây và đã trải xuống ở cạnh bàn chân [của đức Phật].

3681. Tôi đã cầm lấy chất bôi thơm kāḷānusāriya và đã thoa lên đức Như Lai. Sau khi thoa lên bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca về đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng :

3682. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã vượt qua dòng nước lũ, Ngài tiếp độ thế gian này, Ngài chiếu sáng bằng ánh sáng trí tuệ, trí tuệ tối thượng [của Ngài] là không bị che lấp.

3683. Ngài chuyển vận bánh xe giáo pháp, Ngài chế ngự các ngoại đạo khác, Ngài là vị cao quý đã chiến thắng trận đấu, Ngài làm trái đất rúng động.

3684. Các làn sóng ở đại dương bị vỡ tan ở bờ biển, tương tợ y như thế, tất cả các tà kiến bị tan vỡ ở trí tuệ của Ngài.

3685. Khi lưới có lỗ nhỏ được đặt vào ở trong hồ nước, các sinh vật đi vào trong lưới thì bị khống chế ngay lập tức.

3686. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian dựa dẫm vào dị giáo tầm thường, họ xoay vần bên trong trí tuệ cao quý của Ngài.

3687. Ngài là bến bờ của những người đang bị cuốn trôi ở dòng nước lũ, chính Ngài là vị bảo hộ của những người không thân quyến, Ngài là sự bảo vệ cho những người bị khổ đau vì hãi sợ, là nơi nương tựa của những người có mục tiêu đã bị xao lãng.

3688. Ngài là vị anh hùng độc nhất, không người tương tợ, là sự tích lũy bi mẫn và từ ái, có giới tốt đẹp, không kẻ sánh bằng, được an tịnh, có năng lực, vững chãi, đã chiến thắng cuộc hành trình.

3689. Ngài là bậc Trí Tuệ, có sự si mê đã được xa lìa, không còn dục vọng, không có hoài nghi, đã sống trọn vẹn, có sân hận đã được chối bỏ, không ô nhiễm, đã được thanh lọc, tinh khiết.

3690. Ngài đã vượt lên sự quyến luyến, có sự kiêu hãnh đã được tiêu diệt, có tam minh, đã đi đến tận cùng của tam giới, đã vượt qua ranh giới, có sự kính trọng giáo pháp, có mục đích đã được thực hiện, có đạo lộ hữu ích.

3691. Ngài giống như ngôi sao [hướng dẫn] chiếc thuyền, giống như của cải chôn giấu là nguồn tạo sự an ủi, giống như con sư tử không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu kỳ."

3692. Sau khi ngợi ca bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Padumuttara bằng mười câu kệ, sau khi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, khi ấy tôi đã đứng im lặng.

3693. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

3694. "Người nào đã tán dương giới hạnh và trí tuệ, luôn cả giáo pháp của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

3695. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu chục ngàn kiếp. Sau khi vượt trội chư thiên khác, [người ấy] sẽ được thiết lập làm vị Chúa tể.

3696. Về sau người ấy sẽ xuất gia, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3697. Sau khi xuất gia, sau khi lánh xa ác nghiệp bằng thân, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3698. "Bạch đấng Đại Hùng, giống như đám mây đang nổi sấm [sét] thì làm cho trái đất này thỏa mãn, tương tợ y như thế, Ngài đã làm con thỏa mãn bằng giáo pháp."

3699. Sau khi ngợi ca giới hạnh, trí tuệ, giáo pháp và đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã đạt đến sự an tịnh tuyệt đối, Niết-bàn, vị thế Bất hoại.

3700. Ôi, nếu như đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn ấy có thể tồn tại lâu dài, thì [nhiều người] có thể nhận thức điều chưa được biết đến và có thể chạm đến vị thế bất tử.

3701. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3702. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

3703. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3704. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbakittika[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbakittika" là phần thứ ba.

394. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUDĀYAKA (*Madhudāyakattherāpadānaṃ*)

3706. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo ở bờ sông Sindhu. Tại nơi ấy, tôi chỉ dạy các học trò về truyền thống cùng với tướng mạo.

---

[2] *Sabbakittika* nghĩa là "vị tán dương (*kittika*) tổng thể (*sabba*) về đức Phật."

3707. Các vị ấy có sự ao ước về giáo pháp, đã được huấn luyện, có ước muốn được nghe lời giáo huấn tốt đẹp. Đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần, các vị ấy sống ở bờ sông Sindhu.

3708. Khi ấy, trong lúc đang tầm cầu mục đích tối thượng, các vị sống ở trong khu rừng bao la.

3709. Bậc Toàn Giác tên Sumedha lúc bấy giờ đã hiện khởi ở thế gian. Thương tưởng đến chúng tôi, đấng Hướng Đạo đã đi đến gần.

3710. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã đi đến gần, tôi đã làm tấm thảm trải bằng cỏ và đã dâng cúng đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian.

3711. Tôi đã cầm lấy mật ong từ khu rừng bao la và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Toàn Giác đã thọ dụng và đã nói lời nói này:

3712. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng mật ong ấy đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3713. Do sự dâng cúng mật ong này và do tấm thảm trải bằng cỏ, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp.

3714. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3715. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3716. Sau khi đã từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, khi [tôi] nhập vào bụng mẹ, có cơn mưa mật ong đã đổ xuống, che lấp trái đất với mật ong.

3717. Và ngay khi tôi đang ra khỏi bụng mẹ một cách vô cùng khó khăn, tại nơi ấy cũng có cơn mưa mật ong đã liên tục đổ mưa đến tôi.

3718. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình, tôi có sự đạt được về cơm ăn và nước uống; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

3719. Tôi được dồi dào về mọi dục lạc sau khi đã sống ở [thế giới] chư thiên và nhân loại. Chính nhờ sự dâng cúng mật ong ấy, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3720. Khi trời đổ mưa ở cỏ dài bốn ngón tay, khi loài thảo mộc mọc ở trên đất đã được trổ hoa và đã che phủ khắp, ở ngôi nhà trống vắng, ở mái che và ở cội cây, tôi sống luôn luôn được an lạc, không còn lậu hoặc.

3721. Tôi đã vượt lên tất cả các cõi trung bình, to lớn và thấp kém. Hôm nay các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3722. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

3723. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3724. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3725. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhudāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Madhudāyaka" là phần thứ tư.

395. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKŪṬĀGĀRIYA (*Padumakūṭāgāriyattherāpadānaṃ*)

3726. Đức Thế Tôn tên Piyadassī, là đấng Tự Chủ, bậc Lãnh Đạo Thế Gian. Đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí có ước muốn độc cư, thiện xảo về định.

3727. Sau khi đi sâu vào khu rừng rậm, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, đấng Tối Thượng Nhân đã trải ra tấm y may từ vải bị quăng bỏ rồi ngồi xuống.

3728. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm loài nai pasada, tôi [đã] đi lang thang.

3729. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên.

3730. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Piyadassī, khi ấy tôi đã lội xuống hồ nước thiên nhiên và đã mang lại đóa sen hồng.

3731. Sau khi mang lại đóa sen hồng trăm cánh làm thích ý, tôi đã xây dựng ngôi nhà mái nhọn và đã phủ lên bằng hoa sen hồng.

3732. Bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, đức Phật, đấng Chiến Thắng đã ngụ bảy ngày đêm ở ngôi nhà mái nhọn.

3733. Sau khi bỏ đi các [bông hoa] héo úa, tôi đã che lên bằng [bông hoa] mới. Liền sau đó, tôi đã chắp tay lên và đứng yên.

3734. Bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã xuất khỏi định. Trong lúc đang quan sát các phương, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống.

3735. Khi ấy, vị thị giả có đại thần lực tên Sudassana đã hiểu được tâm của đức Phật, bậc Đạo Sư Piyadassī.

3736. Được tháp tùng bởi tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu, vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang ngồi an lạc ở cuối khu rừng.

3737. Và cho đến chư thiên ngự ở trong khu rừng rậm, sau khi biết được tâm của đức Phật, khi ấy tất cả đã tụ hội lại.

---

[3] *Madhudāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) mật ong (*madhu*)."

3738. Khi các dạ-xoa, các ác thần, cùng với các loài quỷ sứ đã cùng nhau đi đến, và khi hội chúng Tỳ-khưu đã đến nơi, đấng Chiến Thắng đã thốt lên các lời kệ này:

3739. "Người nào đã cúng dường và đã thực hiện chỗ ngụ cho Ta bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3740. Bằng trí tuệ, Ta sẽ tán dương điều thật khó mà nhìn thấy, vô cùng vi tế, sâu thẳm, đã được thể hiện tốt đẹp. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3741. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc mười bốn kiếp. Có tòa nhà mái nhọn vĩ đại, được che phủ bằng các đóa sen hồng, sẽ được duy trì ở không trung dành cho người ấy; điều này là quả báo của việc làm với bông hoa.

3742. [Người ấy] sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người] hai ngàn bốn trăm kiếp. Tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở không trung [dành cho người ấy].

3743. Giống như nước không làm lem luốc cánh hoa sen, tương tợ y như thế, các điều ô nhiễm không làm hoen ố trí của người này.

3744. Sau khi đã loại trừ năm pháp che lấp ở trong tâm, người này sẽ làm sanh khởi tâm về việc xuất ly và sẽ xuất gia lìa khỏi gia đình. Sau đó, trong lúc cung điện làm bằng bông hoa đang được duy trì, người này sẽ ra đi.

3745. Trong khi con người cẩn trọng có chánh niệm [này] đang ngụ ở gốc cây, tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở đỉnh đầu [của người này].

3746. Sau khi dâng cúng y phục, vật thực, thuốc chữa bệnh và chỗ nằm ngồi đến hội chúng Tỳ-khưu, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3747. Tôi đã ra đi xuất gia bằng sự di chuyển của ngôi nhà mái nhọn. Ngôi nhà mái nhọn được duy trì trong khi [tôi] đang ngụ ở gốc cây.

3748. Sự suy tư về y phục và vật thực không có ở tôi. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi nhận được hoàn toàn đầy đủ.

3749. Nhiều *koṭi* kiếp sống của tôi, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm, đã trôi qua vô ích, các bậc Lãnh Đạo Thế Gian đều đã giải thoát.

3750. [Trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, đấng Hướng Đạo Piyadassī [đã hiện khởi]. Sau khi phục vụ Ngài, tôi đã đi đến lần nhập thai này.

3751. Tại đây, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Hữu Nhãn tên Anoma. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

3752. Đức Phật, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng đã giảng giải cho tôi về đạo lộ. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

3753. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3754. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] một ngàn tám

trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumakūṭāgāriya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumakūṭāgāriya" là phần thứ năm.

396. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BAKKULA (*Bakkulattherāpadānaṃ*)

3758. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Sobhita. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo, đã được tạo lập bởi những người học trò của tôi.

3759. Tại nơi ấy, có nhiều mái che và các cây sinduvāraka đã được trổ hoa. Tại nơi ấy, có nhiều cây táo rừng và các cây jīvajīvaka đã được trổ hoa.

3760. Tại nơi ấy, có nhiều cây niggaṇḍiya, cây táo, cây āmalaka, cây phārusaka, các dây bầu trái dài, và các giống sen trắng đã được trổ hoa.

3761. Tại nơi ấy, có các cây ālaka, cây beluva, cây chuối, cây chanh. Tại nơi ấy, có nhiều cây mahānāma, cây ajjuṇa và cây piyaṅguka.

3762. Tại nơi ấy, có các cây kosamba, cây salala, cây nīpa, cây nigrodha và cây kapitthana. Khu ẩn cư của tôi là như thế ấy. Tôi cùng với các người học trò của mình đã cư ngụ tại nơi ấy.

3763. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi tầm cầu sự yên tịnh đã đi đến gần khu ẩn cư của tôi.

3764. Khi đấng Đại Hùng Anomadassī có danh vọng lớn lao đã đi đến gần, bỗng nhiên có căn bệnh về gió đã phát khởi đến đấng Bảo Hộ Thế Gian.

3765. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian trong lúc đang đi lang thang ở khu rừng. Tôi đã đi đến gần đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao.

3766. Ngay sau khi nhìn thấy cử chỉ [của Ngài], khi ấy tôi đã nhận ra rằng: "Không còn nghi ngờ gì nữa, có cơn bệnh đã nảy sanh đến đức Phật của chúng ta."

3767. Tôi đã tức tốc đi về khu ẩn cư, ở chỗ các người học trò của tôi. Có ý định bào chế thuốc chữa bệnh, khi ấy tôi đã triệu tập các người học trò lại.

---

[4] *Padumakūṭāgāriya* nghĩa là "vị liên quan đến ngôi nhà mái nhọn (*kūṭāgāra*) bằng bông sen hồng (*paduma*)."

3768. Tuân theo lời nói của tôi, các người học trò, tất cả đều có lòng kính trọng, đã tụ tập lại một chỗ do sự tôn kính đối với bậc Đạo sư của tôi.

3769. Sau khi cấp tốc trèo lên núi và mang về tất cả các loại thuốc, tôi đã bào chế loại nước hỗn hợp và tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3770. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ dụng, cơn [bệnh] gió của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ đã mau chóng được dập tắt.

3771. Sau khi nhìn thấy sự khó chịu đã được êm dịu, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Anomadassī đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

3772. "Người nào đã dâng cúng thuốc chữa bệnh đến Ta và đã làm êm dịu cơn bệnh của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3773. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp. Ở tại nơi ấy, người này sẽ luôn luôn vui thích các nhạc cụ được trình tấu.

3774. Sau khi đi đến thế giới loài người, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3775. Vào kiếp thứ năm mươi lăm, [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Anoma, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu.

3776. Là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao, [người này] sẽ làm chấn động luôn cả cõi trời Đạo-lợi và sẽ được thiết lập làm vị chúa tể.

3777. Trở thành vị thiên nhân hay là người [nhân loại], [người này] sẽ ít bệnh tật. Sau khi xa lìa sự bám víu [của gia đình], [người này] sẽ vượt qua căn bệnh [phiền não] ở thế gian.

3778. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3779. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3780. Sau khi thiêu đốt các phiền não, [người này] sẽ vượt qua dòng chảy tham ái, và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Bakkula.

3781. Biết rõ toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

3782. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi xem xét về sự độc cư, đã đi đến gần khu ẩn cư của tôi.

3783. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến gần, được tịnh tín, tôi đã tự tay mình làm toại ý Ngài bằng mọi thứ dược phẩm.

3784. Việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đây là sự thành tựu về hạt

giống ở phước điền màu mỡ, bởi vì từ khi việc của tôi đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bao giờ có thể bị hao hụt.

3785. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

3786. Sau khi biết rõ về tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

3787. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh.

3788. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3789. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bakkula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bakkula" là phần thứ sáu.

397. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIMĀNANDA
(*Girimānandattherāpadānaṃ*)

3791. Người vợ của tôi đã qua đời. Con trai tôi [đã chết] được đưa đến bãi tha ma. Mẹ, cha và anh trai [của tôi đang] được thiêu chung một giàn hỏa thiêu.

3792. Bị nung nấu bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã trở nên gầy ốm, vàng vọt. Bị dày vò bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã có sự rối loạn tâm trí.

3793. Bị khổ sở bởi mũi tên sầu muộn, tôi đã đi vào bên trong khu rừng. Tôi ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở gốc cây.

3794. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

3795. Nghe được tiếng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha, tôi đã ngẩng đầu lên, ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí.

3796. Đấng Đại Hùng đã ngự đến, niềm phỉ lạc đã sanh khởi ở tôi. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy, khi ấy tâm trí của tôi đã được tập trung lại.

3797. Sau khi đạt được niệm trở lại, tôi đã dâng cúng nắm lá cây. Đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng đã ngồi xuống ở tại nơi ấy.

3798. Sau khi ngồi xuống ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã thuyết giảng giáo pháp xua đi mũi tên sầu muộn cho tôi rằng:

3799. "Không được mời mọc, từ nơi ấy họ đã đi đến. Không được cho phép, từ nơi đây họ đã ra đi. Họ đã đi đến như thế nào thì họ đã ra đi như thế ấy; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3800. Cũng giống như những người bộ hành vào lúc cơn mưa đang đổ xuống, do việc đổ xuống của cơn mưa, họ đi đến chỗ có sự tốt đẹp [để trú mưa].

3801. Và khi cơn mưa đã tạnh, họ tự động ra đi theo như ý thích. Mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3802. Các người lữ hành là những người khách có tính chất dao động, chuyển động, rung động, mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3803. Cũng giống như loài rắn quăng bỏ lớp da già cỗi rồi đi đến lớp da [mới], tương tợ như thế, mẹ và cha của ngươi đã bỏ lại xác thân ở nơi đây."

3804. Hiểu được lời nói của đức Phật, tôi đã lìa bỏ mũi tên sầu muộn. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

3805. Sau khi đã đảnh lễ bậc Long Tượng, tôi đã cúng dường bó hoa giri có được hương thơm của cõi trời đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha.

3806. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Trong lúc tưởng nhớ đến các đức hạnh cao cả, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

3807. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, Ngài đã vượt qua. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài tiếp độ tất cả chúng sanh bằng trí tuệ.

3808. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã cắt đứt sự hoài nghi cũng như sự lưỡng lự. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài đã sắp xếp đạo lộ cho con bằng trí tuệ của Ngài.

3809. Các bậc A-la-hán đã đạt đến sự thành tựu, có sáu thắng trí, có đại thần lực, là các bậc trí tuệ có sự du hành ở không trung ngay lập tức tháp tùng theo.

3810. Có các vị Thinh văn, là các bậc Hữu học đang thực hành và có các bậc đã trú vào quả vị A-la-hán. Các vị Thinh văn của Ngài nở rộ như đóa sen hồng vào lúc mặt trời mọc.

3811. Bạch đấng Hữu Nhãn, giống như đại dương là không bị suy suyển, không thể ước lượng, khó mà vượt qua, tương tợ y như vậy, được hội đủ về trí tuệ, Ngài là bậc vô lượng."

3812. Sau khi đảnh lễ đấng Chiến Thắng Của Thế Gian, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao, trong khi lễ bái các phương tôi đã cúi mình ra đi.

3813. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ, có sự nhận biết, có niệm.

3814. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có sự nhiệt tâm, cẩn trọng, chứng thiền, có sự yên tịnh là hành xứ.

3815. Sau khi đã khẳng quyết về sự nỗ lực, sau khi đã làm vui lòng bậc Đại

Hiền Trí, tôi thường xuyên đi đó đây, tợ như mặt trăng đã được thoát khỏi đám mây dày đặc.

3816. Tôi gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3817. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3818. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3819. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3820. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Girimānanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Girimānanda" là phần thứ bảy.

398. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMAṆḌAPIYA
(*Salalamaṇḍapiyattherāpadānaṃ*)

3821. Khi [đức Phật] Kakusandha, vị Bà-la-môn hoàn hảo đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che.

3822. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đạt được cung điện tối thượng, tôi vượt trội chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

3823. Dầu là ban ngày hay ban đêm, trong khi đang đi kinh hành và đứng lại, tôi được che bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

3824. Ngay chính trong kiếp này [kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalamaṇḍapiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalamaṇḍapiya" là phần thứ tám.

---

[5] *Salalamaṇḍapiya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*maṇḍapa*) bông hoa salala."

399. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBADĀYAKA
(*Sabbadāyakattherāpadānaṃ*)

3828. Chỗ cư ngụ của tôi đã khéo được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được tạo lập, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ.

3829. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý.

3830. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v...

3831. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvaṃjīvaka.

3832. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm ầm ĩ, có nhiều chim cú và loài piṅgala, được đầy đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai.

3833. Tất cả các cây đều làm bằng vàng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ trú ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm.

3834. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi.

3835. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [và đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy.

3836. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận.

3837. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã cho giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi.

3838. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: "Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này]. Tất cả các người hãy tụ hội lại."

3839. [Họ đã đáp rằng:] "Việc chúng tôi sống thân cận với Ngài là điều lợi ích cho chúng tôi, là điều đã được thành đạt tốt đẹp cho chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ thực hiện việc cúng dường đến bậc Đạo Sư, đức Phật tối thượng."

3840. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

3841. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống ở chiếc ghế làm toàn bằng vàng.

3842. Khi ấy, đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng ở phía trên, có những cái quạt quạt gió ở phía bên trong của hội chúng Tỳ-khưu.

3843. Tôi đã làm toại ý hội chúng Tỳ-khưu với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vị một xấp vải đôi.

3844. Vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian mà mọi người gọi là "Sumedha", sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên lời kệ này:

3845. "Người nào đã làm toại ý Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

3846. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3847. Người này sanh lên chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng làm toàn bằng vàng che cho người ấy vào mọi lúc.

3848. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3849. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3850. [Người này] sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người cầm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] được thiêu ở bên dưới chiếc lọng."

3851. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt, ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức.

3852. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo việc dâng cúng mọi thứ.

3853. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3854. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3855. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbadāyaka" là phần thứ chín.

400. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA (*Ajitattherāpadānaṃ*)

3856. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống.

3857. Tôi đã không nhìn thấy bậc Toàn Giác [trước đây] và tôi cũng không được nghe lời đồn đãi. Khi ấy, tôi đi lang thang ở trong rừng, đang tìm kiếm thức ăn cho mình.

3858. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có ba mươi hai hảo tướng. Sau khi nhìn thấy, tôi đã có ý nghĩ rằng: "Người này có tên là gì nhỉ?"

---

[6] *Sabbadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) mọi thứ (*sabba*)."

3859. Sau khi xem xét các tướng mạo, tôi đã tưởng nhớ lại vốn hiểu biết của mình; bởi vì điều này tôi đã được nghe các bậc trí tuệ cao niên giảng giải cặn kẽ.

3860. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Theo như lời nói ấy của họ thì người này sẽ là đức Phật. Có lẽ ta nên tôn trọng thì số phận của ta sẽ được sáng sủa?"

3861. Tôi đã mau chóng đi về lại khu ẩn cư và đã chọn lấy dầu của cây madhu. Tôi đã mang theo một hủ và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu.

3862. Tôi đã cầm lấy cái chạng ba và đã dựng lên ở ngoài trời. Tôi đã thắp sáng cây đèn và đã đảnh lễ tám lần.

3863. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm. Sau đó, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã xuất thiền vào lúc cuối đêm.

3864. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã [trải qua] bảy ngày đêm. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến đức Phật.

3865. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả các khu rừng được tạo bằng hương thơm, được thấm nhuần hương thơm ở ngọn núi, đã di chuyển đến gần đấng Chiến Thắng.

3866. Các loài thảo mộc mọc ở trên đất thuộc loài có hoa, có hương thơm thì đã được trổ hoa. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả đã tụ hội lại.

3867. Cho đến các loài rồng và các loài nhân điểu ở núi Hy-mã-lạp, có ý muốn nghe giáo pháp, cả hai loài ấy đã đi đến gần bên đức Phật.

3868. Vị Sa-môn tên Devala là bậc Thinh văn hàng đầu của đức Phật, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đã đi đến gần bên đức Phật.

3869. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

3870. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3871. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

(Dứt tụng phẩm thứ mười sáu).

3872. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần, và sẽ cai trị vương quốc rộng lớn ở trái đất bảy trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3873. Do sự dâng cúng cây đèn này, [người ấy] sẽ có thiên nhãn. Người này sẽ luôn luôn nhìn thấy khoảng cách tám kosa[7] ở xung quanh.

3874. Trong khi [người này] mệnh chung từ thế giới chư thiên và đang đi tái sanh, sẽ có cây đèn được duy trì ban ngày luôn cả ban đêm [cho người này].

---

[7] *Kosa* là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

3875. Khi con người có được nghiệp phước thiện đang được sanh ra, thành phố [ở nơi sanh ra] là rộng đến đâu thì sẽ được chói sáng đến đấy.

3876. [Người này] đi tái sanh ở chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, chính nhờ tám phần quả báo của sự dâng cúng cây đèn này, sẽ không ai vượt trội con người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

3877. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3878. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3879. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, [người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Ajita."

3880. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp. Ở tại nơi ấy, tôi cũng có một trăm cây đèn chói sáng vào mọi thời điểm.

3881. Các ánh sáng của tôi tỏa ra cho dù ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

3882. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Trong khi tôi đang được sanh ra, đã có ánh sáng chan hòa.

3883. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến gặp vị Bāvari và đã trở thành học trò [của vị ấy].[8]

3884. Trong khi sống ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

3885. Đức Phật là bậc đã được rèn luyện, là bậc giúp cho [người khác] rèn luyện, là bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn mầm mống tái sanh. Đức Phật đã thuyết giảng về Niết-bàn, sự thoát khỏi tất cả khổ đau.

3886. Việc đi đến ấy của tôi đã được thành công bởi vì bậc Đại Hiền Trí đã được vui lòng. Tôi đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3887. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cây đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

3888. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3889. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3890. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajita" là phần thứ mười.

---

[8] Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

Phần tóm lược

Vị Piḷindivaccha, vị Sela, vị Sabbakitti, vị dâng cúng mật ong, vị có ngôi nhà mái nhọn, vị Bakkula, vị Girimānanda, vị tên Salala, vị dâng cúng mọi thứ và luôn cả vị Ajita; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm ở đây gồm có năm trăm câu kệ và hai mươi câu thêm vào đó nữa.

Phẩm Piḷindivaccha là phẩm thứ bốn mươi bốn.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Đóa sen hồng luôn cả vị dâng cúng sự bảo vệ, bông hoa ummā cùng với vị dâng cúng vật thơm và nước, một đóa sen hồng, vị có sự suy tưởng về âm thanh, bông hoa mandārava, vị đảnh lễ cội Bồ-đề, trái cây avaṇṭa và vị Piḷindivaccha; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm là một ngàn một trăm và bảy mươi bốn câu kệ.

Nhóm "Mười" từ phẩm Paduma.

Nhóm "Một trăm" thứ tư được đầy đủ.